

| NIỀM TIN | THÀNH TỰU | HẠNH PHÚC |

Phật giáo

DOANH NHÂN

www.phatgiaovadoanhnhan.com



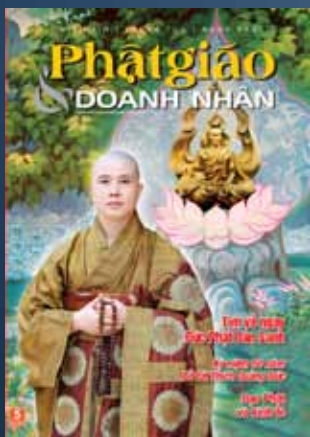
**Tìm về ngày
Đức Phật Đản Sinh**

**Kỷ niệm 50 năm
Bồ tát Thích Quảng Đức**

**Đạo Phật
và kinh tế**

5

05-2013



Ảnh bìa: Đại đức Thích Giác Thiện
Trụ trì chùa Từ Quang

Hội đồng cố vấn

Hòa thượng Thích Thiện Tâm
Hòa thượng Thích Giác Toàn
Hòa thượng Thích Đạt Đạo
Hòa thượng Thích Thanh Ngọc
Thượng tọa Thích Từ Nghiêm
Thượng tọa Thích Giác Hiệp

Tổng biên tập

Nhà văn Lê Lựu

Đại diện phía Nam

Nguyễn Khánh Ly
Ngọc Thị Yến

Biên tập

Đại đức Thích Chúc Xuân
Sư cô Thích Nữ Liên Hiền
Cư sĩ Triệu Bôn

Thư ký

Trình Thị Phụng

Nhiếp ảnh

Xuân Anh

Văn phòng: chùa Khuông Việt
1355 Hoàng Sa (Số cũ 318/119 Phạm Văn Hai),
P.5, Q. Tân Bình, TP. HCM
Tel: 08. 62970675 - 0989. 030102

Tạp chí Văn Hóa Doanh Nhân
Chuyên đề cuối tháng
Số 13836/GP-BTTTT ngày 16/09/2010
Khổ 20x28cm
In tại nhà in Lê Quang Lộc
Nộp lưu chiếu tháng 5/2013

MỤC LỤC

- 03 Thông điệp của Đức Pháp Chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam
- 04 Dẫn văn Phật Đản Phật Lịch 2557
- 06 Lịch sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni
- 11 Ý niệm ngày Đản Sinh
- 12 Tìm Về Ngày Đức Phật Đản Sinh
- 14 Bộ bưu ảnh sống tu hành và tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức
- 19 Lối đạo thanh thang
- 20 Hành trạng Bồ - Tát Quan Thế Âm
- 23 Tên trộm xuất gia
- 24 Biểu tượng sen trong đạo Phật
- 26 Chữ tu trong đạo Phật
- 28 Mối quan hệ giữa tu sĩ và cư sĩ
- 34 Động nghìn Phật
- 37 Nhân quả: Biết sống chung sẽ hạnh phúc
- 38 Nghi lễ Phật giáo Việt Nam xưa và nay
- 44 Đạo Phật và Kinh Tế
- 48 Lợi ích cá nhân, đồng tiền và chữ Tâm trong kinh doanh
- 50 Nói về đạo đức kinh doanh
- 51 Khi doanh nhân rời bỏ BMW đi tìm thế giới phi vật chất
- 52 Những mảnh đời tỷ phú
- 55 Đức Phật dạy quản lý kinh tế gia đình ra sao?
- 56 Họ đã đến với đạo Phật như thế nào?
- 59 Suy ngẫm lời Phật dạy về đạo đức gia đình
- 60 Chăm sóc và Làm mới Vườn Tâm
- 61 Nén nhang và Làn khói là "Cầu nối" giữa Thực - Hư
- 62 Doanh nhân Kha Thanh Vân
- 64 Sự Tích Khăn Tang
- 66 Lời sen
- 68 Khám phá nét độc đáo trong thói quen ăn chay của người Huế
- 69 Các món ăn từ Yến Sào Ngọc Lan
- 70 MCTrúc Thy
- 71 Ca sĩ Thùy Trang
- 72 Chùa Linh Cao Bắc Ninh
- 74 Ngôi chùa với những tấm lòng rộng mở
- 76 Tổ Đình Kim Cang
- 78 Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
- 80 Chùa Huyền Trang
- 82 Chùa Đại Tòng Lâm
- 84 "Nhà thương" Linh Quang Tịnh xá
- 85 Phút giây chạnh lòng...!
- 86 Đại Đức Thích Thiện Hòa
- 87 Lặng lẽ giúp đời bằng cái tâm nhà Phật
- 88 Chùa Liên Hoa
- 89 Những trái tim "sống tốt đời - đẹp đạo"
- 90 Lễ Lạc Thành và Lễ giỗ Quốc Tổ Hùng Vương
- 91 Tâm từ của một vị Tu sĩ
- 92 Viên Giác Thiền Tự
- 93 Lợi ích của liệu xông hơi ngoài trời và ghế xông hơi
- 94 Trùng Tu Tổ Đình Pháp Viện Minh Đăng Quang



Lời nói đầu

Trải qua trên 2557 năm trong lịch sử phát triển, Phật giáo đã được truyền bá khắp nơi trên thế giới, cống hiến rất nhiều cho nhân loại về các lĩnh vực: đạo đức, giáo dục, kinh tế.... Với giáo lý và thực hành có tính thực tiễn của Phật giáo con người có được điểm tựa trong cuộc sống. Giáo lý ấy là chân lý, tinh thần từ bi và trí tuệ của Phật giáo được thực hành, nhân loại bớt đi những khổ đau của kiếp nhân sinh.

Phật Đản, ngày Đức Phật ra đời, là sự kiện trọng đại của Phật giáo.

Một sự kiện hy hữu của nhân loại. Một vĩ nhân xuất thế, đem lại an lạc hạnh phúc cho muôn loài.

Đại lễ Phật Đản đã được cộng đồng Phật giáo tôn vinh, được tổ chức quy mô rộng khắp mang tính lễ hội của dân tộc. Câu ca dao trong dân gian đã nói lên điều này:

“ Dù ai buôn bán ở đâu

Tháng Tư ngày tám rủ nhau Hội Chùa “

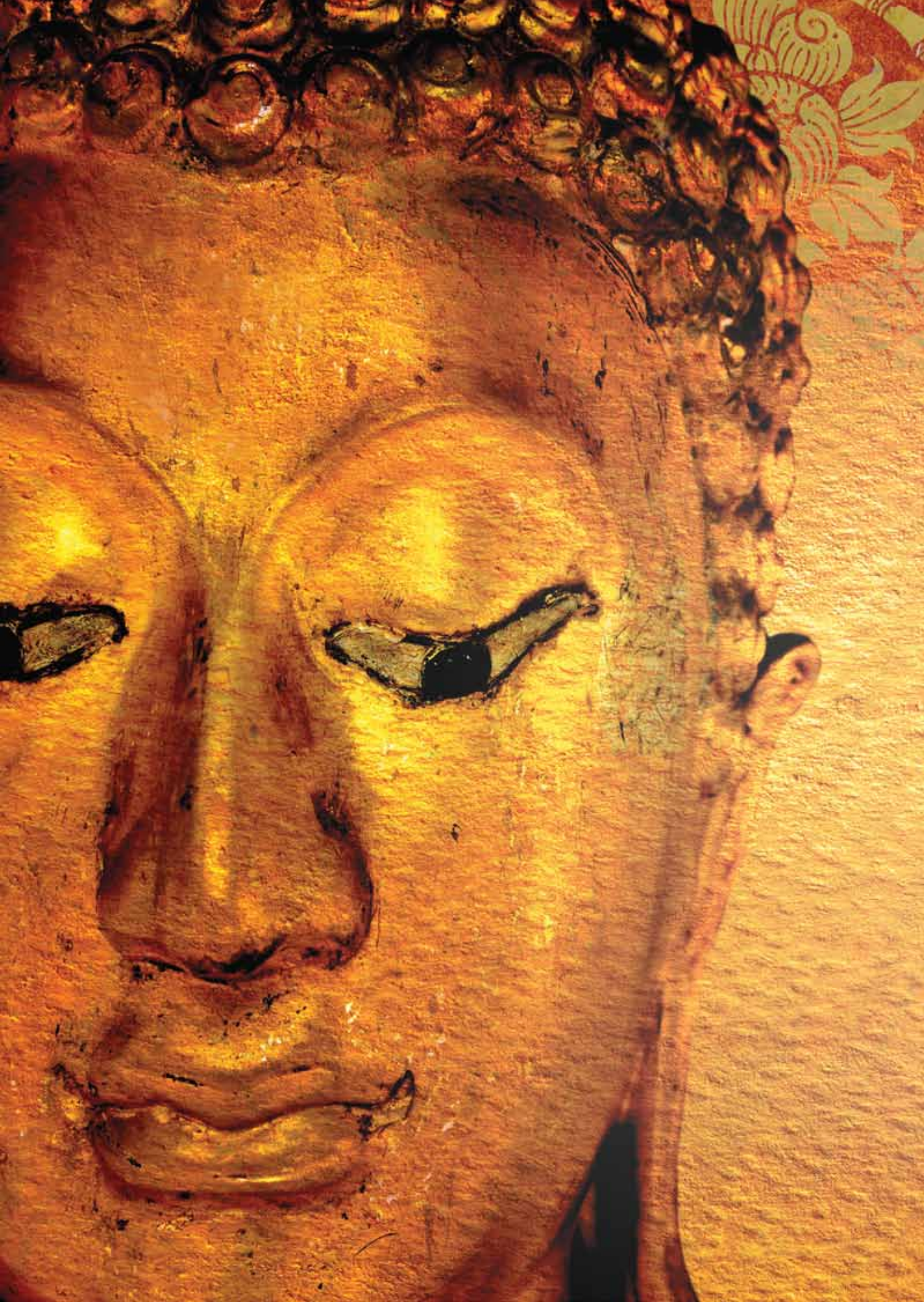
Lễ Phật Đản là để kỷ niệm ngày bậc vĩ nhân xuất thế đồng thời cũng để phát huy tinh thần từ bi, trí tuệ của Phật giáo. Ánh sáng chân lý lan tỏa nhân loại sẽ hạnh phúc, xã hội sẽ hoàn thiện hơn, các giá trị tâm linh, văn hóa, giáo dục được quan tâm đúng mực. Đó chính là sự kết nối truyền thống tình yêu thương trong các mối quan hệ giữa con người với con người, con người với môi trường sống, giữa gia đình và xã hội.

Là những người con của Phật, những Thiện nam, Tín nữ, các Doanh nhân Phật tử chúng ta ai ai cũng hướng về Đức Phật với lòng thành kính tri ân Người. Và theo lời dạy của Phật pháp, chúng ta thể hiện lòng từ bi bác ái đối với những mảnh đời bất hạnh, những người hoàn cảnh bị khổ đau, không nơi nương tựa... như một điều phước đức mà mình cần xây đắp cho bản thân và cho gia đình.

Lên Chùa thắp một nén nhang, khói lên nghi ngút bốn phương nhà chùa.

Nam mô A Di Đà Phật, Nam mô A Di Đà Phật ...

Ban Biên Tập



**THÔNG ĐIỆP
CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Gửi Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử nhân Đại lễ Phật Đản
Phật lịch 2557, Dương lịch 2013**

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính gửi: Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư,
Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Kính mừng ngày Đức Phật Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Đản Sanh Phật lịch 2557, năm Quý Tỵ - 2013, Tôi kính gửi tới Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức, Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài lời chúc mừng Phật Đản đại hoan hỷ, an lạc, và thành tựu mọi phật sự đem lại sự an vui cho xã hội và Phật pháp trường tồn.

Trong không khí tung bừng của người con Phật trên khắp hành tinh đón mừng Đại lễ Vesak - tức lễ Tam hợp của Đức Phật, thay mặt chư Tôn đức Trưởng lão Ban Thường trực Hội đồng chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi gửi tới Phật giáo đồ trên toàn thế giới lời chúc hữu nghị, hợp tác, và phát triển vì hòa bình, thịnh vượng cho nhân loại.

Trong năm Phật lịch 2556 - dương lịch 2012 đã qua, đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng trong tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam. Với tinh thần: Kế thừa - Ổn định - Phát triển, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức thành công Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII nhiệm kỳ (2012-2017), tiếp tục khẳng định truyền thống đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam. Kính mừng Đại lễ Phật Đản Phật lịch 2557 năm nay, đúng vào dịp Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành kính tưởng niệm 50 năm ngày Bồ Tát Thích Quảng Đức và Tăng Ni, Phật tử đã xả thân vì Đạo, vì độc lập dân tộc, bảo vệ truyền thống Phật giáo và văn hóa Việt Nam. Ngọn lửa thiêng của Bồ Tát Thích Quảng Đức đã xua tan bóng tối vô minh, mà xã hội hiện đại ngày nay rất cần sự hiện diện của hành giả với tâm Bồ tát trải rộng tình thương yêu, trí tuệ trong sáng để diệt trừ lòng tham, tâm ích kỷ, sự hận thù nhằm đem lại hạnh phúc, an lạc và lợi ích cho tất cả mọi người.

Mỗi chúng ta sống có trách nhiệm với đất nước là thể hiện lòng tôn kính Đức Từ Phụ và đền đáp bốn ân trong muôn một, như trong Trung bộ kinh, Đức Phật dạy: “Người vì quốc gia dân tộc làm các điều đúng Pháp, làm các điều chân chính, người ấy là người hiền thiện, chân chính trong xã hội”. Tôi mong muốn Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước, cũng như ở nước ngoài dành thời gian và tập trung trí tuệ tham gia đợt sinh hoạt rộng rãi góp ý kiến vào bản dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, xây dựng một bản Hiến pháp của dân, vì dân hướng tới một xã hội phát triển bền vững, công bằng, dân chủ, văn minh.

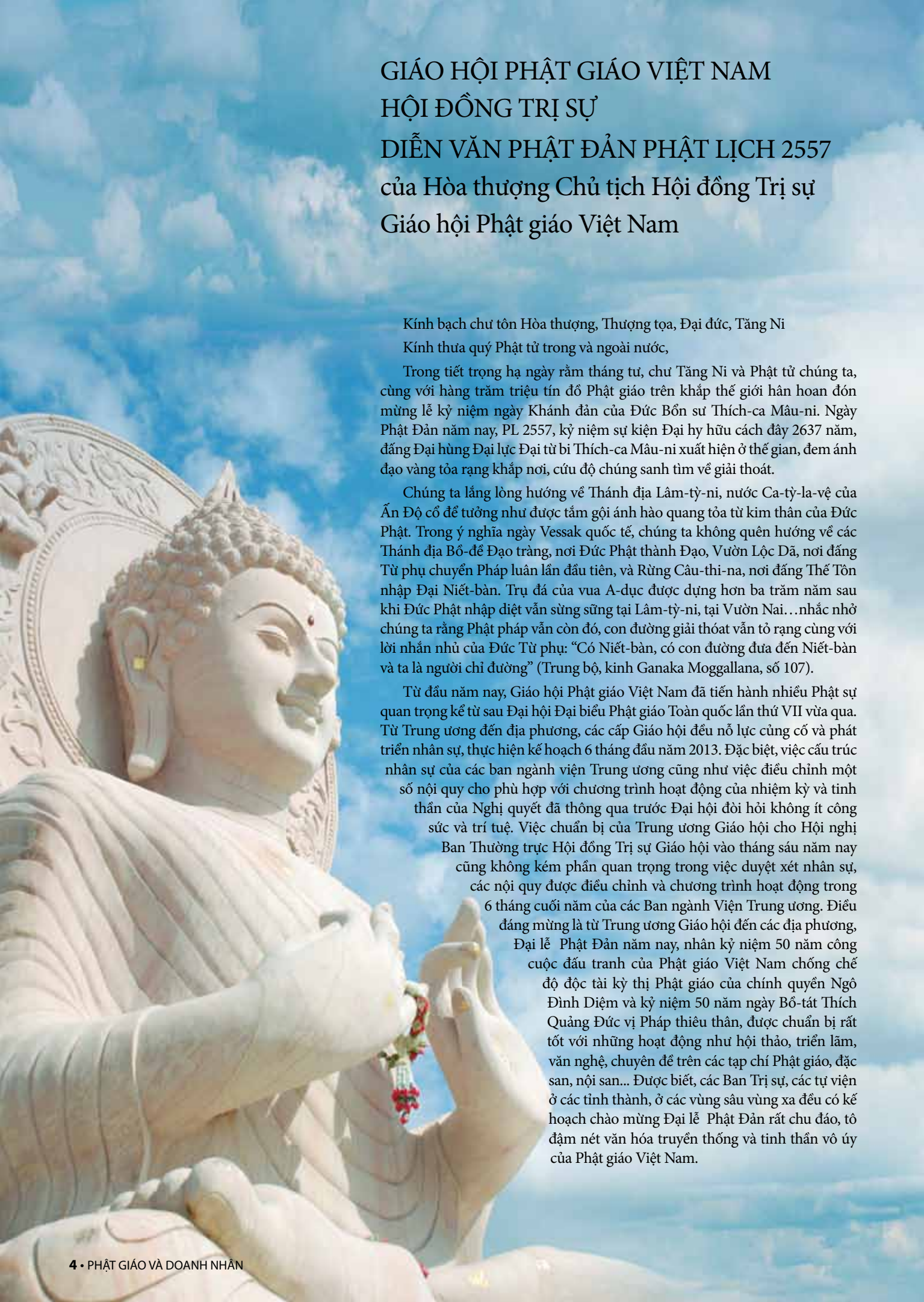
Kính mừng ngày Đản Sanh của Đức Từ Phụ, Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử tinh tấn, nỗ lực trong tu tập Pháp hành, trau dồi Giới - Định - Tuệ, xứng đáng là bậc gương mẫu, phạm hạnh trong xã hội. Thực hiện tốt công tác Phật sự lợi đạo ích đời, đó chính là tâm hương kính dâng lên Đức Phật Bản Sư Thích Ca Mâu Ni. Các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam tập trung kiện toàn tổ chức các Ban, Viện chuyên môn để vận hành công tác Phật sự có hiệu quả theo phương châm của Giáo hội và phương hướng hoạt động của nhiệm kỳ. Đặc biệt, chú tâm đến việc chăm lo hoằng pháp và phát triển tổ chức Giáo hội tại các tỉnh miền núi, hải đảo và tại các quốc gia, vùng lãnh thổ phục vụ bà con Phật tử người Việt Nam đang sinh sống và làm việc, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Nguyện cầu ánh sáng từ bi, trí tuệ của Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tỏa sáng muôn nơi cho thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc.

Kính chúc quý vị một mùa Phật Đản vô lượng cát tường!

ĐỨC PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
(đã ấn ký)

TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH PHỔ TUỆ



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ DIỄN VĂN PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2557 của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni
Kính thưa quý Phật tử trong và ngoài nước,

Trong tiết trọng hạ ngày rằm tháng tư, chư Tăng Ni và Phật tử chúng ta, cùng với hàng trăm triệu tín đồ Phật giáo trên khắp thế giới hân hoan đón mừng lễ kỷ niệm ngày Khánh đản của Đức Bốn sư Thích-ca Mâu-ni. Ngày Phật Đản năm nay, PL 2557, kỷ niệm sự kiện Đại hy hữu cách đây 2637 năm, đấng Đại hùng Đại lực Đại từ bi Thích-ca Mâu-ni xuất hiện ở thế gian, đem ánh đạo vàng tỏa rạng khắp nơi, cứu độ chúng sanh tìm về giải thoát.

Chúng ta lắng lòng hướng về Thánh địa Lâm-tỳ-ni, nước Ca-tỳ-la-vệ của Ấn Độ cổ để tưởng như được tắm gội ánh hào quang tỏa từ kim thân của Đức Phật. Trong ý nghĩa ngày Vessak quốc tế, chúng ta không quên hướng về các Thánh địa Bồ-đề Đạo tràng, nơi Đức Phật thành Đạo, Vườn Lộc Dã, nơi đấng Từ phụ chuyển Pháp luân lần đầu tiên, và Rừng Câu-thi-na, nơi đấng Thế Tôn nhập Đại Niết-bàn. Trụ đá của vua A-dục được dựng hơn ba trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt vẫn sừng sững tại Lâm-tỳ-ni, tại Vườn Nai... nhắc nhở chúng ta rằng Phật pháp vẫn còn đó, con đường giải thoát vẫn tỏa rạng cùng với lời nhắn nhủ của Đức Từ phụ: “Có Niết-bàn, có con đường đưa đến Niết-bàn và ta là người chỉ đường” (Trung bộ, kinh Ganaka Moggallana, số 107).

Từ đầu năm nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tiến hành nhiều Phật sự quan trọng kể từ sau Đại hội Đại biểu Phật giáo Toàn quốc lần thứ VII vừa qua. Từ Trung ương đến địa phương, các cấp Giáo hội đều nỗ lực cùng cố và phát triển nhân sự, thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm 2013. Đặc biệt, việc cấu trúc nhân sự của các ban ngành Viện Trung ương cũng như việc điều chỉnh một số nội quy cho phù hợp với chương trình hoạt động của nhiệm kỳ và tinh thần của Nghị quyết đã thông qua trước Đại hội đòi hỏi không ít công sức và trí tuệ. Việc chuẩn bị của Trung ương Giáo hội cho Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội vào tháng sáu năm nay cũng không kém phần quan trọng trong việc duyệt xét nhân sự, các nội quy được điều chỉnh và chương trình hoạt động trong 6 tháng cuối năm của các Ban ngành Viện Trung ương. Điều đáng mừng là từ Trung ương Giáo hội đến các địa phương, Đại lễ Phật Đản năm nay, nhân kỷ niệm 50 năm công cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam chống chế độ độc tài kỳ thị Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm và kỷ niệm 50 năm ngày Bồ-tát Thích Quảng Đức vị Pháp thiêu thân, được chuẩn bị rất tốt với những hoạt động như hội thảo, triển lãm, văn nghệ, chuyên đề trên các tạp chí Phật giáo, đặc san, nội san... Được biết, các Ban Trị sự, các tự viện ở các tỉnh thành, ở các vùng sâu vùng xa đều có kế hoạch chào mừng Đại lễ Phật Đản rất chu đáo, tô đậm nét văn hóa truyền thống và tinh thần vô úy của Phật giáo Việt Nam.

Kính thưa Quý vị,

Truyền thống góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ và phát triển Đạo Phật của Phật giáo Việt Nam đã được thể hiện từ hai ngàn năm qua. Những thành tựu khả quan đều do bởi Tăng Ni và Phật tử lấy vô ngã vị tha, lấy lý Trung đạo, tức là lý Không, Duyên khởi mà phát huy sức vô úy, tạo sự đoàn kết nhất trí trong tất cả các Phật sự. Vô úy là không sợ hãi, đối mặt và quyết chiến thắng mọi trở ngại như giải đãi, vị kỷ, phân biệt ta và người, mất đoàn kết v.v..., nói chung là các phiền não, ác hạnh. Những trở ngại này là biểu hiện của tam độc tham, sân si. Trong Tăng chi bộ, chương Ba pháp, Các nguyên nhân, Đức Phật dạy: “Phàm những nghiệp gì được làm vì không tham, vì không sân, vì không si, này các Tỳ Kheo, sanh ra từ không tham, sanh ra từ không sân, sanh ra từ không si; vì rằng tham, vì rằng sân, vì rằng si được từ bỏ như vậy, nghiệp ấy được đoạn tận, được cắt đứt gốc rễ, như cây ta-la bị chặt đứt gốc rễ, nghiệp ấy không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai.”

Tham, sân, si là bất thiện. Tiêu chuẩn đạo đức của người con Phật là thiện, là “Chúng thiện phụng hành”. Người thực hành phạm hạnh là người lấy chữ thiện làm đầu, là người đang thực hành Bát chánh đạo, đang phát triển tâm linh, tự mình được lợi lạc và có ảnh hưởng lớn đến sự tu tập, phạm hạnh, sự tiến bộ của những người chung quanh, bè bạn, đồng sự... Đức Phật dạy: “Này Ananda, toàn phần đời sống phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du. Một Tỳ Kheo làm bạn với thiện, này Ananda, chúng ta hy vọng rằng vị ấy sẽ tu trì Bát chánh đạo, làm cho sung mãn Bát chánh đạo của các vị thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du”(Tương ưng bộ, chương 3, phẩm Không phóng dật).

Ngày nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nối tiếp truyền thống vô úy của Phật giáo Việt Nam từ hai ngàn năm qua, được sự đồng tình ủng hộ của Nhà nước và quần chúng nhân dân, đã đạt được những thành tựu khả quan về các mặt hoạt động, tạo sức phát triển mạnh mẽ với hơn 45 triệu Phật tử, (chưa kể số lượng đồng đạo những người có xu hướng theo Phật giáo), 45 ngàn Tăng Ni và gần 16 ngàn tự viện trên khắp cả nước. Suốt 32 năm Giáo hội được thành lập, số Tăng Ni Phật tử, số tự viện và nhất là số lượng các Phật sự không ngừng gia tăng. Đây là phát triển về số lượng, về hình thức, có tác dụng tích cực là tạo điều kiện thuận tiện cho quần chúng Phật tử tin Phật, đến chùa lễ Phật, nghe Pháp rồi tu tập, hành thiện. Tuy nhiên, điều quan trọng là chúng ta cần kiến tạo và ổn định chất lượng, nội dung chủ yếu của phát triển. Chất lượng ấy phát xuất từ mỗi Tăng Ni Phật tử trong Giáo hội, từ tinh thần vô úy coi thường mọi trở ngại, từ phạm hạnh và quyết tâm hành thiện.

Chúng ta lấy Phật tâm để làm Phật sự. Phật tâm ở đây được hiểu đơn giản theo kinh Quán Vô Lượng Thọ và luận Đốn ngộ Nhập đạo Yếu môn: đầy đủ từ bi, không chấp trước và thanh tịnh. Trong lúc một bộ phận đáng kể của xã hội ta đang bị ảnh hưởng trầm trọng của văn minh vật chất, suy thoái đạo đức, một bộ phận khác thì còn bị đe dọa bởi đói nghèo, bệnh tật, những nỗ lực của Giáo hội ta cần tập trung tham gia giải quyết hai khổ nạn này. Lấy Phật tâm để làm Phật sự, lấy thiện tâm để làm thiện sự; nói như thế là tạm phân biệt tâm đạo, tâm đời, việc đạo, việc đời, chứ thật ra thiện tâm là Phật tâm, thiện sự là Phật sự; hai tâm này là một, hai sự này cũng không phải hai; thực hiện như thế là chúng ta góp phần làm sáng ngời giáo lý của đấng Thích Tôn, góp phần xoa dịu những khổ đau của xã hội, nhân quần. Tôi tin tưởng ở trí tuệ, khả năng và phẩm chất tốt đẹp của tập thể các thành viên của Giáo hội; từ đó, tôi tin tưởng ở những thành quả đóng góp của Giáo hội trong việc xây dựng xã hội an lành, hiền thiện.

Nhân ngày Đản Sanh của Đức Từ phụ Thích-ca Mâu-ni, chúng ta hãy thệ nguyện lấy Phật tâm để làm Phật sự, lấy thiện tâm để làm thiện sự. Ngưỡng cầu Tam Bảo phù hộ cho đất nước được Khang thịnh, thế giới thanh bình và tất cả chúng sanh đều được an lạc.

Xin cảm ơn chư liệt vị.

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Lịch sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (từ Đản Sanh đến Thành Đạo)

» GIA TUỆ - THÍCH MINH THIÊN

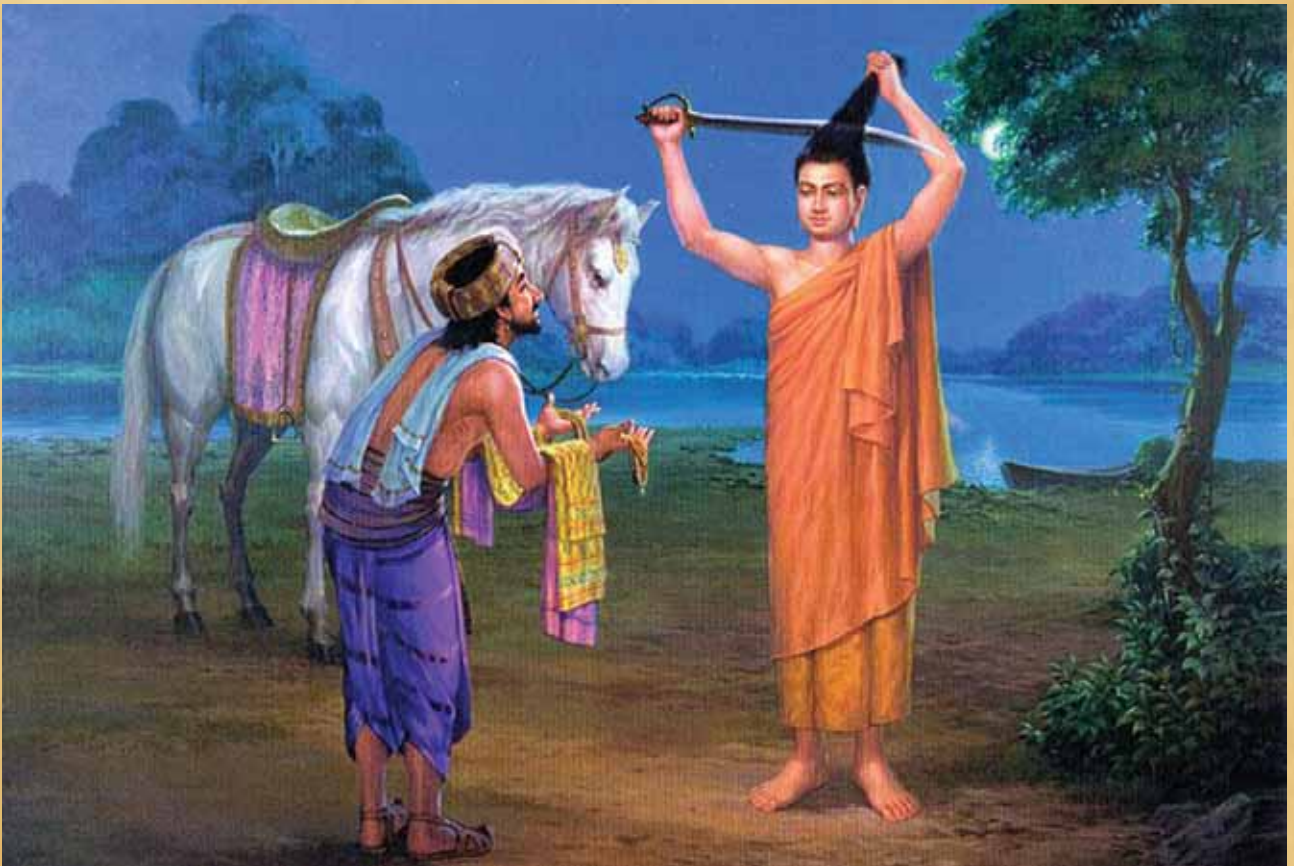
A. Dẫn nhập

Một tôn giáo, không luận là cao siêu hay thâm thúy đến đâu, cũng vẫn là sản phẩm của xã hội. Là sản phẩm của xã hội, tất nhiên tôn giáo ảnh hưởng đến xã hội và đồng thời chịu ảnh hưởng ngược lại. Đó là điều không thể tránh khỏi.

Đời sống quốc gia dân tộc với hoàn cảnh địa lý và sự ảnh hưởng khí hậu, thiên nhiên, đã tạo dựng cho Ấn Độ có một lịch sử khác với các quốc gia trên thế giới. Đó là sự cố đặc biệt của xứ Ấn Độ xưa và nay, nơi có những rừng núi thâm u, tục gọi là Lục địa xanh (Pays blues), đã ảnh hưởng nhiều tới luồng tư tưởng nhân bản, tiến bộ và giải thoát sớm được xuất hiện. Thật vậy, bất cứ tôn giáo, học thuyết, chủ nghĩa nào, khi sinh khởi, đều là phản ảnh (không nhiều thì ít) của hoàn cảnh, khí hậu, địa dư, xã hội, chủng tộc mà tạo dựng nên cả. Nếu xét nó ngoài hoàn cảnh thực tại, lẽ dĩ nhiên không thể thấu hiểu nổi. Văn hóa đạo Phật cũng do nhân duyên hội ngộ như thế mà nảy mầm và thúc đẩy tiến hóa...

Phật giáo có một lịch sử trên hai ngàn năm, Đông-Tây truyền bá, gieo rắc ảnh hưởng khắp cả các châu lục. Trong quá trình truyền bá ấy, qua mỗi thời đại, Phật giáo lại tùy theo tình trạng xã hội của mỗi phương sở mà có ít nhiều biến thiên về bản sắc. Vì thế, muốn nói đến điểm xuất phát của đạo Phật, không thể không đi sâu vào bối cảnh lịch sử của đất nước Ấn Độ đương thời. Đây là một đề tài rất rộng lớn, mà khi đi vào, ta phải trải qua những bước tìm hiểu như về nền chính trị, xã hội Ấn Độ trước khi Đức Phật ra đời; tư tưởng tôn giáo và triết học trước thời kỳ Đức Thế Tôn xuất thế v.v... Từ đây, ta càng thấy rõ hơn tầm quan trọng và ý nghĩa thiêng liêng cao quý trong sự Đản Sanh của Đức Mâu Ni.

Nhưng chương trình học hàm thụ hẳn có ý nghĩa sắp xếp để đề tài to lớn này được trình bày trong một dịp thuận lợi hơn về cả không gian lẫn thời gian. Vì lý do đó, xin được thông qua phần bối cảnh lịch sử chi tiết chỉ nêu lên ở đây vài đoạn đóng vai trò chuyển tiếp và đi thẳng vào lược sử của Đức Thích Ca Mâu Ni, một bậc thầy vĩ đại muôn thuở của nhân loại.



Trước thời Đức Thế Tôn ra đời, về tư tưởng tôn giáo, triết học cũng như về mặt chính trị, kinh tế và xã hội thật vô cùng phức tạp. Với pháp điển Manoa (Mânư) hỗn hợp cả chính trị lẫn tôn giáo đã ấn định nhiều sinh hoạt đầy bất công trong xã hội và góp phần đưa hai giai cấp thống trị Brahmana (tầng lớp Bà La Môn) cùng Ksatriya (Sát Đế Ly - vua quan) lên ngôi vững chắc trên hai giai cấp thuộc hàng tiện dân, bị xã hội khinh miệt, không được luật pháp bảo hộ, không được dự chung phần tìn ngưỡng và tán tụng kinh điển Veda (Phệ Đà), đó là hai giai cấp Vaisya (Phệ Xá) và tệt hơn nữa là Sùdra (Thù Đà La).

Tư tưởng Ấn Độ thời bấy giờ gần giống như tư tưởng đời Chiến Quốc ở Trung Hoa xưa. Xét về mặt xã hội thì trước Đức Phật giáng sinh gần 100 năm, trước Tây lịch độ 7 thế kỷ, đạo Bà La Môn thịnh hành đến cực điểm. Nhưng cũng do sự độc quyền của tầng lớp mà đạo đức tôn giáo thời đó chỉ có nghi thức phô trương bề ngoài. Do chế độ giai cấp nên cuộc sống xã hội không công bằng, nhân dân không được tự do, mà tư tưởng yếm thế này sinh, nạn mê tín hoành hành trong xã hội.

Số đông tu theo pháp môn khổ hạnh với quan niệm cho rằng gần sự khổ mới quen với cái khổ, và sẽ xem thường và không còn thấy khổ. Có người lại tin tu khổ hạnh sẽ được sanh lên cõi trời hưởng các điều vui. Ở một phương diện khác, xã hội đã phát sinh tư tưởng hoài nghi, phủ nhận tất cả những giá trị tôn giáo, nhân quả và đạo đức. Nương theo quan niệm ấy, họ cổ xúy tư tưởng phản kháng. Ngoài những giáo phái thuận theo hệ thống Veda, các chủ nghĩa khác như: Khoái lạc, Ngụy biện, Khổ hạnh, Hoài nghi... tiếp tục nổi lên.

Giáo lý Veda (Phệ Đà) diễn biến trong ba giai đoạn, thường được gọi là ba thời đại: Phệ Đà Thiên Thư (Veda 2500-1000 BC), Phạm Thư (Brahmana 1000-800 BC), Áo Nghĩa Thư (Upanishad 800-600 BC), đó là tạm lược chia tình trạng biến đổi về tư tưởng tôn giáo của dân tộc Ấn Độ từ đa thần giáo sang nhất thần, và từ nhất thần sang lãnh vực triết học theo ba giai đoạn trên. Song song với diễn biến của 3 tư trào này, đã có những phái chịu ảnh hưởng của hệ thống Veda, căn cứ vào đó mở mang thêm cho giáo lý của mình có hệ thống hơn.

Cũng có nhiều học giả thoát ly ra ngoài tư tưởng Veda, chủ trương tự do khảo cứu rồi thành lập phái triết học tự nhiên. Các phong trào tư tưởng đó, hoặc dung hòa hoặc xung đột lẫn nhau, làm cho nền học thuyết của Ấn Độ lâm vào một tình trạng rất rối ren. Tuy nhiên, nếu kiểm điểm lại, ta có thể chia các tư trào lúc bấy giờ thành hai hệ thống: Hệ thống Veda và hệ thống phản Veda. Hệ thống trước tuy nhiều, nhưng đáng kể chỉ có lục đại học phái. Hệ thống phản lại thì có lục sư ngoại đạo.

Sống dưới một xã hội có thể chế giai cấp đầy bất công, tư tưởng tôn giáo lại rối ren như thế, con người không còn biết tin tưởng, bám víu vào đâu. Giữa hoàn cảnh bế tắc ấy, Đức Phật xuất hiện như một mặt trời sáng ấm buổi ban mai, làm tan đi bóng tối của đêm đen dày đặc đã từ lâu che phủ cuộc đời. Ngài không chỉ là cứu tinh cho xứ Ấn Độ thời bấy giờ, mà còn là người vạch ra hướng đi mới của nhân loại. Đức Phật là người đầu tiên xướng lên thuyết Nhân bản, lấy con người làm cứu cánh để giải quyết hết mọi vấn đề bế tắc của thời đại. Cuộc đời Ngài là cả một bài thánh ca trác tuyệt, là một sự biểu hiện của biển lớn Trí tuệ và Từ bi, là ánh sáng, là con thuyền, là niềm tin cho mọi người, mọi xã hội, dù ở bất cứ thời gian và không gian nào.



Dù không phải là người Phật tử, cũng cần tìm hiểu ý nghĩa thâm thúy đời sống của bậc Thánh cao cả ấy để rọi soi vào cuộc sống của chính mỗi con người. Và ở đây, chúng ta tìm hiểu về những nét chính về cuộc đời của Đức Mâu Ni.

B. Nội dung

I- Niên đại và thân thế

Đức Phật giáng sinh vào ngày 15 tháng 4 năm 623 BC tại vườn Lumbini (Lâm Tỳ Ni), cách thành Kapilavastu (Ca Tỳ La Vệ) khoảng 15 cây số, nay là xứ Ruminidhehi, thuộc quận Aouth, phía Tây Nam xứ Népal và phía Đông Rapti. Song thân Ngài là Quốc vương Suddhodana (Tịnh Phạn) và Hoàng hậu Màyà (Ma Da). Thuộc dòng dõi Sakya (Thích Ca), Vua Suddhodana trị vì một vương quốc nằm ở ven sườn dãy núi cao ngất trời - Himalaya (Hy Mã Lạp Sơn) - nằm phía Đông-Bắc Ấn Độ, thủ phủ là Kapilavastu, nay là Népal. Địa điểm thủ phủ này nay được nhận ra là Bhulya trong quận Basti, cách Bengal 3 cây số nằm vào hướng Tây-Bắc nhà ga xe lửa Babuan.

Một hôm, trong thành Kapilavastu có lễ hội Tinh Tú, vua tôi cùng nhau cúng bái. Hoàng hậu Maya sau khi dâng hương hoa trong nội điện và ra khỏi ngõ môn bố thí thức ăn, đồ mặc cho dân chúng, bà trở về cung an giấc, mộng thấy một tượng vương trắng 6 ngà từ trên hư không xuống, lấy ngà khai hông bên hữu mà chui vào. Các bôc sư đều cho rằng Hoàng hậu sẽ hạ sanh một quý tử tài đức song toàn. Nghe điều này, Vua Suddhodana rất vui mừng, vì từ nay ngôi báu đã có người truyền nối.

Đến thời khai hoa nở nhụy, theo tục lệ thời bấy giờ, Hoàng hậu phải trở về quê cha là trưởng giả Anjana ở nước Koly (Cầu Ly) để an dưỡng, chờ ngày lâm bồn. Trên quãng đường đi, Hoàng hậu Maya vào vườn Lumbini thưởng ngoạn mùa hoa đang đua nở. Bên tàng cây asoka (vô úu) che rợp mát, sắc màu tươi sáng, hương thoảng nhẹ bay, Hoàng hậu đã hạ sanh Thái tử. Tin lành Thái tử chào đời nhanh chóng được loan truyền trong dân chúng. Tất cả thần dân trong vương quốc đều vui mừng không xiết kể.

Ngày Đản Sanh Thái tử, khắp Kapilavastu cảnh vật đều vui vẻ lạ thường, khí hậu mát mẻ, cây cối xanh tươi, sông ngòi mương giếng trong đầy, chim chóc reo vang, hào quang tỏa khắp. Đó là ngày hội của toàn vương quốc. Dân chúng khắp nơi tổ chức ăn mừng và kéo về kinh đô Kapilavastu để vui với hoàng gia. Lẫn trong đám đông, có nhiều đạo sĩ tu hành trên núi cao, cũng đi về dự lễ và xem tướng cho Thái tử. Đạo sĩ già tên Asita (A Tư Đà) (1), ẩn tu trên Himalaya - người được kính nể nhất vì đạo hạnh - đã chào Thái tử với thái độ rất mực



cung kính, rồi cười và lại khóc. Được hỏi, đạo sĩ trả lời: Ông cười mừng là vì Thái tử có 32 tướng tốt, nhất định tương lai sẽ tu chứng Phật quả, và với lòng từ thương xót chúng sanh mà truyền bá Chánh pháp trên thế gian này.

“... Thái tử này sẽ chứng
Tối thượng quả Bồ đề
Sẽ chuyển bánh xe pháp
Thấy thanh tịnh tối thắng
Vì lòng từ thương xót
Vì hạnh phúc nhiều người
Và đời sống phạm hạnh
Được truyền bá rộng rãi...” (Sutta-Nipata, Kinh tập, 101)

Và ông khóc là vì tuổi đã quá cao, không còn sống được bao lâu nữa để trực tiếp được giáo hóa bởi Đức Thế Tôn tương lai này.

“... Thọ mạng ta ở đời
Còn lại không bao nhiêu
Đến giữa đời sống Ngài
Ta sẽ bị mệnh chung
Ta không được nghe pháp
Bạc tinh cần vô tỉ
Do vậy ta sầu não
Bất hạnh và khổ đau” (Kinh tập, 103)

Lời tiên đoán làm Vua Suddhodana lặng lẽ không vui. Trong lễ đặt tên, vua đặt tên con là Siddhattha (Sĩ Đạt Ta-Tất Đạt Đa), họ là Gotama (Cồ Đàm), với hàm ý là kẻ phải giữ chức vụ mà mình phải giữ; còn có nghĩa là người được toại nguyện, mọi việc đều thành tựu. Ý nhà vua là muốn gởi gắm tất cả vương quyền của mình vào đứa con yêu quý này.

Hoàng hậu Màyà qua đời sau 7 ngày hạ sanh Thái tử; vì thế, sự nuôi dưỡng đều được chăm sóc trực tiếp bởi dì Maha

Pajapati (Ma Ha Ba Xà Ba Đề), em ruột của Hoàng hậu Màyà.

II- Đời sống của Thái tử trước khi xuất gia

1)- Đời sống và giáo dục của Thái tử: Thái tử Siddhattha được nuôi nấng và dạy dỗ một cách toàn diện cả hai lãnh vực văn chương và võ thuật; những thầy giáo giỏi nhất trong nước được mời đến hoàng cung để dạy cho Thái tử các môn học đương đại như Thanh minh (ngôn ngữ, văn học), Công xảo minh (công kỹ nghệ học), Y phương minh (y học), Nhân minh (luận lý học) và Nội minh (đạo học); lúc ấy, Ngài vừa tròn 7 tuổi. Về đạo học, Thái tử đã được học 4 thánh điển Veda. Kinh ghi lại rằng, chỉ trong khoảng thời gian từ 7 đến 12 tuổi, Thái tử đã học thông thạo 5 môn học trên. Với một tư chất đặc biệt, Thái tử đã làm cho hai danh sư nổi tiếng về võ là Ksantidiva (Sần Đế Đế Bà) và về văn là Visvàmistra (Tỳ Sa Mật Đa La) phải cúi đầu thán phục. Ngoài sự thông minh đỉnh ngộ, Thái tử được mọi người quý kính về đức hạnh bao la của Ngài.

Trong một buổi lễ Hạ điền, giữa lúc mọi người mãi mê xem lễ hội, Thái tử lúc ấy tuy còn nhỏ, đã lặng lẽ đến bên cội cây gioi (rose-apple) xếp bằng tĩnh tọa. Thấy con với dáng dấp trầm tư, tĩnh lặng, Vua Suddhodana đã phải kinh ngạc thốt lên: “Ồ, con thân yêu! Đây là lần thứ hai, cha nghiêng mình trước con!” (lần trước, khi thấy đạo sĩ Asita cúi đầu trước Thái tử, vua bất giác cũng nghiêng mình theo).

Càng yêu thương quý trọng con, Vua Suddhodana lại càng lo sợ Thái tử sẽ không nối nghiệp ngài vàng, mà sẽ xuất gia tìm đạo như lời tiên đoán của đạo sĩ Asita. Càng lớn lên, Thái tử càng lộ vẻ trầm tư về cuộc sống. Bởi thế, vua cùng triều thần sắp đặt nhiều kế hoạch để giữ Thái tử ở lại với ngài vàng. Vua Suddhodana đã cho xây 3 cung điện nguy nga, tráng lệ cho Thái tử thay đổi nơi ở hợp với thời tiết quanh năm của Ấn Độ. Hàng trăm cung phi mỹ nữ giỏi đàn ca hát múa được tuyển chọn để túc trực hầu hạ Thái tử.

Đức Phật đã đề cập đến quãng đời này trong kinh Tăng Chi I như sau: “... Nay các Tỳ Kheo, ta được nuôi dưỡng tế nhị,

quá mức tế nhị; các hồ nước được xây lên, một hồ trồng hoa sen xanh, một hồ sen đỏ và một hồ sen trắng... Đêm và ngày, long trắng được che trên đầu ta, để tránh xúc chạm lạnh, nóng, bụi, cỏ, sương. Nay các Tỳ Kheo, 3 lâu đài được xây dựng cho ta, một cái cho mùa Đông, một cái cho mùa Hạ và một cái cho mùa mưa... Các vũ công đàn hát múa xung quanh ta...? Nhưng những hạnh phúc trần gian không làm khuấy khỏa được ưu tư của người có ý chí xuất trần.

Muốn ngăn chặn tất cả những hình ảnh của cuộc sống trầm thống khổ đau mà kiếp người phải đeo mang không lọt vào mắt, vào tai Thái tử, để đứa con yêu không có thời gian mà nghĩ đến ngày xích lại với quyết định xuất gia; khi Thái tử vừa tròn 16 tuổi, Vua Suddhodana vội tiến hành lễ thành hôn cho Thái tử với Công chúa một nước láng giềng - Yosodhara (Da Du Đà La) - con Vua Suppabuddha (Thiện Giác), một trang quốc sắc thiên hương, với hy vọng hương ấm tình yêu thương đôi lứa sẽ buộc chặt đôi chân của Thái tử ở lại với ngai vàng.

2)- Tiếp xúc khổ đau nhân thế: Nhưng được một thời gian, do năng khiếu suy tư sâu sắc và lòng thương người vô hạn vô biên, Thái tử lại rơi vào tình trạng trầm tư lo lắng, luôn cảm thấy lòng mình nặng trĩu bao nỗi băn khoăn thắc mắc. Được phép vua cha, Thái tử lần đầu tiên được ra khỏi cung vàng điện ngọc và tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Trong phạm vi giới hạn của cấm thành, Ngài chỉ được thấy những gì tươi đẹp của đời sống; và phần còn lại, phần nhiều hơn, phần tương phản với những gì Ngài hiểu biết, giờ đây nó đang sờ sờ trước đôi mắt ngỡ ngàng và xót xa của Thái tử Siddhattha.

Lần lượt ra bốn cửa thành của hoàng cung, Ngài chứng kiến những sự thật đen tối và đáng sợ! Một cụ già chân mỏi, gối dòn; một người bệnh hoạn quần quai; một thầy ma hôi thối và một đạo sĩ ly dục nghiêm trang, tất cả đã làm cho tâm tư Thái tử dao động đến cực độ. Ngài càng nhận chân rằng tất cả những lạc thú, hạnh phúc mà mình đang thọ hưởng đều mang tính giả tạm vô thường. Cộng với lần tiếp chuyện cùng vị đạo sĩ ung dung, mà thoáng hiện đằng sau con người này một con đường giải thoát, Thái tử Siddhattha quyết định thoát khỏi ngục vàng, tìm ra một lối thoát, một cuộc sống chân thật có ý nghĩa và cao đẹp hơn; một con đường dẫn tới giác ngộ, vĩnh viễn khắc phục mọi nỗi khổ đau và bất hạnh của đời người và hướng đến an lạc.

Giữa lúc ấy, một tin đưa đến khiến Ngài không vui: Công chúa Yosodhara vừa hạ sanh một hoàng nam. Thái tử đã thốt lên rằng: "Một trở ngại (rào) đã được sanh, một ràng buộc đã xảy ra". Nhân câu nói này mà Quốc vương Suddhodana đã đặt tên cháu là Ràhula (La Hầu La).

III- Sự từ bỏ vĩ đại

Và rồi, với cõi lòng nặng trĩu vì thương chúng sanh chìm đắm trong bể khổ; một đêm, sau khi đến trước phòng nhìn lần chót người vợ và hài nhi yêu dấu đang say nồng trong giấc ngủ, Ngài cùng nô bộc Channa (Xa Nặc) (2) dắt con tuấn mã Kantaka (Kiển Trắc) (3) vượt thành ra đi.

Ánh sao khuya dẫn lối đưa đường, làn gió lạnh đẩy lùi tất cả lại sau lưng. Tình yêu thương phụ hoàng, di mẫu, vợ đẹp, con ngoan rất nồng nàn, nhưng trong Thái tử, lòng xót thương nhân loại đang chịu mọi nỗi bất hạnh lại còn da diết vượt trội hơn nhiều.

Ra đi, Ngài từ bỏ tất cả những người thân yêu, ngôi báu, vương quyền, cả cuộc sống nhung lụa tràn đầy hạnh phúc.

Đây không phải là sự hy sinh từ bỏ của một người già, người đau ốm, người nghèo, người tật bệnh, người bất đắc chí, người ngán ngẩm cuộc đời, người mang cảm hờn oán giận... mà là sự hy sinh từ bỏ của một hoàng tử đang tuổi thanh xuân, đang sống trong quyền quý giàu sang, chứa chan hạnh phúc. Quả đó là một sự từ bỏ hy sinh vĩ đại, có một không hai trong lịch sử loài người. Một sự ra đi không tiền khoáng hậu. Năm ấy, Thái tử vừa tròn 19 tuổi (theo Nam truyền Phật giáo, Thái tử xuất gia năm 29 tuổi).

IV- Quảng đường tu hành - tầm đạo

Khi tới bên kia bờ sông Anoma, Thái tử dừng lại, cạo bỏ râu tóc, trao y phục và đồ trang sức cho Channa; và bảo người nô bộc trung thành ra về tạ lỗi cùng phụ hoàng. Còn lại một mình, Thái tử ra đi với bộ áo màu vàng giản dị của người tu sĩ, sống cuộc sống không nhà của người xuất gia, ly dục ly trần, không nơi cố định.

Một cây cao bóng mát hoặc một hang đá vắng vẻ, một cánh rừng u tịch, một làng mạc đìu hiu đều có thể là nơi che mưa đỡ nắng, nghỉ qua đêm của Ngài. Đi trong nắng cháy, đi trong sương gió lạnh lùng, xiêm y từ tốn chỉ là những mảnh vụn rách lại, tài sản duy nhất chỉ là một bình bát để khát thực độ nhật; Thái tử Siddhattha dành hết thời gian cho sự tầm cầu thiền định hầu tìm ra sự thật tối hậu.

Lúc bấy giờ, có nhiều trí thức lỗi lạc xuất gia trở thành những đạo sư tâm linh danh tiếng, quy phục được nhiều đồ đệ. Thái tử Siddhattha trên đường đi tầm đạo cũng đã tới thụ giáo với hai vị đạo sư được tôn kính nhất thời ấy là A-la-ra Kala-ma và Uất Đầu Lam Phất, và chỉ trong một thời gian ngắn, ngộ Vô sở hữu xứ định mà Alara Kalama đã chứng và đạt định Phi phi tưởng xứ mà Uddaka Ràmaputta đã đạt. Biết rằng đây vẫn còn trong vòng sanh tử, Ngài lại ra đi, bỏ lại sau lưng lời yêu cầu ở lại cùng giáo hóa đồ đệ của hai vị đạo sĩ danh tiếng trên. Và thế là không còn ai để Ngài theo học đạo nữa.

V- Sáu năm khổ hạnh

Thời ấy, Ấn Độ còn có truyền thống và niềm tin rằng, người nào cầu đạo giải thoát đều phải nỗ lực và kiên trì tu khổ hạnh; Thái tử liền đi đến Uruvela, một thị trấn của Senani và cùng với năm anh em ông Kodanna (Kiêu Trần Như) (4), Bhadhya (Bạt Đề), Vappa (Đề Bà), Mahanama (Ma Ha Nam) và Asaji (Ác Bệ), bắt đầu một cuộc tu khổ hạnh kéo dài đến 6 năm và dẫn đến kết quả là thân thể Ngài gầy đi như một bộ xương khô, đôi mắt sâu hoắm, không còn đi đứng được nữa.

Ngài đã trải qua những cảm giác nhức nhối, đau đớn tột cùng của thân thể, và Ngài đã kể lại trong kinh Majjihima Nikaya (Trung Bộ kinh) với những hình ảnh thật đáng sợ: Ngài như bị ai khoan vào sọ với lưỡi khoan thật bén; như bị một lực sĩ dùng dây siết chặt đầu; bị tên đồ tể dùng dao rạch bụng; như bị nắm và quăng lên giàn hỏa thiêu sống. Nhưng những cảm giác đau đớn ấy không hề ảnh hưởng và làm tổn thương đến tâm thức của Ngài.

Ở đây, qua thực nghiệm, Ngài thấy rằng chân lý tối hậu giải thoát an lạc, diệt trừ khổ đau không thể cầu được ở bên ngoài, ở bất kỳ một bậc đạo sư nào, cũng không phải qua pháp môn hành xác; mà sự chứng ngộ ấy cần phải được thể hiện ở chính trong nội tâm của mỗi người và không thể dựa vào một tha lực nào khác.

Ngài lấy lại sức nhờ uống bát sữa do một thôn nữ tên là Sujata (Su Đà Ta) dâng cúng, sau đó xuống tắm ở dòng sông



Neranjara (Ni Liên Thuyền). Năm người bạn đồng tu cho rằng Ngài đã thối chí, quay về cuộc sống dục lạc tiện nghi, họ bèn rời bỏ Ngài và đi đến Isipatana gần thành phố Benares (Ba La Nại).

VI- Thành đạo

Còn lại một mình, Ngài đến ngồi dưới gốc cây pippala (tất bát la, sau này gọi là cây bodhi - bồ đề); và với tâm định tĩnh, chánh niệm, tỉnh giác, ly dục, đi vào sơ thiền (thời niên thiếu, trong buổi lễ Hạ điền, Ngài cũng đã một lần vào thiền này), nhị thiền, tam thiền và lần lượt nhập lên tứ thiền, sau đó hướng tâm đến tam minh.

Với trực giác, Ngài thấy rõ nguyên nhân của khổ đau. Chính sự tập khởi của 12 nhân duyên là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn. Ở canh một, Ngài chứng Túc mệnh minh, thấy rõ vô lượng kiếp quá khứ của mình. Sang canh hai, Ngài chứng Thiên nhãn minh, thấy rõ vô lượng kiếp quá khứ của chúng sanh với các nghiệp nhân và nghiệp quả, thấy rõ con đường thọ nghiệp của chúng sanh. Qua canh ba, Ngài như thật quán chiếu thấy khổ đau, nguyên nhân của khổ đau, sự đoạn tận của khổ đau, và con đường đưa đến đoạn tận khổ đau, và đã chứng Lậu tận minh. Sau cùng, Ngài chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là vị Phật đầu tiên trong hiện kiếp, lúc ấy sao Mai vừa mọc; và danh hiệu Đức Phật Gotama, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được thế gian tôn xưng từ đây.

C. Kết luận

Nhìn qua lịch sử xưa nay, những anh hùng cái thế lập nhiều chiến công hiển hách trên những đấu trường, thắng ngàn quân, trăm trận nhiều vô số kể, nhưng thử hỏi có ai thắng được dục vọng của chính mình? Thắng người đã là một việc khó, thắng được chính mình lại là một việc làm khó hơn. Đức Phật đã thắng cả ngoại ma lẫn nội ma, vượt qua tất cả dục vọng thấp hèn, Ngài thật xứng với danh xưng Đại Hùng, Đại Lực.

Ngài không vì quyền lợi riêng mà chiến đấu, cũng không vì tình thương yêu hạn hẹp ở cha mẹ, vợ con, bè bạn, quốc gia, lãnh thổ; mà vì lòng từ vô lượng đối với tất cả chúng sanh mà đi tìm con đường giải thoát cho mọi loài. Ngài xứng với danh hiệu Đại Từ, Đại Bi.

Vì tình thương yêu rộng lớn, không bỉ thử, không thân sơ, nhân ngã ấy, Ngài từ bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan, uy quyền, lạc thú trần gian, cam chịu một cuộc đời sống trong kham khổ, đạm bạc thiếu thốn, giáo hóa đó đây, Ngài xứng với danh xưng Đại Hỷ, Đại Xả.

Đọc vài trang sử tóm gọn về cuộc đời của một đạo sư, một bậc thầy cao cả đáng tôn đáng kính của nhân loại, để hiểu về Ngài có khác nào con muỗi hút nước ở đại dương. Nhưng từ những nét đại cương, khái lược về cuộc đời của Đức Phật cũng đủ làm cho chúng ta suy gẫm ý nghĩa sâu sắc và đúng đắn mà nhân loại đã tôn xưng Ngài là bậc Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả.

Sự xuất hiện của Đức Thích Ca Mâu Ni trong trần thế là cả một vinh hiển lớn cho con người và xã hội. Ngài là kết tinh của muôn ngàn hương hoa Bi, Trí, Dũng; là hiện thân của chân lý giải thoát, là điểm lành cho hết thảy chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới. Nếu cuộc đời không đau khổ tối tăm, Đức Phật đã không xuất hiện ở đời. Ngài ra đời vì một mục đích trọng đại là chỉ bày cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến của chính mình. Hay nói khác hơn, “vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người” mà Đức Thế Tôn xuất hiện ở thế gian.

Cuộc đời của Đức Phật là cả một bài thuyết pháp hùng hồn trác tuyệt, dù cho có dùng hàng vạn ngôn từ mỹ dụ cũng không thể nào diễn đạt cho hết ý nghĩa thiêng liêng. Đời sống của Ngài là một biểu hiện sống động cho giáo lý của Ngài. Ngài nói và thực hành với kết quả mỹ mãn, tương ứng với những gì Ngài thuyết giảng. Đời sống Đức Điều Ngự là cả một bằng chứng hiển nhiên cho giáo pháp khả thi, khả hành, khả chứng, vượt thời gian, không gian, hiện tại lạc trú của Ngài. Đó không phải là những tín điều mặc khải, càng không phải là những lời dạy suông, những ý niệm hoang tưởng, những lý thuyết xây dựng trên mây, trên khói.

Lịch sử của Đức Phật là lịch sử của một con người, nhờ tu tập bản thân, đã trở thành một con người hoàn thiện, một bậc thánh giữa thế gian. “Con người vĩ đại nhất sinh ra ở đời này”, như lời Tagore đã nói.

Bằng cuộc đời của Ngài, bằng những lời dạy của Ngài được kết tập lại trong ba tạng kinh điển, Đức Phật đã khai thị cho loài người biết rằng, bất cứ một người nào, với sự nỗ lực của bản thân, đều có thể vươn lên đỉnh cao của giác ngộ và giải thoát. Có thể nói, không một tôn giáo nào, không một hệ tư tưởng nào để cao con người và đặt niềm tin vào con người như là đạo Phật. Tính nhân bản tuyệt vời của đạo Phật chính là chỗ đó.

Tránh mọi điều ác, làm mọi điều lành, gột rửa nội tâm để trở thành một bậc thánh, một con người hoàn thiện về đức hạnh và trí tuệ, mỗi con người chúng ta đều có khả năng và bổn phận thực hành bức thông điệp đó, bức thông điệp bất hủ mà Đức Phật đã trao cho loài người, cho mỗi chúng ta.

* Chú thích:

- (1) Asita (A Tư Đà): vị đạo sĩ ẩn tu trên đỉnh Himalaya, người được kính nể nhất vì đạo hạnh và đức độ tại Ấn Độ lúc bấy giờ.
- (2) Channa (Xa Nặc): người hầu cận tâm phúc bên cạnh Thái tử.
- (3) Kantaka (Kiến Trắc): Theo truyền thuyết, con ngựa Kantaka rất hung dữ, không ai điều phục được ngoài Thái tử Siddhatta.
- (4) Năm anh em Tôn giả Kodanna: Kondanna, Bhaddiya, Vappa, Mahanama và Asaji.
- (5) Bodhi: Tên một loại cây tại Ấn Độ, Hán dịch là cây Bồ đề. Bodhi còn có nghĩa là trí tuệ.

* Sách tham khảo

1. Thích Thiện Siêu, Tòa ánh từ quang, BTS tỉnh Thừa Thiên-Huế, Huế, 1992.
2. Thích Thiện Siêu, Phật tử, VNCPHVN, TP HCM, 1997.
3. H.W.Schumann, Trần Phương Lan dịch, Đức Phật lịch sử, Viện NCPHVN, TP HCM, 1997.

Ý niệm ngày Đản Sinh



Mùa Phật Đản năm nay lại trở về, Sen đã bắt đầu nở rộ để đón mừng ngày vì nhân xuất thế. Tại thành Ca Tỳ La Vệ, xứ Népal Ấn Độ, suốt mấy ngàn năm lịch sử, nhưng vẫn còn ngời sáng hình ảnh giải thoát của Đấng Cha lành.

Nhớ lại thuở xưa, một đại sự nhân duyên hy hữu tại Vườn Lâm Tỳ Ni, một bậc Đại Giác Ngộ xuất hiện, kim quang sáng ngời, mặt đất rung chuyển, sự xuất hiện của bậc thù thắng của bậc vô thượng trí, của bậc toàn giác, đó là Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai.

“Ca Tỳ La, Ca Tỳ La
Đền giảng, sao kiết, tán hoa cúng dường
Vui mừng Hoàng Hậu Phạm Vương
Đản sanh Thái tử phi thường siêu nhân
Từ đà tiên đoán vì nhân

Rằng ngôi Chánh giác ứng thân độ đời
Nhạc thiên trời dậy khắp nơi
Mừng đấng cứu thế tuyệt vời trần gian”.

Ngài là: “Một con người phi thường, xuất hiện trong thế gian vì lợi ích cho số đông, vì lòng từ mẫn, vì sự tốt đẹp, vì sự hạnh phúc của Chư Thiên và loài người. (Anguttara Nikaya).

Với những lời giáo huấn đầu tiên, Ngài khuyến hóa chúng sanh, hãy bước đi lên đôi chân của chính mình. “Hãy tự mình thấp đức lên mà đi”, sống an lành nơi chân lý nhiệm mầu, hãy vượt lên khỏi đám bùn nhơ dục vọng hão huyền (tài, sắc, danh, thực, thù). Như bông Sen vươn lên khỏi đám bùn nhơ, để rồi tỏa ra mùi hương thơm ngát.

Vâng! Ngài ứng thân vào cuộc đời ngũ trước ác thế, chẳng khác nào Ngài dấn thân vào chốn bùn lầy, Ngài vẫn mang thân một con người bình thường, vẫn

có vợ đẹp con ngoan, vẫn lầu son gác tía. Nhưng Ngài đã dùng gươm trí tuệ, cắt đứt sợi dây trần phược ấy, để thành bậc Chánh đẳng Chánh giác, làm con mắt lớn cho đời, vượt qua đêm dài tăm tối.

“Như đồng rác như nhớt, quăng bỏ bên đường lớn, chỗ ấy hoa sen nở, thơm sạch đẹp ý người (Pháp Cú 58)

Giữa cuộc đời vô thường các pháp từ duyên sanh, sanh diệt luôn nối tiếp nhau không ngừng nghỉ.

“Ba cõi luân hồi, bốn đời luân lạc
Vì vọng niệm sanh, vương vọng tâm sắc
Biết mấy cho vừa, không sao yên được
Lớn thay chân hư, thể tựa thái hư
Mầu nhiệm không lường, hóa hiện có dư”.

Với ánh sáng trí tuệ, Ngài quan sát một cách tường tận, thấy rõ ngã tướng của vạn pháp, thấy rõ con đường tịnh lạc, thấy rõ bốn tướng Niết Bàn (chơn thường, chơn lạc ngã, chơn ngã, chơn tịnh). Khi sanh Ngài đi trên những đóa Sen, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất. “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn”. Duy ngã độc tôn ở đây, Đức Phật không phải tôn xưng bản ngã của mình, để được mọi người cung kính. Mà Ngài muốn nói đến vạn vật sinh linh trong sáu nẻo luân hồi, mỗi chúng sanh là một chủ nhân ông, là người tạo tác ra nghiệp lành hay nghiệp dữ, chơn như màu nhiệm cũng xuất phát từ nghĩa độc tôn ấy.

Vì thế nếu ta tìm lại được chính mình đáng gọi là cao quý nhất, khi chân tâm hiện diện thì không còn lấm chấp vào cái thân giả huyền này, mà tạo ra các điều tội lỗi.

Ngày lễ Đản Sinh Đức Thích Ca năm nay, đứng vào dịp nước Việt Nam kỷ niệm 50 năm ngày Bồ Tát Thích Quảng Đức thiêu thân. Ngọn lửa của Ngài làm chấn động dư luận quốc tế và rung chuyển cả chế độ Ngô Đình Diệm. Ngọn lửa cao nhất phủ trọn cả thân hình Ngài, với tinh thần vì đạo pháp Ngài an nhiên tĩnh tọa, trước sự kinh ngạc của ký giả, trước niềm xót thương kính tiếc của Tăng Ni Phật Tử trong và ngoài nước. Cả thế giới chấn động, dồn hết sự chú ý về phía trời Đông Nam Á. Không một ai trên trái đất còn giữ thái độ hững hờ về cuộc tranh đấu của Phật Giáo Việt Nam. Trước khi tự thiêu Ngài có để lại một bức tâm thư gọi là lời tâm huyết, nói rõ chủ định và nguyện

vọng của Ngài. Vì Ngài nhận thấy Phật Giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngửa, là trưởng tử của Như Lai, Ngài không thể ngồi yêm mà nhìn Phật Giáo tiêu vong, nên Ngài đã phát nguyện thiêu thân để bảo tồn Phật Giáo với bốn nguyện vọng:

1- Mong ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận 5 nguyện vọng tối thiểu của Phật Giáo Việt Nam, ghi trong bản tuyên ngôn.

2- Nhờ ơn Phật Từ Bi gia hộ cho Phật Giáo Việt Nam trường tồn bất diệt

3- Mong nhờ ơn Đức Phật gia hộ cho Tăng Ni Phật Tử Việt Nam tránh khỏi nạn khủng bố, bắt bớ giam cầm của kẻ gian.

4- Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc. Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, Ngài còn tha thiết kêu gọi Tăng Ni Phật Tử nên đoàn kết, nhất trí để bảo tồn Phật Pháp.

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã viết bài “Lửa Từ Bi”.

“Rồi đây...rồi mai sau...còn chi?

Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát.

Với thời gian, lê vết máu đi qua
Còn mãi chửi, còn trái tim Bồ Tát
Dội hào quang xuống tận chốn A Tỳ
Ồ! ngọn lửa huyền vi...

Thế giới ba nghìn, phút giây ngỡ ngác
Từ cõi vô minh
Hướng về cực lạc”.

Ngài đã đem thân làm ngọn đuốc soi rọi cho những ai còn vô minh tăm tối.

Nhân ngày Phật Đản năm nay, nhằm thể hiện tinh thần Từ bi bình đẳng, Tăng Ni Phật tử Việt Nam, kính dâng lên Đức Từ Phụ nguyện lực, làm lợi cho chúng sanh bởi trong kinh Pháp Hoa có đoạn chép: “Đức Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên lớn là khai thị chúng sanh ngộ, nhập Phật tri kiến. Từ đó suốt cuộc đời của Ngài đã:

“Gót vàng vượt suối băng ngàn
Linh sơn, xá vệ, xóm làng hóa duyên
Nhà nhà gieo giống phước điền
Bát cơm muôn dặm kết duyên đạo mầu”

Ồ! Cuộc đời của Ngài từ sơ sanh, chúng quã đến thị hiện nhập niết bàn là một bức tranh tuyệt tác, chúng con nguyện nối gót theo Ngài để xứng đáng là Sa Môn Thích Tử.



Tìm Về Ngày Đức Phật Đản Sanh

Sự kiện Đức Phật Đản Sanh, đặc đạo và trở thành Đấng Giác Ngộ toàn năng đã trở thành một dấu son trong lịch sử nhân loại. Mặc dù cho đến nay, do hoàn cảnh lịch sử cũng như do nguồn tư liệu vô cùng đồ sộ và phong phú về Phật giáo mà những vấn đề liên quan đến lịch sử, sự kiện trong cuộc đời Đức Phật vẫn còn những tồn nghi. Tuy nhiên có một điều có thể khẳng định chắc chắn rằng, Đức Phật là một nhân vật lịch sử có thật chứ không phải chỉ là một nhân vật huyền thoại được tin đồn và quần chúng nhân dân thần thánh hóa.

Nhắc đến cuộc đời Đức Phật người ta thường nhắc đến bốn sự kiện quan trọng, cũng là bốn mốc son trong quãng thời gian thị hiện nơi trần thế của Ngài, đó là ngày Đản Sanh (Đức Phật ra đời); ngày thành đạo (tìm ra diệu lý); thời gian chuyển pháp luân (hoảng pháp) và Niết bàn (nhập diệt), trong đó, ngày Đức Phật Đản Sanh đã trở thành ngày lễ lớn nhất, quan trọng nhất và thiêng liêng liêng nhất của Phật giáo đồ toàn thế giới. Hiện nay, trong kinh điển của Bắc tông và Nam tông có những điểm khác biệt

nhất định về ngày Đản Sanh cũng như về những mốc thời gian khác trong cuộc đời Đức Phật nhưng tựu trung lại đều thể hiện tương đối đầy đủ và cụ thể về bốn sự kiện trên.

Trong kinh sách của Phật giáo đều không nêu rõ Đức Phật sinh vào ngày nào mà chỉ nêu Ngài Đản Sanh vào một ngày trăng tròn tháng Vêśaka theo lịch Ấn Độ, tức là tháng Tư theo lịch mặt trăng của người phương Đông. Kinh điển Nam tông và Bắc tông đều ghi rằng mẹ Ngài, hoàng hậu Mahamaya Đản Sanh Đức Phật dưới gốc cây Sa la trong cánh rừng Lambini. Kinh điển Nam tông ghi rằng: Khi hoàng hậu Mahamaya gần đến ngày lâm bồn mới thưa với đức vua Tịnh Phạn xin được trở về nhà mình. Được Đức vua đồng ý, bà cùng đoàn tùy tùng đã trở về quê hương, khi đi qua cánh rừng Lambini có rất nhiều cây Sa la, bà đã dừng chân vào nghỉ ngơi. Ngay lúc đó Hoàng hậu cảm thấy chuyển bụng, đoàn tùy tùng liền che một chiếc màn quanh bà rồi rút lui. Khi bà còn đang đứng và tay bám lấy

một cành cây sala bà đã Đản Sanh một người con. Khi đó bốn vị đại phạm thiên xuất hiện mang theo chiếc lưới bằng vàng và quần lầy người con bằng chiếc lưới đó. Và cũng ngay khi đó, có hai trận mưa từ trên trời dội xuống để tôn kính vị Phật tương lai và làm mát mẹ cho thân Ngài và mẹ của Ngài. Sau khi rời khỏi tay các vị đại phạm thiên, Ngài được Tứ đại thiên vương đỡ lấy và bọc trong một miếng vải làm bằng da linh dương màu đen[2].[1]

Trong kinh điển Bắc tông thì ghi rằng: Hoàng hậu Mahamaya nằm chiêm bao thấy con voi trắng sáu ngà biến thành hào quang soi vào bụng rồi có mang. Đến kỳ sinh nở, bà đến khu rừng Lâm Tỳ Ni và sinh ra Ngài bên phía sườn phải, tự nhiên có bông sen nảy lên đỡ Ngài và có chín con rồng từ trên trời xuống phun hai dòng nước lạnh và nóng để tắm cho Ngài, lại có bách thần xuống trông nom săn sóc. Sau khi được sinh ra, Ngài liền bước bảy bước, mỗi bước đi đều nảy một bông sen dưới chân, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất nói rằng: “Trên trời, dưới đất ta là người cao

quý nhất’.

Liên quan đến sự ra đời của Đức Phật có thể thấy có nhiều yếu tố phi thường, song theo quan niệm của Phật giáo thì các pháp đều hư huyền, tùy theo nghiệp duyên thiện ác mà hiển hiện khôn lường, hơn nữa với Đức Phật Thích Ca, Ngài đã trải qua vô kỳ kiếp tu tập đắc quả thì việc hiện sinh ở hiền kiếp như vậy cũng là lẽ thường và không nên chấp định vào quan niệm thế gian.

Đức Phật Thích Ca ra đời đã được tiên đoán là bậc vĩ nhân xuất chúng và Ngài sẽ xuất gia tu đạo, trở thành người dẫn dắt chúng sinh khỏi những khổ nạn trong cuộc đời. Do đó mặc dù rất vui mừng vì Đức Phật Đản Sanh nhưng cha của Ngài - vua Tịnh Phạn cũng không khỏi băn khoăn lo lắng về ý nguyện xuất gia của Ngài và đã nuôi dưỡng Đức Phật bằng sự giáo dục hoàn mỹ với những hiền đạt về công danh và quyền thế nhằm hướng Ngài thành người kế vị ngôi báu sau này. Tuy nhiên, với ý chí và sự kiên định hiếm có, Ngài đã từ bỏ giàu sang, quyền lực, phú quý, quyết tâm tìm đường cầu đạo. Và sau rất nhiều gian khổ, Ngài đã thành công, chứng đắc được quả Bồ đề, tìm ra chân lý diệu kỳ của lẽ sống - cái chết và bắt đầu con đường giáo hóa chúng sinh của mình cho đến khi nhập diệt vào năm 80 tuổi.

Có nhiều tư liệu hiện nay bàn về năm Đức Phật Thích Ca Đản Sanh như: Việt Nam Phật giáo sử lược của Hòa thượng Thích Mật Thế ghi các năm: 1027, 1023, 685, 624, 566, 561, 557, 487, 466 trước Công Nguyên; Lịch sử Phật giáo Việt Nam của GS. Lê Mạnh Thát ghi là sinh vào khoảng thế kỷ VII trước Công Nguyên; Việt Nam Phong Tục của Phan Kế Bính có ghi các năm 1028, 624, 558, 520 trước Công Nguyên; Lược sử Phật giáo Ấn Độ của Hòa thượng Thích Thanh Kiểm xác định Đản Sanh ngày mùng 8 tháng 4 năm 642 trước Công Nguyên; Phật Học Tinh Yếu của Hòa thượng Thích Thiện Tâm ghi năm sinh 624 trước Công Nguyên; Phật Học Khái Lược của Lưu Vô Tâm ghi năm sinh 624 trước Công Nguyên... Tựu trung, thuyết ghi năm sinh của Đức Phật là 624 trước Công Nguyên là phổ biến hơn cả.

Trước đây các quốc gia có truyền thống Phật giáo thường lấy ngày 8 tháng 4 làm ngày kỷ niệm Đức Phật Đản Sanh là do trong lịch sử chỉ ghi rằng Đức Phật Đản Sanh vào ngày trăng tròn tháng Vesaka theo lịch Ấn Độ, ngày trăng tròn đó là ngày 8 theo lịch cổ Ấn Độ. Đến Đại hội Phật giáo Thế giới năm 1960 họp tại Phnompênh (Campuchia), các

đại biểu đã thống nhất lấy ngày rằm tháng Tư theo lịch mặt trăng làm ngày kỷ niệm Đức Phật Đản Sanh của Phật giáo đồ toàn thế giới.

Cũng cần nói thêm về việc tính Phật lịch liên quan đến ngày sinh của Đức Phật. Tại Đại hội Phật giáo Thế giới diễn ra tại Tokyo (Nhật Bản) năm 1952, các đại biểu của giới Phật giáo trên toàn thế giới đã quyết nghị lấy năm Đức Phật nhập Niết Bàn, tức năm 544 trước Công Nguyên làm năm đầu của Phật lịch. Theo cách tính của Phật giáo Bắc tông, Đức Phật thọ 80 tuổi, tức là năm 624 TCN là năm Đức Phật Đản Sanh. Ngài xuất gia năm 19 tuổi (năm 605 TCN), thành đạo năm 31 tuổi (năm 593 TCN), hoàng pháp 49 năm và nhập Niết Bàn năm 544 TCN. Theo cách tính của Phật giáo Nam tông, Đức Phật thọ 80 tuổi, tức là năm 624 TCN là năm Đức Phật Đản Sanh. Ngài xuất gia năm 29 tuổi (năm 595 TCN), thành đạo năm 35 tuổi (năm 589 TCN), hoàng pháp 45 năm và nhập Niết Bàn năm 544 TCN. Theo cách tính đó, năm 2011 này, Phật lịch là năm 2555, tính đồ đạo Phật kỷ niệm 2555 + 80 = 2635 năm ngày Đức Phật Đản Sanh nhằm Phật lịch năm 2555 mới chính xác, chứ không phải kỷ niệm Phật Đản 2555 tức là Đức Phật Đản Sanh cách nay 2555 năm như nhiều người vẫn tưởng.

Trong quan niệm của Phật giáo Nam tông, có một sự màu nhiệm liên quan đến những sự kiện trong cuộc đời Đức Phật đó là Đản Sanh, thành đạo, và Niết Bàn đều diễn ra vào đêm trăng tròn, tức đêm rằm của tháng Tư theo đúng ý nguyện của Đức Phật. Cho nên các hàng Phật tử tại gia và xuất gia đều lấy ngày rằm tháng Tư làm ngày lễ cúng dường Đức Phật. Và cũng chính vì lý do đó, năm 1999, tại phiên họp thứ 54, Đại Hội đồng Liên Hợp quốc đã quyết nghị công nhận ngày Tam hợp Đức Phật (Đản Sanh, thành đạo, Niết Bàn) vào rằm tháng Tư (tháng Vesaka) là lễ hội văn hóa tôn giáo thế giới, tên đầy đủ là Đại lễ Vesak Liên Hợp quốc. Năm 2008, Việt Nam đã đăng cai và tổ chức rất thành công Đại lễ quan trọng này.

Tại Việt Nam, lễ Phật Đản là lễ hội lớn nhất của tín đồ Phật tử trong năm, vào những ngày này, các tự viện thường tổ chức các sự kiện lớn kỷ niệm ngày Đản Sanh của Đức Phật, ôn lại truyền thống lịch sử của Đức Phật cũng như nhắc nhở chúng sinh về đại hạnh xuất gia cứu cánh của đức Bổn sư Như lai. Đặc biệt, trong dịp này, các tự viện thường tổ chức lễ tắm Phật. Xuất phát từ sự tích khi Đức Phật Đản Sanh có

chín con rồng xuống phun mưa tắm cho Ngài. Sự gột rửa đó vừa là để xóa đi những ô trọc trên cơ thể đồng thời còn truyền tải một thông điệp về việc tẩy trừ mọi phiền não, sân si đang vương bận trong lòng để hướng về sự thanh tịnh tinh khiết trong mỗi con người.

Để thực hiện Lễ tắm Phật, các tự viện thường bài trí bàn thờ với đầy đủ hương hoa, thỉnh tôn tượng Phật sơ sinh để trong chậu hoặc thau lớn tinh sạch. Chuẩn bị nguyên liệu nấu nước thơm tắm Phật. Ở nước ta, các Phật tử thường nấu nước với hoa lài, hoa cúc, quế... chờ nước nguội đổ vào chậu và rải thêm hoa lài vào nước tắm Phật. Có nơi giản tiện thì dùng nước mưa, nước lọc tinh sạch. Nước tắm Phật phải là nước thanh tịnh, vì vậy người chuẩn bị nước cần phải thành tâm, tin tưởng trọn vẹn vào công đức tắm Phật mới thành tựu như nguyện.

Đến giờ hành lễ, đạo tràng tri tụng kinh sám theo nghi thức Lễ tắm Phật. Đến đoạn tắm Phật, mọi người đồng tụng kệ rồi tuần tự đi đến lễ đài tôn trí tượng Phật sơ sinh chấp tay thành kính, múc nước nhẹ nhàng tưới lên hai vai của Ngài. Trong lúc tắm Phật, mỗi người cần lắng lòng thanh tịnh quán tưởng dòng nước cam lộ tinh sạch này sẽ gội nhuần tâm tư. Những tâm niệm tham lam, sân hận và si mê của bản thân nhờ công đức này mà được tẩy sạch. Những suy nghĩ, lời nói và việc làm xấu ác cũng được xóa tan. Thân tâm trở nên thanh tịnh, mát mẻ, nhẹ nhàng.

Ở Việt Nam, theo truyền thống Phật giáo Bắc tông, kết thúc lễ Phật Đản cũng là thời điểm các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni bắt đầu mùa an cư kiết hạ để thúc liễm thân tâm, trau dồi định tuệ. Các vị Tỳ Kheo thường tập trung về một tự viện theo quy định để học tập, sách tấn. Sau mỗi mùa an cư, vị Tỳ Kheo sẽ được tính thêm một tuổi đạo, còn gọi là tuổi hạ, hạ lap.

Ngày lễ Phật Đản đã trở thành một ngày lễ quan trọng của giới Phật tử, không chỉ như một việc làm tri ân công đức của Đức Bổn sư Như Lai, mà còn nhắc nhở mỗi chúng sinh luôn hướng về những giá trị tốt đẹp của cuộc sống, xây dựng một xã hội hoà bình, hạnh phúc, an lạc đúng như ý nguyện lúc Đản Sanh của Đức Phật, để khắp nhân gian đều an bình, hòa hợp trong chính pháp của Đức Như Lai.

» THÍCH PHÚC NGUYỄN

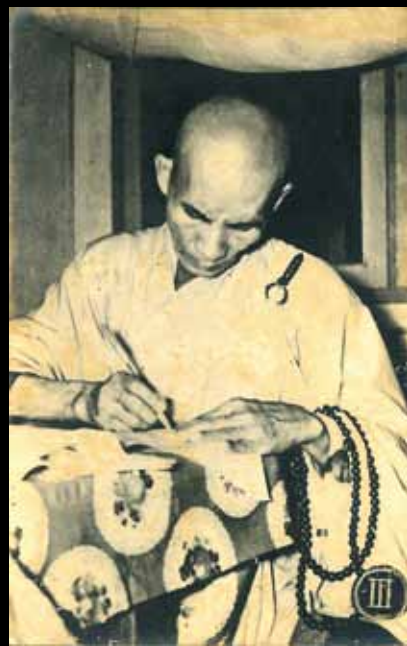
Bộ bưu ảnh sống tu hành và tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức

Bồ tát Thích Quảng Đức, tên tục là Lâm Văn Túc, (1897 - 11 tháng 6 năm 1963) là một hòa thượng phái Đại thừa, người đã tẩm xăng tự thiêu tại ngã tư (Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt cũ. Nay là Nguyễn Đình Chiểu - Cách Mạng Tháng Tám) ở Sài Gòn vào ngày 11 tháng 6 năm 1963 nhằm phản đối sự đàn áp Phật giáo của chính quyền Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm (cũng đã có bản tường thuật sự kiện). Sau khi chết, thi hài của Ngài Thích Quảng Đức đã được hỏa táng lại, nhưng trái tim của Ngài thì vẫn còn nguyên. Đây được coi là biểu tượng của lòng trắc ẩn, dẫn đến việc giới Phật tử suy tôn Ngài thành một vị Bồ tát, làm tăng sức ảnh hưởng của vụ tự thiêu lên dư luận.

Hành động của Ngài Thích Quảng Đức đã làm tăng sức ép của quốc tế đối với chính quyền Ngô Đình Diệm, dẫn tới việc Tổng thống Diệm phải tuyên bố đưa

ra một số cải cách nhằm xoa dịu giới Phật tử. Tuy nhiên, những cải cách đã hứa đó lại được thực hiện một cách chậm chạp hoặc trì hoãn không thực hiện, khiến tình hình càng trở nên xấu hơn. Khi phong trào phản kháng vẫn tiếp tục dâng cao, Lục lượng đặc biệt trung thành với cố vấn Ngô Đình Nhu, em trai Tổng thống, đã tiến hành nhiều cuộc tấn công bố ráp chùa chiền trên cả nước. Lục lượng này đã lấy được trái tim của Ngài Thích Quảng Đức, gây thiệt hại ở diện rộng cùng chết chóc. Một số nhà sư khác cũng đã tự thiêu theo gương Ngài Thích Quảng Đức. Cuối cùng, cuộc đảo chính quân sự vào tháng 11 đã lật đổ chính quyền và giết chết anh em Ngô Đình Diệm. Hành động tự thiêu của Ngài Thích Quảng Đức được coi như một bước ngoặt trong cuộc khủng hoảng Phật giáo Việt Nam, dẫn tới việc xóa bỏ nền Đệ nhất Cộng hòa tại miền Nam Việt Nam.







ĐẠI LỄ
TƯỜNG NIỆM 50 NĂM
BỒ TÁT
THÍCH QUẢNG ĐỨC
VỊ PHÁP THIÊU THÂN

» THÍCH NHẬT TÂN



**Đạo Pháp còn Dân Tộc còn, Đạo Pháp mất Dân Tộc mất
Tổ Quốc còn Đạo Pháp còn, Tổ Quốc mất Đạo Pháp mất**



**NGỌC HAY ĐÁ, TƯỢNG CHẲNG CẢN AI TẠC, LỤA HAY TRE, NÀO KHIẾN BÚT AI GHI
CHỖ NGƯỜI NGỒI: MỘT THIÊN THU TUYỆT TÁC, TRONG VÔ HÌNH SÁNG CHỎI NÉT TỪ BI**

CHƯ TÔN ĐỨC TĂNG NI & PHẬT TỬ THÁNH TỬ ĐẠO

BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC



(1907 - 1963)
ly sinh ngày 19-06-1907 (29-04-Cung Mão)
tại Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt, Sài Gòn

Ngon lửa thiêng liêng bùng cháy vượt tầng
Rúng động sáu lần trái đất và rung chuyển ba ngàn thế giới
Ngon lửa từ bi đại hùng đại lực chiếu rọi
Tại ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt, Sài Gòn
Ngon lửa từ bi đại hạnh đại nguyện của một bậc Thánh Tăng
Rúng động cả nước Việt Nam và lay chuyển khắp lòng nhân loại
Nhục thân tứ đại vô thường của Ngài, trả về cát bụi
Pháp thân kim cương bất hoại của Ngài, biểu tượng trái tim
Trái tim Bồ Tát bất diệt, kết tụ đài sen
Tăng tín đồ Phật Giáo uất nghẹn hòa vang
Nhân loại khắp năm châu dâng tràn ngấn lệ.

Đại Lễ Tưởng Niệm 50 Năm

Chư Thánh Tăng Ni vị pháp thiêu thân

Đại Đức Thích Nguyên Hương tại Công trường Chiến sĩ Phan Thiết
Đại Đức Thích Thanh Tuệ tại Chùa Phước Duyên, cố đô
Tỉnh lỵ Ninh Hòa, Thích Nữ Diệu Quang, một Ni Cô
Lửa bùng lên, lửa tiếp nối, để thức tỉnh cường quyền bạo lực
Ngon lửa Thượng Tọa Thích Tiều Diêu, tại Chùa Từ Đàm, Huế, sáng rực
Ngon lửa Đại Đức Thích Quảng Hương, tại Công trường Diên Hồng, Sài Gòn
Ngon lửa Đại Đức Thích Thiện Mỹ, tại Công trường Hòa Bình, bùng lên
Và kia nữa, ngọn lửa Thương phế binh Hồng Thệ, thành phố Vũng Tàu, quỳen khói
7 Vị Thánh Đức Tăng Ni, một Thương phế binh
Đại hoàng thệ nguyện Phật Pháp trường tồn, nên quyết tử
Tử, để chặn đứng vô minh
Tử, cho Đạo Pháp được tồn sinh
Tử, cho Dân tộc hết điều linh
Tử, cho Quê hương bình minh tươi sáng

Đại Lễ Tưởng Niệm 50 Năm

Chư Phật Tử hy sinh vì Đạo

Tăng tín đồ lòng đau nín thở
Mất rưng rưng và lệ thấm mềm môi
8 em Phật Tử tại Đài phát thanh Huế
Hỡi các em bé thơ ơi
Ngày Ngày Phật Đản
Ngày thiêng liêng cao quý nhất trong đời
Ngày thiêng liêng của tất cả chúng sanh
Ngày thiêng liêng của ba đường sáu nẻo
Các em đã bị chết thảm
Các em chết không toàn thân
Chết bởi đạn xéo, tên bay, lưỡi lê, xích sắt
Và thêm một em nữa, Nữ sinh Quách Thị Trang ngã gục
Tại Chợ Bến Thành, giữa Sài Gòn đô thị phồn hoa
Ai đã giết các em
Ai đã giết tuổi thơ
Tuổi trong trắng ngọc ngà
Tuổi thiên thần vẫy gọi
Họ đã biến các em thành những tấm bia
Tấm bia bằng da bằng thịt
Tấm bia học nói học cười
Tấm bia chưa lớn làm người
Họ bắn họ giết bởi bàn tay nhưng chế độ
Đó, là đỉnh điểm Pháp nạn Phật Giáo 1963 thống khổ
Đó, là đỉnh điểm Pháp Nạn Phật Giáo 1963 kinh hoàng
Không phải tự đứng bệch phát
Không phải vô tình diễn ra
Mà đã âm ỉ rên xiết, với kẻ sách 8 năm trường
8 năm, Phật Giáo đón chịu mọi tai ương
8 năm, Phật Giáo bị bịt nẻo bít đường
Cũng chỉ bởi một âm mưu duy nhất
Đó là, Phật Giáo phải bị triệt hạ

Đó là, màu cờ Phật Giáo phải bị kéo xuống
Đó là, đỉnh điểm Pháp Nạn Phật Giáo năm Quý Mão
Đó là, đỉnh điểm Pháp Nạn Phật Giáo năm 1963
Mà lịch sử 2000 Phật Giáo chưa từng xảy ra
Dù bất cứ thời kỳ nào
Dù bất cứ chế độ nào
Hay bất cứ triều đại nào
5000 năm Lịch sử Dân tộc chưa bao sát bạo tàn
2000 năm Lịch sử Phật Giáo chưa đổ máu nát xương
Mà Phật Giáo đã hòa nhuận cùng Dân tộc
Phật Giáo cùng xây đắp gấm vóc quê hương
Bằng qua mọi hưng phế thịnh suy thăng trầm vinh nhục
Chỉ có chế độ Nhà Ngô
Chế độ của hung tàn bạo ngược
Chế độ mang danh Dân chủ Tự do
Chế độ Gia Đình Trị hậu bán thế kỷ hai mươi
Muốn tận tiêu tận diệt phủ lên đầu Phật Giáo
Là Phật Giáo Việt Nam hôm nay
Là Tăng Ni Phật Tử hôm nay
Ai nhớ, ai quên, ai thương, ai cảm
Ai biết, ai không, ai hiểu, ai cùng
Xin đừng nghe, và xin trân trọng nghe
Nhờ ngọn lửa của Bồ Tát Thích Quảng Đức
Nhờ ngọn lửa của Chư Tôn Đức Tăng Ni
Nhờ sự hy sinh của Chư Phật Tử, vô ngại
Nhờ công đức của bao nhiêu bậc Tiên Nhân xả thân phụng mạng
Để cho Phật Giáo được sống còn
Để cho màu cờ Phật Giáo được tiếp tục tung bay
Để cho bài ca Phật Giáo Thống Nhất Bắc Nam Trung từ đây
Và để cho Dân Tộc hát bài ca thương yêu nói giống
Năm Mười Năm Trước
Công đức sâu dày Chư Thánh Tử Đạo cao siêu lồng lộng
Năm Mười Năm Sau
Hàng hàng lớp lớp Tăng Ni Tín đồ phủ phục tưởng niệm tri ân
Vốn đã, năm từng năm, hương hương khói khói, hòa quỳen tương lân
Vốn đã, ngày từng ngày, nhớ nhớ thương thương, thấm đau cảm kích
Năm Mười Năm, chẳng qua là dấu mốc
Dấu mốc nửa thế kỷ qua đi
Dấu mốc năm mươi năm nhìn lại
Ôi, ân đức thay
Ngon Lửa Thiêng Bồ Tát Quảng Đức, xóa tan bóng tối
Ôi, cao cả thay
Đền Trí Tuệ Chư Thánh Tử Đạo, quét sạch vô minh
Ôi, thương mến thay
Sự hy sinh các em Phật Tử, làm mềm sắt thép
Ôi, gương lành thay
Sự cống hiến các bậc tiên nhân, làm nhũn nhục hình
Đại Lễ 50 Năm Tưởng Niệm Tri Ân
Bồ Tát Thích Quảng Đức, vị pháp thiêu thân
Chư Tôn Đức Tăng Ni, vị pháp thiêu thân
Chư tín đồ Phật tử, vị pháp vong thân
Chư tiền bối hữu công, tài bồi son sắt
Đại Lễ 50 Năm Tưởng Niệm Tri Ân
Nguyện cho Phật Pháp hưng chấn trường tồn
Nguyện cho Đất Nước toàn vẹn núi sông
Nguyện cho Dân Tộc no cơm ấm áo
Nguyện cho Thế Giới hòa bình vĩnh cửu
Nguyện cho Nhân Loại thân thiện an lành
Hồi hướng công đức tất cả chúng sanh
Đồng chuyển nghiệp duyên, đồng giai lạc trụ.

Giới thiệu sách:

Năm mươi năm phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam (1963-2013)

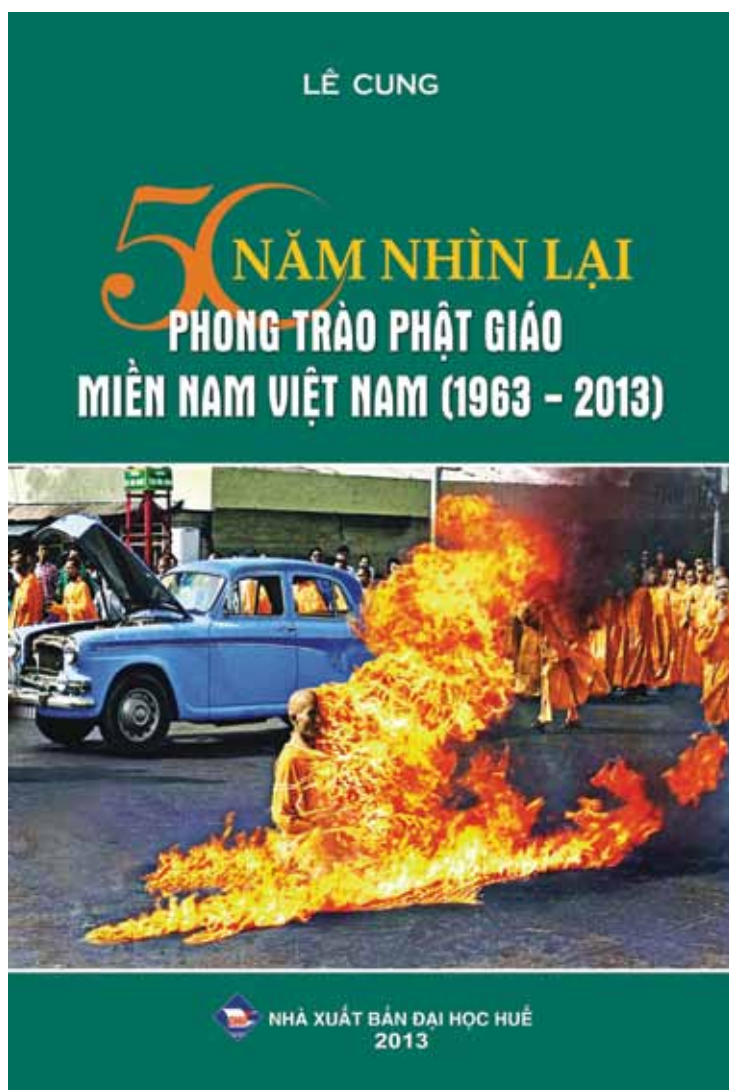
» LÊ TRIỆU XUYỀN

Nhà Xuất bản Đại học Huế vừa cho xuất bản ấn phẩm: Năm mươi năm nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam (1963-2013) của PGS. TS. Lê Cung, người mà “đối với những ai quan tâm đến lịch sử hiện đại của đất nước, đặc biệt là phong trào đô thị miền Nam (1954-1975) thì ... không có gì xa lạ”.

Ấn phẩm gồm 26 bài nghiên cứu của tác giả, đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trung ương và địa phương, kể cả ở nước ngoài cũng như trong các hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế, song nội dung xuyên suốt vẫn thuộc chủ đề phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963.

Do tập hợp những chuyên luận, những bài nghiên cứu nên ấn phẩm không sử dụng chương, mục mà được sắp xếp theo 4 chủ đề: Sức mạnh truyền thống, Giọt nước tràn ly, Hoa sen bất nhiễm và Bốn phương nhìn lại. Theo tác giả: “một sự sắp xếp như vậy, sẽ giúp bạn đọc dễ dàng tiếp cận từng vấn đề trong chuỗi vấn đề để nắm bắt cụ thể tinh thần quyết khởi của Phật giáo Việt Nam năm 1963, nhìn từ truyền thống đến hiện đại” (Thay lời tựa), giúp hiểu được tại sao Phật giáo Việt Nam đã tạo được “cú hích” năm 1963, mang tầm vóc lớn lao không chỉ đối với Phật giáo Việt Nam mà cả đối với lịch sử dân tộc.

Ngoài văn phong sáng sủa, khúc triết cùng với tư duy chặt chẽ, nét nổi bật của ấn phẩm là sự kiến giải lịch sử mang tính phát hiện cùng với nguồn tư liệu vô cùng phong phú. Nhờ vậy, ấn phẩm cho chúng ta một cái nhìn khá trọn vẹn về phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963. Một phong trào “đã ghi đậm nét trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân miền Nam”. Chính vì vậy, trong lời giới thiệu, GS. TS. Lê Mạnh Thát khẳng định: “Tin chắc rằng, công trình của PGS. TS. Lê Cung sẽ tạo được nguồn hứng khởi cho bất cứ ai đam mê khoa học, có ước muốn nắm bắt chân lý. Công trình còn là tài liệu bổ ích cho giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên các ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn các trường đại học tham khảo trong nghiên cứu và học tập. Đặc biệt, công trình là món ăn tinh thần có ý nghĩa cho đồng đạo khắp bốn phương”.



Với tác giả, ấn phẩm ra mắt bạn đọc đúng vào dịp kỷ niệm năm mươi năm phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 còn là nén nhang vọng bái những Phật tử xuất gia cũng như tại gia đã hy sinh và chịu đựng những đau thương mất mát ở vào thời điểm lịch sử ấy.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc ấn phẩm của PGS. TS. Lê Cung.

LỐI ĐẠO thên h thàng

ĐẠO là con đường hứa hẹn dẫn dắt con người tới đời sống có hạnh phúc chân thật. Bạn có thể chọn lựa con đường mình theo dưới nhiều hình tướng tùy theo nguyện ước cho phù hợp chính tự thân mình. Thường thì các bạn trẻ nghe nói tới ĐẠO là phải đi ngay vào chùa hay nhà thờ, bắt buộc phải cạo đầu xuống tóc đi tu, hay chí ít cũng phải cúng lễ bái một đấng thần linh vô hình nào đó mới được học đạo. Không phải vậy, đạo chỉ đơn giản là lối sống hiệu quả, lợi mình, lợi người thành đạt một tình yêu và có cuộc sống hạnh phúc chân thật.

Chúng ta thường bị cuốn hút theo các xu hướng thời cuộc, mình không thực chọn lựa theo tâm nguyện sâu sắc của mình đường hướng sống tối ưu. Sao mình không là một đóa sen thơm ngát giữa bùn lầy? Sao mình không là điểm tựa cho chính mình và mọi người?

Bạn phải làm giàu chính bạn bằng những phẩm chất cao đẹp: tự trọng, khiêm cung, từ ái, nhiệt huyết, ... trước khi làm giàu và tìm kiếm quyền lực chi phối gia đình và xã hội.

Với một người có tâm nguyện lành bạn đã đóng góp sâu sắc cho nền hòa bình thế giới. Cơ sở của thiện tâm, thiện chí là cơ sở của đạo vậy. Bây giờ bạn chỉ còn mỗi việc làm phát triển mầm mống tốt đẹp đó lên nên bạn cần phải trải nghiệm để rút ra bài học: làm gì để gìn giữ mình có đời sống tốt đẹp, làm gì để giúp người sống đời xứng đáng?

Trong bạn sẽ có một bậc Thầy soi sáng cho bạn có trí sáng suốt để bạn chọn lựa đúng mực con đường hạnh phúc cho chính mình.

Bạn có thể kiểm chứng theo những ý tưởng thi ca dưới đây.

道

無常本三界
我願作白蓮
貪執是幽獄
慈憫開光道
長夜洛名財
夢消見圓容
生死喜無常
慈心是金崗

ĐẠO

- 1) Vô thường bản tam giới
Ngã nguyện tác bạch liên
- 2) Tham chấp thị u ngục
Từ mẫn khai quang đạo
- 3) Trường dạ lạc danh tài
Mộng tiêu kiến viên dung
- 4) Sinh tử hỷ vô thường
Từ tâm thị kim cang

Dịch nghĩa:

CON ĐƯỜNG THÊN H THANG

- 1) Vô thường sống chết là bản chất của 3 thế giới
(dục giới, sắc giới, vô sắc giới)
Xin nguyện được làm một đóa sen trắng tỏa sắc hương
- 2) Tham lam bảo thủ là tự xây ngục tối cho ta
Yêu thương rộng lớn là mở cửa con đường sáng soi
- 3) Danh tài làm cho ta lạc lối đêm dài vô tận
Mộng tan tỉnh ra thấy được vạn vật đủ đầy sung túc
- 4) Vui vẻ với lẽ sống chết vô thường của cuộc đời
Tâm từ chính là gươm báu chặt đứt luân hồi

Dịch thơ:

CON ĐƯỜNG THÊN H THANG

- 1) Trần gian chìm nổi vui buồn
Đạo là sen nở ngát hương dâng đời
- 2) Ngục tù tham giận u minh
Đạo mầu thấp sáng trái tim nhân từ
- 3) Danh tài lạc lối đêm sâu
Sáng ra tỉnh giấc đạo mầu viên dung
- 4) Đời vui sống chết vô thường
Luân hồi vỡ vụn nhờ gươm đại từ

Trên đây tôi chỉ viết sơ lược để bạn trẻ dễ hình dung mà chọn lựa. Thật không dễ khi quyết định lựa chọn con đường cho mình. Nhờ nhân duyên lành tôi đã mạnh dạn tìm gặp nhiều bậc tôn túc, trưởng thượng. Khi tiếp xúc quan sát và tiếp nhận, tôi trực tiếp kiến ngộ nhiều điều từ thực tế sống động. Sau đây là một bài viết chia sẻ của một bậc tôn túc mà tôi tâm đắc, tôi nghĩ sẽ giúp bạn đi xa hơn "chân trời miên viễn" của chính mình. Nguyện cầu cho bạn vững tâm đi suốt chặng đường trăm năm gặt hái nhiều hạnh phúc chân thật.



Hành trạng Bồ - Tát Quan Thế Âm (AVALOKITESVARA)

» HÒA THƯỢNG THÍCH PHƯỚC SƠN

Nói đến Phật giáo, người ta nghĩ ngay đến đạo Từ bi cứu khổ. Mà hình ảnh cứu khổ tiêu biểu tuyệt vời nhất thiết tưởng không ai khác hơn là đức Bồ-tát Quan Thế Âm, hay Mẹ hiền Quan Âm. Vì vị Bồ-tát này có đầy đủ phẩm chất của một người mẹ trong tất cả những người mẹ. Hình như trong mọi trái tim của những người con Phật thuần thành - nhất là giới Phật tử bình dân - không ai là không không có hình ảnh đáng tôn kính của vị Bồ-tát giàu lòng bi mẫn này. Mỗi khi nói về Ngài, tựa hồ chúng ta ai cũng biết, nhưng có lẽ không ai dám cho là mình đã hiểu biết đầy đủ tất cả. Thế nên, trong bài này người viết xin giới thiệu cụ thể đôi nét chân dung của Bồ-tát một lần nữa, để giúp đại chúng chiêm.

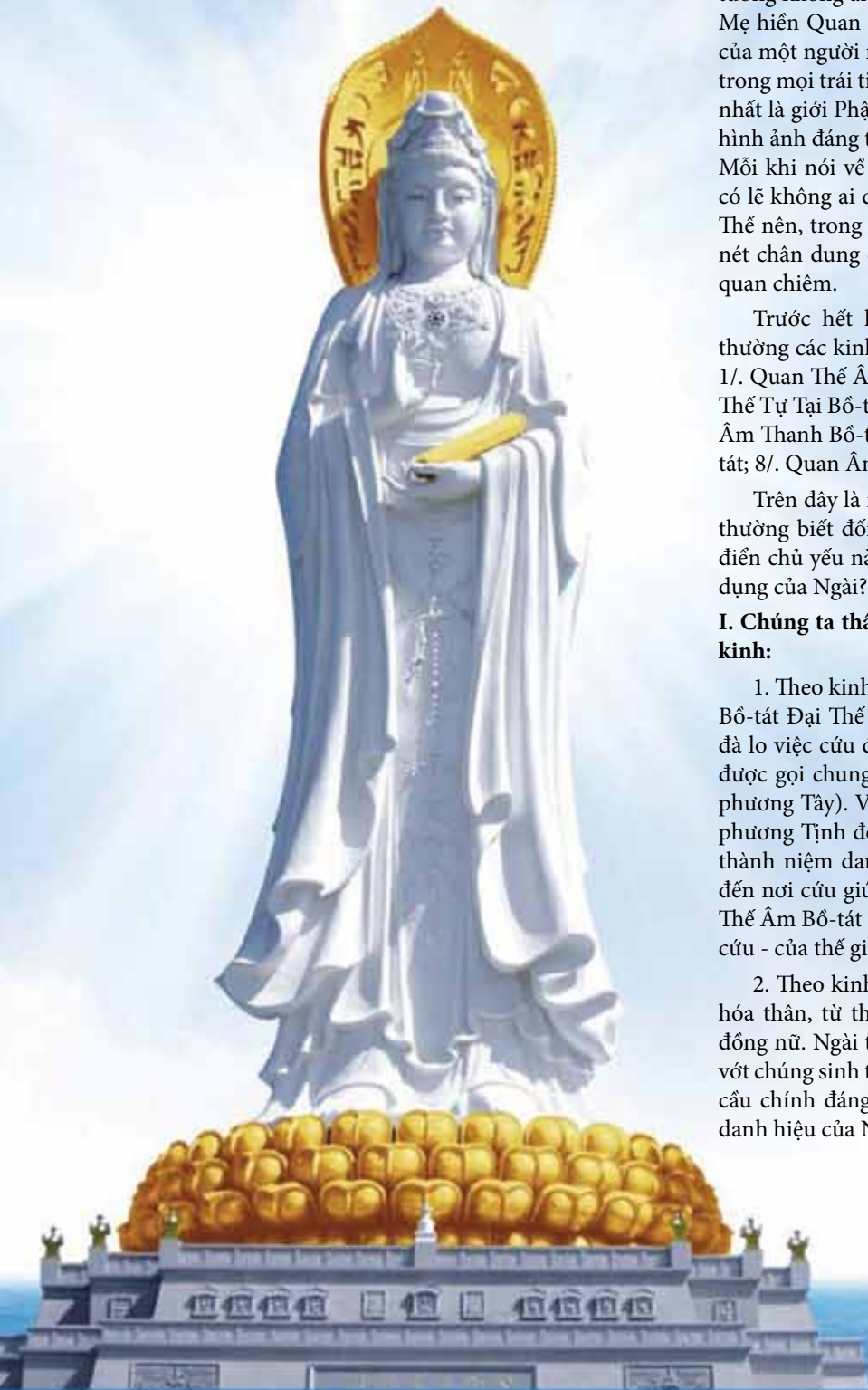
Trước hết hãy nói về danh hiệu của Bồ-tát. Thông thường các kinh điển kể về 8 danh hiệu của Ngài như sau: 1/. Quan Thế Âm Bồ-tát; 2/. Quán Tự Tại Bồ-tát; 3/. Quan Thế Tự Tại Bồ-tát; 4/. Quan Thế Âm Tự Tại Bồ-tát; 5/. Hiện Âm Thanh Bồ-tát; 6/. Quan Âm(*) Bồ-tát; 7/. Cứu Thế Bồ-tát; 8/. Quan Âm Đại Sĩ.

Trên đây là những danh hiệu phổ biến mà nhiều người thường biết đối với vị Bồ-tát này. Thế thì có những kinh điển chủ yếu nào để cập đến xuất xứ, vị trí và những hoạt dụng của Ngài?

I. Chúng ta thấy đại khái hành trạng của Bồ-tát qua các kinh:

1. Theo kinh Đại A-di-đà thì Ngài là Thị vệ bên trái, còn Bồ-tát Đại Thế Chí là Thị vệ bên phải của đức Phật A-di-đà lo việc cứu độ chúng sinh trong thế giới Ta-bà. Cả 3 vị được gọi chung là Tây phương Tam Thánh (3 vị Thánh ở phương Tây). Và trú xứ chính thức của các Ngài là cõi Tây phương Tịnh độ. Phàm khi chúng sinh gặp tai nạn mà chí thành niệm danh hiệu Quan Âm Bồ-tát, thì lập tức Ngài đến nơi cứu giúp. Do thế mà Ngài được đức hiệu là Quan Thế Âm Bồ-tát (Vị Bồ-tát chuyên lắng nghe âm thanh - cầu cứu - của thế gian).

2. Theo kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn thì Ngài có 33 hóa thân, từ thân Phật, Độc giác... đến thân đồng nam, đồng nữ. Ngài thường vận dụng 14 năng lực vô úy để cứu vớt chúng sinh thoát khỏi ách nạn, hoặc đáp ứng những yêu cầu chính đáng khi nào chúng sinh thành tâm niệm đến danh hiệu của Ngài.



3. Theo kinh Thủ Lăng Nghiêm thì pháp môn tu của vị Bồ-tát này là Nhĩ Căn Viên Thông, nghĩa là tai Ngài có thể được sử dụng như năm căn khác. Ngài phát tâm tu hành nơi pháp hội của đức Phật Quan Thế Âm, và đức Phật này đã thọ ký cho Ngài khi thành Phật sẽ có Phật hiệu giống như mình. Do đó mà Ngài có hiệu là Quan Thế Âm. Đồng thời vị Bồ-tát này cũng có 32 ứng thân giống như kinh Pháp Hoa đã mô tả.

Chỗ khác nhau là kinh Pháp Hoa kể đến 33 ứng thân, còn kinh Lăng Nghiêm thì liệt kê 32 ứng thân. Ngoài ra, hai kinh này còn giống nhau một điểm nữa là cùng mô tả về 14 đức vô úy của vị Bồ-tát này. Số lượng và nội dung của các đức vô úy này gần y hệt như sau.

4. Theo kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà-la-ni thì Ngài đã thành Phật từ đời quá khứ cách nay vô lượng kiếp, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, nhưng vì nguyện lực Đại bi, muốn làm lợi ích cho chúng sinh nên Ngài hiện thân Bồ-tát để dễ dàng hoàn thành đại nguyện. Thế nên, ngoài danh hiệu Bồ-tát Quan Âm như chúng ta thường nghe, có đôi chỗ còn gọi là Phật Quan Âm là vì vậy.

5. Theo kinh Nhất Thiết Công Đức Trang Nghiêm Vương thì Ngài là Thị vệ của đức Phật Thích-ca.

6. Theo Mật giáo thì Ngài là hóa thân của đức Phật A-di-đà.

7. Theo kinh Hoa Nghiêm thì đạo tràng của Ngài ở núi Bồ Đà Lạc trên biển Nam Hải. Đó là đôi nét sơ lược về hành trạng của Bồ-tát Quan Âm mà các kinh đã đề cập đến. Bây giờ chúng ta sẽ bàn rõ thêm một số vấn đề cụ thể khác.

II. Cuộc đời Ngài qua các phương diện:

1. Về tín ngưỡng Quan Âm

Tín ngưỡng này phát xuất từ Ấn Độ, Tây Vực, sau đó nhờ công tác phiên dịch kinh điển mà nó được truyền sang Trung Quốc, Tây Tạng, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam v.v... Bản kinh có đề cập đến Bồ-tát Quan Âm là kinh Pháp Hoa Tam Muội, gồm 6 quyển, do Chi Cương Lương Tiếp dịch vào năm Ngũ phụng thứ 2 (255) triều đại nhà Ngô thời Tam Quốc. Đây là bộ kinh được dịch sớm nhất là loại này. Sau đó, Trúc Pháp Hộ dịch Chánh Pháp Hoa Kinh Quan Thế Âm Phổ Môn phẩm vào năm Thái Khang thứ 7 (286). Rồi Cưu-ma-la-thập dịch Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quan Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn phẩm vào năm Hoàng Thi thứ 8 (406) đời Diêu Tấn.

Bắt nguồn từ các kinh được phiên dịch ra chữ Hán kể trên mà sự tín ngưỡng Quan Âm dần dần phát triển mạnh. Tại Tây Tạng, nền tín ngưỡng này rất thịnh hành. Lạt-ma giáo cho rằng đức Đạt-lai-lạt-ma được tái sinh nhiều đời chính là hình ảnh hóa thân của Bồ-tát Quan Âm. Ngoài ra, các nước khác tại Châu Á, chịu ảnh hưởng của Phật giáo Bắc truyền thì hình ảnh Bồ-tát Quan Âm tượng trưng cho mẹ hiền cứu khổ, được nhiều người thành kính tin tưởng và rất mực tôn sùng.

2. Về diệu dụng của Quan Âm

Về sức uy thần diệu dụng của vị Bồ-tát này theo kinh Pháp Hoa thì thường có 33 hiện thân như sau: 1/. Thân Phật; 2/. Thân Độc Giác; 3/. Thân Duyên Giác; 4/. Thân Thanh Văn; 5/. Thân Phạm Vương; 6/. Thân Đế-Thích; 7/. Thân Tự Tại Thiên; 8/. Thân Đại Tự Tại Thiên; 9/. Thân Thiên Đại Tướng quân; 10/. Thân Tứ Thiên Vương; 11/. Thân Thái tử

của Tứ Thiên Vương; 12/. Thân Nhân Vương; 13/. Thân Trưởng giả; 14/. Thân Cư sĩ; 15/. Thân Tể quan; 16/. Thân Bà-la-môn; 17/. Thân Tỳ Kheo; 18/. Thân Tỳ Kheo-ni; 19/. Thân Ưu-bà-tắc; 20/. Thân Ưu-bà-di; 21/. Thân Nữ chúa; 22/. Thân Đồng nam; 23/. Thân Đồng nữ; 24/. Thân trời; 25/. Thân Rồng; 26/. Thân Dược-xoa; 27/. Thân Càn-thát-bà; 28/. Thân A-tu-la; 29/. Thân Khẩn-na-la; 30/. Thân Ma-hầu-la-già; 31/. Thân Người; 32/. Thân Phi nhân; 33/. Thân Thần Cầm Kim Cương.

Đó là những hóa thân của Quan Âm Bồ-tát. Đồng thời Ngài còn có 14 năng lực Vô úy khác nữa phát sinh hiệu dụng khi nào chúng sinh thành tâm niệm danh hiệu của Ngài, mà kinh Pháp Hoa cũng như kinh Lăng Nghiêm đã mô tả như sau: 1/. Chúng sinh khổ não trong 10 phương thành kính niệm danh hiệu Ngài, liền được giải thoát; 2/. Chúng sinh gặp lửa dữ..., lửa không thể thiêu đốt; 3/. Chúng sinh bị nước cuốn trôi..., nước không thể nhận chìm; 4/. Chúng sinh vào xứ ác quỷ..., ác quỷ không thể làm hại; 5/ Chúng sinh gặp đao trượng..., đao trượng liền gãy; 6/ Chúng sinh gặp ác quỷ, ác thần..., thì chúng không trông thấy; 7/. Chúng sinh bị gông cùm, xiềng xích..., thì xiềng xích được tháo ra; 8/. Chúng sinh khi vào đường nguy hiểm..., giặc cướp không thể cướp đoạt; 9/. Chúng sin tham dục..., liền dứt khỏi tham dục; 10/. Chúng sinh nóng giận..., liền dứt hết nóng giận; 11/. Chúng sinh mê ám..., liền dứt hết mê ám; 12/. Chúng sinh muốn cầu con trai..., liền được con trai; 13/. Chúng sinh muốn cầu con gái..., liền được con gái; 14/. Chúng sinh niệm danh hiệu Quan Âm thì được lợi ích bằng niệm tất cả các danh hiệu khác.

Đó là 14 diệu dụng mà đức Bồ-tát này dùng để hóa giải ách nạn, ban phát ân huệ cho những chúng sinh nào có lòng thâm tín đối với Ngài.

3. Về hình tượng Quan Âm

Trước hết hãy nói về giới tính của Ngài, thông thường được thể hiện qua 2 hình thức, hoặc là Nam tính, hoặc là Nữ tính.

- Nam tính: Phật giáo Tây Tạng thờ Bồ-tát Quan Âm theo hình thức Nam tính. Đồng thời tương truyền từ đời Đường trở về trước các nước Phật giáo khác tại Châu Á cũng tạc tượng Ngài theo hình thức Nam tính.

- Nữ tính: Theo sách Trang Nhạc Ủy Đàm thì từ đời Đường trở về sau, các nước chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Hoa, khi tạc tượng Ngài đều dùng hình thức Nữ tính.

Ngoài ra, 3 chi phần khác là đầu, mắt, và tay của Bồ-tát thông thường được minh họa như sau:

Đầu: Từ một đầu, 3 đầu, 5 đầu, nghìn đầu, cho đến 84.000 đầu.

Mắt: Từ 2 mắt, 3 mắt, cho đến 84.000 mắt.

Tay: Từ 2 tay, 4 tay, cho đến 84.000 tay.

4. Về những ngày kỷ niệm

Như tất cả chúng ta đều biết, đặc biệt vị Bồ-tát này hằng năm có đến 3 ngày kỷ niệm, đó là kỷ niệm các ngày sinh nhật, xuất gia và thành đạo:

Ngày sinh nhật: nhằm ngày 19-2 ăl.

Ngày xuất gia: nhằm ngày 19-9 ăl.

Ngày thành đạo: nhằm ngày 19-6 ăl.



5. Về nơi cư trú

Tất nhiên, do sức thần thông diệu dụng và do bản hoài cứu khổ chúng sinh nên vị Bồ-tát này luôn luôn có mặt ở khắp mọi nơi mỗi khi có người thành tâm cầu nguyện, nghĩa là có cảm thì có ứng. Nhưng theo lẽ thông thường, chúng ta thấy các kinh ký tải về nơi cư trú của Ngài như sau:

Ở Tây phương Tịnh độ: theo kinh A-di-đà.

Ở núi Bồ-đà-lạc trên biển Nam Hải: theo kinh số Hoa Nghiêm số

Ở núi Phổ Đà, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc: theo kinh Quan Thế Âm Bồ-tát cứu khổ.

III. Quan Âm liên hệ với Chuẩn-đề

Bây giờ xin trình bày về mối quan hệ giữa Bồ-tát Quan Thế Âm và Bồ-tát Chuẩn-đề. Chuẩn-đề là từ phiên âm của chữ phạn Cundi, chữ này còn được phiên âm là Chuẩn-chi, Chuẩn-nê, có nghĩa là thanh tịnh; nói cho đủ là Chuẩn-đề Quan Âm, Chuẩn-đề Phật Mẫu, Phật Mẫu Chuẩn-đề hay Thất Cu-chi Phật Mẫu. Như vậy, Chuẩn-đề hay Chuẩn-đề Quan Âm chính là một trong những danh hiệu của Quan Âm Bồ-tát. Theo Thất Cu-chi Phật Mẫu Chuẩn-đề Đà-la-ni kinh thì Thân vị Bồ-tát này có màu vàng trắng, ngồi kiết gia trên đài sen, có hào quang tỏa sáng xung quanh, mình mặc thiên y, trên đầu trang điểm ngọc anh lạc, có 18 tay

đều đeo vòng xuyên, gồm có 3 mắt. Vị Bồ-tát này chuyên hộ trì Phật pháp và bảo hộ những chúng sinh có mạng sống ngắn ngủi được thọ mạng lâu dài. Pháp môn tu hành của vị Bồ-tát này là trì tụng bài chú: “Nam mô tát đa nẫm, tam miệu tam bồ đà Câu chi nẫm, đát diệt tha: án, chiết lệ chủ lệ chuẩn đề ta bà ha”.

Nếu ai chí thành trì tụng bài chú trên thì sẽ tiêu trừ tai họa, dứt hết bệnh tật, đạt được thông minh..., nhận được một luồng hào quang chiếu đến làm tiêu tan tội chướng, thọ mạng lâu dài, tăng trưởng phước đức: đồng thời được chư Phật, Bồ-tát gia bị, đời đời kiếp kiếp xa lìa ác thú, mau chóng chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.(1)

Thiên tông xem vị Bồ-tát này chỉ là một danh hiệu khác của đức Quan Âm nên rất tôn sùng.. Còn tông Thai Mật ở Nhật Bản thì xếp Ngài vào địa vị Phật, xem là Phật mẫu. Nhưng tông Đông Mật ở Nhật thì thừa nhận Chuẩn-đề là một trong 6 danh hiệu Quan Âm, thuộc Liên Hoa bộ. Sáu danh hiệu này là: 1/. Thiên Thủ Quan Âm; 2/. Thánh Quan Âm; 3/. Mã Đầu Quan Âm; 4/. Thập Nhất Diện Quan Âm; 5/. Chuẩn-đề Quan Âm; 6/. Như Ý Luân Quan Âm.

Theo Chuẩn-đề Đại Minh Đà-la-ni kinh thì vì để hóa độ chúng sinh mà đức Quan Âm ứng hóa thân vào trong lục đạo. Ngài ngự trị ở Biển Tri Viện thuộc Hiên đồ Thai tạng giới Mạn Trà la(2).

Ở đây xin giải thích thêm về từ “Phật Mẫu” mà ở trên đã đề cập.

Phật Mẫu (Buddha-màtri, Budhdha-màtar) bao gồm 4 nghĩa như sau: 1/. Chỉ cho Ma-da phu nhân (Mahà-màyà) thân mẫu của Phật, hoặc chỉ cho Ma-ha-ba-xà-ba-đề (Mahà-prajàpati) di mẫu của đức Thích-ca; 2/. Chỉ cho Bát-nhã-ba-la-mật (pan??-paramita). Vì Bát-nhã (trí tuệ) có thể sinh ra tất cả chư Phật, nên Thiên tông xem Bát-nhã là Phật mẫu (mẹ của chư Phật); 3/. Chỉ cho pháp. Vì chư Phật lấy pháp làm thầy, do pháp mà thành Phật, cho nên gọi pháp là Phật mẫu; 4/. Chỉ cho Phật nhân tôn. Theo Mật giáo, đây là một trong những hình thức thần cách hóa(3).

Qua hành trạng của Quan Thế Âm Bồ-tát được trình bày trên đây hình như hơi khó thuyết phục đối với nhân quang của giới khoa học. Tin hay không tin là quyền của mỗi người. Nhưng nếu để ý một chút, chúng ta sẽ thấy rằng hằng ngày trên thế giới này không biết bao nhiêu Thiên tai, chiến nạn xảy ra, và cũng không biết bao nhiêu tấm lòng từ bi nhân ái sẵn sàng nhường cơm xẻ áo hầu xoa dịu phần nào những nỗi đau thương thống khổ của đồng bào, đồng loại. Chúng kiến những cảnh tượng ấy, hiển nhiên chúng ta sẽ không còn ngờ vực gì nữa về diệu dụng từ bi cứu khổ, cứu nạn của đức Bồ-tát Quan Thế Âm đối với thế gian này.

Chú Thích:

(*) Quan Âm: Tên Ngài gọi đủ là Quan Thế Âm, nhưng vì người đời Đường ở Trung Quốc kiêng húy chỉ “Thế” nên gọi tắt là Quan Âm. Rồi từ đó trở về sau, nhiều người gọi mãi thành quen, vì thế mà có danh hiệu Quan Âm Bồ Tát.

(1) (2) (3): Phật Quang Đại Từ Điển, các trang 4058, 5515, 2619.

** Trích trong www.phatviet.com

Tên trộm xuất gia

Lúc ấy, Phật đang ở nước Tỳ-xá-ly, nơi một giảng đường lớn được xây dựng có nhiều tầng. Trong thành có một người chuyên nghề trộm cắp, khắp nước đều biết tiếng.

Ngày kia, nghe nói chỗ các thầy Tỳ Kheo ở có món đồ bằng đồng rất giá trị, tên trộm liền đang đêm đến đó rình mò định lấy. Ngờ đâu chú Tỳ Kheo rất tinh táo, chẳng có lúc nào sơ hở thuận tiện, nên cứ nằm rình trên mái nhà cả đêm. Nhân đó, nghe các thầy luận đàm với nhau, bàn về sự khác biệt giữa người phạm với chư thiên. Một thầy nói: “Người cõi thế đòi tròng mắt đảo nhanh lắm, còn chư thiên thì rất chậm.” Tên trộm nghe rồi liền nhớ. Nằm đó rình hoài chẳng được, chán nản bỏ về.

Ở nơi khác đến, mang theo một hạt châu ma-ni rất quý, đem dâng cho vua. Vua được hạt châu quý, mừng lắm, liền mang đến tháp Phật mà cúng dường, gắn lên bên trên nơi cổng trước của tháp.

Tên trộm nghe biết việc vua cúng dường hạt châu quý gắn nơi cổng tháp, liền nhân lúc đêm tối lên đến gỡ lấy mất. Lấy được rồi giấu kỹ chẳng dám mang đi bán, sợ người biết mà tra xét.

Vua nghe tin hạt châu bị mất, tức giận vô cùng, truyền lệnh truy nã khắp nước. Lại ra chỉ dụ rằng, ai biết được kẻ trộm mà đến mật báo với vua, đều được trọng thưởng. Tuy vậy, trải qua thời gian rất lâu mà chẳng có manh mối gì. Vua thất vọng không còn biết phải làm gì để tìm ra kẻ trộm.

Bấy giờ có vị quan văn tâu lên với vua rằng: “Nay đất nước ta phong tục thuần hóa, chẳng mấy khi xảy ra việc trộm cắp. Duy chỉ có một người chuyên nghề ăn trộm, cả nước ai cũng biết cả. Hạt châu ấy nhất định là do anh ta lấy. Nhưng nếu bây giờ bắt bớ, khảo tra, chắc không chịu nhận. Đại vương nên lập kế mới tìm ra được sự thật.”

Vua hỏi: “Lập kế thế nào?”

Vị quan ấy đáp: “Bây giờ nên kín đáo sai người đến chỗ tên ấy, mời mọc đãi đằng rượu thịt no say. Phục uống nhiều rượu cho say mèm đến mức chẳng biết chi nữa, rồi cho người khiêng bỏ trước điện chầu. Lại trang trí thêm ở chung quanh điện cho thật trang nghiêm đẹp đẽ, treo lên các thứ âm nhạc, đàn sáo... giả làm như cõi trời. Tên ấy vừa tỉnh, tất nhiên hoảng hốt, chẳng hiểu gì. Khi ấy, cho các tỳ nữ đến nói rằng: “Chúng tôi nghe rằng trước đây người ở cõi Diêm-phù-đế, lấy trộm hạt châu trên cổng tháp, nhờ vậy mà được sinh lên cõi trời Đạo-lợi này. Tỳ nữ chúng tôi ở đây có nhiệm vụ hầu hạ cho Ngài. Chẳng hay việc ấy có không?” Trong lúc tinh thần còn hoang mang, chắc rằng tên ấy sẽ thú nhận.

Vua nghe lời vị quan ấy, y kế thi hành. Khi các tỳ nữ gần hỏi trước điện đường, trong lòng đã muốn thú nhận. Chợt nhớ câu chuyện đã nghe nơi chỗ các thầy Tỳ Kheo

trước đây, liền chú ý nhìn vào mắt mấy cô tỳ nữ, thấy tròng mắt đảo nhanh chẳng khác gì mình, liền suy nghĩ: “Đây chẳng phải cảnh chư thiên, chắc có điều gì mờ ám.” Nghĩ vậy rồi, một mực chối phăng, chẳng nhận là mình có trộm hạt châu. Vua túng thế phải thả ra cho về nhà. Người ấy về rồi, trong lòng tỉnh ngộ ra, hối trách lỗi xưa, lại nghĩ nhờ một câu nói của thầy Tỳ Kheo mà thoát được tội chết, nên sinh lòng tín kính.

Khi ấy, vị quan văn lại tâu với vua nữa: “Thần có một kế nữa, có thể dò xét ra hạt châu ấy.” Vua hỏi: “Kế ấy thế nào?”

Đại thần nói: “Đại vương nên giả làm thần thiên, gọi người ấy đến phong cho làm đại thần. Tất cả của cải trong kho, mật cho người kẻ khai ghi chép đủ, rồi giao hết cho người ấy coi giữ. Ít lâu sau lại gọi đến mà khen thưởng, nói rằng: “Chưa có bấy tôi nào được như khanh, coi sóc hết thầy của cải trong kho chẳng hề thất thoát.” Người ấy tất sinh lòng hoan hỷ, vui mừng. Khi ấy, đại vương nên hỏi: “Trước đây ta có gắn hạt châu nơi cổng tháp, khanh có nghe biết việc ấy chẳng?” Lúc đó, người ấy chắc sẽ thú thật. Bởi vì thấy vua yêu chuộng khen thưởng, tin cậy giao cho hết thầy của cải, nếu không thú thật thì biết khi nào mới có dịp như thế nữa?”

Vua lại nghe lời, y kế thi hành.

Quả nhiên, khi ấy tên trộm liền thú thật: “Hạt châu ấy quả là do kẻ nô tài này trộm lấy. Vì sợ quá nên giấu kỹ chẳng dám để lộ ra.”

Vua lại hỏi: “Người lần trước say rượu túy lúy, ta cho người giả cảnh thiên cung mà hỏi, sao không thú nhận?” Tên trộm đáp: “Trước đây nô tài có nghe một câu nói của thầy Tỳ Kheo kia, rằng tròng mắt của chư thiên đảo qua đảo lại rất chậm, không như mắt của người thường. Khi ấy, các tỳ nữ của vua tròng mắt chẳng khác người, nên biết đó là cảnh giả, làm sao dám nhận?”

Khi ấy, vua lấy lại được hạt châu, trong lòng vui vẻ, không bắt tội. Tên trộm liền quỳ tâu rằng: “Đại vương đã thương mà không bắt tội, xin cho nô tài được xuất gia.”

Vua hỏi: “Người nay được ta phong làm đại thần, vinh hoa phú quý chẳng ai bằng, vì sao lại muốn xuất gia?”

Tên trộm đáp: “Trước đây nô tài chỉ nhờ một câu nói của thầy Tỳ Kheo mà sau được toàn mạng sống. Nếu được nghe pháp Phật, y pháp tu hành, chắc chắn sẽ được lợi ích lớn. Vì vậy, nguyện xin được xuất gia.”

Vua liền vui vẻ thuận cho. Người ấy chuyên cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A-La-Hán, đủ Ba trí sáng, Sáu phép thần thông, Tám môn giải thoát, khắp cõi trời người ai gặp cũng đều kính trọng, ngưỡng mộ.

Các vị Tỳ Kheo nghe Phật thuyết nhân duyên này xong thầy đều vui mừng tin nhận.

» THÍCH CHÚC ĐỨC

Biểu tượng sen trong đạo Phật

» HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC NGHIỆP

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Giáo chủ của đạo Phật hiện nay, giáng sinh vào mùa sen nở, ngày Trăng tròn (Vesak) 15 tháng 4 Âm lịch. Tuy nhiên, theo truyền thống ngày xưa của Phật giáo Phát triển, thì ngày giáng sinh của Đức Phật lại được kỷ niệm vào ngày 8 tháng 4 mỗi năm, tại Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản. Từ trước tới nay, vào mùa Phật Đản, tôi thường nghe thấy các cháu nam nữ, gia đình Phật tử hát bài nhạc Hoa sen để dâng lên Đức Phật, đại ý như:

“Hoa sen xinh đẹp biết là bao!
Hoa ơi, hoa có tự thừa nào?
Mà người hằng nói: hoa quân tử
Gần bùn vẫn giữ vẻ thanh cao...”

Trong các chùa, không chỉ tại Việt Nam, mà còn cả các nước trên thế giới, các pho tượng Phật thường ngồi trên hoa sen. Về mặt giáo lý Phát triển, hầu hết các kinh điển đều nhắc tới hai chữ Liên hoa (hoa sen). Đặc biệt kinh Thiền Định Hoa Sen (Pháp Hoa Tam Muội) đã được dịch đầu tiên tại miền Bắc (Việt Nam) vào giữa thế kỷ thứ III sau Tây lịch, từ chữ Phạn thành chữ Hán. Cứ theo thư mục Phật giáo của Bunyu Najiō, thì ghi: “Tăng sĩ Chi Cương Lương Tiếp (Kalaruci), người nước Đại Nhục Chi (Indo-Scythe), đã dịch nhiều kinh Đại thừa tại Giao Châu (Bắc Việt), vào những năm 255-256. Trong những kinh này, có bộ kinh Đại thừa nổi tiếng,

gọi là Pháp Hoa Tam Muội. Đồng thời có Tăng sĩ Việt Nam, tên là Thích Đạo Thanh, đã giúp Chi Cương Lương Tiếp cùng dịch bộ kinh Thiền Định Hoa Sen đó”. Cũng giống như Thích Tăng Duệ, Tăng sĩ Trung Quốc, đã giúp Ngài Kumarajiva (Cưu Ma La Thập, Đông Thọ), người xứ Quy Từ (Kucha), đến Trung Quốc dịch bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Saddharma-pundarika sutra), gồm 7 quyển, 28 phẩm, vào đầu thế kỷ thứ V, tức năm 406; và chúng tôi tạm dịch là kinh Hoa Sen Phép Mầu.

Tiếp theo phương Đông, ông Eugène Burnouf, người Pháp, đầu tiên ở phương Tây, cũng đã dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa, từ chữ Phạn thành chữ



Pháp, mà ông dịch là “Le Lotus de la Bonne Loi”, Paris, năm 1852. Bộ kinh này nằm trong tập sách “Introduction à l’histoire du Bouddhisme Indien”, Giới thiệu lịch sử Phật giáo Ấn Độ, mà ông đã biên soạn trước, năm 1844. Sau đó, tại Anh và Đức, lại có các học giả khác, cũng dịch kinh Pháp Hoa này thành chữ bản xứ. Do vậy, người phương Tây, Âu Mỹ Úc, thường gọi đạo Phật là Tôn giáo Hoa Sen (Religion of Lotus).

- Về biểu tượng, hoa sen là một loài hoa bình dị, tượng trưng cho đạo Phật và thực tế hoa sen lại phát sinh ở hồ, ao bùn, rồi vươn lên và tỏa ra hương sắc, làm đẹp thơm cho cả mọi người và môi trường sinh thái. Cũng vậy, đạo Phật là Trung đạo, vừa xuất thế vừa nhập thế, vừa vượt khỏi bùn vừa sinh ra từ bùn, xuất thế cho Tăng Ni, nhập thế cho các Phật tử, là một nếp sống hài hòa, cân đối; không thiên chấp, chẳng cực đoan. Nghĩa là, chẳng duy tâm, duy vật gì cả... Nói cách khác, mục đích của đạo Phật là giác ngộ và giải thoát, bình đẳng hạnh phúc và tự do, làm cho mọi người đều đạt tới đỉnh cao phẩm giá nhân bản. Vì thế, ngay từ đầu, đạo Phật đã công khai bác bỏ thẩm quyền của Thượng đế Phạm Thiên (Brahma) và xóa sạch xã hội bất công gồm 4 giai cấp của Bà La Môn giáo hay Ấn Độ giáo. Bởi lẽ Thượng đế, bất kể là gì, đều do sự tưởng tượng của con người tạo ra, hơn nữa, ai nghe theo Thượng đế, thì được lên Thiên đàng, hưởng hạnh phúc; trái lại, thì phải đọa xuống Hỏa ngục đời đời, đúng như lời dạy trong Thánh kinh. Như vậy, rõ ràng

thần phận con người suốt đời chỉ là nô lệ, chẳng có quyền sống và càng chẳng có giá trị nhân phẩm gì hết.

Với đạo Phật, thế giới này là do nguyên lý nhân duyên tương quan mà cấu thành; còn con người thì đều do quy luật nhân quả tương xứng của con người mà được hạnh phúc hay bị khổ đau. Bên cạnh đó, ai nấy đều có Phật tánh bình đẳng, tùy theo mỗi người có biết tu dưỡng thân tâm hay không.

- Về ý nghĩa, nói chung theo giáo lý của Phật giáo Phát triển; nói riêng theo kinh Hoa Sen, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có khả năng thành Phật, thành người giác ngộ và giải thoát, hạnh phúc và tự do, trong một thế giới thanh bình và an lạc. Ví dụ:

a)- Trong kinh Hoa Nghiêm, pháp hội đầu tiên mà Đức Phật giảng dạy cho các hàng Bồ tát, có Thiện Tài đồng tử được thụ ký thành Phật;

b)- Trong kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Sen, pháp hội Pháp Hoa và Niết Bàn cuối cùng mà Đức Phật giảng dạy cho các hàng Bồ tát Viên Giác, lại có Long Nữ cũng được thụ ký thành Phật.

Tuy nhiên, hai bộ kinh kể trên đều mở đầu bằng Bồ tát Đại Trí Văn Thù và kết thúc bằng Bồ tát Đại Hạnh Phổ Hiền. Nghĩa là, muốn đạt được ngôi vị Giác ngộ và Giải thoát, thì mỗi người nam hay nữ phải tu dưỡng cả trí tuệ và đạo đức từ bi, cả giác ngộ và hành động viên mãn, hướng tới tự lợi và lợi tha, tự giác và giác tha, tự hành và tự nhiệm.

Vậy, mỗi năm Đại lễ Phật Đản trở về, để tỏ lòng thành kính tri ân và báo ân Đức Phật, một trong bốn trọng ân - ân cha mẹ, ân Tổ quốc, ân những người giúp đỡ và ân Phật Pháp Tăng, thì chúng ta hãy tích cực thực hiện chủ trương từ bi cứu khổ, cứu nhân độ thế của Đức Phật. Nghĩa là, chúng ta phải vận dụng giáo lý Đại thừa thành cụ thể như:

Về mặt trí tuệ:

Chúng ta phải hiểu rõ 5 pháp môn Ngũ minh:

- Nội minh: tất cả giáo lý nội điển trong đạo Phật - Kinh, Luật, Luận, Sớ, Lục và Sử Truyền.

- Nhân minh: triết học, luận lý học và biện chứng pháp.

- Thanh minh: ngôn ngữ học, cổ ngữ và sinh ngữ.

- Y phương minh: y dược học, Đông y và Tây y.

- Công xảo minh: khoa học và kỹ thuật.

Về mặt thực hành: Chúng ta ứng dụng những kiến thức nói trên vào các việc thực tế sau đây:

- Từ thiện xã hội: góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng những nhà tình thương, cô nhi khuyết tật, đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực xã hội, xóa bỏ hủ tục, mê tín dị đoan...

- Giáo dục Phật học và thế học: tham gia ngành giáo dục, từ sơ học, tiểu học, trung học, đại học và các trường dạy nghề chuyên nghiệp cho cả đạo và đời.

- Y tế: thực hiện cả Đông y và Tây y. Xây dựng các phòng khám bệnh, phát thuốc miễn phí, bệnh xá và bệnh viện. Đồng thời, đào tạo các y tá, y sĩ, dược sĩ và bác sĩ trẻ và ưu tú, bằng các Tăng Ni, nhằm phục vụ các bệnh nhân nghèo và thể hiện thiết thực lòng từ bi cứu khổ. Ngoài ra, với sứ mạng Như Lai sứ giả, chúng ta sẵn sàng dẫn thân trên đường hoàng pháp lợi sinh, chia sẻ những nỗi niềm khổ đau, bất hạnh, tử biệt sinh ly, bằng những khóa lễ cầu an, cầu siêu và thăm viếng.

Vận động, động viên mọi Phật tử có lòng có sức, trong và ngoài nước, cùng nhau nhiệt tình phát tâm, kể ít người nhiều, tự nguyện, vượt ngoài lợi danh, thành lập Ban Từ thiện Phật giáo, nhằm tạo kinh phí trang trải cho ba việc công đức nêu trên. Được vậy, thì Phật tử chúng ta xứng đáng cúng dường ngày Đại lễ Phật Đản hàng năm với tinh thần: hoa sen nở ngát và sáng tỏa khắp đất nước Việt Nam yêu quý.

Chữ tu trong đạo Phật

» HÒA THƯỢNG THÍCH THIÊN SIÊU

Chắc ai cũng hiểu rằng, từ khi mới lọt lòng ra cho đến khi hơi thở cuối cùng, trong đời thường hưởng được mấy lần vui. Con vui vừa thoáng qua, cơn buồn lại kéo đến. Đã dành sanh, già, đau, chết là bốn đại hoạn, không ai tránh khỏi, mà những nỗi đói nghèo áp bức, oán thù gặp gỡ, ân ái xa lìa, hoàn cảnh lôi kéo cũng đủ làm cho chúng sanh đau khổ vô cùng. Nước mắt ngập tràn cả đại thiên thế giới, mà vẫn còn dâng lên mãi nếu lòng tham lam dục vọng nơi mỗi cá nhân cũng như đoàn thể - không được vui đập vào phần nào; hành vi xấu xa độc ác, ích kỷ hại người không được sang bằng và tiêu diệt do lòng từ bi rộng lớn biết nghĩ đến mình, đến người theo công lý và chính đạo. Chúng ta chỉ ngó ngay vào cảnh tượng ngày nay cùng thấy rõ đó là biển nước mắt đau thương bởi cơn cuồng vọng của loài người gây tạo. Thế nên chúng ta tin chắc rằng tất cả đau khổ chỉ có một con đường ra là mọi người biết nhìn nhau bằng cặp mắt từ bi, hay nói một cách khác là người biết tu theo đạo chính đáng giác ngộ.

Xưa nay các bậc thánh nhân, các vị đã giác ngộ như chư Phật, Bồ tát, không vị nào mà không trải qua con đường ấy; cho đến khi dạy người, dạy đời cũng chú trọng ở điều đó. Vậy bất luận người nào ở trong xã hội cũng cần lấy tu làm gốc, nếu không tự mình đã hư hỏng, mình đã làm tổn hại cho mình, thì mong giúp ích cho ai nữa?

Đời còn như thế, hướng chi đạo Phật, một đạo chú trọng mục đích tự giác giác tha, tự lợi lợi tha hơn cả mà lại không quan tâm đến sự tu sao được. Phật dạy trong kinh Lăng Nghiêm rằng: “Như tuy lịch kiếp, ức tri Như Lai bí mật diệu nghiêm, bất như nhứt nhứt tu vô lậu nghiệp”. Đại ý nói tuy nhiều kiếp học rộng nghe nhiều nhớ hết tất cả pháp môn của hằng sa chư Phật chỉ dạy, chẳng bằng một ngay chuyên tu nghiệp vô lậu xuất thế. Ấy là lời Phật khuyến cáo Tôn giả A Nan mà cũng là khuyến cáo cái tai hại không tu của chúng ta vậy. Nếu chỉ học mà không tu thì khác nào như người thuộc lòng tấm bản đồ rồi ngồi lý một chỗ, chẳng đến đâu được cả.

Thế thì biết tu là một điều cần yếu. Nhưng hiện nay, nhiều người trong hàng Phật tử chúng ta, cũng như một số đồng ở ngoài vẫn còn ôm mối nghi ngờ sai lạc. Có người nghĩ rằng tu là một việc làm quá khó, phải xa gia đình, xã hội để ép mình trong một khuôn khổ hẹp hòi, bít mắt bưng tai trước mọi hoàn cảnh, vứt bỏ bao nhiêu ước mong khoái lạc mà tu hành ủy mị, hàng ngày nghĩ tưởng đến việc gì xa xăm huyền ảo, ý lại thần quyền để cầu mong tương lai trường sanh, bất tử hay hưởng quả phúc đời đời. Tu như vậy phỏng có ích lợi gì cho ai? Giả sử tu như vậy mà thành thánh, thành thần, hưởng quả phúc thì lối tu chỉ thích hợp với hạng người thiếu nghị lực, hạng ông lão bà già! Hạng người thứ hai thì trái lại, họ nghĩ rằng tu là một việc rất hay, là nền tảng cho nhân tâm thuần hậu, cho hòa bình an lạc, vững bền; song khi nào hòa bình đã lan khắp, sinh hoạt được mới có thì giờ nghĩ đến việc tu dưỡng; chứ nhằm lúc đao binh loạn lạc, đời khác tung hoành, chính là lúc phải ra sức dẹp loạn an dân, nỗ lực làm lụng để vãn hồi sự no ấm, đợi bao giờ tâm thần ổn định mới lo đến

chuyện tu. Những điều nghi hoặc đối với sự tu vẫn còn nhiều nữa, song tóm lại cũng không ngoài hai điều vừa kể trên. Cũng vì nghi như vậy, mà bây giờ hễ nghe nói chữ tu thì người ta tưởng tượng ngay một hình dáng yếu hèn, một việc làm quái dị lạc hậu, không phải thời.

Xét kỹ hai lối tưởng đó nhiều phần không đúng, song không sai mấy đối với hạng người mệnh danh là tu, mà kỳ thật áp dụng lắm điều không chính đáng! Nếu bây giờ muốn bỏ cứu những khuyết điểm trên đây để làm nhiều lợi ích thiết thực cho khỏi phụ lòng tin Phật của chúng ta, thì tưởng cũng nên cùng nhau tìm hiểu rõ chữ “Tu” trong đạo Phật, trước để khỏi bị e ngại bởi những lời mĩa mai nồng cay có thể làm trở ngại bước đường tu tập chính đáng của chúng ta. Lẽ dĩ nhiên là ở đây chúng ta chỉ hiểu chữ “Tu” trong đạo Phật, chứ ngoài lối tu của đạo Phật ra, trên xã hội này còn bao nhiêu lối tu khác; mà tiếc vì phạm vi bài này không cho phép chúng tôi đem ra bàn cãi, chỉ có thể nói đại khái rằng các lối tu ấy đều chưa diệt tận nguồn gốc thống khổ, nên chưa phải là phương pháp đưa người đến chỗ giải thoát an vui chơn thật.

Thế nào là nghĩa chữ “Tu” trong đạo Phật? Định nghĩa một cách tóm tắt thì tu nghĩa là sửa. Xấu xa sửa lại cho tốt đẹp, tà vạy sửa lại cho chính đáng, độc ác sửa lại cho hiền lành, mê mờ sửa lại cho sáng suốt. Như người ta thường nói ngọc có dũa mài mới thành đồ hữu dụng, người có học tập mới trở nên người hay, ấy đều là cắt nghĩa chữ “Tu” vậy. Có nhiều người hay nói: “Phật tức tâm, tâm tức Phật, tôi chỉ tu cái tâm cũng đủ”. Mới nghe qua tưởng như hợp lý, song xét kỹ thì đó chỉ là câu nói buống bình để từ chối việc tu hành mà thôi. Nếu thử hỏi lại tâm vì sao phải tu và tu bằng cách nào, thì ít ai trả lời được. Thậm chí có người khi đã biết đạo cũng như khi chưa biết đạo, cứ giữ nguyên tánh xấu xa cố cựu, không chút gì đổi mới hay lo.

Đã đành rằng “Tâm tức Phật”, nhưng hiện nay còn làm chúng sinh thì quyết chắc tâm của ta còn mê lầm, vọng tưởng ích kỷ, biếng lười, chưa được như tâm Phật: sáng suốt, chân thật, rộng rãi, từ bi. Đứng về phương diện sự tướng sai biệt thì ta và Phật hai đảng mê ngộ, khổ vui khác nhau như trời và vực, không thể nói suông mà mong được giải thoát. Trái lại cần phải thành thật cố gắng kiểm điểm lại mình, nghiệm xét nơi mình để thấy rõ cái gì xấu xa, cái gì tà vạy, cái gì độc ác, cái gì mê lầm mà lần sửa đổi tu hành cho đến khi hoàn toàn viên mãn. Trong lúc tu hành ấy, hễ sửa được bao nhiêu điều hư quấy, tức là diệt được bấy nhiêu nguyên nhân thống khổ, sự khổ sẽ tách dần ra mà sự an vui lần hồi phát hiện, bao giờ hoàn toàn thanh tịnh ấy là chứng đủ bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh; không bị điều chi làm hệ lụy. Cho nên kinh có câu: “Nhược năng chuyển mọi vật, tức đồng Như Lai”. Như Lai hay Phật là vị đã chuyển được mọi vật, bên trong không bị tánh tình ô nhiễm làm mờ tối, và bên ngoài không bị hoàn cảnh sắc, thanh, danh lợi quyến rũ chi phối. Tự mình làm chủ mình, làm chủ hoàn cảnh.

Nếu bây chúng ta muốn được an vui, thì phải tự chủ; mà muốn được tự chủ thì cần nương theo Phật pháp để sửa đổi hành vi, tánh tình, quan niệm hẹp hòi sai lạc đã lâu đời lâu kiếp bám chắc nơi chúng ta. Sửa đổi hành vi tức là sửa đổi những điều độc ác của hành động và lời nói. Thân thường hay sát hại, trộm cắp, dâm ô: miệng thường hay nói dối, dèm pha, nịnh hót v.v... ấy là hành vi có hại mà ít ai tránh khỏi. Nếu chúng nó được bồi đắp, lan rộng ra hoài thì nhân loại chúng sanh càng bị xô mau đến chỗ tiêu diệt. Hãy xem như một nghiệp sát, mấy năm lại đây không nơi nào là không do nghiệp sát gieo họa gồm ghê, làm cho sự sống, một điều mật thiết quan trọng hơn cả của mọi vật, không còn chút gì bảo đảm. Đã bao giờ như ngày nay, toàn nhân loại chỉ sống trong hồi hộp lo âu, nơm nớp sợ hãi khi thấy mạng mình nhẹ hơn cát bụi bên vệ đường, không phút nào yên tâm với bàn tay tàn nhẫn của nghiệp sát đang hung hăng chực chờ dọa nạt. Vậy là chưa kể đến tai nạn các hành vi trộm cướp, nói dối v. v... cũng gieo họa ghê gồm không kém.

Nếu ai nấy cũng nhận chân sâu sắc các hành vi ác độc kể trên là nguyên nhân trực tiếp gây ra đau khổ giữa người và mình - vì gieo nhân sát hại thì hoặc cách này hay cách khác cũng phải gặt lấy kết quả bị sát hại; để sửa đổi, tu hành diệt trừ dần đi mới có ngày sống an toàn trong hòa vui thân mật được. Đã sửa đổi hành vi cũng phải sửa đổi tánh tình, vì tánh tình xấu xa mới thật nguy hại nhiều hơn. Tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, nghi ngờ là những tâm tánh xấu xa cố cội của chúng sanh.

Vấn biết đã có thân thì ai lại không tham muốn sống còn, nhưng lắm người vì chất chứa lòng tham vô đáy, điều gì hay ho đều muốn thu góp về phần mình, chỉ muốn đời sống của mình được vinh quang sung sướng, đầy đủ, quý trọng hơn hết thầy mọi người, nên dù việc gì đê hèn hay độc ác mà hề đưa lại lợi lộc về mình thì không bao giờ từ chối, mặc ai thiếu thốn, khổ não, kêu la, cũng không hề đoái nghĩ! Thậm chí xem tiền tài, danh vọng hơn trăm, ngàn, ức triệu tánh mạng sanh linh đồng loại chỉ vì tham chút lợi danh mà làm cho đời sống nhân loại bị điều đứng, niệm tham lam vô hình mà tai hại không phải ít, ở trong gia đình có một kẻ tham - tham ăn chẳng hạn - thì sự sống của gia đình mất sự hòa thuận; đến giữa xã hội hề lòng tham này nở mạnh mẽ ở đâu thì ở đấy không sao tránh khỏi cảnh tình xô xát thảm mục thương tâm; vì đã tham tất nhiên có sân, đã sân thì tất nhiên tranh giành xâu xé.

Than ôi! Một tánh tham đã làm cho ai nấy chấy ruột nung gan, huống còn thêm bao nhiêu tánh xấu xa khác nữa. Song, muốn sửa đổi tâm tánh xấu xa một cách dễ dàng đến tận gốc thì đồng thời phải sửa đổi quan niệm hẹp hòi ích kỷ.

Tất cả mọi vật đều sanh sanh, hóa hóa trên một bản thể chung cùng hòa hợp, không có sự vật nào được tồn tại ra ngoài bản thể chung cùng ấy. Chính chúng ta cũng phải nhờ sự liên quan hỗ trợ tất cả mà có ra. Vậy mà chúng sanh mê mờ, tự phân biệt, tưởng tượng chấp riêng một cái Ta, xây ranh giới mà chắn ngang giữa mình và mọi người, mọi vật; luôn luôn đặt cái Ta ra trước, lên trên, lấy cái ta làm định chuẩn cho mọi hành động, nói năng, suy nghĩ. Bởi vậy nên thường bị hẹp hòi, sai lầm, khổ sở. Suy rộng ra nào vinh nào nhục, nào thì nào phi, không có gì là tuyệt đối. Cái vinh của người này là cái nhục của người kia, cái vinh của người kia tức là cái nhục của người này. Ở đời cũng lắm chuyện để cho ta thấy rõ trường đời là nơi đấu tranh nhỏ hẹp ở trong sự phê phán xây nắn của cái Ta hẹp hòi giả dối. Vậy cần phải mở mang trí tuệ thật rộng rãi, phá lẩn quan niệm

sai lầm chấp có bản ngã mới thấy đời rất rộng rãi để khoan hòa đối với mọi loài, mọi vật.

Như vừa nói ở trên, đó là sửa đổi hành vi hung ác, sửa đổi tánh tình xấu xa, sửa đổi quan niệm chấp có cái Ta hẹp hòi, ấy là nói về ngăn ngừa cái xấu, diệt trừ cái xấu, dùng để cho nó đâm chồi mọc nhánh ra hoài. Tu như vậy có thể cho là lối tu tiêu cực hơn là phát huy cái tốt, khuếch trương cái tốt, làm cho cái tốt càng ngày càng rộng rãi lớn lao. Hiện tiền nơi chúng ta không những có rất nhiều điều tà vạy ô nhiễm, mà cũng có rất nhiều điều hay, cần nên bồi đắp, tu dưỡng; như bố thí, nhẫn nại, khoan hòa, sáng suốt, bình đẳng, xét ra chẳng ai không có, nếu biết cố gắng vun bồi thì không việc lợi ích gì mà chúng ta không làm được.

Tóm lại hai phương diện tu hành trên, một đằng lo diệt trừ cái tánh hại người hại mình, một đằng lo cái tánh lợi mình, lợi người. Đã nhận thấy lòng tham lam có hại mà lo diệt bớt lòng tham là tu, diệt trừ lòng giận là tu, diệt trừ lòng kiêu mạn, ích kỷ là tu. Trái lại nhận thấy bố thí là hay, chăm làm bố thí là tu, từ bi cứu vật là tu, khoan hòa rộng rãi là tu. Cho đến bất luận gì hành động tốt đẹp, có nhiều lợi ích cho người mà cố gắng quên mình để thực hành theo cũng đều gọi là tu cả. Tu như vậy đâu có phải là hẹp hòi hay nhu nhược, tu như vậy đâu phải là việc riêng của một nhóm người nào hay của một thời đại nào, chỉ vì có nhiều người chưa hiểu chữ “Tu” có một phạm vi rộng rãi đó, nên tưởng rằng tu là việc chuyên môn của người tu sĩ, của kẻ chán đời, ẩn dật, hay của hạng môn đồ đạo này hoặc đạo khác mà thôi, ngoài ra không liên quan với đại đa số người còn đang lăn lộn, chông chọi, hoạt động sống với đời sống không xa thực tế hơn. Ôi, đâu biết rằng cái quan niệm sai lầm ấy không khác nào cái quan niệm của mấy người tưởng phép vệ sinh là phạm vi chuyên môn của mấy ông thầy thuốc, hay của mấy người đã mắc bệnh truyền nhiễm.

Đành rằng phương diện điều trị thân xác có nhiều điều ngóc ngách khó khăn mà thầy thuốc phải gia công tâm cứu, phải cần cho mình một hoàn cảnh sạch sẽ hợp vệ sinh hơn, nhưng trong hạng người không phải thầy thuốc mà không cần biết vệ sinh, tự do ăn nhớp ở nhúa thì không chỉ tai hại cho mình, còn lây sang mọi người xung quanh, khiến họ phải sống chung trong một cảnh ngộ nguy hiểm. Phương diện trị thân xác đã vậy, thì phương diện cải tạo tinh thần không kém chi. Muốn diệt hết bao nhiêu tâm niệm xấu xa còn lại, và phát huy tất cả tâm niệm tốt đẹp rộng rãi thêm lên lại càng rất khó, nếu không phải là người có quyết tâm với mục đích ấy, nếu không có một hoàn cảnh thuận tiện cho sự tu hành thì khó mong kết quả hoàn toàn. Bởi vậy trong đạo Phật các vị tăng già, các hàng tu sĩ phải xuất gia để bớt ngoại duyên phiền nhiễu, phải ở nơi nhàn tịch mới thấy rõ nguồn gốc sâu xa của tội lỗi mà gội rửa tiêu trừ. Nhưng nếu hiểu thêm rằng không phải là chỉ mấy vị ấy mới tu được, mấy vị ấy mới cần tu, mà tất cả các hạng người ở vào địa vị nào trong thời loạn cũng như thời bình, đều có thể tu, đều cần nên tu cả; nếu không tu tức là tự do để cho thói tham lam, bóc lột, ích kỷ hại người đứng lên làm chủ, gây tai ương không bờ không bến.

Vậy ta có nên xem chuyện tu là việc ngoài phận sự của mình không? Ta có thể không nhận rõ nghĩa chữ “Tu” được không? Hãy nên nhận chân cho rõ, xem đó là một phương châm của đời sống ngay thẳng thà mà không trao đưa cho ai cả, chỉ tự mình gắng thực hành lấy và khuyến lơn người khác biết mà thực hành, để cùng nhau xây dựng nên một cảnh sống yên vui bền vững tạo cảnh Cực Lạc giữa Ta bà này. Nếu được như vậy tức là đã hiểu đã thực hành đúng nghĩa chữ “Tu” trong đạo Phật.



Mối quan hệ giữa tu sĩ và cư sĩ

Sau khi Thế Tôn nhập diệt, các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống cung kính tùy thuận bậc Đạo Sư; sống cung kính tùy thuận pháp; sống cung kính tùy thuận chúng Tăng; sống cung kính tùy thuận học pháp; sống cung kính tùy thuận không phóng dật; sống cung kính tùy thuận tiếp đón. Đây là nhân, đây là duyên, sau khi Như Lai nhập diệt, diệu pháp được tồn tại lâu dài(1).

Từ đĩa bánh mật do hai anh em Tapussa và Bhallika phụng cúng sau khi Đức Phật thành đạo(2), cho đến bữa cơm của chàng thợ rèn Cunda trước khi Như Lai nhập Niết bàn(3); đã xác tín rằng, có sự liên hệ hỗ tương giữa hàng tại gia và đời sống của những bậc xuất thế. Trên phương diện lịch sử, mối quan hệ này xuất hiện trước khi Phật giáo ra đời và tồn tại đến ngày nay trong nhiều dạng thức tín ngưỡng, tôn giáo. Ở đây, với tâm và tuệ siêu việt, Đức Phật đã tiếp biến và thiết định lại mối quan hệ này theo những chuẩn mực đặc thù.

Trong các chúng đệ tử Phật, chúng tại gia có một số lượng đông đảo và giữ vai trò quan trọng, thậm chí ảnh hưởng đến sự tồn vong của Phật giáo nói chung. Theo Hajime Nakamura, sự kiện chúng tại gia xuất hiện trước chúng xuất gia có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, vì ngay cả khi không có một đệ tử xuất gia nào cả, một bậc xuất sĩ vẫn có thể an ổn sống đời tu hành(4). Đây là quan hệ tương thuộc lẫn nhau và diễn ra trên cơ sở tự nguyện. Ở một nghĩa nào đó thì sự hưng thịnh của Phật giáo các thời kỳ cũng đồng nghĩa với sự phát triển mối quan hệ giữa tu sĩ và cư sĩ.

Mặc dù giữa hai bộ phận này khác nhau về thứ bậc, phẩm vị và trách nhiệm tự thân; tuy nhiên trên phương diện giữ

gìn sinh mệnh Phật giáo ở nghĩa rộng nhất có thể, thì tu sĩ và cư sĩ đều chung vai gánh vác sứ mệnh thiêng liêng đó bằng những điều kiện và khả năng riêng có của mình. Hướng tiếp cận để tài phát xuất từ giác độ đó.

Về người cư sĩ

Điều kiện căn bản để trở thành người cư sĩ là phải quy y Tam bảo. Kháng định này được xác quyết bởi kinh Tăng chi(5) và cả kinh Tương ưng(6). Xét về liên hệ cội nguồn, người tu sĩ là tiền đề để người cư sĩ hiện hành. Như vậy, từ định nghĩa cho thấy, không có người tu sĩ thì không có người cư sĩ, và đây cũng là điểm đặc thù giữa cư sĩ Phật giáo với người tại gia nói chung.

Sau khi phát nguyện quy y Tam bảo, trở thành người cư sĩ, ngoài việc hoàn thiện đạo đức tự thân như tuân giữ năm giới và thực hành các thiện pháp; người cư sĩ còn có những trách vụ hỗ tương trong mối liên hệ với những người xuất gia mà ở đây, gọi tắt là tu sĩ.

Theo Đức Phật, một người cư sĩ chân chính phải sống có trách nhiệm với chính mình, với cha mẹ, vợ con, người làm công, thân hữu và các bậc tu hành, trưởng thượng(7). Sự chu toàn về sáu trách nhiệm vừa nêu là chuẩn mực đạo đức lý tưởng của một người cư sĩ. Ở đây, theo kinh Bốn phận người gia chủ(8), Đức Phật dạy rằng, người cư sĩ nếu đủ phước, đủ duyên thì nên hộ trì các bậc xuất gia phạm hạnh về các nhu cầu sống thiết yếu, trên cơ sở của tự nguyện và tùy duyên.

Với người cư sĩ, dù thân phận và địa vị có khác biệt nhau nhưng nếu như có tâm, thì vẫn có thể yểm trợ các điều kiện sinh hoạt cho Tăng-già. Trong lịch sử kiến tạo đạo tràng, kinh điển đã lưu dấu công đức của những cư sĩ

vang danh thời Phật như thương gia Anathapindika(9), tín nữ Visakha(10), hay quốc vương Bimbisara(11) cho đến nàng kỹ nữ Ambapali(12). Thậm chí, ngay như một người thợ gốm Ghatikara nghèo khó vẫn sẵn lòng tháo dỡ mái tranh của mình để tu sửa ngôi thất lá bị đột của Đức Phật Kassapa(13). Sự hỗ trợ không gian tu là một trong những sự yểm trợ quan trọng được Đức Phật tán thán: Ai cho chỗ trú xứ, kẻ ấy cho tất cả(14).

Ngoài việc yểm trợ không gian tu, tùy theo điều kiện, người cư sĩ có thể phụ giúp chăm lo các điều kiện y tế, phương tiện đi lại và các điều kiện sinh hoạt tế nhị khác cho người xuất gia. Đơn cử như bà Visakha, vì thấy các vị Tỳ Kheo-ni gặp bất tiện trong việc tắm giặt nên đã phát nguyện suốt đời cúng y tắm mưa cho chư ni(15). Chuyện cư sĩ Jivaka chữa bệnh đầy hơi, khó tiêu cho Đức Phật(16), chuyện cư sĩ cúng giày cho Đức Phật và chúng Tăng khi đi lại trên những vùng khó khăn(17)...

Theo kinh điển, buông xả là một chuẩn mực đạo đức của người cư sĩ. Cúng dường người xuất gia là một trong những cách thức thể nghiệm tâm buông xả. Hơn nữa, đã là một người đệ tử Phật, thì phải có trách nhiệm đến sự suy vong hay phát triển của đạo pháp. Sự hiện hữu của người xuất gia là sự hiện hữu của Tam bảo. Góp duyên để người xuất gia hoàn thành sứ mạng thiêng liêng đồng nghĩa với hạnh nguyện hộ pháp. Đây chính là phương diện tích cực trong trách vụ hỗ trợ người xuất gia.

Mặt khác, việc yểm trợ cho người xuất gia cũng là phương cách để dành năng lượng tâm linh tích cực, bồi bổ cho chuỗi sinh mệnh của chính mình. Vì chư Tăng chính là thừa ruồng; cho người cầu công đức(18). Từ những ý nghĩa đó, cho nên việc hỗ tương, yểm trợ về nhiều mặt cho người tu sĩ trong điều kiện khả dĩ của mình, là một sứ mạng quan trọng của người cư sĩ tại gia.

Qua khảo sát kinh, luật ở hệ thống Nikaya, cho thấy sự hỗ trợ của người cư sĩ đối với hàng xuất gia phần lớn giới hạn ở điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt và những phẩm vật đó là kết quả của quá trình thấu hoạch đúng pháp(19).

Trường hợp của nữ cư sĩ Mātikamātā được ghi lại trong Tích truyện Pháp cú là một gợi ý tham khảo về người cư sĩ, dù đã chứng đắc thánh quả, nhưng vẫn hỗ trợ chư Tăng trong bốn món cần dùng(20). Chuyện kể rằng, nữ cư sĩ Mātikamātā phát nguyện hộ trì sáu mươi vị Tăng trong ba tháng An cư. Sau khi nghe pháp quán về ba mươi hai yếu tố về thân từ các vị này, bà miên mật hành trì và chứng đệ tam thánh quả trước cả những vị Tỳ Kheo mà bà đang phát nguyện hộ trì. Với sự hỗ trợ của tứ thông và những phép thần túc tương ứng, nữ cư sĩ biết được thể trạng, tâm tư của từng vị Tỳ Kheo và hỗ trợ các điều kiện vật chất như mong mỏi của các vị ấy. Kết thúc mùa an cư, cả sáu mươi vị Tỳ Kheo đều chứng đắc thánh quả A-la-hán.

Từ đây có thể thấy, dù chứng đắc Thánh quả, nhưng sự hỗ trợ cho chư Tăng của nữ cư sĩ vẫn khu biệt ở các điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt. Trong một vài trường hợp đặc biệt, sự hỗ trợ của cư sĩ đối với hàng ngũ xuất gia liên quan đến đạo đức cá nhân, pháp thức tu tập hoặc kết tập kinh điển chỉ xuất hiện với những vị cư sĩ thượng căn, thượng trí, có tâm và tuệ vững vàng(21). Từ đây đã gợi mở ra những giới hạn, cũng như phương thức hỗ tương nhu nhuyễn giữa cư sĩ đối với hàng xuất gia.

Bên cạnh đó, việc yểm trợ người xuất gia thì không nên giới hạn ở một vị tu sĩ cụ thể hay dựa vào sự thân quen. Vì Tăng là đoàn thể. Phải buông bỏ ý thức đây là thầy mình, kia là thầy xa lạ mà phải giữ tâm bình đẳng trong khi dâng cúng phẩm cho chư Tăng. Câu chuyện bà Gotami cúng y cho Đức Phật và được Phật yêu cầu bà cúng cho Tăng chúng là một minh chứng cho trường hợp này(22). Đây cũng là một lưu ý quan trọng về nguyên tắc yểm trợ chư Tăng.

Kể đến, việc phụng sự chư Tăng phải đi liền với tâm hoan hỷ. Vì khi cúng dường với tâm hoan hỷ, thì dù cúng phẩm nhỏ nhoi nhưng vẫn có ý nghĩa lớn(23). Và hơn thế, Đức Phật sẽ không nói lời tùy hỷ với các thí chủ, dù đó là nhà vua, nếu như không có tâm cung kính và sự gia tâm(24). Nhận thức đúng về các điều này là những định hướng quan trọng cho người cư sĩ, trong thiện hạnh yểm trợ người xuất gia.

Về người tu sĩ

Tu sĩ Phật giáo là người từ bỏ đời sống thế tục, nên cũng còn gọi là người xuất gia, sống trong những chuẩn mực đạo đức và hành trì theo những pháp môn đã được Đức Phật thiết định. Sự hiện hữu của hình bóng tu sĩ đúng nghĩa là sự hiện hữu của Phật pháp.

Đó là câu chuyện của Ngài Xá Lợi Phất khi trông thấy đạo phong trang nghiêm của Tôn giả Assaji đã cảm sinh lòng quy ngưỡng Phật pháp, làm nhân duyên ban đầu để được Phật hóa độ(25). Xem ra, trang nghiêm tự thân đôi khi cũng là nhân duyên để đưa người quy ngưỡng Tam bảo.

Trong mối quan hệ với người cư sĩ của hàng xuất gia, hoạt động khát thực được Đức Phật dành nhiều quan tâm, chú trọng vì từ hoạt động này làm nảy sinh ra nhiều vấn đề quan thiết. Xuất phát từ thực tế chúng sanh tồn tại là nhờ vật thực(26); cũng vậy, người xuất gia cũng phải dựa vào thức ăn để sống, để chuyển hóa bản thân cũng như giáo hóa người. Muốn sống thì phải khát thực, xin ăn. Với người xuất gia theo kinh tạng Nikaya, chất lượng vật thực không là vấn đề quan ngại. Vì, người tu sĩ thọ dụng món ăn khát thực nhằm để hỗ trợ phạm hạnh(27).

Ngay như bản thân Đức Phật, trong ba tháng An cư ở vùng Veranja, do sơ suất của người phát nguyện hộ trì, Ngài đã phải thọ dụng nước lã và cám rang(28). Câu chuyện của Ngài Maha Kassapa khi nhận cúng phẩm từ người cùi là một sự thực rúng động. Theo tự thuật, Tôn giả Maha Kassapa vào thành khát thực, ngang qua một người cùi với bàn tay lở loét. Kẻ ấy phát nguyện cúng cho tôn giả một muống cơm, ngay khi bỏ muống cơm vào bát của tôn giả, ngón tay cùi kia bị đứt ra và cùng rơi vào trong bát. Tôn giả thọ dụng tất cả những gì người cùi đã hỷ cúng mà không sanh một chút ghê tởm nào(29). Sự kiện đó đã cho thấy, bậc xuất sĩ lý tưởng luôn hoan hỷ và an vui với những gì nhận được.

Cần phải thấy, hoạt động khát thực vừa là phương cách duy trì sự sống cho người tu sĩ vừa là phương tiện để hóa độ những ai hữu duyên. Phải ý thức rằng, không phải ai xin ăn, cũng gọi là khát sĩ(30). Vì khát thực là cả một nghệ thuật tinh tế. Kinh Tương ưng đã ghi lại lời căn dặn của Đức Phật đối với các Tỳ Kheo khi đi khát thực: Nay các Tỳ Kheo, hãy giống như mặt trăng khi đi đến các gia đình, thân phải dè dặt, tâm phải dè dặt, luôn luôn là người mới giữa các gia đình, không có đường đột xông xáo(31).

Hoạt động khát thực của người xuất gia khác với kẻ ăn xin ở chỗ là không cầu cạnh, xin xỏ(32), vì người xuất gia lấy

việc khát thực làm hạnh tu, là những vị sống vì lý tưởng mục đích, duyên với lý tưởng mục đích; không phải vì ma cưỡng ép, không phải vì trộm cướp cưỡng ép, không phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi, không phải vì không có nguồn sinh sống(33). Hình ảnh vị khuất sĩ ôm bát đứng tĩnh lặng trước từng nhà trong một khoảng thời gian vừa phải, là biểu tượng thanh thoát, an nhiên. Do không phải cất lời xin xỏ, nên dù không có gì để cúng, thì người cư sĩ cũng không bị ái ngại, buồn lòng. Ý nghĩa biểu tượng của hành trạng khát thực đặc thù ở điểm ấy. Không những thế, tâm thế khi nhận vật phẩm của tu sĩ thời Phật cũng rất thanh cao, khác biệt với việc xin ăn của người thường tục. Theo kinh Trung bộ, những thiết định về nhận vật phẩm rất chi tiết và rõ ràng: không nhận từ hai người đang ăn, không nhận từ người đàn bà có thai, không nhận từ người đàn bà đang cho con bú... không nhận tại chỗ có chó đứng, không nhận tại chỗ có ruồi bu(34).

Mục đích của những quy định khát khe đó nhằm thể hiện tính không thương tổn đến đối tượng được khát thực, dù đó là một đứa trẻ, một con chó hay một con ruồi. Phần duyên khởi của chuyện tiền thân Đức Phật số 137 kể lại rằng, vì lo phụ mẹ làm bánh cúng dường Tỳ Kheo mà nàng cư sĩ Kānā bị chồng chối bỏ(35). Rúng động hơn, đó là chuyện nữ cư sĩ Suppiya do vì không tìm được dược liệu thích hợp, đã tự cắt thịt đùi làm thuốc để chữa bệnh cho một vị Tỳ Kheo(36). Do đó, Phật dạy rằng cần phải cân nhắc khi thọ dụng cúng phẩm, phải xét xem cúng phẩm đó có gây đau khổ cho ai không thì mới được thọ dụng. Không cân nhắc, thẩm sát trước khi thọ dụng vật phẩm cúng dường là hành động tự sát, giống như kẻ ngậm con súc sắc đã bị tẩm độc(37).

Trong hành hoạt của người xuất gia, việc tương giao với người cư sĩ dù đó là thứ dân hay vua chúa thì phải hết sức cẩn trọng. Trong khi liên hệ với các bậc vương quyền, người xuất gia cần phải chiêm nghiệm mười điều nguy hiểm được Đức Phật cảnh báo(38). Trong quan hệ với người thường dân, kinh Tăng chi đã liệt kê năm nguyên tắc mà hàng xuất gia không nên làm(39). Đó chính là không thân mật với người không thân tín; nếu người cư sĩ không đảm bảo độ tin cậy thì không nên thiết lập quan hệ sâu sắc, không nên ký thác cho họ những công việc quan trọng. Thứ hai, không can thiệp vào việc không có thẩm quyền; người tại gia hay gặp phải nhiều vấn đề phức tạp và đôi khi họ xin ý kiến, trong trường hợp không đủ chuyên môn thì vị tu sĩ không nên góp ý, can thiệp. Thứ ba, không ra vào với các phần tử chống đối; bởi nếu như giữ liên lạc với những người này thì dễ rơi vào tư tưởng phe, nhóm tạo ra những oán kết không đáng có đối với người xuất gia. Thứ tư, không nói một bên tai; đó là hành vi khuất tất, người xuất gia tâm, hành luôn quang minh chính đại, không có điều gì cần phải che giấu, cho nên không cần thiết phải nói với riêng ai. Thứ năm, không xin quá nhiều; xin xỏ đã là một hành xử không phù hợp với giới luật của người xuất gia, và xin xỏ quá nhiều cũng là điều không hợp lẽ. Vì việc xin xỏ quá nhiều làm thối thất tâm bồ-đề của người cư sĩ tại gia. Hành động đó, Đức Phật chê trách và gọi rằng đó là hành động vắt sữa bò cho đến khô kiệt(40).

Về phương diện hóa độ, việc khát thực thức ăn đòi hỏi cũng là một pháp thức chuyển hóa người hữu hiệu. Đó là câu chuyện Ngài Moggalana độ ông trọc phú keo kiệt(41). Chuyện kể rằng, ông ta muốn ăn bánh bột chiên nên bảo vợ con lên lầu cao làm bánh để khỏi chia sẻ cho ai. Quán xét nhân duyên vị cư sĩ này đến thời khai ngộ, Đức Phật cử Ngài

Moggalana hóa hiện thần thông ôm bát hóa duyên ngoài không trung, gần cửa lầu vị cư sĩ. Vừa ngạc nhiên, vừa sợ hãi và sau vài hóa hiện thần thông của Tôn giả Moggalana, vị trọc phú đã quy ngưỡng Tam bảo.

Ở một phương diện khác, chính bản thân Đức Phật ôm bát hóa độ Bà-la-môn Kasibhāradvāja khi vị này đang phân phát thức ăn cho những người cày ruộng. Khi bị Bà-la-môn cất vấn Ngài không cày ruộng thì lấy gì nuôi thân? Đức Phật khẳng định rằng, Ngài vẫn cày ruộng đó thôi. Cách làm ruộng của Ngài lấy lòng tin là hột giống, khổ hạnh là cơn mưa, trí tuệ đối với Ta, là ách và lưỡi cày, xấu hổ là cán cày, ý là sợi dây buộc, và niềm đối với Ta, là lưỡi cày, gây thúc(42). Sau cuộc hội thoại, Bà-la-môn Kasibhāradvāja xác tín rằng: Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử! Không lâu sau đó, vị này đã xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Có thể nói, trách vụ quan trọng của người xuất gia trong mối liên hệ với người cư sĩ là giảng dạy và hóa độ họ. Đây chính là sứ mạng chính yếu của người xuất gia. Đọc kinh Giáo giới Phú Lô Na(43), chúng ta có thể hình dung ra sứ mạng giáo hóa chúng sanh, bất kể nghiệp dĩ họ còn nặng nề là một sứ mạng thiêng liêng mà hàng xuất gia cần phải gánh vác. Theo kinh, Đức Phật đã đưa ra rất nhiều giới định, thậm chí phải mất mạng trong khi hoằng pháp, nhưng Tôn giả Phú Lô Na vẫn kiên định hạnh nguyện dẫn thân giáo hóa cho dân chúng xứ Sunaparanta. Với tâm lực và hạnh nguyện phi phạm đó, Tôn giả Phú Lô Na chỉ trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp được khoảng năm trăm nam cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ khoảng năm trăm nữ cư sĩ(44). Câu chuyện là một bản trường ca về tinh thần giáo hóa không nề hà khó nhọc của người tu sĩ.

Một sự tương tác quan trọng kế tiếp giữa hàng xuất gia đó chính là tác thành giới thể cho người cư sĩ. Nếu như người cư sĩ có thể tự mình tiếp cận kinh điển, giáo pháp bằng cách này hay cách khác nhưng đối với giới pháp hành trì thì cần phải nương tựa vào chư Tăng, do chư Tăng tác pháp truyền thọ. Vì ngay trong định nghĩa của người cư sĩ đã nêu dẫn ở phần trên, yếu tố nương tựa Tăng bảo là một trong những tiêu chuẩn cơ bản để người cư sĩ có mặt, định hình. Trường hợp quy y Tam bảo với số lượng đông đảo lên đến 600.000 người trong lịch sử cận hiện đại tại Ấn Độ do B.R. Ambedkar khởi xướng, là một ví dụ điển hình. Vì lẽ, mặc dù khá am tường kinh điển và là lãnh đạo tinh thần của nhiều người nghèo khổ, nhưng khi tổ chức đại lễ quy y, B.R. Ambedkar đã phải cung thỉnh Hòa thượng Bhadant U.Chandramani truyền Tam quy và Ngũ giới cho mình và hội chúng(45).

Theo kinh Ưu Bà Tắc giới, việc thọ trì Năm giới hoặc Tám giới Bát quan trai của người cư sĩ đều được truyền thụ trực tiếp từ hàng ngũ xuất gia(46). Trường hợp tự phát nguyện thọ giới, dù đó là giới Bát quan trai chúng tôi chưa tìm thấy trong kinh văn chính thống.

Trên bước đường độ sinh, đôi khi người xuất gia phải tiếp cận với những hạng người còn cứng cõi, chưa thuần thực hay chính xác hơn là chưa phải là người cư sĩ đúng nghĩa. Trong trường hợp này, cần phải thẩm sát kỹ lưỡng về khả năng của mình và cơ duyên của họ. Đôi khi có những trường hợp, dù cúng dường vật phẩm, nhưng thái độ của họ không như pháp thì không nên thọ nhận. Trong kinh Tăng chi, Phật nêu ra tám trường hợp mà ở đây là những trường hợp tiêu biểu: Họ không hoan hỷ khi thấy Tỳ Kheo, không cẩn thận, không chu đáo khi cúng dường thức ăn, họ cho đồ hư xấu và không

thích nghe pháp(47).

Gặp phải những trường hợp này, Phật khuyến khích Tỷ Kheo nếu chưa đến thời không nên đến, nếu đã đến thời không nên ngồi xuống(48). Tuy khát thực xin ăn nhưng phẩm hạnh Tỷ Kheo vẫn cao chất ngất, bởi bằng bạc trên mỗi bước chân hoàng hóa là thái độ vô cầu. Và, đã hóa độ thì tùy duyên, khi duyên chưa chín thì không nên gượng ép vậy.

Vài suy niệm về mối liên hệ giữa cư sĩ và tu sĩ

Cả cư sĩ và chư Tăng đều là đệ tử Phật, chỉ khác chăng là dung nghi, hoàn cảnh sống, mức độ tu tập, giới pháp hành trì và khả năng tâm linh. Cả hai chúng đệ tử này có sự liên hệ, hỗ trợ với nhau chặt chẽ. Sự tăng trưởng hoặc ngược lại của bộ phận này đều có sự tác động, ảnh hưởng đến bộ phận kia; xét về mức độ sâu xa thì đôi khi còn ảnh hưởng tới sự phát triển hay suy vong của Phật giáo.

Trong vai trò của mình, ngoài trách vụ hỗ trợ hàng xuất gia về các điều kiện sống, người cư sĩ còn có trách nhiệm tương hỗ, bảo vệ hình ảnh người xuất gia. Thậm chí trong một vài trường hợp người xuất gia bộc lộ tính chất yếu kém, sơ suất về phương diện giới luật thì người cư sĩ tùy theo hoàn cảnh của mình mà có sự trợ duyên cần thiết. Trợ duyên trong những trường hợp đặc biệt này không đồng nghĩa là sự bao che, mà chính là bảo hộ và bảo bọc với tâm thương yêu và sự thấu hiểu, để rồi để đạt với chư Tăng ở phẩm vị cao hơn định liệu.

Cư sĩ không nên can thiệp quá sâu vào việc của người tu sĩ. Xuất phát từ thực tế, có những người cư sĩ nhân danh việc bảo hộ chư Tăng, trùng hưng Tam bảo, nhưng do chưa thoát khỏi sân tâm, chưa kiểm soát được tự ngã, chưa vững chãi về trí tuệ thẩm sát; nên việc làm của họ tuy mang danh là hộ pháp, nhưng thực tế thì gần với nghĩa là phá đạo hơn. Chuyện đứa con đuổi ruồi nhưng sơ ý làm người mẹ chết,

được Đức Phật kể lại trong kinh Tiểu bộ(49) là những gợi ý tham khảo về việc này.

Trong giai đoạn gần đây, qua một số kênh truyền thông đại chúng, đã có một số trường hợp, chưa rõ đó có phải là người cư sĩ hay không, bằng những ngôn ngữ khô cứng, đã góp ý vào những việc chuyên sâu, liên quan đến phẩm hạnh của Tăng. Theo như Nho gia, từ câu chuyện của Huệ Tử và Trang Tử(50), thì người đứng bên ngoài, khó có thể biết được cái lo hay cái buồn của cá. Theo Phật giáo, là ngoại nhân, thì khó có thể nhận hiểu đầy đủ việc của hàng xuất gia, vì không thể căn cứ vào hiện tượng để quy kết bản chất. Đó cũng là điều được Phật dạy trong kinh Tương ứng: Phải cộng trú mới biết được giới đức của một người, và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ(51). Hơn thế nữa, căn cứ từ lịch sử kinh, luật, những việc làm vừa nêu quá xa với vai trò của một người cư sĩ lý tưởng, theo chuẩn mực Phật dạy.

Do vậy, người cư sĩ cần phải thẩm sát thật sâu tâm và tuệ của mình trước khi dẫn thân thực hiện hạnh nguyện cao cả đó. Vì lẽ, xét trong mối quan hệ giữa cư sĩ và chư Tăng thì tâm thế bảo vệ hình ảnh chư Tăng là bảo vệ cho chính hàng cư sĩ. Di ngôn các con phải hoan hỷ với nhau như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm(52) được Đức Phật lặp lại trong nhiều trang kinh, vì đây cũng là cơ sở để giáo pháp được tồn tại lâu dài(53).

Trên phương diện ngược lại, người xuất gia phải nâng đỡ hàng cư sĩ như những người con, em trong gia đình Chánh pháp, phải kiên nhẫn trong bước đầu hướng dẫn họ. Không trách cứ khi họ sai lầm, miễn làm sao họ tiến triển trong Chánh pháp là được. Không ý lại vì đã giúp người cư sĩ trong một vài nghi sự tang, hôn. Sự trưởng thành trong nhận thức





về Chánh pháp, sự vững chãi về phương diện đạo đức tự thân, sự tiến triển về tâm linh của người cư sĩ có liên quan thâm thiết đến vai trò của hàng xuất gia.

Người xuất gia phải phát nguyện mạnh mẽ trong việc giáo hóa người cư sĩ như Tỳ Kheo Abhibhu khi đứng ở cõi trời Phạm thiên: Hãy đứng dậy, lên đường/ Hãy dẫn thân Phật giáo(54). Ở đâu người cư sĩ có nhu cầu học Phật, thì hàng xuất gia nên phát nguyện dẫn thân. Trong thực tiễn thời nay, với những nhu cầu của hàng cư sĩ như cưới gả, ma chay; hàng xuất gia phải xem đó như là cơ duyên để tùy duyên hóa độ mà không nên đòi hỏi bất cứ điều kiện nào. Đi cúng để họ đến với đạo, thâm tín trong Chánh pháp chứ không phải là dịp để mong họ tạ ơn. Phải trầm tư thêm lời dạy của Đức Phật trong kinh Tập: Ta không hưởng vật dụng, do tụng kệ đem lại, đây không phải là pháp, của bậc có chánh kiến(55).

Về phương diện tiếp thụ và sử dụng vật phẩm do người cư sĩ hiến cúng, người xuất gia nên giữ tâm bình đẳng trước mọi phẩm vật cúng dường. Không dính mắc vào tính chất của cúng phẩm, đó là thái độ cần có của một bậc xuất gia, vì Tỳ Kheo như giọt nước, không dính trên lá sen(56). Kinh điển ghi lại rất nhiều trường hợp hàng cư sĩ cúng Đức Phật những món trân quý, từ nhà cửa, đất đai cho đến vật dụng quý báu, Đức Phật vẫn hoan hỷ tiếp thụ và tùy nghi xử lý. Chuyện Ngài A Nan được cúng năm trăm chiếc y làm cho vua Udena bàng hoàng và cả kinh thành xôn xao. Khi tiếp cận và được biết: tất cả các Sa-môn Thích tử này xử sự hợp lý, không phung phí kiểu trường giả(57), vua Udena rất hoan hỷ phát nguyện cúng thêm năm trăm chiếc y.

Xem ra việc thọ nhận vật cao sang và khéo léo xử lý là chuyện thường nhật từ khi Phật giáo có mặt trên đời này. Trên phương diện ngược lại, theo Đức Phật, sự tằn tiện, sử dụng vật buông bỏ, phế thải chưa hẳn đã nói lên đạo hạnh của một con người. Cullavagga ghi lại chuyện một Tỳ Kheo tận dụng cái đầu lâu khô trong nghĩa địa làm bát đựng thức ăn, bị Đức Phật cấm chỉ và ban lời huấn thị: Này các Tỳ Kheo, không nên sinh tồn chỉ nhờ vào các vật bị quăng bỏ(58). Thông dong giữa sự sang trọng của cúng phẩm hay dung dị với vật dụng giản tiện, đơn sơ là hành xử căn bản của người xuất gia.

Cần phải thấy, cư sĩ và tu sĩ là những người con ưu tú của Đức Phật, nếu cả hai trang nghiêm tự thân và hoàn thành những trách vụ đã được phân định, thuận thảo và thương nhau bằng con mắt tuệ; thì Đức Phật sẽ mỉm cười hoan hỷ,

vì biết rằng, ngọn đèn sinh mệnh Phật giáo vẫn được duy trì và thấp sáng.

Chú thích

(1) Kinh Tăng chi, chương Sáu pháp, phẩm chư Thiên, kinh Tôn giả Kimbila.

(2) Mahacagga, Chương trọng yếu, Tụng phẩm thứ nhất, Câu chuyện về các thương buôn Tapussa và Bhallika.

(3) Kinh Trường bộ, kinh Đại bát Niết bàn, số 16, Tụng phẩm IV.

(4) Xem, Hajime Nakamura, Đức Phật Gotama, một tiểu sử căn cứ vào những bản kinh uy tín nhất, Trần Phương Lan dịch, NXB. Phương Đông, 2011, tr 323.

(5) Kinh Tăng chi, chương Tám pháp, phẩm Gia chủ, kinh Thích tử Mahanama.

(6) Kinh Tương ưng, tập V, thiên Đại phẩm, chương XI, Tương ưng dự lưu, phần b, phẩm Phước đức sung mãn, kinh Mahanama.

(7) Kinh Tương ưng, tập 1, chương Ba, Tương ưng Kosala, phẩm thứ hai, kinh Không con.

(8) Kinh Tăng chi, chương Bốn pháp, phẩm Nguồn sanh phước, kinh Bốn phận người gia chủ.

(9) Nam thí chủ cúng dường tinh xá Jetavana.

(10) Nữ thí chủ cúng dường Lộc Mẫu giảng đường (Migaramatu)

(11) Vua Magadha cúng dường Trúc Lâm tinh xá (Veluvana). Xem thêm: Mahavagga, chương trọng yếu, thứ nhất, tụng phẩm thứ tư, Sự cúng dường Veluvana, đoạn 64.

(12) Nàng kỹ nữ cúng dường vườn xoài làm nơi trú ngụ cho tứ phương Tăng. Xem thêm: Mahavagga, chương Được phẩm, thứ 6, tụng phẩm thứ Ba, Sự cúng dường vườn xoài, đoạn 77.

(13) Kinh Trung bộ, tập 2, kinh Ghatikara, số 81.

(14) Kinh Tương ưng, tập 1, Tương ưng chư Thiên, phẩm thiêu cháy, kinh Cho gì?.

(15) Mahavagga, chương Y phục, thứ 8, tụng phẩm thứ nhì, Câu chuyện bà Visakha mẹ của Migara xin dâng tám vật trọn đời, đoạn 153. Xem thêm: Kinh Tiểu bộ, tập 8, chuyện Tiễn thân Đức Phật, Chuyện đại vương huy hoàng, số 489.

(16) Mahavagga, chương y phục, thứ 8, tụng phẩm thứ nhất, Chữa bệnh cho Đức Thế Tôn, đoạn 135.

(17) Kinh Tiểu bộ, tập 7, chuyện Tiễn thân Đức Phật, Chuyện Bà-la-môn Sankha, số 442.

(18) Kinh Tiểu bộ, kinh Tập, chương Ba, Đại phẩm, kinh Sundarika Bhāradvāja.

(19) Kinh Tăng chi, chương Tám pháp, phẩm Gotami, kinh Dighajanu, người Koliya.

(20) Tích chuyện Pháp cú, bản dịch của Viên Chiếu, phẩm Tâm, Người đọc được tâm.

(21) Các đại cư sĩ như Bimbisara, Ajatasattu, Ashoka, Kanishka... đã yểm trợ chư Tăng về việc hình thành các thiết chế giới luật cũng như tài trợ cho các cuộc kết tập kinh, luật.

(22) Kinh Trung Bộ, tập 3, kinh Phân biệt cúng dường, số 142.

(23) Kinh Tiểu bộ, tập 5, chuyện Tiễn thân Đức Phật, Chuyện khó cho, số 180.



(24) Kinh Tiểu bộ, tập 6, chuyện Tiên thân Đức Phật, Chuyện đạo sĩ Kesava, số 346.

(25) Mahavagga, chương trọng yếu, thứ nhất, tụng phẩm thứ tư, Câu chuyện về Trưởng lão Assaji, đoạn 64.

(26) Kinh Tăng chi, chương Mười pháp, phẩm Lớn, kinh Những câu hỏi lớn. Xem thêm: 1. 大佛頂首楞嚴經, 卷八.;2. 大正新脩大藏經第一冊 No. 12, 阿含部, 佛口大集法門經卷上. Nguyên văn: 一切眾生皆依食住.

(27) Kinh Trung bộ, tập 1, kinh Tất cả lậu hoặc, số 2.

(28) Kinh Tiểu bộ, tập 7, chuyện Tiên thân Đức Phật, chuyện Tiểu anh vũ, số 430.

(29) Kinh Tiểu bộ, tập 3, Trưởng lão Tăng kệ, chương 18, phẩm 40 kệ, Trưởng lão Maha Kassapa.

(30) Kinh Tương ưng, tập 1, chương VII, Tương ưng Bà-La-Môn, phẩm Cư sĩ, Kinh Bhikkhaka.

(31) Kinh Tương ưng, tập 2, chương Năm, Tương ưng Kassapa, kinh Ví dụ với trắng.

(32) Kinh Tiểu bộ, tập 5, chuyện Tiên thân Đức Phật, Chuyện vua rắn Manikantha, số 253.

(33) Kinh Tương ưng, tập 3, chương 1, Tương ưng uẩn, phần d, phẩm Những gì được ăn, kinh Người khát thực.

(34) Kinh Trung bộ, tập 2, Kinh Kandaraka, số 51.

(35) Kinh Tiểu bộ, tập 5, chuyện Tiên thân Đức Phật, Chuyện con mèo, số 137.

(36) MahaVagga, chương Dục phẩm, thứ sáu, tụng phẩm thứ nhì, Câu chuyện về nữ cư sĩ Suppiya, đoạn số 58. Xem thêm, kinh Tăng chi, chương Một pháp, phẩm Người tối thẳng, kinh Nữ cư sĩ.

(37) Kinh Tiểu bộ, tập 4, chuyện Tiên thân Đức Phật, Chuyện chơi súc sắc ngộ độc, số 91.

(38) Kinh Tăng chi, chương Mười pháp, phẩm Mắng nhiếc, kinh Đi vào hậu cung.

(39) Kinh Tăng chi, chương Năm pháp, phẩm Andhakavinda, kinh Đi đến các gia đình.

(40) Kinh Trung bộ, tập 1, Đại kinh người chặn bò, số 33.

(41) Kinh Tiểu bộ, tập 4, chuyện Tiên thân Đức Phật, Chuyện vị triệu phú Illisa, số 78.

(42) Kinh Tiểu bộ, kinh Tập, chương Một, phẩm Rắn, kinh Bharadvaja - Người cày ruộng.

(43) Kinh Trung bộ, tập 3, Kinh Giáo giới Phú Lâu Na, số 145.

(44) Kinh đã dẫn.

(45) Theo, en.wikipedia. org.

(46) 大正新脩大藏經第二十四冊 No. 1488, 優婆塞戒經八戒齋品第二十一: “善男子, 若有從他三受三歸三受八戒 是名得具一日一夜優婆塞齋”.

(47) Kinh Tăng chi, chương Tám pháp, phẩm Tiếng rống con sư tử, kinh Gia đình.

(48) Kinh đã dẫn.

(49) Kinh Tiểu bộ, tập 4, chuyện Tiên thân Đức Phật, Chuyện nữ tỳ Rohini, số 45.

(50) 莊子南華經卷六下, 第十七 秋水.

(51) Kinh Tương ưng, tập 1, chương 3, Tương ưng Kosala, phẩm thứ hai, kinh Bện tóc.

(52) Kinh Trung bộ, tập 1, Tiểu kinh rừng sừng bò, số 31.

(53) Xem thêm, Kinh Tăng chi, chương Sáu pháp, phẩm chư Thiên, kinh Tôn giả Kimbila.

(54) Kinh Tương ưng, tập 1, chương 6, Tương ưng Phạm Thiên, phẩm thứ hai, Arunavàti.

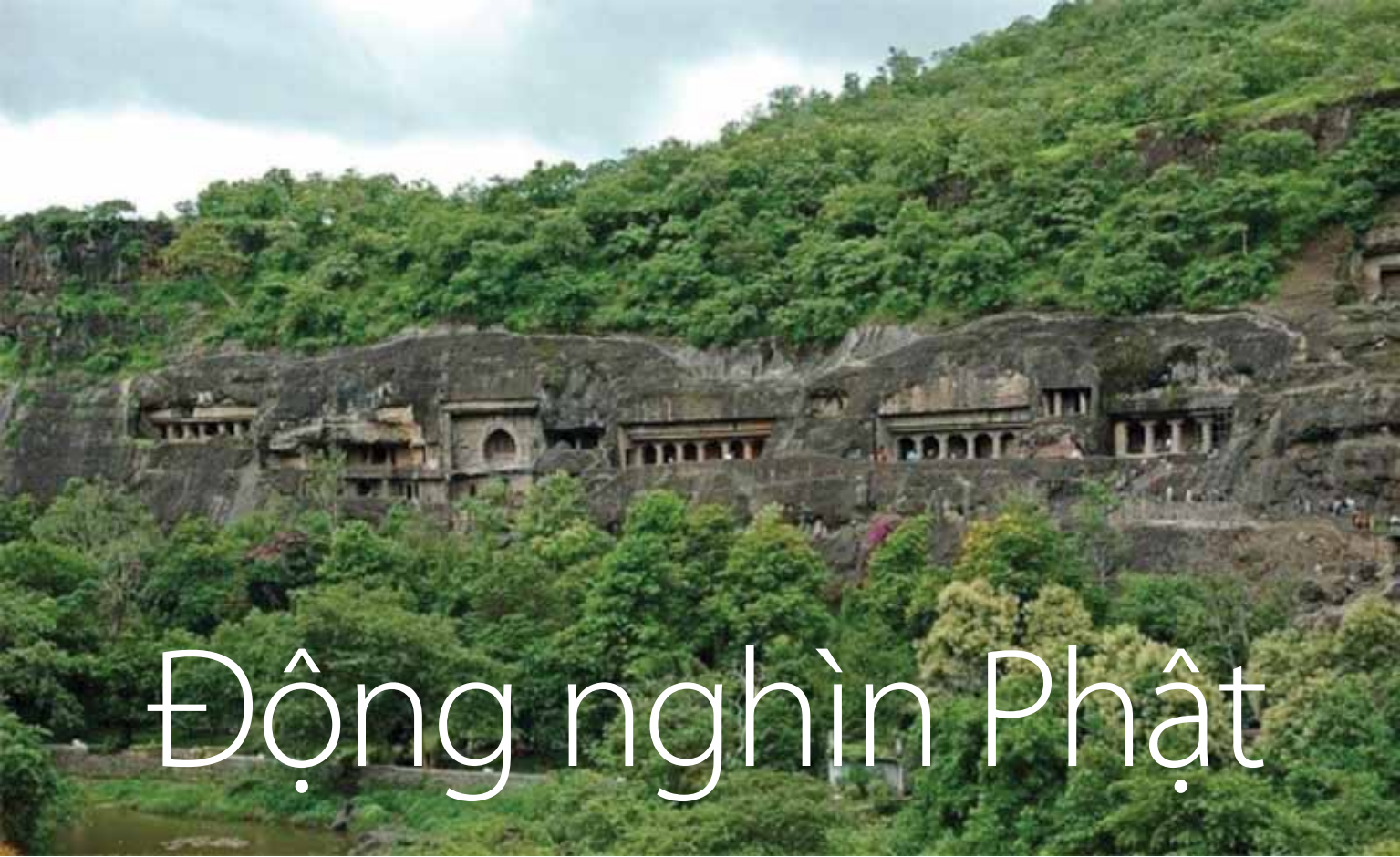
(55) Kinh Tiểu bộ, kinh Tập, chương Một, phẩm Rắn, kinh Bharadvaja - Người cày ruộng.

(56) Kinh Tiểu bộ, kinh Tập, chương Hai, kinh Dhammika.

(57) Cullavagga, chương liên quan đến năm trăm vị, thứ mười một, Câu chuyện vua Udena: Sự dâng cúng năm trăm thượng y, đoạn 625. Xem thêm, Kinh Tiểu bộ, tập 5, chuyện Tiên thân Đức Phật, Chuyện công đức, số 157.

(58) Cullavagga, chương các tiểu sự, thứ năm, tụng phẩm thứ nhất và thứ nhì, giảng về bình bát, đoạn số 34.

➤ HOÀNG QUẢNG



Động nghìn Phật





Đây có thể coi là một trong những di sản lớn nhất về đạo Phật còn lưu giữ được đến ngày nay.

Nằm ẩn mình trong khu rừng rậm hoang vu của cao nguyên Deccan (Ấn Độ), hang động Ajanta đã bị lãng quên trong một thời gian dài.

Vào năm 1819, một nhóm người Anh đi săn cọp trong khu vực này đã tình cờ phát hiện hệ thống hang động Ajanta. Quần thể hang động Ajanta là di tích quý giá đại diện cho thời kỳ Hưng thịnh của Phật giáo tại Ấn Độ.

Ajanta tọa lạc ở lưng chừng núi, bên dưới hang động là lòng vực cùng dòng sông Waghora uốn khúc. Hang động được bố trí theo dạng hình móng ngựa, khoét sâu vào bên trong vách núi đá thẳng đứng cao 76m.

Di tích hang động Ajanta có tất cả 30 hang, bao gồm Thánh đường Phật giáo và các khu phụ cận. Các nhà khảo cổ đã đánh dấu các hang theo số thứ tự.

Quần thể hang động Ajanta không được tạo dựng trong một thời kỳ liên tục nên các nhà nghiên cứu phân chia các hang động theo từng thời kỳ xây dựng.

Nó gồm hai phần: cụm hang được tạo dựng vào giai đoạn đầu vào thế kỷ II TCN gồm hang số 8, 9, 10, 12, 13, 15A mang màu sắc của Phật giáo nguyên thủy.

Cụm hang sau được xây dựng vào thế kỷ V, mang màu sắc Phật giáo mới. Tuy nhiên, một số hang vẫn còn chưa được hoàn tất.

Dù vẫn còn một số hang vẫn chưa được hoàn thành, Ajanta vẫn là quần thể chùa hang vô cùng lớn trên thế giới do bàn tay con người tạo ra.

Một trong những điểm đặc biệt của quần thể hang động này chính là một số lượng khổng lồ các bức tượng điêu khắc về đạo Phật. Đây được coi là những tác phẩm hội họa đẹp nhất của nghệ thuật Phật giáo.

Ngay những bước chân đầu tiên tham quan quần thể kiến trúc này, du khách có thể bắt gặp những khung cảnh hết sức vĩ đại.

“Mặt tiền” của hang động, hàng dài tượng Phật được đục đẽo bằng tay vô cùng khéo léo ngay trên bề mặt của vách đá, hay cả một điện thờ với những cột trụ vô cùng chắc chắn được tạo nên bởi các nghệ nhân ngay trong lòng núi đá.

Hang số 12 được đẽo trong thời kỳ đầu và được gọi là Tăng viện; đây là nơi sinh sống của những thầy tu ngày xưa.

Họ sinh hoạt và tu hành trong không gian chật hẹp. Các thầy tu dùng bê đá làm giường ngủ, họ luôn tuân thủ trong quá trình tu hành khổ hạnh theo cách như thế.





Hang số 9 có tên gọi là Tháp viện, là một căn phòng dùng làm nơi cầu nguyện của các nhà tu hành. Tháp viện mang ý nghĩa rất linh thiêng, là nơi tôn thờ thánh tích của Đức Phật.

Thời kỳ này hoàn toàn không có sự hiện diện của các tượng Phật. Vì vậy, Tháp Phật được xem là một biểu tượng linh thiêng để tôn thờ và phụng sự.

Nhóm hang động thứ 2, tượng Phật hiện diện khắp nơi. Có tượng Phật ngồi thể hiện rằng, đã đạt được sự giác ngộ dưới cội bồ đề, xung quanh là sự cảm dỗ của quỷ ma.

Trước khi giác ngộ, Đức Phật đã trải qua nhiều giai đoạn tu luyện, tất cả đều được thể hiện qua hàng loạt tác phẩm điêu khắc trong hang.

Có được các tác phẩm tượng Phật đạt đến vẻ đẹp đỉnh cao như thế là nhờ vào các họa sĩ và nhà điêu khắc đã thấm nhuần Phật pháp. Chính họ đã góp phần rất lớn tạo nên giá trị cho quần thể hang động Ajanta.

Từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ VII là giai đoạn phát triển của nghệ thuật Phật giáo tại hang động Ajanta. Đó là những bức bích họa được vẽ trên tường trong hang động.

Cách mà những người thợ dùng để tạo ra những tác phẩm của mình cũng vô cùng độc đáo. Theo một số tài liệu, nguyên liệu chính để làm nên những bức vẽ chính là đá cuội và các loại rau quả.

Rau quả được nghiền nát ra để tạo thành 1 chất keo, sau đó được nghiền tiếp với các viên sỏi đầy màu sắc để tạo ra một loại "sơn" cho những tác phẩm này.

Minh chứng rõ nhất chính là những hình tượng Phật trên những bức tường ở hang số 10 dù đã trải qua nhiều thế kỷ nhưng vẫn không hề bị phai màu.

Có thể nói, nghệ thuật hội họa của người Ấn Độ cổ đại đã đạt đến chất lượng hoàn hảo về màu sắc cũng như bố cục. Các tác phẩm này đã qua cuộc thử nghiệm thành công của thời gian.

Quần thể chùa hang Ajanta là di tích lịch sử lớn nhất thế giới đã được UNESCO công nhận vào năm 1983. Đây có thể coi là một trong những di sản lớn nhất về đạo Phật còn lưu giữ được đến ngày nay.



Nhân quả

Biết sống chung sẽ hạnh phúc

“Bản tính con người sinh ra vốn hiền lương, thánh thiện. Nhưng cũng do từ bao đời, do lòng “tham, sân, si” nhấn chìm, che mờ các đức hạnh cao đẹp trong mỗi con người”.

Theo quan niệm của Đạo Phật là chúng sanh nào, dù lớn hay nhỏ, dù quyền quý hay nghèo bản, đẹp hay xấu... “ai cũng có cái tâm, ham sống sợ chết” để đổi lại cuộc sống an toàn.

Trong nhà Thiền có điển tích rằng: Ở một ngôi chùa nọ, chỉ có hai thầy trò sống với nhau, tình thầy trò rất gắn bó. Một hôm, vị sư phụ biết nghiệp mạng của người đệ tử sắp mãn (chết - PV), bèn gọi chú lại gần rồi bảo: “Thôi! Việc chấp tác ở trong chùa còn lại thì để đó cho thầy lo cho, bây giờ thầy cho phép con thu xếp hành lý để về quê thăm cha mẹ một chuyến”.

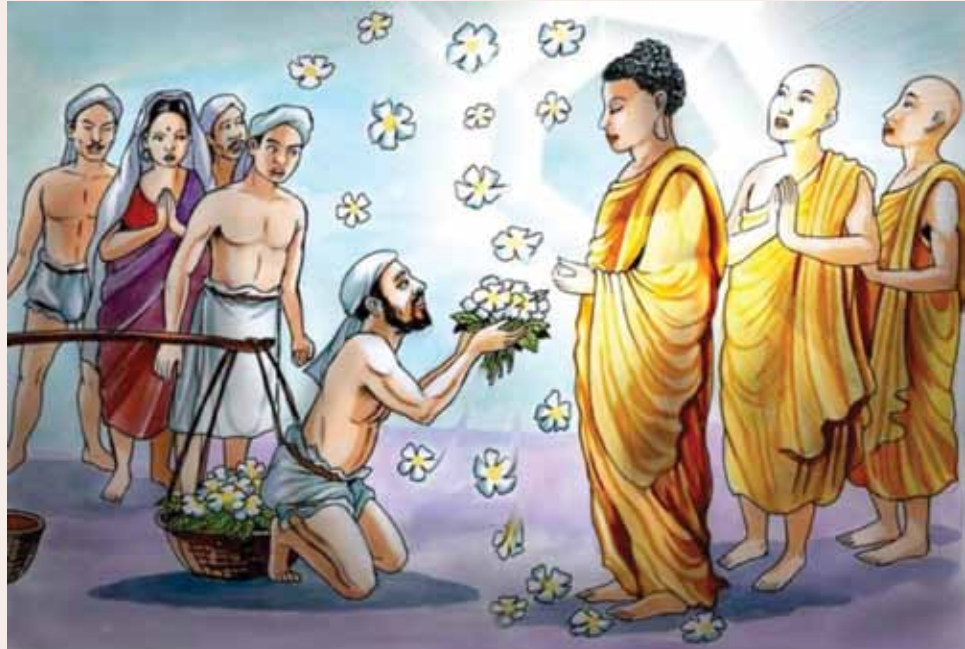
Chú vui mừng, hớn hở lắm vì nhiều năm sống xa cha mẹ nên chú không được hầu thăm cha mẹ của mình đang sống ở khác làng. Vừa đi, chú vừa tung tăng, đùa giỡn trên đường.

Cạnh đó có một con sông nhỏ. Bỗng nhiên, chú đứng yên lại, nhìn đàn kiến đang từ từ bò ngang qua rạch sông. Chú thấy có những con đủ sức mạnh thì có thể qua được rạch nước, vài con khác bị té ngã lăn xuống dòng nước vì còn yếu và không đủ thể để băng qua mương nước đó được.

Chú thấy xót xa trong lòng, có lẽ vì tình thương lẽ sống, chú đành nán lại chút thời gian có hạn, bèn tìm lấy nhánh cây khô để bắt gác ngang, làm con đường cho chúng tạm vượt qua đến bên kia bờ. Thế là có nhiều con kiến may ra sống sót.

Chú vội vàng khăn gói lên đường đi tiếp để về nhà cho kịp. Vài hôm sau, chú trở lên chùa và gặp chào sư phụ. Thấy của chú mới bất ngờ, nhìn chú một cách ưu tư, không biết chú có nói dối thầy không, cho về nhà thăm bố mẹ mà không về, chắc là đi chơi gần đây thôi.

Thầy chú vỗ lưng “con mới về đấy ư”? Sau đó, thầy mới nghe chú thuật lại câu chuyện bữa đầu tiên về nhà, thấy bấy kiến đáng thương đang từ từ lội qua nhánh sông, chú liền tháo hành lý xuống rồi ra tay cứu giúp.



Khi Đức Phật giác ngộ thì Ngài nhận ra luật nhân quả là nền tảng của thế giới tâm linh và vật chất

Sau khi nhắm mắt nghe hết sự tình câu chuyện của chú vừa kể thì sư thầy mới nghiệm tính ra rằng: Thay vì một kiếp người của chú đã chấm dứt rồi, nhưng do lòng từ bi thương hại chúng sanh nên nhờ vậy mà phước duyên chú được bình thường trở lại hoặc vì cứu chúng sanh thoát khỏi tai nạn mà tuổi thọ của chú đã tăng lên.

Đây là một bài học về Nhân quả làm người ở biết sống chung hạnh phúc. Những câu chuyện xưa cũng thường khuyến cáo và có khả năng ngăn ngừa tội phạm và sự đối xử tồi tệ giữa con người với con người, giữa con người với con vật.

Gần đây, đất nước Ấn Độ lại xảy ra một vụ hãm hiếp bi thảm và dẫn đến cái chết của cô gái Jyoti Singh Pandey, nữ sinh ngành y khoa xinh đẹp, chỉ vừa mới 23 tuổi.

Lòng tham lam, dục vọng của con người ở thời gian gần đây hầu như đang khiến cả thế giới quan ngại và các nhà lập pháp, ngành giáo dục, đức trị... đang cố gắng tìm ra những giải pháp đối trị. Đồng thời, khắc phục tình trạng đáng lên án, là một báo động lớn cho xã hội văn minh tiến bộ về vật chất cũng như văn hóa ngày nay.

Không riêng gì với tại làng Kolkata, New Delhi, trong năm vừa rồi tại Việt Nam xung quanh nhiều vụ án giết người tàn bạo, man rợ và gây chấn động lương tri. Ví như vụ Nguyễn Đức Nghĩa, Lê Văn Luyện và còn bao nhiêu vụ phi nhân tính khác nữa...

Tất cả đã để lại các tàn dư cho xã hội ngày nay về những tư tưởng đồi bại và tiếp tục làm xáo trộn ảnh hưởng đến mặt tinh thần, tình cảm, lối sống của con người. Đáng tiếc vẫn chưa có đủ những bài học pháp luật, những bài giảng về lý thuyết công dân trong ghế nhà trường được áp dụng trong thực tiễn.

Hay hơn hết các ban ngành chức năng về ngành giáo dục, xã hội học và các bài thuyết pháp về đạo đức, nhân quả, nghiệp báo, tình người, văn thơ đời Lý - Trần cần được áp dụng cơ bản vào trường học, cơ quan công sở để tạo thành những tiêu chí trước tiên “dạy cách làm người”.

Hiện nay, hầu như các bài học đó đang bỏ trống hoặc dạy một cách sơ sài mà không có cách áp dụng các giá trị đó vào trong cuộc sống, ví dụ chỉ đưa vào chuyên mục đọc thêm hay tự nghiên cứu.

► THÍCH PHÁP BẢO

Nghi lễ Phật giáo Việt Nam xưa và nay

» THÍCH CHÁNH ĐỨC

I.- KHÁI NIỆM:

Từ xưa đến nay, Nghi lễ Phật giáo đã hội nhập, luôn gắn liền với nền văn hóa dân tộc Việt Nam một cách hài hòa như nước với sữa. Trải dài ! xuyên suốt qua các thời kỳ lịch sử thăng trầm thịnh suy của đất nước.

Hiện nay, đầu thế kỷ 21 đã mở ra một kỷ nguyên mới của thời đại mới nền khoa học hiện đại tiến bộ vượt bậc, bởi thế nên ngày càng đòi hỏi Phật giáo phải phát huy hết vai trò, chức năng, khả năng, hiệu năng, hiệu dụng sẵn có của mình, trên khắp mọi lĩnh vực, trong cuộc sống xây dựng, bảo vệ phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nhất là bảo tồn, bảo tàng, bảo trì nâng cao những giá trị ưu việt, những nét đẹp thẩm mỹ “Toàn chơn thiện mỹ” của văn hóa nghệ thuật Phật giáo cả về sắc tướng lẫn tâm linh, để cùng sánh bước song hành với văn hóa nghệ thuật của dân tộc Việt Nam.

Bởi lẽ Nghi lễ Phật giáo trong giai đoạn lịch sử hiện đại, nó bao giờ cũng đóng vai trò rất quan trọng không thể thiếu được, nhất là con người thực hiện Nghi lễ. Hầu góp phần trong sự cấu thành muôn vàn nét đẹp hài hòa cho Phật giáo Việt Nam ngày càng sáng ngời rực rỡ hơn.

II.- NGHI LỄ PHẬT GIÁO VIỆT NAM XƯA VÀ NAY:

Chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Ấn Độ và Phật giáo Trung Hoa, cùng với văn hóa bản địa, Phật giáo Việt Nam có những bản sắc riêng nhất là về mặt Nghi lễ.

Gần đây, do nhu cầu thích Nghi thời đại, để tiến đến tương lai thống nhất Nghi lễ Phật giáo Việt Nam. Chúng ta cần phải có cái nhìn chung phác họa về lịch sử Phật giáo Việt Nam trước khi đọc lại trang sử Nghi lễ truyền thống “Tổ Tổ tương truyền, Sư Sư tương kế”. Từ đó chúng ta suy ngẫm về Nghi lễ để nghị cải cách hiện nay.

III.- BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM:

Nhìn chung, theo sử liệu Việt Nam đạo Phật truyền vào nước ta khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch và vào hạ bán thế kỷ Việt Nam đã có một trung tâm Phật giáo phồn thịnh gắn liền với tên tuổi MÂU - BÁC và tác phẩm LÝ HOẶC LUẬN. Đầu thế kỷ thứ 3 Thiên học khởi đầu bằng KHƯƠNG TĂNG HỘI được coi là vị Tăng có sớm nhất tại Giao Châu và thế kỷ thứ 5 Tục Cao Tăng truyện có nói đến hai vị Tăng là Thiên sư Đạt Ma Đê Bà và Thiên sư Huệ Thắng ở Giao Châu này. Trong khoảng từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ thứ XI Phật giáo nước ta tiếp nhận ba dòng Thiên khá quan trọng đó là Thiên phái TỶ NIỆM LƯU CHI (Năm 580), Thiên phái VÔ NGÔN THÔNG (Năm 820) và Thiên phái THẢO ĐƯỜNG (Năm 1069). Ba dòng này chịu ảnh hưởng MẬT TÔNG và TỊNH ĐỘ truyền thừa được nhiều thế hệ cho đến thế kỷ XIII nhập lại thành Thiên phái YÊN TỬ, sau đó thành Thiên phái TRÚC LÂM đặc biệt Việt Nam với tinh thần nhập thế triệt để. Nhưng Phật giáo Trúc Lâm chỉ hưng thịnh đến cuối thế kỷ XIV, từ đó nhường lại cho thời đại độc tôn của Nho học thời Lê Mạc.

Đến khoảng giữa thế kỷ XVII, trong khi nước ta đang lâm vào tình cảnh Nam - Bắc phân tranh, lúc đó một số dòng Thiên sư lánh nạn từ Trung Hoa sang Việt Nam hành đạo. Cũng chính từ đây nguyên nhân để phục hưng Phật giáo nước ta với dòng THIÊN LÂM TẾ CHÁNH TÔNG và dòng THIÊN TÀO ĐỘNG mới du nhập vào Việt Nam thời kỳ này ở bên ngoài lẫn bên trong.

Đến thế kỷ XIX các vua đời nhà Nguyễn như Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức có phần để tâm ý đôi chút để phục hưng đạo Phật nhưng vẫn là đạo Phật trong thời Nho học độc tôn.

Đến năm 1930 Phật giáo Việt Nam trải qua ba lần chấn hưng Phật học:

- Lần thứ nhất năm 1931 tại Nam kỳ
- Lần thứ hai năm 1932 tại Trung kỳ
- Lần thứ ba năm 1935 tại Bắc kỳ.

Cũng từ đó mãi đến nay, Phật giáo Việt Nam liên tục chuyển mình theo đà tiến hóa để thích nghi với từng thời đại.

IV. TƯƠNG LAI THỐNG NHẤT NGHI LỄ PHẬT GIÁO VIỆT NAM:

Với bản sắc văn hóa dân tộc, với khả năng dung nhiếp Nho, Lão học, trong dòng tư tưởng Phật học của mình ngấm chấy nuôi dưỡng đời sống tâm hồn của người dân nước Việt, nổi bậc nhất là vào thời đại Lý Trần, Nghi lễ Phật giáo Việt Nam với truyền thống lâu dài đó, trải qua bao hàng bao thế kỷ, nay đến lúc chúng ta luôn phải đối mặt trước thời đại mới, một thời đại mà thế giới bao la trùng trùng điệp điệp trước kia đang thu nhỏ dần lại, bởi nền văn minh hiện đại thông tin toàn cầu. Nơi đó, không có phép con người dừng lại cục bộ, thích phân biệt.

Vậy, con đường trước mặt của tương lai Nghi lễ Phật giáo Việt Nam là gì ? Đây là một chọn lựa lịch sử để nghi và định hướng về tương lai thống nhất Nghi lễ Phật giáo Việt Nam và quyết định, vấn đề thống nhất Nghi lễ chúng ta bắt đầu từ tám điểm chính thời Thi Tổ:

- 1.- THỈ TỔ LÔ SƠN BIỆN HUỆ CHÁNH GIÁC, VIÊN NGỘ PHÁP SƯ HUỆ VIỄN - ĐẠO AN PHÁP SƯ
- 2.- TỔ TRƯỜNG AN QUANG MINH PHÁP SƯ THIÊN ĐẠO (VĂN THỊ DI ĐÀ HÓA THÂN)
- 3.- TỔ NAM NHẠC BAN CHU PHÁP SƯ THỪA VIỄN
- 4.- TỔ TRƯỜNG AN NGŨ HỘI PHÁP SƯ PHÁP CHIẾU (QUANG MINH HẬU THÂN SƯ VIỄN CÔNG)
- 5.- TỔ TÂN ĐỊNH ĐÀI NGHIÊM PHÁP SƯ THIẾU KHƯƠNG (KHANG)
- 6.- TỔ VĨNH MINH TRÍ GIÁC PHÁP SƯ DIÊN THỌ
- 7.- TỔ CHIẾU KHÁNH VIÊN TỊNH PHÁP SƯ TỈNH THƯỜNG
- 8.- TỔ CHƠN CHÂU TRƯỜNG LÔ THIÊN SƯ TÔNG TÍCH

Từ đó ta làm cơ sở mấu chốt cho việc biên soạn các Nghi thức như là Thiên Môn Yếu Dụng, Thiên Môn Chánh Độ Tăng Viên Tịch, Thiên Môn Chánh Độ Thế Nhơn, trong đó có Nghi cúng tế ma chay. Cao hơn nữa như Trai Đàn Bạt Độ, Dược Sư Thất Châu (KHUU), Giải Oan Các Kết, Cầu An Đào Bệnh, Cầu Siêu Trảm Nịch Thủy Lục v.v...Thực tế chúng ta thấy và nhận định rằng: “Nghi lễ rất bao la”, nó luôn bao gồm nhiều lãnh vực.

Vâng, khi chúng ta nói đến Nghi lễ nền âm nhạc của Phật giáo Việt Nam ngày xưa đã đạt đến một trình độ thánh thiện, điều đó chúng ta có thể tìm thấy qua những tư liệu của các vị Tổ sư để lại. Thế nhưng Lễ nhạc của Phật giáo Việt Nam ngày nay về hình thức lẫn nội dung quả thật đã thua kém các bậc tiền nhân rất xa thăm thẳm. Nó không còn bộc lộ được nét sống tâm linh siêu việt (không hỗn) như lễ nhạc cổ điển ngày

xưa. Hơn thế nữa Hán văn không còn được mấy ai chú trọng. Nên mỗi khi đọc thì lại có đọc mà thông hiểu thì chẳng mấy ai ... ! được bao nhiêu.

Ồi ... ! Như vậy, thì làm sao có thể thâm nhập rừng Thiền chân lý ngay khi chúng ta xung dương tán tụng. Chính vì thế mà vai trò của những người làm công tác Nghi lễ ngày nay cần phải chú tâm biết chuyển hóa như thế nào để vừa có thể duy trì truyền thống cao đẹp của các bậc Thầy Tổ ngày xưa, vừa mang tính chất khế lý và khế cơ của quần chúng ngày nay.

Chúng tôi thiết nghĩ muốn thực hiện được ước vọng hoài bão bấy lâu nay. Tôi cho rằng ngay lúc này hơn hết, thời đến duyên đủ Giáo hội cần phải quan tâm nhiều hơn thế nữa kết tập những người có kiến thức uyên thâm về bộ môn lễ nhạc Nghi lễ Phật giáo ở cả ba miền Nam - Trung - Bắc và luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để sưu tầm, ta luôn khai thác không ngừng và phát huy hiệu quả cho bộ môn nhạc lễ Phật giáo Việt Nam ngày nay trở lại đúng vị trí của nó đã từng có vị trí chủ đạo trong thời quá khứ.

Nói đến Nghi lễ thì không ai mà không trực nhận được, đó là một hình thái nét văn hóa phi vật thể, luôn bao giờ cũng tạo nên nét đẹp đạo đức cho gia đình và xã hội, chứ không đơn thuần chỉ là những Nghi lễ cúng bái tại các Già Lam Phật Tự. Từ khi Đức Thế Tôn thành đạo dưới cội Bồ Đề, Ngài đã trải qua 49 năm trên khắp vạn nẻo đường hoàng dương tế độ, đức Phật đã từng dùng vô số phương tiện giáo hóa độ sanh. Ngài không bị ràng buộc bởi bất cứ một khuôn khổ hay giáo điều nào. Trái lại, Ngài vận dụng giáo lý “Tùy duyên bất biến”. Thẩm nhuần tinh thần ấy mà Chư Tổ cũng đã tùy dòng lưu chuyển “Đạo mạch trường lưu” không ngừng của tín ngưỡng tâm linh của quần chúng như gian mà các Ngài đã ứng dụng tùy duyên giáo hóa.

Để tiếp nối truyền thống “Tương tục truyền thừa” phương tiện tùy duyên, đòi hỏi người hành giả thực hành Nghi lễ phải quán triệt sâu sắc giáo lý Phật Đà, triệt để không phô trương hình thức bên ngoài không đúng Chánh Pháp, không đúng hình thức bản sắc dân tộc miền, không khéo người đời cho đó là mấy ông sư cải lương. Từ đó làm cho Nghi lễ Phật giáo trở thành mê tín dị đoan, ảnh hưởng đến nét trong sáng của Nghi lễ Phật giáo Việt Nam. Ta cũng nên đấu tranh loại trừ những hành vi tiêu cực lạm dụng lễ nghi hình tướng quá độ. Vậy, ngay lúc này hơn hết chúng ta cần phát triển nội tâm là điều quan trọng tối ưu, hầu để góp phần xây dựng bảo trì và luôn chỉnh trang nền Nghi lễ Phật giáo đậm đà bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam và văn hóa dân tộc.

V.- NGHI LỄ PHẬT GIÁO VỚI VĂN HÓA PHI VẬT THỂ:

Nghi lễ Phật giáo cũng có thể gọi là văn hóa Phật giáo:

Có cả hai phần vật thể và phi vật thể:

1) Phần vật thể: Như Pháp khí, Pháp phục, Tràng phan, Bảo cái, Lọng, Tăng, Bê, Tích ...

a- Pháp khí: Trống Bát Nhã (Đại cổ), trống Đạo (Trống công phu sáng + chiếu), trống Bảng (Trống cái), Chuông (Đại hồng chung), Chung (Bảo chuông), Bảng (Bảng bằng đá quý hoặc bằng gỗ) thời xưa gọi là Ngọc Bảng thỉnh truyền oai âm na bạn, ngày nay Ngọc Bảng không còn nhiều chỉ thấy một trong sự hiếm hoi đó là ở chùa Giác Hoa (Chùa cô Hai Ngó) tọa lạc tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu là Ngọc Bảng bằng đá quý vẫn còn nguyên vẹn và đường nét rất tinh xảo.

Chuông (Chuông Gia Trì), Mõ (Mõ Gia Trì) trên chiếc Mõ luôn bao giờ cũng được các nghệ nhân khắc chạm hình trạng

con cá hóa long rất tinh vi không kém phần Thiên ý.

Kiến chùy, Kích tử, Tang (Đầu), Linh, Sứ, Ốc Địch, Thủ lư, Thủ xích. . .

b- Pháp phục: Các loại y, hậu, tọa cụ.

Y pháp ở đây có nhiều loại y:

Y thông thường có từng cấp bậc của hàng xuất gia như:

- Bạc Sa di Tăng và Ni: Là y mạng màu vàng sậm hoại sắc, được cắt rọc ở phần giữa hai mảnh nối lại nhau có một đường thẳng.

Phần thọ mạng của y này nằm ở bên trái có hai bàn Bà và có hai sợi dây để buộc lại với nhau, mỗi khi hành trì Kinh hành, Thọ trì, Tham Thiền Lễ bái.

- Bạc Tỳ Kheo Tăng và Ni: Là bạc chúng trung tôn thay mặt Phật nói pháp, lợi lạc nhơn thiên. Do đó, đúng tuổi 20 tướng mạo trang Nghiêm, lúc bấy giờ được dự “Tuyển Phật trường” đăng Tam Đàn Cụ Túc thọ nhận Đại giới.

- Đại y có ba cấp:

1- Y trung:

+ Y Ngũ (Có 5 điều)

+ Y Thất (Có 7 điều)

+ Y Cửu (Có 9 điều).

2- Y Thượng:

+ Y 11 (Có 11 điều)

+ Y 13 (Có 13 điều)

+ Y 15 (Có 15 điều).

3- Y Đại (Gọi Đại y):

+ Y 19 (Có 19 điều)

+ Y 21 (Có 21 điều)

+ Y 25 (Có 25 điều).

PHẦN HỒNG Y (ĐẠI Y):

* Miễn Bắc: Y Hồng gấm màu đỏ huyết có 9 điều còn gọi là Y cửu (Y thép) không cắt rọc mỗi đường điều, bản to viền màu xanh. Hậu vàng nâu sậm tay dài theo bản địa.

* Miễn Trung: Y Hồng gấm Thượng Hải, họa tiết cách điệu rồng và mây, được chọn màu vàng đồng có 25 điều, mỗi điều được cắt rọc, sau đó may nối lại qua những đường kim mối chỉ thật khéo léo. Áo hậu tay dài cũng theo màu y, thường gọi nôm na là “com lẻ”

* Miễn Nam: Y Hồng gấm bông chữ Thọ cách điệu, đem thêm vào đó hoa lá xen lẫn mây, màu đỏ tươi có 25 điều, mỗi điều là tiêu biểu ruộng phước điển. Y được may cắt rọc giống y miễn Trung. Nhưng có khác là hậu, vì chiếc hậu miễn Nam là hậu bá nạp màu trắng và đen hòa lẫn nhau từng mảng, mỗi mảng vải được ghép lại thành, mỗi mảnh vải to có hình chữ nhật.

- Màu trắng để nói lên ngày an lành.

- Màu đen để nói lên đêm an lành.

Như vậy phần biểu trưng nói việc đêm ngày được an lành. An lành ở đây chính là an lành trong các pháp đoạn diệt, trừ vọng niệm.

PHẦN TIÊU CHUẨN PHÁP Y CẤP BẬC:

Gồm có 3 cấp:

1. Từ thọ cụ túc Tỳ Kheo đến 10 tuổi hạ, thường sử dụng y ngũ, thất và cửu.

2. Từ thọ cụ túc Tỳ Kheo 10 tuổi hạ đến 20 tuổi hạ, thường sử dụng y 11, 13, 15.

3. Từ thọ cụ túc Tỳ Kheo 20 tuổi hạ đến 30 tuổi hạ, thường sử dụng y 19, 21, 25.

Riêng Y hồng là để các bậc chư tôn, kỳ túc, trưởng lão hoặc các vị chủ sám đàn sử dụng trong các buổi chứng minh trai lễ, thuyết pháp, pháp sự, trai đàn. . .

PHẦN THỌ MẠNG PHÁP Y:

- Thọ là thọ nhận, nhận lãnh.

- Mạng là mạng vận, mạng số.

Ở đây muốn nói đến thọ mạng của pháp y mà người xuất gia hành giả tu trì về mặt hình thức là “tướng”, hình tướng ngắn dài mỗi điều của pháp y được lập thành chuẩn hóa bằng hằng số thước đo.

Như vậy, người thọ may y tất nhiên phải biết một số căn bản về quy cách của số đo nhất định. Khi chia khoảng cách của “điều” và tỷ lệ hằng số của lá y. Ví dụ: Mỗi khi chia từng khoảng cách của “điều” rồi, sau đó bắt buộc định vị của miếng “bàn bả” phải ngay khoảng cách điều là “trường”, đó chính là thọ mạng dài “miền trường”. Bằng ngược lại là “đản” không cho phép. Về phần “tánh” là tiềm ẩn bên trong mặt ý của các Tổ chỉ dụ trong các pháp “Tánh tướng Phật pháp cập Tăng già, Nhị đế dung thông tam muội ấn”. Phước là hình thức, đức là chỉ nội tâm. Phước đức ở đây chỉ dụ cho sự tu trì của hành giả.

THỂ HIỆN TÍNH TRANG NGHIÊM TRONG ĐÀN TRÀNG PHÁP SỰ

Như Đàn Tràng Dược Sư Thất Châu, để cầu an đảo bệnh, Đàn Giải Oan Bạt Độ để thuyết pháp độ linh, Đàn Chấn Tế Cô Hồn để bố thí âm linh ... Trong các buổi pháp sự trai đàn, tế lễ. Đặc biệt bao giờ cũng phải có Nhạc lễ và Chủ sám đàn, cũng như Ban Kinh sư đều có mang hia giày, mũ mào y hồng hậu bá nạp và tọa cụ. Trang Nghiêm tự thân cũng chính là trang nghiêm tự tâm. Thân và tâm của Chủ sám đàn và Ban Kinh sư đã tự trang nghiêm tức thì đạo tràng cũng được trang nghiêm. Đạo tràng được trang nghiêm thì việc sử dụng Nghi lễ tâng tưng mới có hiệu quả tác dụng về mặt tâm linh.

c- Tràng phan Bảo cái: Để mang tính chất trang nghiêm của Pháp Hội Đạo Tràng và không kém phần uy nghi oai hùng thậm thâm vi diệu của pháp lễ. Do đó ta cần sự chuẩn bị như sau:

* Đàn Dược Sư Thất Châu:

Thiết lập một nhà Đàn, nếu những nơi Già Lam Tự viện chánh điện quá chật hẹp ta nên chuẩn bị một nhà Đàn riêng, tuy không gian mặt bằng sẵn có. Sau đó theo thứ tự của một trong bảy Đàn, xung quanh Đàn treo những lá Tràng phan bằng vải kết nối lại nhau, trong đó mỗi lá phan phải có đủ 5 màu sắc ngắn dài tùy theo người thiết kế (Xanh, vàng, đỏ, trắng và cam) cho nên có câu “Ngoại huyền ngũ sắc thể phan, Nội tôn Thánh tượng chi thân”. Mỗi lá phan đều có ghi danh hiệu như (NGOẠI PHAN).

- Thập Nhị Dược Xoa Đại Tướng Phan:

1. Cung Tỳ La Đại Tướng,
2. Phật Chiếu La Đại Tướng
3. Mê Xí La Đại Tướng
4. An Đế La Đại Tướng
5. Nhan Nễ La Đại Tướng
6. Trân Đế La Đại Tướng
7. Nhân Đạt La Đại Tướng
8. Ba Di La Đại Tướng
9. Ma Hồ La Đại Tướng
10. Chân Đạt La Đại Tướng

11. Chiêu Lỗ La Đại Tướng
 12. Tỳ Yết La Đại Tướng.
- Thập Nhị Nhân Duyên Phan:
1. Vô Minh Nga Nhiên Tâm Hối Muội
 2. Hành Nghiệp Nhất Niệm Tâm Phát Động
 3. Thức Tánh Diệu (Dao) Động Tâm Liễu Minh
 4. Danh Sắc Ngưng Hoạt Tâm Thác Thai
 5. Lục Nhập Xuất Thai Tâm Đối Cảnh
 6. Xúc Động Trần Cảnh Tâm Trí Giác
 7. Thọ Cảnh Thuận Nghịch Tâm Nạp Thọ
 8. Ái Khát Vọng Sanh Tâm Tham Mộ
 9. Thủ Trước Bất Phóng Tâm Lưu Luyến
 10. Hữu Tâm Giới Luân Tâm Thường Chuyển
 11. Sanh Sanh Thôi Xả Tâm Tương Tục
 12. Tử tử bất hưu tâm khổ não.

- Lục Ba La Mật Phan:

1. Nam Mô Bồ Thí Ba La Mật
2. Nam Mô Trì Giới Ba La Mật
3. Nam Mô Nhẫn Nhục Ba La Mật
4. Nam Mô Tinh Tấn Ba La Mật
5. Nam Mô Thiển Định Ba La Mật
6. Nam Mô Trí Huệ Ba La Mật

Ngoài ra phía trước nhà Đền còn có một lá phướng gió, dựng bằng trụ cột cây tre để ngọn cành lá trên đỉnh cây. Trên đầu phướng còn có một Bảo Cái ba cấp hoặc tùy lớn nhỏ, trong lòng lá phướng viết bằng chữ Hán như sau:

- Phụng Thịnh: Pháp Giới Tứ Sanh Lục Đạo Tam Thế Oan Gia Trái Chủ Cửu Thủ Chấp Đối Trảm Nịch Trảm Thủy Hà Bá Thủy Quan Vương, Chiến Sĩ Trận Vong, Đồng Bào Tử Nạn, Nhất Thiết Nam Nữ Thập Loại Cô Hồn Hà Sa Đẳng Chúng Tộc Nhập Phan Thần. Bên trong điện Phật còn có Nội Phan:

- Thất Bảo Như Lai Phan:

1. Nam Mô Đa Bảo Như Lai
2. Nam Mô Bảo Thắng Như Lai
3. Nam Mô Diệu Sắc Thân Như Lai
4. Nam Mô Quảng Bác Thân Như Lai
5. Nam Mô Ly Bồ Úy Như Lai
6. Nam MÔ CAM LỔ VƯƠNG NHƯ LAI
7. Nam Mô A Di Đà Như Lai.

d. Lọng tàng và Bê tích:

Mỗi khi cuộc lễ hay buổi lễ nào trong ngôi nhà Phật giáo nhất là những khi cung Nghinh Phật tượng, Xá lợi Phật, Thuyết pháp, Cung nghinh, Chư tôn Giáo phẩm ... Chúng ta nhận thấy cũng như cảm nhận ngay trong ấy khá phần trang nghiêm và long trọng. Cho nên trong Phật giáo mỗi khi buổi lễ cung nghinh thường sử dụng Lọng Tràng, Bê Tích và Nhạc Lễ.

- Lọng: Là cây lọng hình thù giống như cây dù nhưng to hơn, cao hơn màu sắc được thêu trên mảnh vải lụa bóng màu vàng.

- Tràng: Giống như cây Lọng vậy, tuy nhiên sự thiêu thùa qua giữa kết nối có phần linh động hơn.

2) Phần phi vật thể: Phúng tụng, Diển tấu, Xướng từ, Âm thanh theo từng nhịp điệu, rất phong phú và khúc chiết được chia ra như:

- Tán tụng: Tán là khen ngợi ca dương mười phương ba đời chư Phật, chư Bồ Tát, chư vị Lịch đại Tổ sư. Tụng là đọc qua những câu kinh tiếng kệ, ví dụ: Kinh Pháp Hoa, Kinh Dược Sư, Kinh Hồng Danh ...có khi chúng ta gặp qua những thời kinh Tịnh Độ của các Tông Lâm còn giữ quy củ "Thiền môn quy tắc". Ngay khi mở đầu khóa lễ của bài kinh, bao giờ cũng



tán bài hương như: Tâm nhiên ngũ phạm, Lư hương, Chiên đàn ... Từ đó, chúng ta nhận ra niềm xúc động rung cảm sâu sắc vào tâm thức của từng người thì đó là sự thành công của buổi lễ.

- Xướng vịnh: Là xướng câu kinh kệ, xướng câu xưng dương Tam Bảo đánh lễ mười phương ba đời chư Phật, chư Bồ Tát, chư Long Thần, Bát Bộ Kim Cang cùng chư Hiền Thánh Tăng với giọng xướng lễ trầm hùng, truyền cảm sẽ ảnh hưởng sâu sắc vào tâm khảm của những người xung quanh, làm khi đưa tiếng cất cao bay bổng này thành vạn lời thăm hỏi nhằm chợi đời còn đang chìm trong bể khổ.

- Thán: Là than, ai oán bi thương đau buồn thê thảm qua những bài văn "Cảm Hoài Tôn Sư", một khi cất lên qua những làn hơi điệu luyện nhấn nhá của quý Ngài Ban Kinh sư hòa chung giai điệu khúc nhạc du dương ai oán của những người cầm đàn.

- Hô: Là gọi nói cách khác kêu gọi. Ví dụ: "Âm Công Giả Nhập", vai trò vị Hô này phải là Chủ sám hoặc thầy Duy Na, vị này thường được gọi là Tả Bạch đứng đầu trong Ban Kinh sư (Tứ chúng).

VI.- LỄ NGHI NHẠC LỄ TRONG PHẬT GIÁO VIỆT NAM:

Phật giáo Việt Nam có cả kho tàng âm nhạc Nghi lễ ở cả ba miền: Bắc, Trung, Nam cho thấy nền âm nhạc Nghi lễ ở nước ta hết sức phong phú về hình thức đa dạng về chủng loại.

Trên tôn chỉ hoàng pháp độ sanh các Tổ ngày xưa đã biết dùng âm nhạc Nghi lễ làm phương tiện dẫn dụ để tiếp cận nhơn sanh (Quần chúng). "Nhạc dĩ tải đạo" các Ngài đã biết sử dụng âm nhạc để chuyển tải chân lý của đức Phật đến với mọi người nhằm mục đích hướng đến con người về với một đời sống thánh thiện.

a- Nhạc lễ trong Phật giáo:

Là một trong các hình thức nghệ thuật trực tiếp gọi lên cảm xúc và dẫn đến sự đồng cảm. Lễ nhạc được phổ biến rộng rãi trong mọi lĩnh vực sinh hoạt của nhân loại,

1- Ai nhạc: Khiến lòng người buồn thương

2- Hòa nhạc: Khiến tâm người luôn vui vẻ

3- Quân nhạc: Khiến chí người phấn chấn giương cao nghĩa khí

4- Thánh nhạc: Khiến thần người an tĩnh thanh tịnh.

Bởi lẽ âm nhạc không có sự ngăn cách giữa nhân và ngã, âm nhạc là một thứ ngôn ngữ chung của thế giới Trời - Người.

b- Nhạc lễ: Trong Phật giáo, lễ nhạc là một trong sáu món cúng dường: Hương, Hoa, Đẳng, Trà, Quả, Nhạc: Một trong sáu món, nhạc khúc du dương, với âm điệu Thiền vị của Nữ



Thiên Tiên (Lục Nữ Tấn Hoa). Nhạc Trời mỗi khi nhạc khúc được trôi lên nó có tác dụng rất lớn đối với sự chuyển hóa nhân tâm. Vì nhạc khúc du dương và giai điệu thanh lịch có khả năng chuyển hóa lòng người. Diễn tấu phạm âm có thể khiến cho các mọi vọng niệm luôn được tiêu tan.

Cho nên khi Đức Thế Tôn còn tại thế, sau những buổi thuyết pháp, lúc bấy giờ chư Thiên thường trôi nhạc để cúng dường, ca ngợi công đức của Tam Bảo. Kể từ đó, âm nhạc đã trở thành một Nghi thức không thể thiếu trong các Pháp hội Phật giáo. Cùng hòa phạm, âm xung dương tán tụng.

c- Nghi lễ trong Đàn Tràng: thể hiện tính trang nghiêm trong các khoa nghi:

Trước hết nên trang nghiêm Pháp Hội Đạo Tràng, sắp xếp nơi hành lễ. Khi rước Ban Kinh sư và vị chủ Sám (Thầy cả) đứng giữa, hai hàng kinh sư đứng giao diện (Mặt đối mặt) chấp tay (Hiệp chưởng) xá nhau, đứng im lặng để thu nhiếp tam nghiệp (Thân khẩu ý) cho thanh tịnh. Lúc bấy giờ nhạc công cử khởi khai tràng (Khai Diên) tiếp đó nhạc khí Tang Đẩu (Thuận - Nghịch), Linh, Kịch tử và Mõ cùng hòa âm cổ nhạc. Như trống bồng (Trống cái) Song lang, Thanh la, Trống đạo, Ốc tiêu sáo bên cạnh hòa lẫn khúc nhạc giai điệu Ngũ Đối Hạ (38 câu) thật du dương, Thiên vị của những cây đàn như là Cò, Kiêu, Bầu, Sáo và Tranh, đúng theo phong cách nhạc cổ Thiên vị giai điệu riêng thang âm qua bài tham lễ (sâm lễ) chỉ có Nghi lễ Phật giáo miền Nam Nam bộ. Qua sự diễn tấu phạm âm độc đáo hòa hòa nguyện với làn khói hương nghi ngút bay quyện tỏa trên hư không, lại thêm vào đó bằng lời văn khải bạch Dâng Hương cúng dường Tam Bảo (ba ngôi báu) lúc bấy giờ không khí rất trang nghiêm và thanh tịnh, nó sẽ góp phần làm cho những người đến tham dự lễ đều khởi tâm hoan hỷ thành kính im lặng “Cung đối Phật tiên, cầu xin sám hối” ngay khi cầu nguyện, đạo tràng tức khắc nghiêm tịnh. Kể đó vị chủ Sám đứng lên nhiếp niệm xướng lên pháp ngữ đánh lễ mười phương Tam Bảo, với giọng xướng lễ trầm hùng và truyền cảm bằng những câu kệ tán thán công đức mười phương ba đời chư Phật, Thầy là ba cõi bốn loại, tướng tốt trang nghiêm tuyệt vời v.v...Lời kinh tiếng kệ được diễn tấu thành những nốt nhạc khá du dương, lung linh như khói trầm, uyển chuyển như Tràng Phan, an tĩnh như Định Lực, đôi khi cao vung vút như tợ Núi Tuyết, oai hùng như Pháp cổ Thi La. Tất cả giá trị của nó không chỉ dừng lại ở khía cạnh văn thơ, triết lý mà lại còn phần đúng khá quan trọng trong buổi lễ. Ở đây tôi muốn đề cập đến đó là “PHỦ XÍCH” trước đây ngay cả quý Thầy làm Kinh Sư cũng đều gọi là “Thủ Xích - Thảo Lư”. Xin thưa ! Nếu gọi như thế là không đúng.

Nay xin hiệu đính lại cho đúng, phải gọi là: Phủ Xích,

Thủ Lư:

PHỦ là vỗ, XÍCH là thước. Có bài kệ khai Phủ Xích như sau:

Như Lai nhất chỉ án tam quan
 Chư Phật oai linh trấn tịnh đàn
 Vi tác nhơn thiên chi pháp lệnh
 Tung hoành hàng phục hộ đạo tràng
 Nhất tịch Thiên cung khai môn hộ
 Nhị tịch Địa phủ tốc khai môn
 Tam tịch chúng đẳng hàm thanh tịnh.

Bởi thế là cây thước để đo lường phân định mỗi khi chúng ta làm một điều gì ! Luôn phải hết sức thận trọng cân nhắc cao độ, không để cho sai lệch với nhất định đó là “Khuôn” trong nhà nghề điệu nghiệp chuyên môn gọi là “Khuôn vàng thước ngọc” như vậy ở trong Nghi lễ Phật giáo Việt Nam người hành trì phải biết một cách nhất định để mỗi khi sử dụng cho đúng chỗ và ngay lúc nào ! Phủ xích là pháp lệnh mang tính chất đặc biệt quan trọng tối ưu trong những buổi hành lễ “Pháp sự đạo tràng” trong đó có những buổi thuyết pháp ngày xưa các vị pháp sư thường sử dụng. Ví dụ như khi chuẩn bị để vào đầu câu tán một bài tán nào đó; đều phải có hai tiếng lớn gần nhau của Phủ - Xích “Chát - chát” sau đó nhạc công “Cổ điệu” (Trống đạo) đánh lớp trống dứt từ “Thờn xà các các tán các các thờn (xà) tán xà cà rục xà - chát”. Nếu nói đến người chuyên môn làm Nghi lễ có khoa học nghệ thuật, bắt buộc với một nhất định: Khi giáo bất cứ câu của bài tán nào ...! phải đúng ngay nhịp mỏ chát “Phủ Xích” cuối cùng lớp dứt từ. Hoặc khi nghe phủ xích vỗ một cái để nhồi câu, nhồi lớp, có khi nhồi lớp sót phải có một tiếng phủ xích cuối, nhồi ba lớp có tiếng phủ xích ngay lớp trống “Cà - rục” tức lớp trống để ra câu, nhồi 5 lớp tất nhiên có tiếng phủ xích chát (1) ngay điểm cà rục tiếp đến một tiếng phủ xích chát (2) liền gặp nhau tại đầu lớp trống nhồi lớp 1. Như vậy, tôi chỉ nêu ra một trong số khí cụ của những khí cụ có liên quan đến lĩnh vực trong mảng ngành Nghi lễ Phật giáo Việt Nam hết sức phức tạp để trở lại về nguồn mà ngày nay những người đang khát vọng.

THỦ là tay, LƯ là lư hương còn gọi là lô nhang. Thủ Lư là cái lư được làm bằng gỗ ngày xưa các cụ tiền bối Kỳ Túc Trưởng Lão kinh sư đều biết tự làm chạm khắc qua những đường nét rất tinh xảo, sau đó sơn son thiếp vàng, thể loại đa phần là rồng ngậm chân lư hương, vây lá hóa long, sen cách điệu họa tiết vảy lá... Ấy là biểu tượng sức oai hùng bên ngoài của hình thức trang nghiêm mỗi khi hành lễ, nhưng giá trị chính là đạo lực thanh tịnh trang nghiêm của người tu hành.

Nhằm thích nghi với phong tục tập quán, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng và để tồn tại phát triển ở những vùng miền văn hóa có khác nhau “Nghi lễ bất đồng” pháp nghi, pháp lễ, pháp nhạc, pháp khí, ấn pháp và bài bản trong nền Nghi lễ cổ truyền Phật giáo Việt Nam, cần phải được thiết lập nghiêm chỉnh có khoa học nghệ thuật hiện đại, ta nên căn cứ khoa học trên truyền thống cũ. Những thang âm cung thương trầm bổng, giai điệu thức của Thiên gia phải được duy trì vì chư Tổ ngày xưa đã nâng lên thành một pháp môn phương tiện với sự thành lập quy chuẩn hóa cao về mặt thẩm mỹ và nghệ thuật, mà thường được thấy biết dưới danh ngữ pháp môn NGHI LỄ THIÊN GIA, THIÊN MÔN QUY TẮC.

Khi gọi là pháp môn, nghi lễ bấy giờ rõ ràng không chỉ dừng lại ở ý nghĩa phương tiện đưa con người vào đạo mà còn là một pháp môn tu tập đưa đến sự thể nhập chân như bằng sự rung cảm tâm linh. Thật vậy, vì Nghi lễ định tính bởi sự rung cảm, nên Nghi lễ chính là một trong hai con đường đưa đến

giải thoát, đó là bằng tư duy để ngộ nhập chân lý và bằng sự rung cảm dọn đường cho một rung cảm trắc tuyệt.

Nghiêm là cốt của lễ, hòa là lõi của nhạc. Để lễ được nghiêm thì lễ phải có nghi và để nhạc được hòa thì nhạc phải có điệu. Nghi nghiêm nhạc hòa là hai yếu tố cơ bản định danh nên pháp môn Nghi lễ THIÊN GIA để “Nghi Nghiêm” và “Nhạc Hòa” hay để “Danh” song hành với “Thực” nên có câu: “LỄ NHẠC HÒA MINH - THÁNH HIẾN VÂN TẬP”.

Bởi vậy, Nghi lễ trong Phật giáo đòi hỏi người hành trì nghi lễ, đối tượng nghi lễ và nội dung nghi lễ phải có một số phẩm chất tối ưu nhất định.

Người hành lễ có thể gồm những người thực hành nghi lễ, người truyền bá nghi lễ và người vừa thực hành vừa truyền bá nghi lễ. Người hành lễ cần hội đủ ít nhất phải có ba phẩm chất sau đây:

- 1- Có thanh văn tướng trang nghiêm (Âm thanh sắc tướng)
- 2- Có chiều sâu nhất định (Về mặt tu tập tâm linh - 10 hạ lập trở lên)
- 3- Có thẩm quyền về Nghi lễ (Phải thông thạo bản văn nghi thức - Khoa Nghi tán tụng nội - ngoại khoa Hán văn).

Đối tượng nghi lễ ở đây chính là những đối tượng mà nghi lễ phục vụ, hay nói một cách khác hơn là những giới, người có nhu cầu về nghi lễ. Đối tượng nghi lễ, do vậy, hàm một diện rộng trong xã hội bao gồm cả giới xuất gia, tại gia, Phật tử và không phải Phật tử. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là đối tượng nghi lễ nhất thiết phải có “Thành”, có “Tín” và có “Lễ” có thành tâm, tin tưởng là lễ tác thì Nghi lễ mới thật sự có ý nghĩa giá trị và hiệu quả tác dụng. Tạo dựng được phẩm tố tối ưu mà tôi đã nêu trên nơi đối tượng, Nghi lễ là trách nhiệm và vai trò của người thực hành truyền bá Nghi lễ.

VII.- NGHI LỄ TRUYỀN THỐNG PHẬT GIÁO:

Như Lễ, Tết Nguyên đán, Lễ Phật Đản, Lễ Vu lan, Lễ Tam Ngươn:

- Rằm tháng Giêng (Thượng Ngươn Thiên Quan Tứ Phước),
- Rằm tháng Bảy (Trung ngươn Địa quan xá tội)
- Rằm tháng Mười (Hạ ngươn Thủy quan Giải ách)
- Lễ Tống Thiên (Trừ tịch - Đưa Chư thiên) (Đêm 23 cuối năm ÂL)
- Lễ Nghinh Thiên (Rước Chư Thiên) (Đêm 29 tháng thiếu - 30 tháng đủ ÂL).

Ngoài ra còn những ngày “Sóc Vọng” sám hối hàng tháng của các Già Lam Phật tử quý chư Tôn Hòa thượng hữu công trong Phật giáo v.v...phải được sử dụng những nét nhạc cổ điển truyền thống, ta nên gạt bỏ những nét nhạc ngoại lai, có nên chừa cử xướng dòng nhạc này nơi điện Phật trong những buổi lễ truyền thống !!!

- 1- Nghi lễ truyền thống (cổ truyền)
- 2- Nghi lễ đại chúng (phổ thông)

* Nghi lễ truyền thống thì nên sử dụng đúng những nét nhạc cổ điển của Phật giáo Việt Nam tùy theo từng miền (Dân tộc). Ngoài những nghi thức trong Thiên Môn Qui cũ bên cạnh đó còn có Trai Đàn Pháp sự - Ứng Phó Đạo Tràng Tế Lễ Ma Chay.

Ngày xưa chư Tổ đã đạt đến đỉnh nhất định, các Ngài đã

từng ứng dụng tùy căn cơ của Nhơn quần và Xã hội, nhằm mục đích để cứu độ và giáo hóa chúng sanh. Cho nên khi nói đến Nghi lễ là nói đến những lễ nghi phép tắc hình thức bên ngoài, nhưng nếu xét dưới góc độ Sự Lý Viên Dung thì chính những sự tướng Nghi phong của Nghi lễ đã tạo nên tiền đề cho người học Phật. Ví dụ: Ngày nay chúng ta làm một việc gì có liên quan đến công văn giấy tờ v.v...tất nhiên phải có sự xác minh chứng từ qua những giai đoạn ẩn lý của ban ngành, những mối quan hệ tương quan các Tổ ngày xưa lập thành văn tự “Tâm Nang Thiên Bản” đã lưu truyền đến ngày nay. Nhìn lại lịch sử lâu dài hiện diện và phát triển trên quê hương đất nước Việt Nam. Nếu nhìn từ góc độ văn hóa, thì mỗi nghi thức lớn nhỏ là một trong những tố phẩm văn chương cơ bản tạo nên nét đặc trưng nền văn hóa nghi lễ Phật giáo Việt Nam.

Cuối cùng là nội dung nghi lễ, gồm có nghi thức và nhạc lễ. Nghi thức tức là văn bản hay văn chương về nghi lễ, hay còn có thể gọi là “Lễ Văn”; Nhạc lễ tức là âm nhạc đặc biệt dùng cho tế lễ, hay còn được gọi là “Lễ nhạc”. Vì nội dung Nghi lễ là biểu hiện cụ thể của “thấm mỹ Phật giáo”, thấm mỹ giải thoát, nên nghi thức cần phải nghiêm chỉnh, lễ văn cần phải hoàn bị trong đó có Ấn Pháp. Khi nói đến Ấn pháp tức Ấn Chứng Chi Pháp:

- Xuân bán Tuế, khi đóng Ấn Chứng Tam Bảo tại Tuế thứ tức vào mùa xuân ta nên đóng dấu giữa phân nửa của chữ Tuế trở xuống.

- Hạ Bán Thứ, tức vào mùa Hạ ta nên đóng dấu giữa phân nửa của chữ Thứ.

- Thu Trùm, tức vào mùa Thu ta nên đóng trùm cả hai chữ Tuế - Thứ.

- Đông Trạ (Trạm) tức vào mùa Đông ta nên đóng dưới hai chữ Tuế - Thứ.

* Nghi lễ đại chúng thì đơn giản hóa, nhưng phải thống nhất những văn bản Việt ngữ để mọi người dù Nam - Trung hay Bắc, xuất gia hoặc tại gia xướng tụng mà đại chúng vẫn hòa theo được.

Tóm lại, Pháp môn Nghi lễ Phật giáo Việt Nam dù xưa hay nay cũng không ngoài ba thành phần: Người hành nghi lễ, Đối tượng nghi lễ, Nội dung nghi lễ.

Tuy mỗi thành phần xác định những phẩm chất riêng biệt. Nhưng ngay lúc này hơn đã đến lúc Tăng, Ni đội ngũ trẻ Phật giáo Việt Nam chúng ta phải bảo tồn những di sản cao quý của Thầy Tổ đừng vì có cái nhìn phiếm diện, tự tôn, cố chấp để đánh mất những giá trị cao quý mà các bậc tiền nhân, kỳ túc, trưởng lão đã dày công xây dựng.



Đạo Phật và Kinh Tế

» MINH CHI

Tuy đức Phật không bàn chuyên vấn đề kinh tế, thế nhưng những ý kiến của Ngài phát biểu trong một số trường hợp cá biệt về vấn đề kinh tế, rất đáng được chúng ta lưu tâm, suy ngẫm. Đức Phật hết sức quan tâm đến động cơ và nội dung đạo đức của mọi chính sách và thực tiễn phát triển kinh tế, trong khi các nhà kinh tế học hiện đại lại rất coi nhẹ các vấn đề này.

Một trong những bài học lớn của khoa phân tích kinh tế (économétrie) là thừa nhận sự bất lực của mình trong việc giải thích sự phát triển kinh tế bằng những yếu tố đơn thuần kinh tế. Một trong những ông tổ của môn học này là Edward Denison tuyên bố rằng, về cơ bản, ông không hiểu vì sao tỉ lệ phát triển trong các năm 50 và 60 lại khác nhau. Ông cũng thú nhận như vậy sự bất lực của mình khi tìm hiểu sự giảm sút của năng suất lao động trong những năm 70.

Hiện nay, một số nước châu Á đang dẫn đầu thế giới về tốc độ phát triển kinh tế. Đó là các nước Nhật, Nam Triều Tiên, Đài Loan, Hương Cảng, Sin-ga-po, và sau đó có thể là Thái Lan và Sri Lanka (nếu kể riêng các vùng đô thị). Nghĩa là một nhóm nước công nghiệp, có trọng lượng không kém gì chín nước Tây Âu, và với tốc độ phát triển nhanh hơn.

Các nước này có thể cho chúng ta những bài học gì? Những cái gì là nổi bật trong những nước đó? Có nét gì chung giữa các nước đó, có thể giải thích tốc độ phát triển thần kỳ của chúng?

I. ĐIỂM QUA NHỮNG YẾU TỐ, KHẢ DĨ ĐẦY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC NƯỚC “CON RỒNG CHÂU Á”

Tài nguyên tự nhiên ư? Các nước ấy nói chung là nghèo tài nguyên tự nhiên.

Lương công nhân ở đây rẻ mạt chăng? Không phải, đó chính là những nước có mức lương công nhân trung bình cao nhất ở Á Phi (hơn hẳn Ấn Độ và các nước Phi Châu).

Phải chăng họ thực hiện chủ nghĩa tự do về kinh tế, và hạn chế sự can thiệp của Nhà nước? Cũng không phải, ở Nhật, các công ty lớn tư nhân đều quan hệ mật thiết với khu vực quốc doanh, nhưng Hương Cảng lại theo con đường tự do kinh tế rất triệt để. Ở đây, tỉ lệ thuế trên mọi doanh thu là 15%, và Nhà nước chỉ can thiệp mạnh vào khu vực nhà ở của dân chúng nghèo mà thôi, và như vậy để tránh không để cho người nghèo bị bóc lột quá đáng về mặt nhà ở.

Phải chăng những nước đó được trang bị kỹ thuật hiện đại? Đó là trường hợp của nước Nhật mà hầu như mọi trang bị kỹ thuật cũ kỹ đều bị phá hoại trong chiến tranh. Nhưng còn các nước khác? Phải tìm hiểu động cơ gì đã thúc đẩy họ tân trang lại kỹ thuật một cách thường xuyên như vậy? Phải chăng đó là do sự du nhập của kỹ thuật Phương Tây? Nhưng các nước khác ở Á Phi đều có thể du nhập kỹ thuật của phương Tây, nếu họ muốn!

Phải chăng đó là do chính sách bán phá giá để chiếm lĩnh thị trường nước ngoài?

Nhưng chính sách bán phá giá (dumping) chỉ có ý nghĩa, nếu giá cả được nâng lên sau khi đã chiếm lĩnh thị trường. Nhưng chúng ta lại không thấy quá trình đó xảy ra.

Phải chăng đó là do viện trợ của nước ngoài? Thí dụ, Mỹ đã giúp đỡ nhiều cho sự phát triển nông nghiệp và hạ tầng cơ sở giao thông và thông tin liên lạc ở Đài Loan, Mỹ cũng viện trợ nhiều cho Nhật Bản và Nam Triều Tiên. Các công ty Anh đã đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của Hương Cảng và Sin-ga-po. Thế nhưng vì sao có những nước được viện trợ nước ngoài nhiều, nhưng lại đậm chân tại chỗ?

Phải chăng, những nước ấy đông dân, tạo ra nhu cầu lớn của thị trường?

Nhưng trong số các nước ấy, có nước đông dân như Nhật Bản với 105 triệu, có nước không đông dân lắm như Nam Triều Tiên với 35 triệu, Đài Loan với 16 triệu, lại có những nước ít dân như Hương Cảng với 4,5 triệu, Sin-ga-po với 2,5 triệu.

Phải chăng có sự nhập cư hàng loạt của nhân công nông thôn vào các thành thị công nghiệp?

Ở các nước khác cũng xảy ra quá trình đó. Vấn đề là tại sao có sự thu hút nhân công như vậy từ nông thôn?

Phải chăng đó là do chế độ chính trị ở những nước đó, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế?

Nhưng chế độ chính trị ở các nước đó khác biệt nhau rất nhiều. Từ nền quân chủ lập hiến khuyh hữu ở Nhật đến chế độ độc đoán, lập hiến và khuyh tả ở Sin-ga-po, các chế độ dân chủ, nhưng khá độc đoán ở Nam Triều Tiên và Đài Loan (do hai nước này có nguy cơ bị xâm lăng), và chế độ thuộc địa khá



tự do, nhưng không dân chủ của Hương Cảng.

Phải chăng các nước đó có vị trí gần biển? Nhưng nhiều nước cũng có vị trí gần biển như thế.

Như vậy là chúng ta đã duyệt qua tất cả những yếu tố tự nhiên và kinh tế. Chúng ta hãy kiểm điểm những yếu tố văn hóa, với những hệ quả tâm lý và xã hội của chúng. Có thể nói, nét chung của nền văn hóa của các nước này là Phật giáo, là thành phần Phật giáo trong nền văn hóa của các nước này. Tất nhiên là còn có những thành phần khác của nền văn hóa, như đạo Khổng ở Trung Hoa, Thần đạo ở Nhật, thế nhưng nét chung xưa nhất cho nền văn hóa các nước hữu quan là Phật giáo.

II. PHẬT GIÁO VÀ KINH TẾ:

Ban đầu, nếu nhìn hời hợt, chúng ta thấy hình như Phật giáo chống đối trực tiếp lại mọi thành tựu kinh tế và kỹ thuật. Thí dụ, cái tâm linh của Phật giáo trái ngược với cái vật chất, nội tâm trái ngược với kỹ thuật, nội quán trái ngược với hành động, hướng nội trái ngược với hướng ngoại, sự tìm hiểu bản thân trái ngược với sự tìm hiểu kỹ thuật và thị trường, với sự tìm hiểu kiến thức về thế giới, sự cải tạo bản thân trái ngược với sự cải tạo bối cảnh và môi trường, tinh thần xả trái ngược với động cơ hành động, lý tưởng cuộc sống xuất gia trái ngược với lòng ham muốn cuộc sống tiện nghi lợi nhuận, quyền lực, thành công, sự phát triển; sự an tịnh nội tâm trái ngược với nhiệt tình hành động; ý thức Phật giáo về sự vĩnh hằng trái ngược với phương châm thời gian là vàng ngọc v.v...

Nhưng chúng ta không nên quên là Tin Lành giáo đã sản sinh ra Chủ Nghĩa Tư Bản, mặc dù tín đồ Tin Lành sống rất đạm bạc, chỉ hướng tới Chúa, chỉ mong được Chúa cứu rỗi. Và ở châu Âu phong kiến, các tu viện Thiên Chúa thật sự là những mô hình khai thác và phát triển kinh tế tốt nhất, thời bấy giờ, chúng đã thật sự sáng tạo ra châu Âu kinh tế và kỹ thuật phồn thịnh ngày nay.

Phật giáo trước hết là một thể tổng hợp văn hóa, quyết định thái độ của con người đối với thế giới, đối với những người khác và đối với bản thân mình. Phật giáo đề cao cuộc sống đạm bạc, tri túc, tinh thần tập thể của mọi quyết định quan trọng, tinh thần vô ngã, sự hy sinh cho lợi ích chung, tính duy lý, sự phân tích tâm lý với thái độ bình thản, đối với mình cũng như mọi người, ý thức sâu sắc về thời gian, về cuộc đời vô thường, niềm tin ở sự tiến bộ không có giới hạn, ý thức sẵn sàng trao truyền kinh nghiệm và kiến thức cho mọi người, ý thức không xem người đồng sự là phương tiện vật chất (nhằm đạt mục đích của mình).

Những nước có một tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư cao nhất.

Muốn phát triển, phải tăng cường đầu tư. Muốn đầu tư, phải tiết kiệm vốn. Tỷ lệ tiết kiệm vốn tùy thuộc thái độ đối với sự hưởng thụ. Người Phật tử, cũng như người tín đồ Tin Lành giáo, đã tạo ra Chủ Nghĩa Tư Bản châu Âu, có một nếp sống đạm bạc, tri túc, và rất siêng năng lao động. Hơn nữa, ý niệm sâu sắc về cuộc đời vô thường cũng thúc đẩy người Phật tử sống đạm bạc và hướng về tương lai.

Ý thức sâu sắc của người Phật tử đối với tầm quan trọng thực tiễn của hiện tại khiến cho họ năng động hơn, tỉnh táo hơn, làm việc hết mình trong hiện tại. Người Phật tử chú trọng đến hành động hiện tại hơn là kết quả của lao động hiện tại, một sự hành động không có chấp thủ, nếu dùng một khái niệm Phật giáo quen thuộc. Trong cuốn “Đạo đức Tin Lành giáo và tinh thần của Chủ Nghĩa Tư bản”, Max Weber đã phân

tích rõ các nhà tư bản Tin Lành giáo thấy hoạt động kinh tế không phải là phương tiện mà là cứu kính, là mục đích. Và Mác trong cuốn “Góp phần phê phán chính trị kinh tế học” cũng viết:

“Một dân tộc sẽ vẫn đạt tới đỉnh cao của phát triển công nghiệp, chừng nào mà điều chủ yếu đối với nó không phải là lợi nhuận, mà là quá trình thu hoạch lợi nhuận”

Cuối cùng là ý thức về khả năng tiến bộ không giới hạn của con người, khiến người Phật tử làm việc khẩn trương tối đa, và luôn luôn học hỏi ở người khác giỏi hơn mình. Học hỏi rất chăm chỉ. Người Phật tử thấy không cần phải phát hiện lại những điều mà người khác đã tìm ra được, qua một quá trình lao động khó nhọc.

Khi người Phật tử là Giám đốc xí nghiệp, không xem công nhân như là phương tiện, mà là mục đích của xí nghiệp mình phụ trách, thì điều đó không có nghĩa là hy sinh mục đích cho phương tiện, mà là xem mục đích như là nội hàm (Immanent), trong tất cả mọi phương tiện được sử dụng để đạt tới mục đích đó. Điều này giải thích một vài đặc điểm của các xí nghiệp Nhật, mà người Tây phương với đầu óc thực dụng rất khó hiểu:

Công nhân rất mực trung thành và tự hào với xí nghiệp của mình, thậm chí sẵn sàng tự nguyện chịu giảm lương để xí nghiệp có thể khởi động lên và làm ăn có lãi, ít nhất 1/3 số công nhân đảm bảo có việc làm suốt đời (tỷ lệ này còn cao hơn đối với số công nhân ở thành thị), xí nghiệp săn sóc mọi mặt đời tư của công nhân, săn sóc sự giải trí của công nhân, và để đền đáp lại, công nhân làm việc thêm giờ tự nguyện, sáng kiến đến từ mọi cấp, chứ không phải từ cấp lãnh đạo xí nghiệp mà thôi...

Các quyết định quan trọng của xí nghiệp ở Nhật thường được bàn bạc, thông qua tập thể, và được toàn thể công nhân xí nghiệp tán thành. Các quyết định trong Tăng già Phật giáo cũng vậy, cũng phải được tất cả mọi thành viên Tăng già tán đồng thì mới có hiệu lực. Có người hỏi, nếu vẫn có một thiểu số phản đối thì làm thế nào? Phương pháp làm cho đến nay vẫn là mở rộng thành phần tham dự, thí dụ mời Tăng sĩ của các tu viện ở gần tham gia thảo luận, làm rõ vấn đề rồi bỏ phiếu, cho đến khi nào đạt được sự nhất trí hoàn toàn mới thôi. Sự nhất trí tương đối không khó lắm trong các hội nghị Tăng chúng là do Tăng già vốn có truyền thống cởi mở, vô ngã, không cố chấp.

Hình như càng mở rộng thành phần tham dự, thì càng có thêm nhiều dữ kiện hơn, nhiều thông tin hơn để đạt sự nhất trí.

Kết quả, là giữa các thành viên của cộng đồng, không có tinh thần cạnh tranh, ganh đua mà là tinh thần hợp tác, đoàn kết vì lợi ích chung của cộng đồng. Kết quả là có nhiều sáng kiến hay, xuất phát từ cấp dưới. Richard Tanner Pascale, trong cuốn “Zen and the art of management” viết rằng trong một xí nghiệp Nhật Bản, số sáng kiến xuất phát từ cấp dưới nhiều gấp ba lần so với số sáng kiến của cấp trên.

Giám đốc xí nghiệp Nhật Bản không chỉ huy và ra lệnh. Ông ta nghe, gợi ý, cho phương hướng, đánh giá. Kết quả là so với xí nghiệp công nghiệp ở các nước tư bản Âu Mỹ, quan hệ trong các xí nghiệp Nhật Bản bình đẳng hơn, hài hòa hơn. Các công trình nghiên cứu của Liên Hợp Quốc và của Ngân hàng thế giới chỉ rõ, cánh kéo giữa lớp người giàu nhất và lớp người nghèo nhất ở Nhật Bản là 4,3 so với 7,1 ở Mỹ, năm 1970.

Những tư tưởng Phật giáo cơ bản giúp cho sự phát triển kinh tế

Thứ nhất là tư tưởng vô thường giúp cho người Nhật dễ thích ứng với hoàn cảnh mới, yêu cầu mới, công nghệ và kỹ thuật mới.

Tư tưởng đó của đạo Phật tương tự như và thậm chí còn tiến xa hơn tư tưởng của Héraclite, là sự vật không những thay đổi liên tục mà còn phải thay đổi. Và điều này không có nghĩa là phủ định truyền thống mà duy trì những cái gì vẫn còn có giá trị sống và tiến bộ trong truyền thống. Truyền thống không phải là một sự áp đặt của quá khứ, mà là một nguồn biện pháp và phương tiện đã được thử thách, có tác dụng thật sự đối với hiện tại và tương lai. Theo quan điểm này, đổi mới kỹ thuật là tất nhiên và tất yếu. Phải tán thành và phải tham gia vào đổi mới kỹ thuật. Nếu cần phải đổi nghề và đổi mới cả lối sống, nó cũng hoan nghênh. Nó giải thích và cho thấy trong những xã hội đó và cả những xí nghiệp ở trong đó đều có khả năng tiếp thu những chuyển hướng căn bản, khi cần thiết.

Một tư tưởng Phật giáo khác có liên quan là sự thay đổi từ trong bản thân khi cần thiết, để thích ứng với hoàn cảnh đổi mới. Đó là tư tưởng Phật giáo nỗ lực tối đa, cải thiện tối đa, đối với cá nhân cũng như đối với toàn xí nghiệp.

Đây là lí do của hiện tượng: sản phẩm tốt và rẻ của các xí nghiệp Nhật Bản. Những người lãnh đạo xí nghiệp Nhật Bản không thắc mắc quá đáng về vấn đề thị trường, vì họ tin rằng một sản phẩm tốt và rẻ nhất định sẽ có thị trường.

Một đặc sắc nữa của tư tưởng Phật giáo là chủ thể hòa nhập vào khách thể, là một hệ quả của thuyết vô ngã Phật giáo. Người công nhân hay kỹ sư hòa nhập vào xí nghiệp, và công việc chuyên môn của họ. Do đó, năng suất làm việc của họ tăng lên rất nhiều. Ngay khi người công nhân Nhật Bản tổ chức bãi công để bày tỏ nguyện vọng của mình, họ cũng tổ chức bãi công như thế nào để đừng gây thiệt hại lớn cho xí nghiệp.

Tầm quan trọng của giáo dục và học tập

Đạo Phật là đạo của sự giác ngộ, của trí tuệ. Kẻ thù số một của nó là vô minh nghĩa là không sáng suốt, không hiểu hay hiểu sai. Người công nhân và kỹ sư của xí nghiệp Nhật Bản cũng vậy, họ xem học tập, nâng cao trình độ kiến thức và nghề nghiệp của mình là mối quan tâm số một của họ. Người công nhân và kỹ sư Nhật Bản học suốt đời, bằng một chương trình bồi dưỡng có tổ chức. Còn người công nhân và kỹ sư phương Tây, khi xuất phát có thể có một trình độ kiến thức và nghề nghiệp cao hơn so với công nhân và kỹ sư Nhật Bản, nhưng đó là ở điểm xuất phát. Sau đó, người công nhân và kỹ sư phương Tây ì ra để hưởng thụ suốt đời. Điều này đúng cả với giai đoạn ngời dười mái học đường. Ở Mỹ, con cái các gia đình Nhật Bản, Trung Hoa, Triều Tiên và Việt Nam nhập cư thường học giỏi hơn nhiều so với sinh viên Mỹ và các nước phương Tây khác.

Khoa học và kỹ thuật là mẹ đẻ của phát triển kinh tế. Nếu trong lịch sử phong kiến châu Âu, đạo Gia Tô nhiều lần chống đối lại tiến bộ kỹ thuật thì trái lại, đạo Phật cởi mở hơn, duy lý hơn, nó lấy thuyết nhân quả làm một chủ thuyết nền tảng của nó, mà thuyết nhân quả chính là cơ sở của tư tưởng khoa học hiện đại. Theo các nhà Sử học, thì chính các triết gia thuộc phái Khắc Kỷ (stoiciens) ở Cận Đông đã du nhập thuyết Phật giáo đó vào Hy Lạp và châu Âu. Nói cách khác, Phật giáo dễ dàng tiếp thu mọi tư tưởng và phương pháp khoa học kỹ thuật hiện đại.

Đạo Phật là tôn giáo điển hình không giáo điều và chống giáo điều. Phật tuyên bố: Ta không phải là kẻ giáo điều mà là

một người phân tích (Analyste) (Kinh Soubha số 99)

Tư tưởng chống giáo điều là một tư tưởng tiến bộ và thúc đẩy tiến bộ trong tất cả mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và kinh tế.

Một đặc điểm nữa của tư tưởng Phật giáo là không bày tỏ lập trường đối với những vấn đề siêu hình, do đó đã tiết kiệm bao nhiêu là thời giờ và sức lực, dành cho tư duy và hành động sáng tạo. Tinh thực tiễn đó của Phật giáo tiến xa tới chỗ biết và làm hợp nhất. (Tri hành hợp nhất). Đó cũng là một khía cạnh của tư tưởng phi nhị nguyên (non-dualiste) của Phật giáo. Nó làm cho công tác lý thuyết có hiệu quả hơn, và công tác thực tiễn đúng đắn hơn.

Một đặc điểm của công tác giáo dục Phật giáo là vai trò lớn của ông thầy, của minh sư tức là ông thầy sáng suốt, hướng dẫn một hay là một số đệ tử, trong học tập cũng như trong mọi mặt khác của đời sống. Trong xí nghiệp công nghiệp Nhật Bản cũng vậy, một thợ cày hay kỹ sư tài giỏi hướng dẫn một số công nhân và học nghề, tạo thành một tập thể sản xuất nhỏ rất đoàn kết và rất có hiệu năng.

Nói tóm lại, nề nếp tư duy và công tác của đạo Phật có dấu ấn rõ nét trong tổ chức và lối tư duy, lối làm việc của các xí nghiệp Nhật Bản, và luôn luôn phát huy tác dụng như là những yếu tố phát triển kinh tế và sản xuất.

Tất nhiên, đạo Khổng cũng có vai trò của nó, nhưng không có tầm cỡ như là đạo Phật. Đạo Khổng có thể cung cấp mô hình của mối quan hệ cha con và thầy trò trong phạm vi xí nghiệp, hay là tạo ra ý thức trung thành và thủy chung của công nhân viên đối với xí nghiệp. Nhưng chỉ có chừng ấy mà thôi.

Hiện nay, ở phương Tây, kinh tế đang dậm chân tại chỗ. Cuộc khủng hoảng kinh tế đang kéo dài. Nên học ở các nước phát triển của châu Á một số bài học về tăng năng suất lao động có quan hệ tới các lĩnh vực tổ chức, tâm lý và liên hệ cá nhân.

Người ta thường nói là tiến bộ vật chất có hại tới tiến bộ tinh thần và tâm linh. Đúng như vậy, nếu tiến bộ kinh tế đó chuyển hướng sai, và nếu tinh thần và tâm linh quá lạc hậu đối với tiến bộ vật chất và kinh tế. Còn trong trường hợp các con rồng kinh tế của châu Á, thì như chúng ta thấy trong bài này, chính tiến bộ tâm linh và tinh thần hướng dẫn và khởi động cho tiến bộ vật chất và kinh tế.

Kết luận

Tuy đức Phật không bàn chuyên vấn đề kinh tế, thế nhưng những ý kiến của Ngài phát biểu trong một số trường hợp cá biệt về vấn đề kinh tế, rất đáng được chúng ta lưu tâm, suy ngẫm. Đức Phật hết sức quan tâm đến động cơ và nội dung đạo đức của mọi chính sách và thực tiễn phát triển kinh tế, trong khi các nhà kinh tế học hiện đại lại rất coi nhẹ các vấn đề này. Đối với họ, mối quan tâm hàng đầu là lợi nhuận, là mức tăng trưởng kinh tế. Còn số lợi nhuận và mức tăng trưởng kinh tế đó đòi hỏi một trả giá như thế nào về mặt đạo đức và xã hội, thì họ không quan tâm hay là ít quan tâm.

Đức Phật khẳng định rằng mọi hoạt động của con người - kể cả hoạt động kinh tế cũng vậy, đều phải có nội dung đạo đức, nhằm tới hạnh phúc của bản thân cũng như của đồng loại.

Bởi vì đồng tiền, không phải thân góp bằng bàn tay đạo đức, sẽ là con dao hai lưỡi, sẽ giết chết người chủ của nó. Tôi muốn dẫn chứng lời của một nhà tỷ phú Mỹ, J. Lynn, sau này đổi tên mình là Rajarsi Janakananda, khi trở thành một đồ đệ trung thành của môn học Yoga Ấn Độ. Ông nói: “Khi tôi đã

đạt tới điểm đó (trở thành tỷ phú), thì tôi trở thành một người tha hóa và thất vọng hoàn toàn. Tôi tưởng rằng đồng tiền sẽ đem lại cho tôi hạnh phúc, nhưng không có gì làm tôi thỏa mãn được. Tôi sống thường xuyên trong tâm trạng thần kinh khẩn trương, tình trạng căng thẳng, nội tâm lo âu, không ổn định”. Cho tới khi tôi được gặp Paramahansa Yogananda và bắt đầu tập Yoga với Ngài Paramahansa Yogananda. Và với sự chỉ dẫn của Ngài tôi đã đạt được sự bình thản, an tịnh, hỷ lạc và một ý thức an toàn không có người nào đạt được, nếu chưa có được sự hòa hài nội tâm”.

Đồng tiền không thể là cứu cánh của nhân sinh, nếu xem đồng tiền là cứu kính, nó sẽ làm cho con người tha hóa và thất vọng. Giá trị của đồng tiền là ở chỗ nó là phương tiện tạo ra môi trường thuận lợi cho sự tiến bộ đạo đức và tâm linh của con người.

Phật không bao giờ ca ngợi sự nghèo khổ. Trái lại, trong Kinh Kutadanta (Trường bộ Kinh) và Kinh “Chuyển luân thánh vương tu hành” (Trường A Hàm), Phật giải thích là muốn trừ nạn giặc cướp và trộm cắp thì dùng hình phạt hay là bố thí đơn thuần đều không thể giải quyết triệt để vấn đề. Qua ví Bala môn chủ tế, ở triều vua Mahavijita, Phật giải thích là muốn loại trừ triệt để bọn giặc cướp ở trong nước thì:

“Những người nào trong quốc độ nhà vua, nỗ lực về nông nghiệp và mục súc, thì nhà vua hãy cấp cho những người ấy hạt giống và thực vật. Những người nào trong quốc độ của nhà vua mà nỗ lực về thương nghiệp, thì nhà vua hãy cấp cho họ vốn đầu tư, những người nào trong quốc độ nhà vua, nỗ lực về mặt quan chức, thì nhà vua hãy cấp cho họ thực phẩm và lương bổng. Và những người này sẽ chuyên tâm vào nghề nghiệp riêng của mình và sẽ không nhiều hại quốc độ nhà vua nữa. Và ngân quỹ nhà vua sẽ được dồi dào, quốc độ sẽ được an cư lạc nghiệp không có tai ương, ách nạn và dân chúng hoan hỷ vui vẻ, cho trẻ con nhảy đùa ở trong lòng, và sống với nhà cửa mở rộng”. (Trường bộ Kinh, trang 241 - 242)

Nói theo ngôn ngữ hiện đại, thì muốn cho nước nhà được yên, ngân sách Nhà nước dồi dào, mọi người đều an cư lạc nghiệp, thì phải có một kế hoạch phát triển kinh tế toàn diện hợp lý, đảm bảo cho nghề nông, nghề buôn bán đều có điều kiện phát triển, đảm bảo cho công nhân viên chức có ăn uống đầy đủ, và đồng lương sống tốt.

Nói chung lại, đạo Phật không ca ngợi sự nghèo khổ, cũng như không phê phán sự giàu có. Bởi vì, giàu nghèo chỉ là phương tiện, chứ không phải là cứu kính. Cứu kính là sự an lạc thật sự của thân tâm, chỉ có thể đạt tới được bằng đạo đức và trí tuệ. Không những kinh tế dồi dào, mà những điều quý báu nhất của nhân sinh như là sức khỏe dồi dào, thọ mạng lâu dài, dung nhan sáng đẹp v.v... tất cả đều phụ thuộc vào cuộc sống đạo đức và trí tuệ. Trong kinh “Chuyển luân thánh vương tu hành, có đoạn dẫn chứng lời Phật giảng cho các Tỷ kheo:

“Các người phải siêng năng tu các điều thiện, nhờ tu điều thiện mà mạng sống lâu dài, nhan sắc thẩm tươi và được an ổn, khoái lạc, của báu dồi dào, uy lực đầy đủ...” (Trường A Hàm - trang 327. Kinh Chuyển luân Thánh vương tu hành).

Đúng như vậy, chúng ta không phải phát triển kinh tế, vì kinh tế, vì muốn thành con rồng mới của châu Á. Mà chúng ta phát triển kinh tế là vì để cho tất cả người Việt Nam đều được sống hạnh phúc trong một nước Việt Nam giàu và mạnh, không bị ô nhiễm môi sinh, một nước Việt Nam có thể sống ngưỡng mặt với thế giới, không bao giờ cam tâm chịu làm cái bãi rác cho một Tây phương công nghiệp và ích kỷ.



Chúng ta thu hút vốn đầu tư để phát triển kinh tế là vì hạnh phúc thật sự của con người Việt Nam, vì sự giàu mạnh và độc lập thật sự của đất nước chúng ta, với một môi trường sống được bảo vệ tốt, những kho tàng tài nguyên thiên nhiên được khai thác và sử dụng hợp lý, vì lợi ích không những của thế hệ hiện nay, mà còn của các thế hệ mai sau nữa, với những giá trị văn hóa truyền thống, thẩm mầu bản sắc dân tộc mà tất cả người Việt Nam chúng ta đều tự hào và phát huy, đổi mới một cách sáng tạo, qua giao lưu tiếp xúc với các nền văn hóa nước ngoài.

Chúng ta phản đối một sự tăng trưởng kinh tế, theo quan điểm kinh tế hẹp hòi, một sự tăng trưởng kinh tế phải trả giá bằng môi trường sống bị ô nhiễm quá mức chịu đựng của con người, bằng những giá trị đạo đức và văn hóa truyền thống bị xói mòn và hủy hoại, bằng những tệ nạn xã hội cho lưu hành không hạn chế, bằng sự suy thoái đạo đức, sự giải thể của gia đình, sự mất niềm tin của lứa tuổi trẻ, thanh và thiếu niên, vì đây quả là những mất mát vô giá, không thể bù đắp được bằng bất cứ một tỷ lệ tăng trưởng kinh tế nào.

Đó là điều tất cả chúng ta, đặc biệt là những người lãnh đạo đương chức ở cấp Trung Ương và địa phương, cần phải suy ngẫm và tìm cách giải quyết theo những phương án tốt nhất trong thời đại mở cửa và đổi mới hiện nay.

Lợi ích cá nhân, đồng tiền và chữ Tâm trong kinh doanh

» KHẢ ANH

Lợi ích cá nhân - Bàn tay vô hình

Trong một buổi chia sẻ những vấn đề thường gặp trong công việc kinh doanh của tổ chức và cách vận dụng giáo lý, tinh thần nhà Phật để giải quyết vấn đề đó, tôi nhận được một câu hỏi rất thú vị và ý nghĩa từ một em sinh viên của một trường Đại học Kinh tế về lợi ích cá nhân trong môi trường công việc. Câu hỏi đó liên quan đến vấn đề thanh niên ngày nay thường quan tâm nhiều đến lợi ích cá nhân và việc quan tâm đó có ảnh hưởng đến sự phát triển của tổ chức hay không? Thiết nghĩ, vấn đề này chắc chắn không phải là điều mà chỉ mình em trăn trở, mà còn là điều trăn trở của không ít thanh niên thế hệ ngày nay.

Mọi vấn đề xảy ra và tồn tại trong cuộc sống đều có hai mặt, và lợi ích cá nhân cũng không nằm ngoài phạm trù đó.

Con người chúng ta từ khi sinh ra ai cũng có nhu cầu về vật chất và tinh thần. Khi lớn lên, càng tiếp xúc với xã hội nhiều hơn nhu cầu lại tăng lên theo thời gian. Trong môi trường doanh nghiệp cũng vậy, nhu cầu đó là hoàn toàn chính đáng và không hề mâu thuẫn gì với mục tiêu phát triển doanh nghiệp bởi khi ta mang lại lợi ích cho doanh nghiệp thì ta sẽ được được thụ hưởng những giá trị đó do ta tạo ra giống như luật nhân quả nhà Phật mà thành.

Văn hóa của một doanh nghiệp có tư duy và làm ăn chân thật không đòi hỏi nhân viên của họ phải luôn hy sinh lợi ích cá nhân cho tập thể mà ngược lại người ta vẫn có quyền khát khao lợi ích cá nhân. Tuy nhiên, phải tận tụy, hết lòng hết sức vì công việc, vì những người mà ta có trách nhiệm phục vụ. Chế độ đãi ngộ và thu nhập của chúng ta ở đâu ra? đó là từ

ngân sách của tổ chức, đó là từ khách hàng và nói chính xác hơn là mồ hôi, là nước mắt của những đồng nghiệp đang cùng lao động. Khi nhận những lợi ích đó, chúng ta phải có trách nhiệm với những người đã trao cho chúng ta để chúng ta có đủ phương tiện để làm việc, tồn tại và làm giàu, ít nhất cũng phải tương xứng với giá trị của nó. Nếu sống vì lợi ích cá nhân thì hãy sống từ cái chân, thiện, mỹ trong trái tim tràn đầy nhân văn của mỗi con người.

Mặt trái của lợi ích cá nhân là khi còn tồn tại những người làm việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của mình, không quan tâm đến lợi ích của tập thể, “Miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy”. Nó là mẹ đẻ ra tất cả mọi tính hư nết xấu như: lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí, tham ô v.v. Nó đi ngược lại với văn hóa xây dựng tổ chức. Khi đó lợi ích cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc.

Lợi ích cá nhân là phương tiện đưa giá trị con người hay tổ chức xuống dốc một cách nhanh nhất

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy “Học cái tốt thì khó, ví như người leo núi, phải vất vả, khó nhọc mới lên đến đỉnh. Học cái xấu thì dễ, như người trên đỉnh núi trượt chân một cái là nhào xuống vực sâu”. Có những người cùng làm doanh nghiệp trong giai đoạn khởi sự thì rất đoàn kết, trước thách thức, khó khăn không chịu khuất phục, nhưng đến khi doanh nghiệp bắt đầu phát triển thì mất lập trường, vun vén lợi ích cho bản thân. Cho nên sự khắc nghiệt của thương trường không nguy hiểm bằng “bản ngã” vì nó làm hại mình mà mình không trông thấy.



Vậy nên doanh nghiệp muốn phát triển thì cần biết hài hòa và điều tiết lợi ích của cá nhân gắn liền với lợi ích của tập thể. Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể, thì văn hóa doanh nghiệp đó cần đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể.

Tiền - Đồng tiền có hai mặt

Tiền đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của chúng ta, không ai phủ nhận về điều này, tuy nhiên thực tế cho thấy là không phải bao giờ tiền bạc cũng có thể giúp chúng ta giải quyết được mọi vấn đề. Nhiều người thường đánh giá các mối quan hệ trong cuộc sống qua giá trị tiền bạc, hoặc đánh giá người khác qua số tiền kiếm được trong công việc. Những cách đánh giá như thế thường là không chính xác, và do đó rất dễ dẫn đến nhiều nhận thức, phán đoán sai lầm về sự việc cũng như con người.

Đối với nhiều người tiền bạc là một trong những động lực thúc đẩy sức làm việc. Một công việc nặng nhọc vẫn được nhiều người chấp nhận nếu như có thể giúp kiếm được một khoản tiền khá lớn và ngược lại, một công việc nhẹ nhàng và hợp với khả năng nhưng vẫn có thể bị từ chối nếu như tiền thù lao bị cho là quá ít. Cách tư duy này có vẻ như không có gì sai trái nhưng thực ra lại là chỗ sai lầm trong nhận thức của rất nhiều người.

Tiền tệ, đồng tiền nhiều khi cũng tệ

Nếu như cuộc sống luôn diễn ra một cách bình lặng thì việc đồng nhất giá trị tiền lương với giá trị công việc cũng sẽ không có gì đáng nói. Tuy nhiên, cuộc sống không diễn ra bằng phẳng như chúng ta mong muốn, luôn có những thay đổi và biến cố lớn nhỏ xoay quanh ta. Và mỗi khi phải đối mặt với những biến cố lớn trong cuộc đời, chúng ta sẽ dễ dàng nhận thấy tiền bạc không thể giúp ta giải quyết được tất cả.

Vì đồng tiền mà nhiều người đã khóa lại cánh cửa bước vào tương lai của mình, chắc chắn họ đã nhận ra rằng số tiền mà họ kiếm được hoàn toàn không thể mang lại cuộc sống tự do, hạnh phúc. Vì đồng tiền họ đã đánh mất nhân cách, lương tri, niềm tin của bạn bè, của xã hội, thậm chí sẵn sàng nhúng tay vào những việc làm phi pháp, phi đạo đức, chỉ để đổi lấy những mảnh giấy vô tri vô giác, và đổi lấy những sai lầm đó bằng chính cuộc đời mình, bởi vì tiền bạc mà họ kiếm được hoàn toàn không có chút giá trị thật nào cả.

Khi biết nhận thức đúng về giá trị của tiền bạc sẽ giúp chúng ta không rơi vào sai lầm trong suy nghĩ và hành động. Quả thật, chúng ta luôn cần tiền để thỏa mãn những nhu cầu trong cuộc sống. Nhưng những nhu cầu đó luôn có giới hạn nhất định, và chúng ta cũng có thể học cách sống tri túc để giới hạn một cách hợp lý mọi nhu cầu của mình.

Nhận thức đúng về giá trị của tiền bạc, chúng ta sẽ sử dụng tiền kiếm được một cách hợp lý hơn, và sẽ không bao giờ bị cuốn hút theo tiền bạc đến nỗi quên đi những giá trị thật có khác trong cuộc sống.

Chữ Tâm - Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến
Chữ Tâm độc tự thể mà hay
Thành bại hơn thua bởi chữ này
Tuổi trẻ gắng gìn già cố giữ
Cuộc đời gắn trọn cả vào đây



Tinh thần nhà Phật có dạy “Có tu Tâm thì mới tu được nghiệp, Tâm có sáng thì nghiệp mới thành”. Thực tế cho thấy có nhiều người đạt được kết quả kinh doanh nhưng lại không đạt được sự kính trọng của xã hội, vì giá trị cốt lõi mà họ xây dựng thiếu chữ Tâm. Những hành động của họ thiếu tính nhân văn thì làm sao được người khác yêu mến.

Chữ Tâm độc tự thể mà hay...

Người làm kinh doanh với tâm trong sáng, lợi mình lợi người, thấy được cái chân cái giả, thấy được những quy luật, những chuyển biến cuộc đời và ứng dụng cái thấy vào cuộc sống thường nhật thì người đó sẽ có nhiều niềm vui dù công việc có thăng có trầm.

Ngược lại, dù hiệu quả công việc rất tốt, sự nghiệp thành đạt nhưng nếu không tìm được những phút giây an bình nội tại, không thấy được bản chất cuộc đời, lấy giả làm chân, lấy phương tiện làm cứu cánh thì người đó vẫn là những người nghèo khổ nhất cuộc đời: nghèo tình thương, nghèo hạnh phúc, nghèo an lạc.

Kinh doanh theo tinh thần đạo Phật là phải biết giữ cho tâm luôn trong sáng, tự lợi - lợi tha, trong kinh doanh mà vừa làm lợi cho mình vừa làm lợi cho người thì đó mới là phương thức kinh doanh bền vững, hiệu quả. Bởi tính nhân quả là quy luật tồn tại khách quan của cuộc sống. Do đó khi đã hiểu và tin theo, chúng ta tự biết mình nên làm gì và không nên làm gì, như lời dạy của một vị thầy.

Phật nói “Quá khứ đã qua rồi, tương lai thì chưa đến, ta chỉ thực sự sống trong giây phút hiện tại”. Nếu đánh mất hiện tại thì sẽ đánh mất cuộc sống! Nếu ta quá ưu tư về quá khứ, quá lo nghĩ về tương lai, để luôn đắm chìm trong sự bất an, ta sẽ không có hạnh phúc, dù là người có nhiều tiền, nhiều quyền, nhiều danh tiếng...

Nói về đạo đức kinh doanh

Phần lớn những doanh gia thành công ở các thị trường mới nổi cho rằng việc kiếm tiền cho doanh nghiệp là một hoạt động hoàn toàn về kinh tế, không liên quan gì đến đạo đức xã hội hay tôn giáo hay triết lý. Họ thường bào chữa cho các hành xử sai trái trong công việc quản trị hằng ngày bằng một lời phàn, “ai cũng làm như thế cả”.

Một bản nghiên cứu của Harvard năm 1998 cho thấy đạo đức và kỷ cương đóng góp về lâu dài một niềm tin tốt đẹp từ khách hàng, từ nhân viên, từ đối tác, từ nhà đầu tư, từ cộng đồng đoàn thể... Đây là cách xây dựng thương hiệu hoàn hảo nhất của bất cứ doanh nghiệp nào. Với một thương hiệu tiếng tăm và bền vững, công ty có thể tìm một tỷ lệ lợi nhuận cao hơn các đối thủ cạnh tranh, một thị phần cao hơn của khách hàng trung thành và kết quả là một thành tựu khả quan hơn về tài chính.

Thiếu đạo đức và kỷ cương quản trị, doanh nghiệp biến thành một công ty của cơ hội, của chụp giạt, của đầu cơ... Mọi thành công sẽ tạm bợ, bạo phát bạo tàn.

Tuy nhiên chúng ta cũng phải thông cảm cho những áp lực hàng ngày mà bất cứ doanh nhân nào làm ăn tại Việt Nam phải vượt qua. Ngoài tình trạng bấp bênh của một nền kinh tế vĩ mô thôi thúc bởi cơn sóng thần của lạm phát, lãi suất và tỷ giá, các doanh nghiệp Việt phải hoạt

động trong một môi trường khá đặc thù khác hẳn thế giới bên ngoài.

Trước hết, sự thiếu vốn của các doanh nghiệp khá phổ thông và thói quen phải gối lưng cho khách hàng nợ hơn 100 ngày khi thanh toán hóa đơn làm kiệt quệ nhiều hoạt động cần thiết. Cái khó khăn khác là sự thiếu minh bạch trong thông tin, kế toán, thuế vụ, chi phí khiến nhiều doanh nghiệp hành xử như kẻ mù giữa rừng gươm. Thử thách khác là những thủ đoạn cạnh tranh bất chính của đồng nghiệp từ cách làm hàng nhái, hàng giả... đến những phá hoại ngầm khá hữu hiệu. Sau cùng là những giây nợ trôi buộc từ những thủ tục hành chính phức tạp đến những phí tổn bôntron cao ngất trời.

Người Mỹ có câu nói là khi con cá sấu gần tấp vào quần của bạn thì bạn khó mà nhớ được mục đích ban đầu của bạn là phải khai thông giòng suối. Đây cũng có thể chỉ là một cách để thoái thác trách nhiệm để tăng lợi nhuận cho cá nhân và bảo vệ tiếng tăm cho phe nhóm.

Nhưng một doanh nghiệp muốn tăng trưởng bền vững phải sẵn sàng trả giá cho hành vi đạo đức của mình.

» T/S ALAN PHAN

Chủ Tịch Quỹ Đầu Tư Viasa



Khi doanh nhân rời bỏ BMW đi tìm thế giới phi vật chất

“Thế giới bên trong quan trọng hơn việc bạn được sở hữu một chiếc BMW mới, phương tiện giúp bạn có những phút giây hạnh phúc chóng vánh”.

Một nhóm người xứ Wales đang hành thiền nhằm giải tỏa những căng thẳng của đời sống văn phòng bằng đạo Phật. Họ cũng hi vọng các bài tập sẽ giúp công ty đạt đến trạng thái Niết bàn.

Trang Newport và Cơ quan Phát triển Mettaengine do ba nhân vật có cùng sở thích lập ra hồi tháng 6 năm ngoái. Cả ba gặp nhau tại một trung tâm Phật giáo. Giám đốc sáng tạo Graham Shimell, cho biết: “Chúng tôi thường cố gắng thiền cùng nhau vào buổi sáng. Đó là cách tốt nhất để khởi đầu ngày mới”.

Nhóm người này ngồi thiền ba lần trong ngày trong một căn phòng được thiết kế đặc biệt với một tượng Phật, cùng nến, hương và mõ. “Chúng tôi thính mõ trước khi bước vào thiền. Những âm thanh dẫn đi vào yên lặng giúp con người đi vào trạng thái tư duy đúng đắn”, Graham nói thêm. “Tôi cố gắng tập trung vào hơi thở và trở về với thực tại. Khi đó, tôi tìm lại sự điềm tĩnh và buông xả mọi ưu phiền. Thiền tạo nên sự khác biệt lớn trong tâm trí tôi. Nó giúp tôi buông bỏ cũng như không bám víu vào những mong cầu và ước muốn”.

Giám đốc điều hành William Elworthy thì nói rằng: “Đôi khi gặp căng thẳng một chút, thiền ít phút rồi trở lại văn phòng, tôi nhìn nhận mọi việc hoàn toàn khác”.

Mục đích của nhóm này là đưa thực hành đạo Phật đến công sở bằng việc làm theo một số quy tắc đạo đức dựa trên năm giới luật của nhà Phật, gồm giúp đỡ người khác, rèn luyện sự trung thành và tính quảng đại.

William cho biết: “Chúng tôi muốn đưa bộ môn này ra khỏi thiền quán và nhân rộng ra công sở”. Còn Graham thì lý giải những nguyên lý cơ bản dễ dàng đưa thiền vào cuộc sống hàng ngày. Nhóm cũng hi vọng công ty sẽ ngăn chặn được những suy nghĩ tiêu cực trong kinh doanh. “Hi vọng rằng chúng tôi có thể truyền được cảm hứng cho một số công ty khác, đặc biệt là sau những vấn đề nảy sinh từ cuộc khủng hoảng kinh tế”. Graham nói thêm.

Các “sáng kiến gia” này đã lấy cảm hứng từ một doanh nghiệp Phật giáo Windhorse Evolution có trụ sở tại Cambridge. Từ một quầy bán hàng nhỏ vào năm 1980, những nhà sáng lập đã phát triển lên thành một công ty kinh doanh quà tặng hàng đầu Anh quốc với doanh thu lên đến hàng triệu bảng.

Những nhà phát triển website này đến với đạo Phật từ nhiều nền tảng khác nhau. Graham là nhà văn Mỹ nổi lên vào những năm 60, còn William là người ham mê võ thuật. Cả hai bắt đầu đọc kinh sách và thiền định trước khi gia nhập Trung tâm Phật giáo Cardiff chừng 4 năm trước, nơi họ gặp giám đốc điều hành John James.

William cho biết: “Chúng tôi đã tu tập cùng nhau và rõ ràng tất cả chúng tôi đều có chung tâm nhìn. Chúng tôi có một động lực kinh doanh tốt”.

Càng hành thiền, William càng “vỡ mộng” với môi trường làm việc trước đây của mình. “Tôi điều hành doanh nghiệp trong 6 năm và nó dường như cướp đi sinh mệnh của tôi vậy. Nó khiến tôi nghẹt thở và không tìm thấy sự cân bằng ở đó. Giấc mơ kiếm tiền không thôi dường như là chưa đủ”, ông nói.

Nhóm người này đã quan sát thấy nhu cầu giảng dạy đạo Phật ngày càng gia tăng ở xứ Wales và tin rằng Cộng đồng Phật giáo xứ Wales ngày càng phát triển. Graham cho biết: “Có một nền văn hóa rất vật chất trong thế giới phương Tây, song một số người nhận ra có nhiều thứ dành cho cuộc sống hay hơn là chỉ đi kiếm tìm những thứ vật chất mới. “Phật giáo đào sâu thế giới bên trong hơn là thế giới bên ngoài. Thế giới bên trong quan trọng hơn việc bạn được sở hữu một chiếc BMW mới, phương tiện giúp bạn có những phút giây hạnh phúc chóng vánh”.

Những nhà điều hành doanh nghiệp này đang kỳ vọng sẽ mở rộng các khóa đào tạo và dạy nghề đến nhiều người. “Chúng tôi muốn tiếp xúc với các Phật tử. Điều quan trọng nhất là họ đã sẵn sàng thực hành theo các nguyên tắc đạo đức”, Graham nói thêm.

DIỆP VI (TTVN/Walesonline)



Những mảnh đời tỷ phú

» THÍCH THÁI HÒA

Cách đây 26 thế kỷ, trường giả Cấp Cô Độc - nhà tỷ phú Ấn Độ, biết trọng đức mà khinh tài nên danh thơm của ông còn mãi với sử xanh.

Tháng 04 năm 2006, Bill Gates, nhà tỷ phú Mỹ sang thăm Việt Nam vào ngày 22 tháng 04 năm 2006, đã phát biểu với những nhà lãnh đạo Việt Nam rằng: “Chuyến thăm Việt Nam lần này sẽ tạo cơ sở để nâng cao quan hệ hợp tác giữa Microsoft với Việt Nam, đồng thời cam kết sẽ tìm một trường Đại học thích hợp của Việt Nam để cung cấp phần mềm”. Và ông còn nói: “Nhiệm vụ của tôi ngày hôm nay là đi tìm kiếm và làm thế nào để Microsoft được tham gia vào quá trình phát triển của Việt Nam cũng như việc tìm kiếm công nghệ thông tin để giúp giới trẻ phát triển, đặc biệt là tạo công ăn việc làm”.

Trả lời phóng viên AFP, Bill Gates nói: “Internet đã biến thế giới này thành một cái làng nhỏ”. Ông nói tiếp: “Tôi có thể khẳng định cơ hội của mỗi người không còn do địa lý quyết định nữa”.

Trả lời cho phóng viên hãng AFP, Bill Gates nói: “Trên cả Á Châu và nhất là ở Việt Nam, chúng tôi đã chứng kiến sự phát triển kinh tế tuyệt vời, và cơ hội tạo ra những công việc lương cao ở đây rất rõ ràng. Nhân tố chủ chốt bao giờ cũng là tài năng con người”.

Qua những phát biểu của nhà tỷ phú này, ta biết rõ ông dù là nhà tỷ phú giàu nhất nước Mỹ, có tài sản hơn 53 tỷ USD, nhưng ông vẫn cảm thấy thiếu và cần phải bươn chải. Và ông ta cũng quên đi rằng, làm giàu không phải chỉ có tài năng, mà còn có những yếu tố khác. Tài năng thế giới



con người không thiếu, nhưng không phải ai có tài năng cũng trở thành tỷ phú! Và tỷ phú như ông mà còn trực tiếp bươm chải tìm kiếm thị trường tiêu thụ, thì sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội có nên chào đón ông như là một “thần tượng” hay không? Nên nhớ, thành đạt về sự giàu có hay quyền lực hoặc bất cứ một vị trí nào đó được quyết định từ nhiều yếu tố mà không phải chỉ có tài năng. Bill Gates đã quên nói cho sinh viên Việt Nam điều đó và lại nữa, ông quên chia sẻ cho giới trẻ Việt Nam một điều vô cùng quan trọng là có tài năng làm ra tiền, nhưng không có phúc đức thì không cầm giữ được tiền ấy, và tiền ấy sinh họa cho ta. Rất tiếc!

Rồi Henry Paulson - Bộ trưởng Tài chính Hoa Kỳ, người đã từng đứng đầu để chế tài chính Goldman Sachs, đã đến Việt Nam nói chuyện với 1000 sinh viên trường Đại học Quốc gia Hà Nội, ông có ba lời khuyên:

1. Các bạn hãy luôn luôn coi thay đổi là bạn đồng hành, đừng bao giờ ngại phải thay đổi. Việt Nam đang trong quá trình phát triển và thay đổi, điều đó lại quan trọng với các bạn.

2. Hành trang cho mình là một tầm nhìn dài hạn, hãy kiên định với mục tiêu của mình.

3. Hãy trang bị cho mình kiến thức hội nhập đầy đủ, điều quan trọng nhất là không được nhìn hội nhập với một con mắt khắt khe, phải có một cái nhìn toàn cảnh mà những giá trị hội nhập đem lại.

Một sinh viên hỏi: “Tại sao ông từ bỏ mức lương 38 triệu USD/năm ở Goldman Sachs để làm việc cho ông Bush với mức lương 200.000 USD/năm?”

Henry Paulson trả lời: “Đã đến lúc tôi nghĩ phải thay đổi môi trường và đóng góp lớn lao cho đất nước tôi, tôi nghĩ mình đã chọn đúng thời điểm, tiền đôi khi không phải là tất cả”.

Paulson còn chia sẻ thêm: “Dù làm gì và ở trên cương vị nào cũng phải cân bằng giữa công việc và đời sống. Rất nhiều người đã đạt được đỉnh cao trong sự nghiệp, nhưng trong cuộc sống gia đình lại rất thất vọng. Ngoài ra, có những vấn đề quan trọng hơn tiền, đó chính là sự học hỏi thường xuyên và học tập có thể đảm bảo thành công trong tương lai. Khi suy nghĩ vấn đề gì, hãy suy nghĩ sáng tạo”.

Qua những phát biểu của Paulson với 1000 sinh viên trường Đại học Quốc gia Hà Nội, ta thấy ông hết sức nhiệt tình và đầy kinh nghiệm: “Tiền đôi khi không phải là tất cả...”, nhưng ông đã thiếu đi một kinh nghiệm quý báu để chia sẻ với giới trẻ Việt Nam rằng: “Ta có nhiều tiền mà thiếu hẳn nhân nghĩa, thiếu hẳn niềm tin, thiếu sự chân thật, thì chúng sẽ hủy diệt danh dự và đời sống của ta một cách nhanh chóng”.

Lại có nhà tỷ phú Mỹ, ông Warren Buffet - người tỷ phú thứ hai trên thế giới, tài sản của ông 46 tỷ USD, nổi tiếng là người làm ăn rất cẩn thận theo truyền thống và biết tích lũy, chứ không dùng thủ thuật trong kinh doanh. Nhưng, vợ của ông là bà Suzan Buffet đã bỏ ông và sống riêng. Cô con gái của bà giải thích: “Mẹ cô không muốn để người ta coi bà là vợ của một kinh doanh nổi tiếng và thành đạt”.

Và năm 76 tuổi, nhà tỷ phú này lại cưới bà Astrid Menks đã 60 tuổi chính thức làm vợ hai, sau khi bà vợ đầu bỏ ông sống riêng đã qua đời hai năm.

Trên đời không ai bỗng dưng trở thành tỷ phú. Trở thành tỷ phú là cả một quá trình nỗ lực học hỏi, nỗ lực kinh doanh và nhất là khả năng sáng tạo trong sự nghiệp kinh doanh của mình, và lại càng kinh doanh lại càng bận rộn, càng kinh doanh lại càng có lãi suất, và lại càng nỗ lực chạy bươm về phía trước, cứ như thế mà chạy, và đương nhiên có một sự thành công nào đó về mặt tiền bạc, nhưng nội dung của đời sống con người đã đi ra khỏi họ lộng chùng lúc nào mà họ không hề hay biết, đến khi nhìn lại thì tiền bạc của họ tích lũy để trở thành tỷ phú chỉ là những con số mà không phải là “phép lạ” của hạnh phúc, và lại càng không phải là “thần dược” của tình cảm con người và xã hội.

Những mảnh đời tỷ phú về tiền bạc, họ khó có về đời sống hạnh phúc gia đình và lại càng hiếm hoi hơn, để thấy những ánh trăng vàng vạc giữa không gian chiếu xuyên qua lòng họ và lại càng khó nhận ra những âm ngữ chân tình!

Nên, tỷ phú như Trường giả Cấp Cô Độc là có một không hai của thế giới con người. Ông ta không những tỷ phú về tiền bạc mà còn tỷ phú về cả tâm hồn và đức hạnh, đến nỗi Thái tử Jeta con vua Ba-Tư-Nặc của Ấn Độ bảy giờ phải hết lòng kính nể.

Nơi Nương Tựa An Toàn

Cơn bão số 09, tên là Ketsana thổi vào miền Trung Việt Nam, ngày 29/9/09, đã gây thiệt hại nhiều mặt cho dân chúng từ Nghệ An cho đến Phú Yên và ngay cả cao nguyên như Gia Lai và Kontum nữa. Thiệt hại vật chất cho các vùng này là không thể kể xiết. Cây cối gãy đổ, nghiêng ngã, nhà cửa bị tróc mái, nhất là những vùng tâm bão đi qua. Có những vùng sâu, nước ngập đến mái nhà, lương thực bị hư hại nặng nề... Thiệt hại về nhân mạng, theo tài liệu tổng kết kể từ 21 giờ ngày 02 tháng 10 năm 2009 của từ Văn phòng Ban Chỉ Đạo phòng chống lụt bão Trung ương gồm: Chết 122 người, mất tích 12 người và bị thương 522 người, và thiệt hại tài sản có thể kiểm tra tổng quát theo các báo chí cho biết khoảng hơn hai ngàn tỷ đồng Việt Nam.

Với cơn bão này, tại chùa Phước Duyên, cây Nhân và cây Sến 60 tuổi bị búng bay gốc và một cây Nhân 70 tuổi bị xé nửa cây, cây Mít ở cạnh Tàng kinh các, bị gió bẻ quẹo lại, rồi gãy nửa cây, và những cây mít lâu năm khác cũng bị búng gốc... gió thổi vèo vèo, rít lên từng hồi, nghe thật khủng khiếp!

Cơn bão đi qua đã làm cho cây cối gãy đổ ngổn ngang, tâm trạng của con người nhiều nơi bàng hoàng lo sợ, nhưng chỉ chưa đầy một tiếng đồng hồ, tôi ngồi ở Tàng kinh các, nhìn ra sân, thấy những chú bướm tung cánh bay lượn nhớn nhोर, như không có bất cứ một biến động nào xảy ra cho chú cá.

Tôi hỏi chú điệu: “Con có biết, những chú bướm ấy, trước đó một giờ chúng núp bão ở đâu không, mà bây giờ chúng lại bay ra một cách thoải mái như vậy?”

Chú ấy thưa: Dạ con không biết. Tôi nói với chú ấy rằng: “Muôn vật đều có khả năng tự bảo vệ mình, trước những nguy hiểm. Những chú bướm ấy, núp vào nơi tính giác của chính nó”.

Tính giác ở nơi mỗi loài rất tinh anh và bén nhạy. Không những các loài hữu tình có khả năng ấy, mà các



loài vô tình cũng có khả năng ấy nữa. Những năm không có bão, bụi tre ở cạnh Tàng kinh các, măng mọc ra ở bên ngoài thoải mái, nhưng những năm có bão, thì chúng lại mọc gần cây tre mẹ hay mọc ngay ở giữa bụi, lại được nhiều cây tre bao bọc lại chung quanh.

Như vậy, nếu ta tinh mắt nhìn vào cách mọc của những bụi măng là ta cũng có thể đoán được thời tiết lụt bão của những năm tháng sắp tới.

Vì vậy, ta biết rằng, dù cho loài hữu tình nhỏ nhất, có đời sống yếu đuối và mỏng manh nhất, cho đến cả loài vô tình, tất cả chúng đều có khả năng tiên liệu trước những nguy hiểm sắp xảy ra đối với chúng và chúng có khả năng tự phòng hộ và bảo vệ cho chính nó.

Sự tiên liệu của con người đối với những gì nguy hiểm sẽ xảy ra cho chính mình có thể bén nhạy và sâu sắc hơn, và lại có khả năng phòng hộ có hiệu quả hơn, vì sao? Vì con người là loài sống có trí năng cao cấp và đầy kinh nghiệm.

Trí năng cao cấp của con người phần nhiều bị hủy diệt là do con người chạy theo ngũ dục và khai thác ngũ dục để hưởng thụ khoái lạc nhất thời, do đó mà trí năng của con người bị thương tổn và hủy diệt.

Và mỗi khi trí năng của con người bị thương tổn và hủy diệt, thì khả năng tiên liệu sự nguy hiểm và bảo vệ sự sống còn của nó cũng bị thương tổn và hủy diệt theo.

Con người ngày nay biết nương tựa vào những dụng cụ khoa học để bảo vệ mình, nhưng khổ nỗi, những dụng cụ khoa học lại là những vật vô tri, chúng là những công cụ của trí năng và hoàn toàn lệ thuộc vào những tác động của tư duy con người.

Trí năng lại được tác động từ những tư duy của con người, nhưng con người ngày nay phần nhiều lại lười tư duy hay là tư duy nông nổi, một chiều, khiến cho trí năng của con người chỉ hoạt động theo bản năng hay theo một

chiều hướng nhất định. Và một khi trí năng của con người rơi vào bản năng, thì đời sống con người biến thành thấp kém thua cả thú vật. Hay con người tư duy một chiều, sẽ tự biến mình trở thành một loài vật cuồng tín, cố chấp, hung dữ và tối tệ, mà đời sống của nó có hại cho chính nó, cho muôn vật và thiên nhiên.

Vì vậy, con người đừng đem sinh mệnh của mình phó mặc cho thần linh, cho tư kiến của mình hay khoa học, mà hãy quay về nương tựa nơi giác tính của chính mình, và làm cho giác tính ấy lưu hiện ra trong đời sống, để cho con người là nơi nương tựa, phát triển và điều khiển khoa học một cách hữu hiệu; và con người là nơi có đủ mọi điều kiện để phát triển linh tính của mình đến chỗ toàn hảo, chứ không phải con người sinh ra để nương tựa hay phủ phục thần linh, làm nô lệ cho tư kiến và khoa học.

Con người chỉ có khả năng bảo vệ sự an toàn cho chính nó và đồng loại, cũng như có khả năng che chở cho những loài thấp kém thua nó, khi nào nó biết tư duy, biết buông bỏ tư dục, buông bỏ tư kiến, biết quay trở về sống với giác tính ở nơi chính nó và biết làm cho giác tính ấy sáng lên mỗi ngày.

Trên trời dưới đất không một ai có thể giúp cho con người sống đời an toàn và hạnh phúc, bằng tâm biết buông bỏ những tư dục, những tư kiến và biết quay về nương tựa tính giác nơi chính họ. Tính giác là nơi nương tựa an toàn nhất của thế giới con người.

Tính giác do đâu mà có? Nó là báu vật vốn có nơi tất cả chúng ta. Khi ta sinh, nó không đến từ đâu và khi ta diệt, nó cũng không đi về đâu. Ta chỉ cần sống ở trong sự tĩnh lặng của tâm ý, không cố chấp bản ngã, không chạy theo tư dục, không bám víu tư kiến, không manh tâm vọng tưởng, thì nó sẽ hiện ra cho ta và giúp ta sống đời an toàn và hạnh phúc. Nó là vậy, nên nó là nơi an toàn để cho ta quay về nương tựa.

Vì vậy, nó là nơi nương tựa an toàn nhất cho ta.

Đức Phật dạy quản lý kinh tế gia đình ra sao?

❖ ĐIỀU VI

Đức Phật dạy, mỗi cá nhân nên chia số tiền mình kiếm được thành bốn phần. Một phần chi tiêu đời sống hàng ngày, một phần tiết kiệm để phòng bất trắc hoặc tình huống khẩn cấp xảy ra và hai phần để kinh doanh và đầu tư sinh lời.

Khủng hoảng kinh tế khởi nguồn tại nước Mỹ và lan nhanh sang các châu lục. Nhiều thể chế tài chính bị ảnh hưởng nặng nề khiến túi tiền của các cá nhân eo hẹp dần, nhiều gia đình lâm vào khó khăn.

Đến bây giờ, các loại sách kinh tế mới thực sự có giá bởi người ta đang cố gắng kiếm tìm trong nó những học thuyết có thể áp dụng vào doanh nghiệp mình, người tìm kế sinh nhai sau những tháng ngày thất nghiệp. Và người ta cũng tìm đến Phật giáo để mong qua được cơn bĩ cực.

Không như nhiều người mừng tưởng Phật giáo chỉ để cập đến giải thoát khổ đau chứ không quan tâm đến vấn đề hiện tại. Trong kinh Phật không có chương riêng biệt nào nói về kinh tế, song khi tổng hợp, kết nối lại các bộ kinh, ta có một hệ tư tưởng phù hợp với tinh thần Phật giáo.

Chia số tiền kiếm được làm bốn phần

Đức Phật dạy, mỗi cá nhân nên chia số tiền mình kiếm được thành bốn phần. Một phần chi tiêu đời sống hàng ngày, một phần tiết kiệm để phòng bất trắc hoặc tình huống khẩn cấp xảy ra và hai phần để kinh doanh và đầu tư sinh lời.

Theo Đức Phật, chỉ cần 1/4 số tiền kiếm được, con người đã có một cuộc sống tạm ổn. Nhu cầu ăn, ở, mặc, đi lại, chữa bệnh, giáo dục, xa hơn nữa là tinh thần là những nhu cầu cơ bản của cuộc sống. Thực phẩm phải được sản xuất để tránh tình trạng thiếu hụt lương thực gây bất ổn xã hội. Một nền kinh tế phát triển chỉ cần 1/4 tổng thu nhập hàng tháng là có thể thỏa mãn được những nhu cầu thiết yếu trên.

1/4 thu nhập dành tích lũy tiết kiệm sẽ giúp con người vượt qua khó khăn lúc bị khủng hoảng kinh tế. Nếu không tích trữ của cải, thì dù là một cá nhân hay một đất nước chắc chắn sẽ rơi vào khủng hoảng, nợ nần chồng chất.

Đức Phật dạy nguyên nhân của việc phung phí tiền bạc có thể nằm ở sự đam mê tâu sắc, cờ bạc, giao du với bạn xấu và thói lười biếng. Trong đó, lười biếng có liên quan trực tiếp đến việc gây dựng tài sản. Khi tài sản mới chưa gây dựng được, tất nhiên tài sản cũ sẽ bị tiêu hao.

Mùa lũ phải có đê chắn

Một thương gia đã hỏi Đức Phật sinh thời rằng cách phát triển sự nghiệp của mình. Đức Phật đã giải thích những đặc điểm làm tiền để cho sự phát triển. Theo Đức Phật, năng lực và nghị lực là hai tiêu chí cơ bản mà bất cứ một chức nghiệp nào từ nông dân, công nhân hay thương nhân... với tay nghề và sự cần cù sáng tạo, không trì hoãn.

1/4 thu nhập phải dành tích lũy tiết kiệm

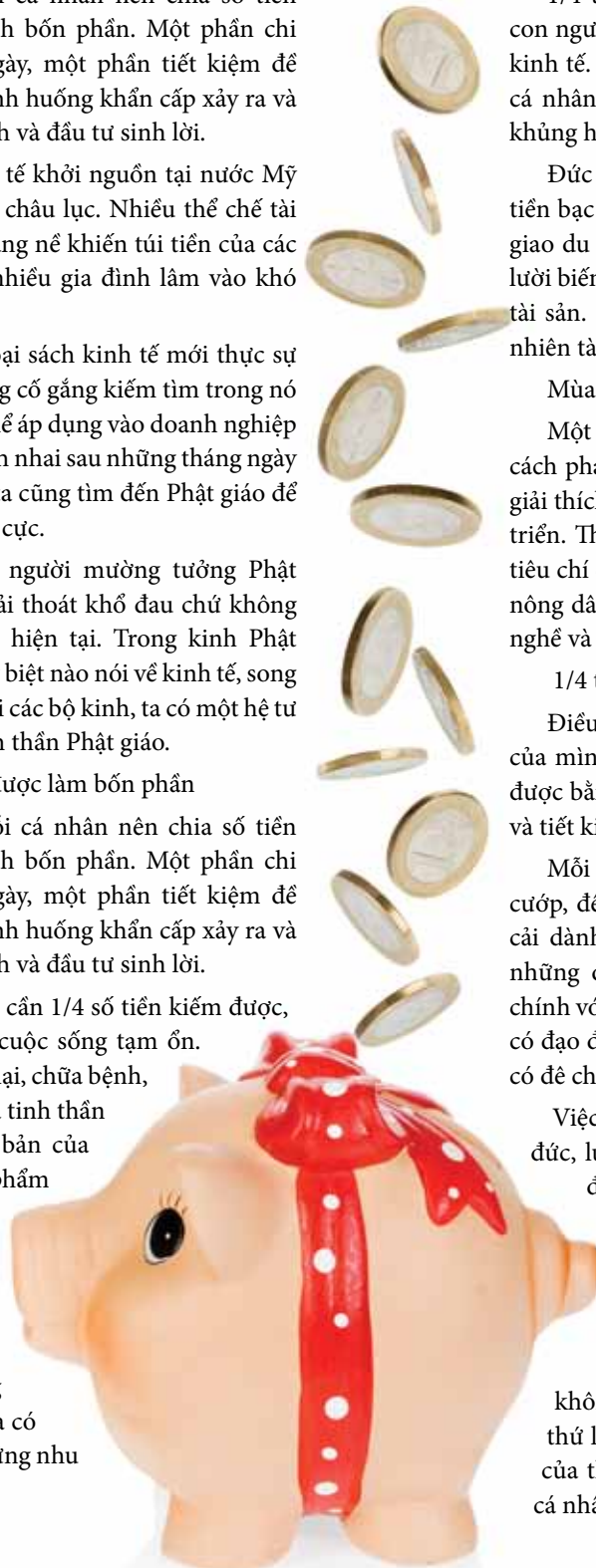
Điều thứ hai là sự thận trọng gìn giữ tài sản của mình không bị hao tổn vô ích. Của cải kiếm được bằng mồ hôi nước mắt chúng ta phải bảo vệ và tiết kiệm.

Mỗi cá nhân, quốc gia cần đề phòng thói trộm cướp, để phòng hỏa hoạn, lũ lụt,... Thứ nữa, của cải dành dụm được cũng có thể bị tiêu tan bởi những đam mê như nghiện ngập, quan hệ bất chính với phụ nữ; kết thân với những người không có đạo đức. Giống như một con sông mùa lũ phải có đê chắn.

Việc tạo ra của cải vật chất phù hợp với đạo đức, luật pháp và không có bạo lực xứng đáng được tán thán. Việc tiêu dùng những sản phẩm xứng đáng cũng như sử dụng vào việc bố thí, từ thiện hoặc những vấn đề có lợi về đạo đức cũng cần khuyến khích.

Tuy nhiên, con người cần có thái độ không bám víu vào của cải, thậm chí những thứ làm ra hợp pháp. Hãy dùng nó cho ích lợi của tha nhân, cho cộng đồng, gia đình và cho cá nhân.

Nguồn: Cafebiz



Họ đã đến với đạo Phật như thế nào?

Bản dịch của BTV Hiếu Huy tổng hợp một số tin tức về các ngôi sao điện ảnh các nước - họ đã đến với đạo Phật và tìm hiểu đạo Phật như thế nào? Hy vọng bản dịch này cung cấp cho các bạn những thông tin thú vị về họ - Jang Dong Gun, Keanu Charles Reeves, Orlando Bloom, Dương Tử Quỳnh, Lý Liên Kiệt, Kim Thành Vũ...

JANG DONG GUN



Jang Dong Gun vừa ký hợp đồng với hãng mỹ phẩm nổi tiếng Hera Homme vào cuối tháng 11/2007 và chính thức ra nhập vào Tập đoàn nổi tiếng này. Năm 2005, Hera Homme là thương hiệu được tiêu thụ mạnh nhất tại Hàn Quốc. Hiện tại, người đẹp gợi cảm Kim Tae Hee đang là gương mặt đại diện cho dòng sản phẩm dành cho phái nữ.

Thời còn học trung học, Jang Dong Gun đã bắt đầu đọc các tác phẩm nổi tiếng của Phật giáo. Vì lúc bấy giờ anh

phải làm phẫu thuật ở ngực, nằm viện hơn một tháng. Bố của anh vừa lo sợ anh buồn trong lúc rỗi rãnh, vừa sợ anh gục hẳn không gượng dậy được nữa, bố của anh liền đem quyển tùy bút “Vô dục” do cao tăng Bát Tuấn của Hàn Quốc viết cho anh xem. Quyển sách này không những làm bạn cùng với anh trong suốt thời gian buồn tẻ nằm ở giường bệnh, mà còn giúp cho anh rất lớn về mặt tinh thần, giúp anh có thêm niềm tin và nghị lực để chống lại bệnh tật, đồng thời anh giác ngộ được sự phong phú, sâu rộng và sự huyền diệu vô hạn của Phật giáo.

Quyển “Vô dục” đã làm cho anh say mê và cảm động, cho đến bây giờ, chàng diễn viên này vẫn xem đó là quyển sách mà mình yêu thích nhất và anh đã lấy Phật giáo làm tín ngưỡng cho mình. Bây giờ với cái tuổi 40, song sức hút của Jang Dong Gun vẫn hấp dẫn lạ kỳ với người hâm mộ, phải chăng lòng tin Tam Bảo và áp dụng triết lý sống của nhà Phật đã giúp anh tiến đến sự nghiệp nghệ thuật bền vững đến thế.

KEANU CHARLES REEVES (基努·里斯)



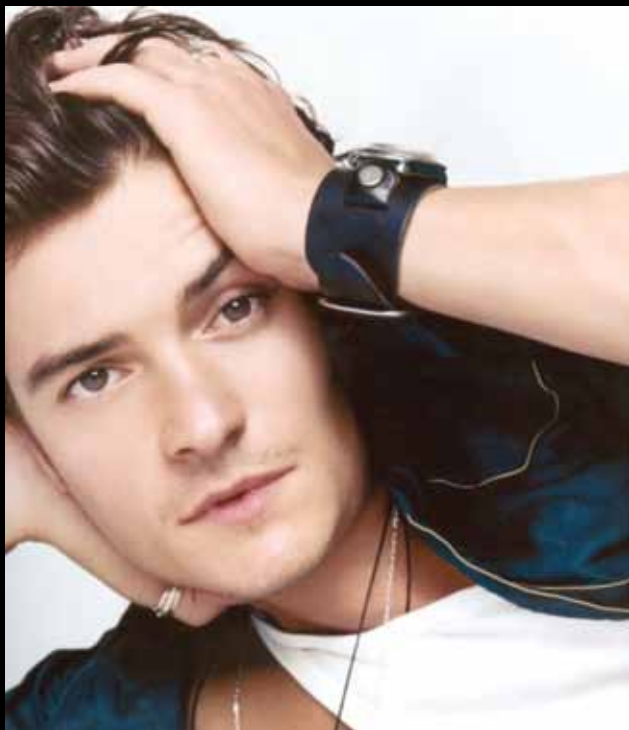


Keanu Reeves - anh chàng hào hoa và tài giỏi trong loạt phim “Ma trận” thì kết duyên với Phật giáo từ năm 1993, khi chàng diễn viên này tham gia diễn tác phẩm “Little Buddha” của Bernardo Bertolucci.

Lúc bấy giờ, trong phim chàng diễn viên này diễn phật tổ Thích Ca Mâu Ni của Phật giáo, tuy rằng Phật giáo là tôn giáo của các nước Phương Đông, nhưng chàng diễn viên nổi tiếng này cho rằng tín ngưỡng Phật giáo có thể loại trừ được vận may xấu. Được biết, trong thời gian quay phần tiếp theo của bộ phim “Matrix Reloaded” tại Châu úc. Tại phim trường, Keanu Reeves thường đọc kinh phật với vẻ rất thành kính.

ORLANDO BLOOM (奥多. 布姆)

Nhiều năm trước, chàng diễn viên Orlando Bloom đã từng bị ngã từ trên cầu thang xuống, suýt nữa bị liệt nửa người, lúc bấy giờ ngôi sao này cầu đến sức mạnh của tôn giáo, hy vọng thông qua tôn giáo có thể giảm bớt được sự



đau đớn của thể xác và gánh nặng về mặt tâm lý. Vì thế chàng diễn viên nổi tiếng này bắt đầu tiếp xúc với Phật giáo.

DƯƠNG TỬ QUỲNH



Dương Tử Quỳnh đã quy y Tam Bảo, trở thành đệ tử của Phật giáo. Cô diễn viên tài ba này nói: “Tôi luôn có hứng thú với Phật giáo, đó là tiếng gọi xuất phát từ trái tim. Duyên phận đến rồi thì quy y, Phật giáo đã an ủi tôi rất nhiều, trong hoàn cảnh tối tệ nhất, tôi sẽ niệm A di đà phật, phật tại tâm mà”. Chính câu nói Phật tại Tâm ấy, tài này của Dương Tử Quỳnh không chỉ dừng lại ở Trung Quốc, mà chính lòng tin vào chính mình như thế, đã khiến cô chính phục cả giới điện ảnh phương Tây. Một niềm tự hào của điện ảnh Trung Hoa

LƯU ĐỨC HOA

Lưu Đức Hoa là tín đồ thành kính Phật giáo, anh đã quy y phật và là đệ tử của Hoà thượng Diệu Liên chùa Linh Nham tại Đài Loan, pháp danh của anh là “Huệ Quả”. Lưu Đức Hoa cho biết, bố mẹ anh đều tín ngưỡng Phật giáo, từ nhỏ anh đã được tiếp xúc với Phật giáo, nhưng chỉ là đi chùa lễ phật, tham quan mà thôi, còn đối với giáo lý Phật giáo thì anh chỉ biết chút ít, hiểu không thấu triệt. Mấy năm gần đây anh mới thực sự hiểu về Phật giáo, quy y phật và lấy Phật giáo làm tín ngưỡng cho mình.



Nếu như người hâm mộ xem các show diễn của anh, thì không ít có những tiết mục mang màu sắc Phật giáo, phát triển trên nền nhạc và vũ điệu. Có thể nói trong Tú Đại Thiên Vương, cho đến giờ phút này, thì anh chàng Họ Lưu vẫn là một trong những người dẫn đầu trong các hoạt động quảng cáo, các chương trình ca nhạc lẫn phim trường. Sức bền bỉ trẻ trung của Lưu Đức Hoa tỏa sáng lạ kỳ trong lòng người hâm mộ.

KIM THÀNH VŨ



Kim Thành Vũ quy y phật từ năm 1997, anh cho biết mẹ của anh là tín đồ rất tôn kính Phật giáo, vì thế anh có điều kiện tiếp cận với Phật giáo, anh rất thích đọc các truyện ngắn về Phật giáo. Kim Thành Vũ cười và nói rằng, quan niệm tu hành của tôi đối với Phật giáo là “tất cả tùy vào duyên”. Anh cũng đã từng tiết lộ rằng mình chưa được xem là người tu hành, vì mình không chịu khó tụng kinh.

LÝ LIÊN KIỆT

Diễn viên điện ảnh Lý Liên Kiệt đã quy y phật từ nhiều năm nay, anh và người trong gia đình đều tín ngưỡng Phật giáo, anh luôn tin rằng nhân sinh chẳng qua là quá trình luân hồi, anh nói: “Tôi luôn tin luân hồi, cho nên dù tôi biết có gặp đại hạn thì vẫn không sợ, cũng chẳng có bất kỳ sự hối hận hay đáng tiếc nào, vì tôi đã làm được những điều mà tôi cần làm, chăm lo cho gia đình và đối xử tốt với mọi người... “vì thế không còn bất kỳ chuyện gì đáng để tôi bận tâm nữa cả”.



Ngoài các diễn viên nổi tiếng nêu trên, trong giới nghệ sỹ, ngày càng có nhiều diễn viên có hứng thú với Phật giáo, các diễn viên như: Thành Long, Lâm Thanh Hà, Lưu Gia Linh, Trương Thiết Lâm, Tăng Chí Vỹ, Trương Quốc Lập, Trần Khôn, Thái Y Lâm, Giang San, Giả Tịnh Văn, Hoàng Lỗi, Quách Phú Thành, Châu Kiệt, Tô Hữu Bằng, Lưu Đào, Bành Đan, Thôi Đài Thanh, Mạnh Đình Vi, Tề Dự, Hoàng An, Hoàng Tú Đình, Trần Tiểu Xuân, Dương Huệ San, Triệu Văn Trác, Đàm Vĩnh Lân, Tề Tân, La Gia Lương, Mạc Thiếu Thông, Giang Hoa, Chung Trấn Đào, Lữ Tụng Hiến, Quảng Mỹ Vân, Khuu Thục Trinh, Ngô Mạnh Đạt, Trần Hiếu Đông, Vương Hỷ, Châu Bút Sướng, v.v. Các ngôi sao này cũng tín ngưỡng Phật giáo.

Theo **Đến Từ Trái Tim**



Suy ngẫm lời Phật dạy về đạo đức gia đình

Điểm qua tình hình của đời sống xã hội hiện nay, ngoài những việc chúng ta làm được, cũng không ít những điều đáng đau buồn. Ta thấy nhan nhản những tệ nạn xã hội được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Từ việc phát ngôn vô văn hóa, đến những hành vi trộm cướp, những vụ tai tiếng... chung quy là băng hoại lối sống và đạo đức. Khảo cứu những hiện tượng mất đạo đức trong xã hội, dù gián tiếp hay trực tiếp, người ta thấy có mối quan hệ biện chứng giữa gia đình và xã hội, xem chừng chúng có mầm mống từ gia đình mà ra. Do vậy, phải bắt đầu nghiên cứu từ gia đình.

Gia đình đóng vai trò là tế bào của xã hội, nhưng bản thân nó lại giống như một xã hội thu nhỏ. Do vậy, quan hệ đạo đức trong gia đình là cái khởi đầu cho quan hệ đạo đức trong xã hội. Trong kinh Thi Ca La Vệ (Sigalovada sūtra), Phật dạy bốn phận làm chồng có 5 điều đối với vợ và làm vợ cũng có 5 điều đối với chồng; bốn phận làm cha mẹ có 5 điều với con cái và con cái cũng có 5 điều với cha mẹ. Chẳng hạn:

“Vợ thờ chồng có năm việc:

Một là chồng đi đâu về phải đứng dậy nghênh tiếp; Hai là khi chồng đi khỏi phải lo mọi việc nấu nướng, quét dọn chờ chồng về; Ba là không được có lòng dâm dục với người khác, chồng có trách mắng cũng không được có thái độ trách mắng lại; Bốn là hãy làm theo lời chồng răn dạy, có nhặt được vật gì cũng không được che giấu; Năm là khi chồng ngủ nghỉ, phải lo sắp xếp xong rồi mới ngủ.

Chồng đối với vợ cũng có năm điều:

Một là đi đâu phải cho vợ biết; Hai là việc ăn uống đúng giờ, cung cấp áo quần cho vợ; Ba là phải cung cấp vàng bạc châu báu; Bốn là những vật ở trong nhà nhiều ít đều phải giao phó cho vợ; Năm là không được ngoại tình, bằng cách nuôi dưỡng, hầu hạ, chuyển tài sản.”

Đây là mối quan hệ hai chiều song phẳng, nó khác hẳn với tư tưởng quan hệ một phía: Quân, Thần, Phụ, Tử và coi khinh phụ nữ (không có Mẫu) của Nho giáo. Ngẫm ra, người ta chỉ cần thực hiện đúng những lời dạy của Phật, thì thiết nghĩ gia đình trong thiên hạ hạnh phúc hơn rất nhiều.

Trong gia đình, quan hệ vợ chồng là điểm xuất phát, làm cơ sở cho các mối quan hệ khác, vì thế nó rất quan trọng. Thực tế không ít trường hợp gia đình hạnh phúc, hoặc bất hạnh và điều đó để lại di chứng cho thế hệ sau cũng xuất phát từ mối quan hệ này.

Ngay những đứa trẻ sinh ra trong một gia đình bất hạnh thì những thiệt thòi của chúng đã ghi vào tâm khảm - những thiệt thòi ấy, những mặc cảm ấy thường có khi cả đời chúng cũng

không thể xóa được và cũng không có gì để bù đắp được!

Tác giả đã từng đi tìm hiểu về số phận của những con người hư hỏng... thì thấy rằng, phần lớn đều xuất phát từ những gia đình bất hạnh. Mọi người cũng biết rằng, tình yêu là mơ mộng, nhưng hôn nhân là trách nhiệm và đây thực sự là việc chiến lược của một đời người... Với tầm quan trọng như vậy, nên Phật có dạy về 4 loại sống chung:

“Đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ. Đê tiện nam sống chung với Thiên nữ. Thiên nam sống chung với đê tiện nữ. Thiên nam sống chung với Thiên nữ” (Kinh Tăng chi I)

Khi đưa ra 4 loại sống chung, Phật giảng cả một đoạn dài về vấn đề này, chủ yếu Ngài lấy Ngũ giới để làm tiêu chí cho chúng. Cuối cùng Ngài khẳng định một cuộc sống lý tưởng (Thiên nam sống chung với Thiên nữ) là cả hai người đều phải có đạo đức tốt và sống lương thiện.

Một điều đặt ra là, không phải ngay từ đầu người ta đã có phẩm chất của một Thiên nam hay Thiên nữ, mà cái này phải tu luyện, nhiều khi phải tu luyện gian khổ để trở thành lối sống và nếp sống.

Như vậy, ngay trong một gia đình, tất cả mọi người chí ít cũng phải lấy Ngũ giới là tiêu chí để giữ mình. Chỉ đơn cử, không ít những trường hợp vì say rượu sinh ra những hậu quả không lường trước được như cha giết con, chồng hại vợ..., anh em chia lìa, kiện cáo lẫn nhau để rồi gia đình tan nát.

Phổ quát hơn, con người nói riêng (không phải là chúng sinh nói chung), phải biết chế ngự và đi đến từ bỏ tập khí sinh tử. Đó là tham, sân, si, nó bắt nguồn từ ái dục, cho nên ái dục là nguồn gốc của mọi đau khổ. Khái quát thì tất cả những hiện tượng gây rắc rối cho xã hội hiện nay, suy cho cùng nó từ cái tâm hữu ngã mà ra.

Từ quan hệ vợ chồng, chúng ta có thể mở rộng đến quan hệ ông bà và cháu chắt, đồng thời nếu giữ được các giới đó thì rõ ràng, ít ra cũng có thể gọi là một gia đình hạnh phúc. Tuy chưa có điều kiện thống kê, nhưng cũng phải thừa nhận rằng, những gia đình có đạo (bất kể là đạo nào), thường có nếp sống đạo đức, văn hóa tốt hơn, đồng thời những vụ ly hôn, đổ vỡ... (nếu có) cũng ít hơn gấp nhiều lần so với những gia đình không có đạo. Đây là một điều cũng đáng để chúng ta suy ngẫm, phải chăng Trần Tế Xương đã hơn một lần nhận xét: “nhà kia lối đạo...”

Một điều thực tế cho thấy, hiện nay các gia đình Phật tử, ít nhiều người ta đã thực hiện có hiệu quả và thiết thực những điều Phật dạy về hạnh phúc gia đình.

» TẠ CHÍ HỒNG

Chăm sóc và Làm mới Vườn Tâm

Khi nói về chữ Tâm chúng ta ai cũng cảm thấy gần gũi và xem đó là tiếng nói của lòng mình.

Là doanh nhân Phật tử càng coi trọng việc Trí phải quang và Tâm phải sáng. Đồng tiền kiếm được là đồng tiền sạch và việc kinh doanh luôn đặt chữ Tâm, chữ Tín lên hàng đầu.

Tôi đã có lần được nghe một vị chân tu chia sẻ “Kiếm tiền cần có tâm nhưng tiêu tiền càng phải có tâm!”

Điều này, tôi và bạn bè rất thấm thía và thường nhắc nhở nhau. Ai cũng mong muốn mình được nhìn nhận là người có tâm trong sáng, có tấm lòng bao dung và giàu tình yêu thương. Để có được điều này chúng ta cần quan tâm chăm sóc và làm mới vườn tâm của mình.

► BIỂN NGỌC

Xin được giới thiệu bài thuyết giảng của thầy Minh Niệm:

Tâm ta cũng giống như một khu vườn, nếu không chăm sóc thì dây leo cỏ dại sẽ mọc đầy. Vì mãi chạy theo những đối tượng hấp dẫn bên ngoài, có thể ta đã bỏ bê tâm hồn mình, khiến nó “xuống cấp” trầm trọng mà ta không hề hay biết.

Trong truyện Kiều, cụ Nguyễn Du đã từng nhắc “vội về sửa chốn vườn hoa”. Tâm của ta thì ta phải tự lo chứ còn trông cậy vào ai! Vì ta chính là chủ nhân của khu vườn ấy. Dù ta có bao nhiêu dự án hấp dẫn có thể mang tới thật nhiều tiện nghi vật chất và danh dự, thì cũng phải ưu tiên hàng đầu cho việc chăm sóc tâm hồn mình. Vì nếu tâm ta bất an, còn đây đây cầu bần phiến nào, thì ta cũng chẳng cảm nhận được cái gì là hạnh phúc cả.

Đôi khi ta biết tâm mình đang khó khăn và bế tắc, nhưng ta lại không đủ can đảm để đối diện. Kiếm tiền hay tạo sự nể trọng trong mắt người khác có thể còn dễ hơn là chuyển hóa những cố tật hay năng lượng độc hại mới phát sinh trong tâm mình.

Nhưng chỉ có chiến thắng được những bóng tối phiền não, giữ cho tâm mình luôn trong sáng và bình yên mới giúp ta hạnh phúc và đem lại hạnh phúc cho người khác.

Làm mới là cơ hội nhìn lại và tháo gỡ những khúc mắc mà ta và tha nhân đã lầm lỡ gây ra trong quá khứ. Làm mới có khác với “đổi mới” là ta không cần phải bỏ hết những cái cũ hay con người cũ để đi tìm những cái mới hay con người mới. Làm mới là khơi dậy cái hay, cái đẹp trong một đối tượng, hay một mối liên hệ đang bị năng lượng xấu che phủ. Điều kiện tiên quyết của phương pháp này là phải có lòng thành khẩn và ý chí muốn thực tập để thay đổi tình trạng ấy.

Ta cũng nên thiết kế buổi làm mới sao cho thật ấm cúng. Nên cắm một bình hoa xinh tươi để tượng trưng cho ước mong kết quả sau khi làm mới cũng sẽ tươi mát và tràn đầy sức sống như những đóa hoa. Có thể thấp thêm vài ngọn nến và chuẩn bị sẵn ít trà. Nên tắt tivi, điện thoại và gác lại mọi lao xao bận rộn khác. Điều không bao giờ được quên là trong suốt quá trình làm mới, mỗi người đều phải biết sử dụng một cách thuần thực nghệ thuật lắng nghe và ái ngữ.



Nén nhang và Làn khói là “Cầu nối” giữa Thực - Hư

Làn khói mỏng nhẹ bay lên khi ta thắp nén nhang trầm với lòng thành và tâm tịnh; thêm một chút phiêu linh khi đôi mắt khép nhẹ và hơi thở sâu lắng, làn khói như đưa ta về miền hư ảo.

Giữa Thực và Hư

Giữa con người và Thần Thánh.

Giữa Phật tử chúng sinh và Đức Phật từ bi...

Nén nhang và làn khói là “cầu nối” vô hình.

Trong nghi lễ Phật giáo, hương là một trong sáu lễ vật dâng cúng, gồm có: hương, hoa, đăng, trà, quả, thực (Nhang - Bông - Đèn - Trà - Trái - Thức ăn).

Khi dâng nén nhang trước bàn thờ Phật hay đứng trước bàn thờ tổ tiên khẩn nguyện, tưởng nhớ đến ông bà, cha mẹ những người thân yêu đã khuất khó ai tránh khỏi sự xúc động - chôn thực với cõi hư vô tuy xa mà gần là vậy!

Mùi hương nhẹ của nhang lan tỏa, lẫn khuất trong làn khói trắng cho ta cảm giác ấm cúng và gắn bó. Ta có thêm niềm tin tưởng và muốn khẩn nguyện chia sẻ. Nhiều người có thói quen rất đáng trân trọng là mỗi khi sắp đi xa, khi di chuyển bằng tàu, xe trên đường, để tránh ngưng bất trắc thường hay thắp nhang lạy Phật, lạy ông bà, thổ thần, thổ địa để cầu nguyện xin được đi đến nơi về đến chốn, bình an vô sự, mọi điều may mắn, tai qua nạn khỏi. Trong tâm thức của mỗi người con Việt đều tin tưởng ở thế giới bên kia - nơi miền âm cảnh, có những linh hồn đang hướng về ta, đang lắng nghe ta và khi nén nhang thắp lên ta có thể tâm sự với họ, với thế giới vô hình kia. Nhờ biết nghĩ như thế, con người luôn hướng thiện, không làm điều gì tai ác để không phải sám hối trước vong linh những người đã mất.

Thắp nén nhang lên, con người như chìm vào sự hoài niệm, sống thực với lòng mình.

Chiếc lư hương, bát nhang nhìn bình dị là thế mà chứa đựng cả tấm lòng thành kính như đời thực và chốn huyền ảo cùng hòa quyện vào nhau.

» Ý NGUYỆN

Kể từ số báo này, BBT dành những trang mục cho chủ đề “Một Chút Lo Toan, Một Chút Tình” để ghi lại và giới thiệu đến bạn đọc, những câu chuyện nhỏ về việc làm “Tốt đời đẹp đạo” của các Phật tử doanh nhân. Trước đây nhiều Phật tử tham gia các chương trình “Trái tim nhân ái”, “Từ trái tim đến trái tim” hay “Tấm lòng vàng”... Ở đây chúng ta là những doanh nhân cùng lúc lo việc kinh doanh, tranh đấu trên thương trường còn phải lo ổn định đời sống cho công nhân viên, cho gia đình và đóng góp một phần cho cộng đồng xã hội mong muốn làm giảm đi những nỗi đau, sự khó khăn thiếu thốn của những mảnh đời bất hạnh.

Vì lẽ đó “Một chút lo toan một chút tình” là diễn đàn cho doanh nhân Phật tử chia sẻ, sinh hoạt nhằm gắn kết những người có cùng mối quan tâm đến đời sống tinh thần nhằm vun đắp cho “Vườn Tâm” của mỗi người con Phật ngày một trong sáng, tinh tấn theo lời Đức Phật dạy.



Doanh nhân Kha Thanh Vân

Phát huy tâm đức cho cuộc sống tốt đẹp hơn

Trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều những doanh nhân Việt xuất phát từ tấm lòng nhân ái với cộng đồng đã phát tâm “Bồ tát” hướng phật, cho đi một phần tài sản của mình bằng nhiều cách khác nhau nhưng vẫn chỉ nhằm mục đích cao nhất là mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho những người khác. Và nữ doanh nhân Kha Thanh Vân là một người như thế. Chị luôn tâm niệm rằng, nguyện làm sứ giả nhà Phật, phát huy tâm đức góp phần cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

Ngoài vai trò là giám đốc khách sạn An Long (một điểm dừng chân tọa lạc tại trung tâm thành phố Long Xuyên, địa chỉ thân quen của khách thập phương), chị Kha Thanh Vân còn được nhắc đến là một người mộ đạo, người đã bỏ công đức hàng tỷ đồng xây dựng ngôi chùa Trúc Lâm An Lạc tại xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, giúp người dân trong vùng có nơi đi về tu tập.

Là người Việt gốc Hoa, lớn lên bên dòng sông Hậu hiền hòa, doanh nhân Kha Thanh Vân thành đạt như ngày hôm nay là nhờ vào đức tính biết giữ gìn và phát huy truyền thống, nghề nghiệp và tinh thần hướng thiện mà gia đình để lại. Chị tâm sự “cha và mẹ có truyền thống theo đạo Phật cho nên cái tâm Bồ tát từ lâu như ẩn chứa trong dòng máu của tôi, cũng chính yếu tố này là động lực thúc đẩy tôi hành động vì những nghĩa cử cao đẹp”.

Gặp chị, một phụ nữ vui vẻ có khuôn mặt thật phúc hậu, đôi mắt tinh anh và cái nhìn đầy nhân từ đã xóa đi mọi khoảng cách khi được tiếp xúc, có lẽ chính đạo Phật đã làm nên một Kha Thanh Vân như vậy. Dù công việc kinh doanh bận bịu, chị vẫn ăn chay trường và khéo léo áp dụng Phật pháp vào công việc để vừa hoàn thành nhiệm vụ với xã hội, mà vẫn dành thời gian nuôi dưỡng, thăng tiến lộ trình tâm linh của mình.

Không biết từ bao giờ chị đã có



Tại chánh điện chùa Trúc Lâm An Lạc luôn có rất nhiều tượng Phật dành cho những ai hướng Phật thành miến phí.

niềm đam mê với đạo Phật, chỉ biết từ lâu Phật giáo đã như hơi thở cuộc sống của chị. Trên con đường đến với Phật giáo phải kể đến đó là người thầy vô cùng đáng kính của chị - Hòa Thượng Thích Thanh Từ - Viện trưởng Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt thuộc Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử. Nghe chị nói chuyện về chính tín, về vô ngã, về sắc và không, trong đạo Phật có lẽ người ta sẽ lầm tưởng chị là một vị ni sư hơn là một doanh nhân nhiều năm tất bật trên thương trường. Trong lĩnh vực kinh doanh cũng như trong cuộc sống đời thường, chị luôn luôn lấy những triết lý nhà Phật làm kim chỉ nam để hành xử.

Là người Phật tử mộ đạo, nên chị luôn coi trọng và hết lòng với cuộc sống gia đình. Chị luôn giáo dục và nhắc nhở con cái và những người thân của mình sống và hành xử theo tinh thần từ bi và bao dung của đạo Phật. Chị quan niệm sự gắn kết gia đình như sợi dây lạt, mềm mà buộc rất chặt, những giá trị đạo đức, tâm linh của đạo Phật chính là phương thuốc hữu hiệu để kết nối sự cảm thông và hóa giải những va chạm không thể tránh khỏi trong cuộc sống gia đình. Hạnh phúc gia đình là hạnh phúc quý giá, ta phải trân trọng, giữ gìn.



Chị Kha Thanh Vân chụp hình lưu niệm cùng nguyên Phó Chủ tịch Nước Trương Mỹ Hoa.



Phật tử Kha Thanh Vân (bên trái) và thầy Thích Đạt Ma Viên Đức Trụ trì Chùa Trúc Lâm An Lạc.

Chị cho rằng làm việc thiện là một bổn phận của người Phật tử, vì thế chị luôn âm thầm giúp đỡ, hỗ trợ những tổ chức từ thiện, những hoàn cảnh khó khăn, những mảnh đời bất hạnh... Những việc thiện mà chị vẫn kiên trì, không quản ngại khó khăn để thực hiện có thể kể đến là việc in kinh Phật, sưu tầm nhiều đĩa CD hay nói về triết lý nhà Phật, kết hàng chục ngàn chuỗi tràng để tặng cho người nghèo, đôi khi chị còn giúp mọi người thỉnh tượng Phật về nhà để cầu nguyện. Một đức tính thiện nguyện mà ít ai làm được là hàng năm vào những ngày giỗ cha mẹ, để tưởng nhớ đến đấng sinh thành có công tạo dựng ngôi chùa lúc sơ khai cũng như noi theo truyền thống hiếu đạo của ông bà, chị Vân đã làm lễ cầu siêu thật trang trọng và chi tiền mua hàng trăm tấn gạo để phân phát cho dân nghèo.

Dòng máu từ bi và ngôi chùa như chất chứa bao tâm huyết và tình yêu thương trong cuộc đời chị. Với tất cả nghĩa cử cao đẹp, chị Kha Thanh Vân luôn là tấm gương của tình yêu thương nhân loại dù ở nơi đâu chị cũng sẵn lòng giúp đỡ, sẻ chia và khuyên mọi người luôn hướng thiện để xã hội này có nhiều con người biết nhận ra con đường chánh đạo gắn liền thực tiễn cuộc sống mà cùng chung tay giúp đỡ nhiều người khổ khổ. Đó là niềm vui, là niềm hạnh phúc lớn lao nhất của cuộc đời chị. Không chỉ biết tu thân, cứu khổ cho dân lành, trong cuộc sống

đời thường chị vẫn thể hiện xuất sắc vai trò của một doanh nhân thành đạt, một người tháo vát, năng động. Chẳng chị cũng là người hiền từ, đạo đức tiếp giúp chị quản lý điều hành khách sạn. Chị có 3 người con, tất cả đều ngoan hiền, hiếu thuận và học giỏi, đỗ đạt vào những trường đại học danh tiếng và sẽ trở thành những người chủ trong tương lai.

Hiện chị đang có một ước mơ lớn là các cấp chính quyền địa phương sẽ cấp giấy phép để chị xây dựng bệnh viện trên khuôn viên hơn 3000m² đất của gia đình. Hi vọng rằng mơ ước này của chị sẽ thành hiện thực để biết bao nụ cười sẽ nở trên môi những người bệnh, đặc biệt là những bệnh nhân nghèo. Với chị hạnh phúc lớn nhất với chị là lòng tốt với mọi người, là nụ cười của những người đói được cầm bát gạo trên tay, là lòng thành tâm kính Phật của những Phật tử được chị tặng kinh, chuỗi hạt... để những Phật tử này cũng như chị nhân rộng mãi lòng nhân ái cho đời.

Tôi nhớ bỗng nhớ đến một câu nói trong một cuốn sách đã đọc: "Mỗi thế hệ phải làm cho thế hệ sau tốt hơn". Những người như doanh nhân Kha Thanh Vân chắc chắn xứng đáng để thế hệ sau chiêm nghiệm và sống tốt hơn. Cuộc đời của chị sẽ như một cung trầm ngân vang góp phần làm tốt cho đời và đẹp cho đạo.

➤ TÂM AN

Sự Tích Khăn Tang

Ngày xưa, có vợ chồng nhà phú hộ nọ sinh được năm người con gái. Nhà giàu nhưng lại không con trai, nên bao nhiêu tình thương họ đều dồn vào những cô con gái. Lần lượt năm cô lớn lên, ai nấy đều lập gia đình và đi ở riêng.

Vì các cô lấy chồng xa, nên hai ông bà phú hộ cảm thấy nhớ con quá. Một hôm bà bảo chồng:

- Sắp tới, ông chịu khó trông nhà cửa cho tôi đi thăm chúng một lượt, sau đó tôi lại về trông để ông đi...

- Phải đó - ông đáp - nhưng bà phải đi nhanh nhanh lên mới được, đừng bắt tôi đợi lâu!

- Không được đâu, tôi tính ở lại với các con đứa nào ít nhất cũng một tháng, năm đứa vị chi là năm tháng, còn đi đường tổng cộng độ vài ba chục ngày, như vậy cũng mất ngót nửa năm rồi ông ạ!

- Thôi được, thế thì bà nó đi đi, bà nhớ đừng để cho đứa nào quần quýt quá rồi ăn đấm nằm dề ở đó làm cho tôi mỗi mồm trông đợi.

Rồi người vợ cùng con hầu ra đi. Nhưng chỉ được vài tháng đã thấy bà trở về, về mặt buồn xo. Thấy thế, ông liền hỏi đốn:

- Con có làm sao mà bà về nhanh như vậy? Có gặp điều gì khó khăn dọc đường hay không mà về mặt bà không được vui?

Bà phú hộ đáp:

- Chẳng có gì hết, tôi vẫn bình yên, chúng nó đều mạnh khỏe cả. Tôi về sớm là vì tôi muốn ông khỏi trông. Ông cứ đi một lần cho biết.

Thấy vợ nói úp úp mở mở, ông phú hộ chẳng hiểu gì nên cuối cùng cũng sầm sủa hành lý ra đi.

Ông ghé nhà người con gái thứ nhất. Chàng rể tiếp đón niềm nở làm ông hài lòng, nhưng con gái ông lại không được như thế, nó chỉ chuyện trò giả lá được đôi câu rồi quay vào công việc của nó.

Đến khi chồng nó ra đồng trông coi thợ cày cấy, thì con gái ông lúi húi lo việc bếp núc, cha con chẳng có dịp chuyện trò.

Mãi đến gần trưa, ông cảm thấy bụng

đói cồn cào, định bảo nó dọn cho mình ăn trước như khi còn ở nhà, nhưng rồi lại nghĩ thầm: “Để xem nó đối đãi với cha nó ra sao cho biết?!” Ông thấy con gái chờ chồng về mới dọn cơm ra. Chàng rể của ông lúc ấy tuy đã về rồi mà vẫn còn bận một số công việc nên ông phải đợi tiếp. Đến khi thấy quá trưa, con gái ông mới gọi chồng:

- Minh ơi, hãy để đó vào ăn cơm đi, cho ông già ăn với!

Nghe con gái nói thế, ông cảm thấy không được vui. Chiều hôm ấy và liên tiếp những ngày sau cũng vậy. Ông nghiệm ra rằng con gái ông chăm sóc cho chồng nó chứ không phải cho ông: “Thì ra bây giờ nó coi cha nó chẳng ra cái quái gì. Nếu chồng nó không ăn thì có lẽ mình cũng phải ngồi nhịn đói”. Ở chơi được ít ngày, thấy con gái không được vồn vã đằm thắm như xưa, ông liền từ giã vợ chồng nó mà đi đến nhà đứa khác xem sao.

Lần này vừa đi ông vừa lẩm bẫm: “Chắc thế nào những đứa sau cũng phải khác chứ, chẳng lẽ đứa nào cũng như vậy cả sao? Vợ chồng ta trông cậy chúng nó rồi đây sẽ chia nhau về phụng dưỡng một khi bố mẹ tuổi già kia mà!”

Nhưng khi đến nơi, ông thấy đứa thứ hai cũng chẳng khác gì đứa đầu. Nghe bố đến thăm cũng tiếp đãi gọi là cho tròn bốn phận rồi lại loay hoay vào công việc nhà chồng, bỏ mặc ông chẳng chút quan tâm.

Lần lượt ông đi thăm đủ cả năm cô con gái yêu quý nhưng chẳng đứa nào là không say mê với công việc của nó, chẳng đứa nào quan tâm chăm sóc đến ông như lúc còn ở nhà. Sau cùng, ông chép miệng:

- Vậy là con gái một khi bước về nhà chồng thì chẳng còn là con mình nữa. Nó xem chồng trọng hơn bố mẹ nó nhiều.

Nghĩ vậy nên ông quày quả trở về. Ông tính lại thời gian thăm con cả đi lẫn về còn ngắn hơn cả bà.

Khi về, ông gọi vợ lại bàn rằng:

- Thế là mấy đứa con gái có cũng như không, chẳng hy vọng gì vào chúng nó đỡ đần mình tuổi già nữa rồi. Bây giờ



bà để tôi đi kiếm một đứa con nuôi đặng mai sau nó săn sóc chúng mình lúc mất loa chân chậm. Bà nó nghĩ sao?

Vợ phú hộ trả lời:

- Thôi ông ạ! Đùng có đi mà mất công lại nhọc xác. Con đẻ rút ruột ra mà chúng không đoái không hoài thì con nuôi có làm được gì?

Phú ông liền bảo:

- Trên đời này có kẻ tốt người xấu, đâu phải ai cũng như ai, bà đừng ngại.

- Được rồi, ông cứ đi đi, cố tìm một đứa con ngoan phụng dưỡng, mọi việc ở nhà mặc tôi lo liệu.

Phú hộ bèn đóng vai một ông già nghèo khó rồi ra đi từ làng này đến làng khác, đến đâu ông cũng rao:

- Ai mua cha không? Có ai mua cha thì ra mà mua! Mua ta về làm cha chỉ mất năm quan tiền thôi...

Mọi người nghe ông già rao như vậy thì tưởng ông điên. Có người còn vui miệng nói:

- Mua lão ấy để về nhà mà hầu ư? và để rồi đây lão ta trăm tuổi qua đời có được đồng nào còn phải lo tống táng nữa sao? Thà là nuôi một người đầy tớ còn hơn.

Tuy có nghe nhiều lời mỉa mai cười cợt, phú ông vẫn không nản chí, vẫn đi hết xóm này đến ấp kia, miệng rao không ngừng:

- Có ai mua cha không này?

Bấy giờ ở làng nọ có hai vợ chồng một nông phu nghèo, nghe có người đi bán mình làm cha, chồng bảo vợ:

- Hai vợ chồng mình mồ côi từ thuở bé, chưa bao giờ được hưởng tình cha con, lại chưa có mụn con nào, thật là buồn. Thôi thì ta mua ông già này về thủ thí với nhau khuya sớm cho vui cửa vui nhà.

Thấy vợ bằng lòng, anh chàng chạy ra đón ông già vào và nói:

- Ông định bán bao nhiêu tiền?

- Năm quan không bớt.

Anh chồng liền thưa:

- Thú thật với ông, nhà tôi nghèo quá, muốn mua ông nhưng không sẵn tiền. Vậy ông ngồi chơi để tôi bảo nhà tôi đi vay xem sao.

Phú hộ ngồi chờ hồi lâu, thấy chị vợ chạy đi một lát rồi lại quay về, nhưng số tiền vay được cùng với tiền nhà gom lại cũng chỉ có hai quan. Anh chồng liền nói:

- Thôi thì ông thông cảm cho, hai ngày nữa mời ông trở lại, chúng tôi sẽ có đủ tiền.

Hai ngày sau, vợ chồng anh nông phu trao tiền cho ông, mời ông vào nhà “cha cha, con con” rất thân tình. Phú hộ thấy đầu tóc người vợ bây giờ biến đi đâu mất liền hỏi:

- Nay con ơi, tại sao đầu tóc của vợ con lại cắt cụt đi như vậy?

Anh chồng tần ngần đáp:

- Chẳng giấu gì cha, nhà con quá nghèo không đủ tiền mua, mà nếu không mua thì biết có dịp nào tốt hơn. Vì vậy, vợ con phải cắt tóc đi bán mới có đủ số tiền năm quan đó.

Từ ngày có người cha nuôi, hai vợ chồng nông phu tỏ ra rất niềm nở và chịu khó chăm sóc hầu hạ ông không biết mệt. Phú ông vẫn không cho biết gốc tích quê quán thật của mình, hằng ngày vẫn cứ ăn no ngủ kỹ, đôi lúc lại kêu vẳng đầu mỗi lưng, bắt họ phải xoa bóp hoặc tìm thầy chạy thuốc.

Mặc dầu vậy, hai vợ chồng vẫn cơm nước săn sóc không bê trễ. Cứ như vậy được vài tháng sau, nhà họ đã nghèo lại càng mặt thêm.

Hai vợ chồng phải cố gắng làm thêm để nuôi cha, có bữa phải nhịn đói để nhường cơm cho ông già.

Tình hình như vậy kéo dài nửa năm, nợ nần của họ chồng chất quá nhiều mà trong nhà gạo tiền đã kiệt. Tuy vậy, họ vẫn không hề lộ vẻ mỗi mệt, cố làm vui lòng cha già.

Một hôm, hai vợ chồng ngủ dậy đã thấy người cha nuôi khăn gói chỉnh tề, ông bảo họ:

- Các con hãy đốt cái nhà này rồi đi theo ta!

Vợ chồng anh nông phu trở mắt nhìn nhau, tưởng ông phát điên, nhưng sau đó lại thấy ông phú hộ giục bảo:

- Làm con thì phải vâng theo cha mẹ, chớ có sai lời. Cha đã bảo các con đi theo cha kiếm ăn thì cứ việc đi, còn cái nhà này ọp ẹp chẳng đáng bao nhiêu đừng tiếc nữa.

Vợ chồng nghe thế thì biết ông nói thật, không dám cãi, đành nhặt nhanh một vài món đồ buộc thành một gói, rồi châm lửa đốt nhà.

Đi theo ông già, họ thấy ông ban ngày lần hồi xin ăn, tối tối lại vào nhà người xin ngủ nhờ, họ vẫn vâng lời,

không chút phân vân.

Ba người đi xin ăn như thế được năm ngày, cuối cùng đến trước một ngôi nhà ngói tường vôi, ông mới vui vẻ bảo họ:

- Các con ơi, đã đến nhà ta rồi!

Bà phú hộ bước ra cổng đón vào, ông tươi cười bảo vợ:

- Bà nó này, đây mới thật là con của chúng ta đấy!

Bấy giờ vợ chồng anh nông phu mới ngỡ người ra, biết được cha mẹ nuôi mình là một nhà giàu có.

Phú hộ bảo anh nông phu lấy theo họ mình, và từ đó hai vợ chồng bước vào một cuộc đời sung sướng.

Ít lâu sau, phú hộ lâm bệnh nặng. Biết mình sắp gần đất xa trời, ông bèn làm tờ di chúc để phân lớn gia tài cho đứa con nuôi, đoạn ông gọi vợ đến trời rằng:

- Sau khi tôi chết, bà nhớ đừng cho năm đứa con gái biết tin đấy!

Ông nói tiếp: - Nếu chúng nó có nghe ai mách mà về đây, chưa biết chừng tôi sẽ “bút néo” trời dậy cho mà coi. Việc để tang thì đứa con trai cứ theo cổ tục, cắt tóc, đội mũ, quần rơm trên đầu để chúng tỏ mình chịu cực chịu khổ với cha mẹ thì thôi cũng được, nhưng đứa con dâu thì bà bảo nó khỏi cắt tóc, vì tôi chưa bao giờ quên được cái việc nó đã hy sinh mái tóc dài của nó để mua cha, vậy nó chỉ cần đội khăn tang là đủ.

Nhưng khi khâm liệm cho chồng xong, bà phú hộ vì nặng lòng nên cũng cho người lên báo tin cho năm đứa con gái biết. Khi chúng về, bà đón ở cổng, thuật lại lời trời của cha cho chúng nghe và bảo chúng đừng có vào nhà, kéo có sự chẳng lành.

Năm đứa con gái hối hận lắm, nhưng việc đã rồi biết làm sao? Khi đưa linh cữu cha, chúng đòi đi đưa cho bằng được. Khuyến can con mãi không xong, cuối cùng bà buộc lòng phải xé cho chúng ngoài khăn tang ra còn thêm mỗi đứa một vuông vải cho chúng che mặt lại để mong linh hồn bố chúng khỏi biết.

Từ đó, người ta bắt chước để tang theo cách gia đình này đã làm:

“Con trai cắt tóc vành rơm, mũ mấn, dây lưng chuối như cổ tục, con dâu được miễn cắt tóc, chỉ đội khăn tang, lại miễn cả che mặt. Còn con gái ngoài khăn tang còn có thêm một mảnh vải che mặt.”

Lời sen

Bằng tâm hồn và nghị lực của một người khao khát vươn lên, vượt qua số phận nghiệt ngã, Xuân Anh một người đam mê nhiếp ảnh đã chọn biểu tượng hoa sen làm hướng đi cho mình trong hiện tại và tương lai.

Sau gần hai năm miệt mài sáng tác, bằng góc nhìn của người sau vấp ngã anh đã thu vào ống kính của mình những hình ảnh độc đáo của hoa sen từ các vườn sen, ao hồ và cả trong đầm lầy. Chất lọc những nét đẹp của sen, từ cánh hoa mới nở, búp non vừa đâm chồi hay đóa sen rạng ngời trong nắng mai - Sen trong ảnh nghệ thuật của Xuân Anh còn có những góc lạ, rất bất ngờ và hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc.

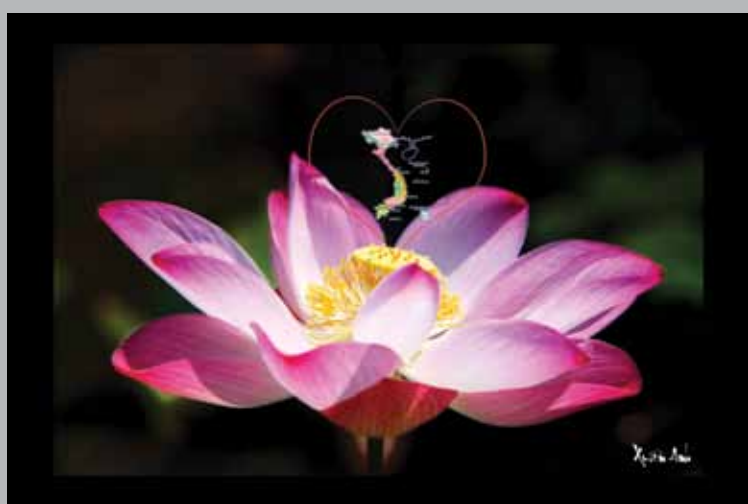
Tuần lễ triển lãm Ảnh nghệ thuật “Lời SEN” của phóng viên ảnh Xuân Anh tại làng quê Củ Chi - TP. Hồ Chí Minh đã thành công ngoài sự mong đợi. Tác giả và tác phẩm đã được sự đón nhận trân trọng của những người yêu nghệ thuật, yêu sự tinh khiết và những ý nghĩa cao đẹp của hoa sen. Hàng trăm bức ảnh Sen mà Xuân Anh chụp trên suốt những chặng đường đã ghi lại những cảm xúc dâng trào

của anh. Nhiều khi anh tâm đắc rồi làm mấy câu thơ hoặc chú thích rất ấn tượng... như khi chụp hoa sen trắng ngần anh đã đặt tên là: Tinh khiết!

Một bức khác - có hai cành lá sen to đang nghiêng ngả về phía nụ sen vừa chớm nở thì một bông sen to nở rộ vội áp mình vào nụ sen như đang chở che và làm điểm tựa - Anh đã chụp và ghi cảm nghĩ của mình là “ Con ơi đừng sợ - Mẹ luôn bảo vệ con”, hay như bức “vượt sóng”, “tình cha”...

Đây là triển lãm đầu tiên có tính quy mô lớn của anh; được sự ủng hộ nhiệt tình của bạn bè anh quyết định tổ chức cuộc trưng bày bằng cả tâm huyết. Điều quan trọng là Anh và Ban giám đốc Nhà hàng Xuân Anh cùng các chi hội Nhiếp ảnh Học Môn, Phú Nhuận, Trung tâm VH DN - CN phía Nam, Tạp chí Phật giáo và Doanh nhân đều cùng chung một tấm lòng - đó là tặng toàn bộ tiền bán các bức ảnh nghệ thuật hoa sen cho chương trình “Vì một ngày mai tươi sáng”, chung tay làm công tác xã hội, từ thiện giúp đỡ cộng đồng.

» NGỌC YẾN



Khám phá nét độc đáo trong thói quen ăn chay của người Huế

Tục lệ ăn chay có từ bao giờ? Các món sẽ được nấu ra làm sao? Ăn như thế nào? Rất có thể bạn chưa biết hết đâu..

Ở Việt Nam, nhắc đến ăn chay không thể không nhắc tới Huế, nơi có nhiều món ăn chay nhất, thậm chí việc nấu đồ ăn chay ở Huế đã trở thành một nghệ thuật. Việc ăn chay đã thịnh hành từ thời Lý - Trần cho đến đời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), Huế trở thành thủ phủ của Phật giáo, tục ăn chay cũng bắt đầu phổ biến ở Huế trong cả tầng lớp quý tộc lúc bấy giờ. Cho đến ngày nay, người Huế, từ bình dân đến quý tộc, đều có truyền thống ăn chay, cốt để cho tâm hồn thanh tịnh.



Nếu như bạn có dịp ghé thăm Huế vào những dịp lễ, đến các ngôi chùa ở nơi đây, bạn sẽ được thưởng thức cỗ chay mà nhà chùa thường làm để đãi Phật tử bốn phương. Mâm cỗ chay rất đơn giản chỉ gồm tương, muối, rau, dưa... đều là những sản vật do các vãi cùng những Phật tử trồng ngay trong vườn chùa. Bữa cơm đạm bạc là thế nhưng lúc nào cũng thu hút rất nhiều người.

Người Huế không chỉ ăn chay vào ngày rằm, ngày mồng một hay ngày lễ, họ ăn chay như một thói quen thường nhật. Đường như quanh năm, cơm chay đều thường xuyên xuất hiện trong bữa ăn của những gia đình người Huế. Họ định ngày ăn chay trong tháng gọi là trai kỳ; ăn chay hai ngày rằm, ngày ba mươi gọi là nhị trai; ăn chay bốn ngày gọi là tứ trai. Và cứ ngày mười bốn và cuối tháng âm lịch hay ngày Phật Đản, phần lớn các quán bún bò của Huế đều đổi món bán bún chay.



Ở Huế, hầu hết các gia đình đều tự nấu những món chay cho bữa ăn. Bữa cơm chay thanh đạm cũng là cách mà người Huế bày tỏ sự quý mến và tấm chân thành với bạn bè. Đây là một nét văn hóa độc đáo mà có lẽ chỉ có riêng ở xứ Huế. Bữa ăn ngày Tết cũng vậy, mâm cỗ ngày Tết ở Huế thường là mâm cỗ chay, cho đến ngày nay, tuy đã có nhiều thay đổi, nhưng món chay vẫn là những món không thể thiếu trong mâm cỗ ngày Tết của người Huế.

Đến với Huế, bạn sẽ được thưởng thức từ cơm chay, bún chay... cho đến đùi gà chay, cá chay, giò chay... Củ, quả, đậu, dầu thực vật phứt chốc đều biến thành những món ăn bắt mắt và hấp dẫn vô cùng. Dù các món sơn hào hải vị từ nem công, chả phượng, giò lụa, thịt gà đến tôm hùm, cá rán nom đẹp mắt vô cùng nhưng đều được chế tác từ thực vật. Điểm đặc biệt là ngay khi thưởng thức, vẫn cứ ngỡ như là thịt cá thật. Đó chính là cái tài chế tác từ những bàn tay nội trợ diệu nghệ xứ Huế. Sự kết hợp hài hòa màu sắc của rau, đậu, hoa quả đã được xào nấu bằng dầu thực vật, xì dầu, hoặc những món rau sống, khế chua, dưa hành, nộm hoa chuối...v.v, rồi bày trí các món ăn trên bàn ăn sao cho đẹp mắt cũng rất được quan tâm. Các món ăn thường được bày ít, và xếp trên những chiếc đĩa nhỏ, khiến thực khách thưởng thức rồi mà vẫn có cảm giác thòm thèm muốn ăn thêm chút nữa. Món khai vị cho một bữa tiệc chay ở Huế thường là cà rốt, đu đủ được tía thật khéo để trang trí xung quanh những lát chả phù được làm từ lá phù chực màu vàng mơ, xen lẫn là mì căn gói bánh tráng chiên giòn làm nem rán. Súp măng cua được nấu từ bắp non, nấm rơm, hạt sen... Và tất nhiên không thể thiếu cơm và xôi rồi.



Không chỉ vậy, bạn còn có thể được thưởng thức bánh bèo, bánh lọc, bánh ít... với nhân chay. Và một món ăn quen thuộc thường xuất hiện trong những bữa cơm chay của người Huế chính là món chao. Chao là món ăn có vị gần giống như một món mận, được chế biến từ đậu nành, làm thành đậu khuôn, đậu khuôn ủ lên men thì thành chao. Chao có hương vị rất hấp dẫn và bảo quản được lâu ngày.

Đất Huế thơ mộng, lại mang nét văn hóa ăn chay độc đáo, thật dễ khiến lòng người nhớ mãi không nguôi...

Các món ăn từ Yến Sào Ngọc Lan

- Ngày nay, các nhà nghiên cứu khoa học trên thế giới và các chuyên gia dinh dưỡng trong nước đã nghiên cứu và một lần nữa khẳng định cho chúng ta thấy tổ yến là một loại thực phẩm có giá trị dinh dưỡng rất cao.

- Tổ yến được kết tinh từ nước bọt được tiết ra từ cặp tuyến dưới lưỡi chim yến. Đây là một trong tám món ăn cao lương mĩ vị hay bát trân mà từ ngàn xưa đã được các vua chúa dùng trong các buổi yến tiệc, làm quà tặng cho nhau, xem như một tặng phẩm quý giá.

- Hiện nay yến sào đang được nghiên cứu điều trị nhiễm HIV-AIDS vì nó kích thích sinh trưởng những tế bào bạch cầu có tác dụng sinh kháng thể. Nó cũng được khuyến dùng cho bệnh nhân ung thư sau xạ trị, bệnh nhân sau mổ giúp cơ thể phục hồi nhanh

- Tổ yến có tác dụng làm sạch phổi và các cơ quan hô hấp, làm giảm bệnh cúm và các triệu chứng dị ứng, tăng thể trọng, cân bằng các quá trình trao đổi chất trong cơ thể, phục hồi các tế bào bị thương tổn, chống lão hóa, hồi xuân, tăng tuổi thọ.

- Theo đông y, yến sào vị ngọt tính bình, tác động vào hai kinh phế và vị, tác dụng nuôi phế âm, tiêu đờm hết ho, thường dễ chữa hư yếu, ho lao, sốt từng cơn, hen suyễn, thổ huyết, đau dạ dày. Trong trường hợp phòng cúm A/H1N1, nếu có điều kiện có thể cho người già và trẻ nhỏ dùng.

3. Tổ Yến hạt sen

Nguyên liệu:

- 1/2 yến sào
- 12 hạt sen
- 80g đường phèn
- 400ml nước
- 1 lát gừng mỏng

Cách làm:

- Ngâm tổ yến cho đến khi tổ yến to ra và nở mềm.

- Nếu có hạt sen tươi thì chỉ cần lột vỏ cứng, vỏ lụa, dùng một cây tăm xuyên bỏ tim trong hạt sen, làm đến đâu thả ngâm trong thau nước sạch đến đó.

- Nếu là hạt sen khô ngâm trong nước nóng khoảng 1-2 giờ rồi mới mở lửa lên nấu nhỏ lửa cho đến khi vừa mềm là vớt ra.

- Gọt vỏ gừng, rửa sạch để ráo, thái lát mỏng.

- Giã nhuyễn đường phèn, cho vào nước lọc nấu sôi đến khi tan đều.

- Sau đó cho nước đường phèn, hạt sen, gừng và tổ yến ra thố, bắc lên bếp chưng cách thủy khoảng 30 phút.

- Lấy yến chưng hạt sen ra bát. Món này dùng nóng hay lạnh đều rất ngon.



1. Tổ Yến chưng trái dừa

Nguyên liệu:

- 5g yến sào
- Một trái dừa

Cách làm:

- Ngâm tổ yến cho đến khi tổ yến to ra và nở mềm.

- Sau đó cho tổ yến vào trái dừa, bắc lên bếp chưng cách thủy khoảng 30 - 40 phút.

- Lấy yến chưng trái dừa ra bát. Món này dùng nóng hay lạnh đều rất ngon.



2. Tổ Yến chưng đường phèn

Nguyên liệu:

- 5g yến sào
- 50g đường phèn
- 4 ly nước lọc
- 1 củ gừng nhỏ

Cách làm:

- Ngâm tổ yến cho đến khi tổ yến to ra và nở mềm.

- Gọt vỏ gừng, rửa sạch để ráo, thái sợi nhỏ.

- Giã nhuyễn đường phèn, cho vào nước lọc nấu sôi đến khi tan đều.

- Sau đó cho nước đường phèn, gừng và tổ yến ra thố, bắc lên bếp chưng cách thủy khoảng 30 - 40 phút.

- Lấy yến chưng đường phèn ra bát. Món này dùng nóng hay lạnh đều rất ngon.



4. Cocktail Tổ Yến

Nguyên liệu:

- 1/2 yến sào
- 5 trái nhãn lồng tươi
- 100g dưa hấu
- 1 trái táo
- 1 trái lê
- 80g đường phèn
- 1 hộp sữa tươi

Cách làm:

- Ngâm tổ yến cho đến khi tổ yến to ra và nở mềm.

- Các loại trái cây cắt thành miếng vuông nhỏ

- Giã nhuyễn đường phèn, cho vào nước lọc nấu sôi đến khi tan đều.

- Sau đó cho nước đường phèn, tổ yến ra thố, bắc lên bếp chưng cách thủy khoảng 30 phút.

- Lấy yến chưng ra bát, cho các loại trái cây đã cắt, trộn vào yến và cho đá bào lên trên. Món này dùng lạnh ăn rất ngon.



DNTN Yến Sào Ngọc Lan

006 chung cư Phan Văn Trị, phường 2, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

ĐT: 0909901999 (chị Lan) - website: yensaongoclan.com

MC Trúc Thy

mời gọi bao trái tim hướng về cộng đồng !



Thuở bé thơ MC Trúc Thy (tên thật Phạm Thị Trúc Thi, pháp danh Chiêu Nhân) thường cùng mẹ đến chùa mỗi kỳ Rằm hoặc Đại lễ và hằng đêm thường nghe tiếng kệ lời kinh của mẹ. Vì thế, Phật pháp đã len lỏi và thâm nhập vào trong tâm thức Trúc Thy.

Xuất hiện trên truyền hình trong vai trò biên tập viên - dẫn chương trình với nhiều chuyên mục: Muôn mặt chuyện nghệ, sắc màu điện ảnh của HTV. Ca nhạc quốc tế, Tạp chí văn nghệ, chương trình thiếu nhi... của VTV. Bên cạnh đó MC Trúc Thy còn dàn dựng, đạo diễn, dẫn chương trình cho nhiều sự kiện của các đơn vị: Công ty Cổ phần BBS, Công ty Cementech Vina, Bệnh viện Exxon, câu lạc bộ Doanh nhân Sài Gòn và các doanh nghiệp khác.

Trái tim bé nhỏ của Trúc Thy luôn nuôi dưỡng và thực hiện nhiều chương trình từ thiện qua phương tiện truyền thông như Đài truyền hình, Facebook... để giúp đỡ trẻ em bán vé số, trẻ mồ côi, người nghèo, người bị bệnh tim... Trước đây, chủ yếu cô tổ chức chương trình dành cho trẻ em Tp.HCM, sau này Trúc Thy có nhiều định hướng sẽ phát triển ở các tỉnh vùng sâu, vùng xa không chỉ đối tượng trẻ em mà cả người già bệnh tật.

Đa số, những chương trình được thực hiện Trúc Thy đều chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức mọi việc. Chính vì lẽ đó khi dẫn chương trình Trúc Thy có thể chủ động xử lý

khéo léo các tình huống một cách nhẹ nhàng. Cô tâm sự thêm: “Từ khi còn nhỏ, Trúc Thy vẫn tham gia và dấn thân vào công tác trong Đoàn, Hội, Đội nên đã quen rồi”

Trúc Thy đã nỗ lực hoạt động và được tuyên dương với những danh hiệu thanh niên tiên tiến. Và từng làm Liên đội trưởng của trường nên bây giờ công việc nhiều Trúc Thy vẫn sắp xếp ổn định và có thời gian nghe pháp hay thưởng thức hương vị cuộc sống.

Đam mê nghệ thuật từ nhỏ Trúc Thy quyết tâm học ba Trường nghệ thuật như: Sân khấu điện ảnh, trường múa thành phố, Nhạc viện Tp. Hồ Chí Minh... để có thể hoạt động trong nhiều lĩnh vực nghệ thuật và có nhiều cơ hội phục vụ tốt cho xã hội. Vì vậy không quá ngạc nhiên khi bắt gặp Trúc Thy hát, múa, diễn xuất và dẫn chương trình trong nhiều chương trình trên sân khấu cũng như trên truyền hình. Trúc Thy còn là MC của một số chương trình đại lễ tại các chùa.

Là chị hai trong gia đình 3 chị em ở đường Nguyễn Thị Định, quận 2, Tp.HCM. Có lẽ xuất thân từ gia đình nghèo khó nên cô hiểu được những nỗi đau thâm lặng của người nghèo, bệnh tật và cảm thương những người bệnh đang đau, trông chờ những của cải giúp đỡ của cộng đồng.

Mọi trái tim từ tâm cùng chung tay lo cho những mảnh đời bất hạnh và bao tuổi thơ cần giáo dục tốt trong môi trường lý tưởng, xin vui lòng liên hệ về địa chỉ mail: phamthitructhi@yahoo.com hoặc facebook: Thy Pham (Mc Trúc Thy), internet: ngoi nha tuoi tho truc thy.



Tiếng hát ca sĩ Thùy Trang góp phần “đưa người” về bến giác

» LIÊN HỒNG

Thùy Trang tên thật Nguyễn Thị Thùy Trang, quê ở huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Ca sĩ lớn lên trong lời ru ầu ơ của mẹ, chứa chan tình làng nghĩa xóm, thấm nhuần đạo lý làm người. Và thuở nhỏ, Thùy Trang được Mẹ dắt đi chùa nhiều nên cô thích đi chùa lắm. Và mỗi ngày rảnh rỗi công việc Thùy Trang điếu ở tại nhà để tụng kinh, bái sám cầu nguyện quốc thái dân an, gia đình hưng thịnh, an vui, hạnh phúc!

Riêng Thùy Trang ngoài hát dân ca, cô biết và hát nhiều về Phật giáo qua

sự trợ duyên của một nhạc sĩ Phật giáo đưa bài Kinh Kệ hồi hương. Xưa kia, bài này cô học hoài nhưng chưa thuộc mà chỉ hát qua một lần cô lại thuộc lòng; cô nghĩ rằng thông qua những bài hát về Phật giáo có lẽ người biết đến đạo, đi chùa và làm lành, tránh dữ sẽ đông hơn vì vậy cứ phát huy.

Ở những ngôi chùa vùng sâu xa ở tỉnh Tây Nguyên, Huế, Hà Nội, các tỉnh Miền Tây đều biết đến Thùy Trang qua bài hát: Lạy Phật Quan Âm, Chắp Tay Niệm Phật, Phật Chuẩn Đề và nhiều bài hát khác do ý tưởng của

Thùy Trang đã gọi cho nhạc sĩ Hàn Châu viết riêng cho cô như: Diệu Pháp Liên Hoa, Chắp tay lạy Phật Dược Sư, Địa Tạng Bồ Tát, Phật Đản Sanh, Xuân Di Lạc, Vu Lan Nhớ Mẹ.... Với hơn 10 bài hát đó đã trở nên phổ biến và được nhiều ca sĩ, Phật tử hát hiện nay.

Điều hạnh phúc của Thùy Trang là gia đình bên mẹ ruột biết Phật pháp và là những Phật tử thuận thành; còn gia đình bên chồng luôn tạo điều kiện cho cô đi hát vùng sâu, vùng xa. Cô Thùy Trang tâm sự thêm: “Ở bên chồng, cha mẹ chồng luôn quý yêu cô, tạo điều kiện và khuyến khích cô tu tập tốt. Đó là một niềm hạnh phúc mà Thùy Trang thấm cảm ơn Phật pháp nhiệm màu”.

Đó là do phước đức cô đã gieo trồng từ nhiều đời và đến bây giờ cô lại tiếp tục gieo trồng nhân tốt nên quả tốt. Đứa con gái duy nhất của gia đình cô năm nay học lớp 5 hay thuộc lòng những bài hát nào về Phật giáo do mẹ hát.

Thùy Trang kể thêm có lần đem đĩa nhạc Phật giáo trong đó có cô hát tặng cho bệnh nhân đang bị ung thư ở quận 6, Tp.HCM; sau khi nghe đĩa nhiều lần, chú niệm Phật và giảm bớt bệnh. Điều đó càng củng cố niềm tin chứng minh rằng những điều Thùy Trang đang làm là đúng Chánh Pháp và Có sẵn sàng dẫn thân vào vùng sâu, vùng xa những ngôi chùa ít ai biết đến để góp phần xương mình, hộ trì Phật pháp.

Qua gần 6 năm hát nhạc Phật, ca sĩ Thùy Trang an lạc hơn trong hiện tại, vững vàng trong tương lai bởi đã có Phật độ trong từng hành động, lời nói và những việc làm cụ thể. Thông qua âm nhạc, lời ca tiếng hát của Thùy Trang đã trợ duyên cho nhiều người biết đến Phật giáo trở về nương tựa Tam Bảo chuyển hóa khổ đau thành an lạc và cô cũng góp phần cho nền văn hóa nhạc Phật giáo phát triển hưng thịnh thêm. Chúc cho con đường nghệ thuật của ca sĩ Thùy Trang luôn phát triển, đạo tâm vững vàng và tiếng hát Thùy Trang sống mãi trong lòng người và giúp bao người càng hiểu hơn về Phật pháp, xa rời nỗi khổ, niềm đau sớm quay về bờ giác.

Email: casithuytrang@gmail.com



Ca sĩ Thùy Trang không chỉ “ru” hồn người bởi những ca khúc ngọt ngào, đậm tình quê hương, giàu chất Nam bộ. Ngày nay, nhiều Tăng Ni, Phật tử, Doanh nhân biết đến Thùy Trang bởi những nhiều bài hát về Phật giáo góp phần giúp người tỉnh giấc mộng, sớm quay về bờ giác, sống an lành trong ánh hào quang của Đức Phật.



Chùa Linh Cao Bắc Ninh

» HUỲNH Mẫn Chi

• Đại danh tự thời Lý - Lê - Trần - Nguyễn

Chùa Linh Cao - tọa lạc ở làng An Trụ - xã An Thịnh - huyện Lương Tài - tỉnh Bắc Ninh. Một ngôi chùa cổ được nằm trên mảnh đất linh thiêng, khí hậu ôn hòa, thiên nhiên ưu đãi quanh năm. Nơi đây, mảnh đất xưa An Trụ vẫn còn lưu truyền một nền văn hóa đặc sắc và nhiều bậc học sĩ anh tú. Mảnh đất “địa linh nhân kiệt” không chỉ lưu danh anh hùng ngày xưa mà ngày nay còn có nhiều nhân kiệt xuất chúng, trong đó có trung tướng Nguyễn Như Hoạt - anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Mảnh đất mà đã in đậm nền văn hóa văn minh thời nhà Lý và nhiều triều đại vua sau này. Chùa Linh Cao là một trong số ít ngôi chùa đã lưu giữ lại nét tích cổ xưa ấy. Theo thầy Thích Giác Tiến - người có tuổi thơ gắn bó với chùa Linh Cao và là quản tự chùa hiện nay cho biết: “Tuổi thơ, tôi đã được các cụ tu ở đây nay đã viên tịch thu nhận và truyền dạy giáo lý. Các cụ đã đọc cho tôi nghe và tôi vẫn thuộc lòng đến ngày nay khi nhắc về chùa Linh Cao xưa:

Nước An Nam có đất Bắc Ninh

Có làng An Trụ

Có chùa Linh Cao

Người về lễ chùa Phật Tích - Đền Đô
Chùa về làng An Trụ Linh Cao tự thì
tâm chưa đàng

Ở nơi đó có nàng công chúa Diệu Chân

Tâm thì như ngọc, thân thì như hoa
Hương thơm còn mãi, còn lưu truyền

Giương người trên đá hình còn như xưa”

Một ngôi chùa mà ngày nay nhắc đến, người dân An Trụ không khỏi tự hào về bày dày lịch sử, về những huyền thoại bất tử, về mảnh đất địa linh của cha ông, về những nhà tu hành từng đứng ra xây dựng chùa... Đặc biệt là hình ảnh vị công chúa đời Lý.

• Sử tích có công chúa tên hiệu Diệu Chân

Công chúa Diệu Chân là con gái của vua Lý Thánh Tông, cháu nội vua Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn). Ngày nay đến lễ chùa Linh Cao, người dân vẫn còn nhìn thấy tượng đá của bà. Tượng đá ngồi thiền định tọa tòa sen, đeo chuỗi hạt, áo thất phật, ngoài khoát áo long bào long phụng, trên đỉnh đầu tượng là rỗng châu nguyệt. Dù thời gian làm cho bia đá phải mòn, nhưng tiếng thơm của bà vẫn còn lưu mãi trong dân gian. Bà là người con gái đức hạnh, tài sắc vẹn toàn. Một công chúa “cành vàng lá ngọc”, bà đã từ bỏ mọi quyền quý cao sang chốn hậu cung để tìm đến chùa Linh Cao thọ pháp thị phật. Không chỉ một lòng với tâm nguyện của người tu hành, với giáo lý nhà Phật, bà còn có công góp phần tạo dựng ngôi chùa lịch sử này. Thời ấy, những ai có công với nhà Lý đều được



Chùa Linh Cao là một trong những ngôi chùa cổ xưa nhất nước ta. Quy mô rộng lớn, công lao xây dựng chùa của các bậc tiền nhân, của những nhà tu hành truyền bá giáo lý Phật Đà trong thời kỳ sơ khai của đất nước, đã được nhân gian truyền tụng đến ngày nay. Một Đại danh tự thời Lý trải qua nhiều giai đoạn lịch sử thăng trầm. Ngày nay, chùa Linh Cao khi đã bảo tồn và trùng tu vẫn giữ được nguyên vẹn như xưa. Ngôi chùa là một di sản văn hóa, di tích lịch sử của dân tộc.

triều đình ban thưởng ruộng đất. Bà là người được vua ban 11 mẫu ruộng. Bà đã dùng số ruộng đất ấy đem về chùa Linh Cao cấy cấy nuôi Tăng tiếp chúng.

Khi bà thị phật, ngôi mộ được đặt đúng địa linh thanh tích, một bên là dòng sông, một bên là giếng nước. Bà như một vị Bồ tát hiển linh trong nhân gian. Cho đến ngày nay, những lời thơ tương truyền về bà như đã nghi nhận công đức một vị công chúa đã thị phật:

“Bồ tát như giếng nước trong

Vua thời uy đức nhờ dòng sữa thơm

Công cha nghĩa mẹ

Chư phật thánh hiền

Diệu Chân bồ tát hương truyền mãi xưa”

Một vị công chúa được tôn vinh “tâm như ngọc, thân như hoa”. Bà chính là mẫu người phụ nữ đức hạnh, là tấm gương hiển đức để người đời - đặc biệt là phụ nữ ngày nay noi theo, học tập và tu dưỡng đạo đức. Trong dân gian vẫn còn vang mãi lời hay ý đẹp về bà:

“Sinh ra được thân nữ, đàn bà

Phải tìm đến Linh Cao tự để bái bà Diệu Chân”

• Di tích văn hóa

Theo chứng tích còn lại ở chùa Linh Cao, vào đời Tự Đức tháng 11- thứ 15, vua đã tìm về đây trùng tu và sửa chữa lại chùa. Một thời gian dài, chùa đã xuống cấp trầm trọng. Cuối năm 2007, từ Bắc Ninh có thư đề nghị gửi thầy Thích Giác Tiến ở chùa

Huyền Trang - Nhà Bè - TP. HCM về trụ trì, xây dựng lại chùa. Được sự nhất trí của bốn sư - thượng tọa Thích Truyền Tử - Trụ trì chùa Huyền Trang, đề cử đệ tử Thích Giác Tiến đã về lại ngôi chùa mà tuổi thơ thầy đã gắn bó. Cùng với Bộ văn hóa, Ban quản lý di tích lịch sử tỉnh Bắc Ninh, chính quyền các cấp, bà con Phật tử gần xa, chính quyền địa phương, thầy Thích Giác Tiến đã trùng tu lại ngôi chùa. Ngôi chùa mà trong chiến tranh đã trở thành căn cứ cách mạng thời kỳ chống Pháp chống Mỹ, làm nơi sơ tán cho nhân dân thủ đô Hà Nội, lớp học cho sinh viên. Dù đã có bề dày lịch sử hàng ngàn năm, phải chống chọi với thiên tai, chiến tranh. Nhưng ngôi chùa vẫn giữ được bản sắc văn hóa cổ xưa vốn có trước đây.

Theo thầy Thích Giác Tiến: “Ngôi chùa đã thờ nhân thần đích thực người Việt Nam. Chùa cổ có bề dày lịch sử đã lưu giữ nét văn hóa độc đáo của nhà Lý, minh chứng là chùa vẫn còn lưu hương đá, tượng đá, mộ đá, cây cổ thụ, giếng nước, tháp cổ, cột gỗ linh, dòng chữ Hán cổ... Cho nên khi trùng tu, chúng tôi vẫn giữ lại nét cổ xưa của chùa... Hiện nay, chùa vẫn giữ rất nhiều pho tượng cổ, cây nhân mấy trăm tuổi, hệ thống thờ cúng vẫn thấp đèn dầu...”

Chùa được Nhà nước công nhận là di tích văn hóa cấp thành phố. Đây một di tích lịch sử về văn hóa, tín ngưỡng. Ý nghĩa ấy không riêng gì của người dân làng An Trụ mà là của cả dân tộc.



Ngôi chùa với những tấm lòng rộng mở

Tọa lạc trên khuôn viên 10.000m² đất, chùa Từ Quang nằm bên cạnh quốc lộ 1A (địa chỉ: B1/7 ấp 2, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh). Chùa được xây dựng theo kiến trúc Phật giáo cổ điển với mái cong, Chánh điện khá rộng trang trí đặc trưng và đẹp rực rỡ dưới ánh đèn vàng trầm mặc, tôn thêm vẻ uy nghiêm, u tịch, hợp với chốn tu hành thanh tịnh. Được biết cách bài trí, trang hoàng ở đây đều do Thầy trụ trì đích thân sáng tác và thực hiện.

Chùa Từ Quang được xây dựng từ năm 1959 do hai vợ chồng Phật tử có tấm lòng hướng về Phật pháp. Về sau, trở thành nơi liên lạc của Cách mạng. Thời Mỹ ngụy, chùa đã bị địch bắn phá cháy rụi vào năm Mậu Thân 1968 và được phục dựng năm 1970. Hòa thượng Thích Thanh Phong là vị Tổ sư sáng lập và trụ trì chùa viên tịch năm 1995. Đến năm 2001, Đại đức Thích Giác Thiện, sau khi tu học, trở về tiếp nối trụ trì. Thầy còn khá trẻ, hoạt bát, dễ gần, là vị trụ trì đời thứ hai sau Hòa thượng Thích Thanh Phong.

Do quy hoạch các khu công nghiệp nên có thời gian chùa bị ngập nặng, hành lễ phải bắt ghe ngồi trên nước mà tụng niệm. Năm 2003-2004, Thầy vận động nhiều nhà hảo tâm, Phật tử ... tích cực mua đất để đổ nâng nền lên trên 3 mét mới không còn ngập như bây giờ.

Hiện nay, Thầy Thích Giác Thiện là Ủy viên Ban nghi lễ của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hoạt động Phật sự của Thầy chuyên về các nghi lễ Phật giáo. Hầu hết các Lễ Đền quốc gia tổ chức với quy mô lớn, Thầy đều được mời tham gia hoặc làm chủ lễ. Thường thì vào dịp kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7 hàng năm, Thầy đều tham gia Đại lễ cầu siêu anh hùng, liệt sĩ, đồng bào đã hy sinh bảo vệ đất nước trong thời kỳ chống Pháp,



chống Mỹ ... với sự tham dự của nhiều vị lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta.

Diễn hình mới đây, trong ba ngày 22, 23, 24/03/2013, tại Bắc Ninh, đã diễn ra Đại lễ Pháp hội tâm linh “Uống nước nhớ nguồn” nhằm bày tỏ lòng tri ân tưởng nhớ, cầu siêu cho anh linh anh hùng dân tộc, chiến sĩ vị quốc vong thân, những người có công với nước, những nạn nhân đã thiệt mạng do chiến tranh và thiên tai, đặc biệt dâng hương tưởng niệm anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt - người có công đánh quân Tống xâm lược, giữ vững bờ cõi của dân tộc Việt Nam.

Buổi lễ cầu siêu diễn ra trong không khí trang nghiêm và trọng thể dưới sự trụ trì của Đại đức Thích Giác Thiện với sự tham gia của các vị lãnh đạo Trung ương, địa phương, đông đảo bà con Phật tử. Ban kinh sư chùa Từ Quang cùng hàng ngàn Phật tử tụng kinh cầu nguyện quốc thái dân an, đất nước thái bình, bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đến anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt - cách đây hơn 900 năm - đã đọc Bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên khẳng định chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc trước quân

Tống xâm lược và trở thành một áng văn bất hủ truyền tụng mãi cho đến ngày nay thể hiện khí phách của một dân tộc anh hùng, kiên cường chống lại mọi âm mưu xâm lược, giữ vững bờ cõi nước ta.

Đại đức Thích Giác Thiện cũng tham gia các hoạt động Phật sự quốc tế. Vào tháng 9 năm 2012, Thầy được Chủ tịch Hiệp hội Asean mời dự Hội nghị chuẩn bị tổ chức DRAGON FLOWER FESTIVAL 2012 (Đại hội Long Hoa) với chủ đề “Chương trình cứu trợ xóa đói giảm nghèo” tại Vương quốc Campuchia. Thầy vinh dự được mời làm Đoàn chủ cùng 108 vị tăng trên toàn thế giới cử hành nghi thức khóa lễ truyền thống theo Phật giáo Bắc truyền. Trong Hội nghị này, Thầy đã diện kiến Vua sai Campuchia Tép Vông. Sau đó ít lâu, Cựu Quốc vương Campuchia Shihanouk qua đời nên Đại hội Long Hoa diễn ra với quy mô nhỏ không như dự kiến ban đầu định tổ chức hoành tráng ở Angkor Watt - kỳ quan thế giới của Campuchia.

Tại chùa Từ Quang, Thầy trụ trì luôn quan tâm đến các vong hồn thai nhi, hài nhi vô thừa nhận mà người đời vì nhiều lý do, vô tình hay cố ý đã



bỏ đi khi đứa bé chưa nhìn thấy ánh mặt trời, khiến hàng vạn sinh linh bé bỏng vất vưởng, không nơi nương tựa. Hàng năm, trước ngày rằm tháng tám âm lịch, chùa Từ Quang làm lễ cầu siêu cho các vong hồn này xem như lễ giỗ chung cho các cháu. Đến chùa vào dịp này, chúng ta chứng kiến hàng ngàn bà mẹ có con bị bỏ rơi tham dự ném kín sân chùa nhằm sám hối tội lỗi của mình và an ủi những vong hồn bé bỏng tụ tập về chùa ngày càng đông. Trong gian bên cạnh chánh điện, hình tượng các hài nhi chơi đùa vui vẻ dưới chân Đức Phật như ở chốn dương trần cho chúng ta hình ảnh một cõi an lành và hạnh phúc dành cho các cháu. Thật ấm lòng đối với các vong linh hài nhi bị bỏ rơi lâu nay.

Bên cạnh đó, Thầy cũng xem trọng hoạt động dân sinh. Chùa đã làm công tác từ thiện xã hội trên 10 năm bằng việc đóng góp công sức, tiền của từ một số doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, mạnh thường quân, rất đồng Phật tử ủng hộ công việc này. Hàng tháng, chùa Từ Quang đều tổ chức các

chuyến đi cứu trợ, giúp đỡ dân nghèo ở các tỉnh vùng sâu, vùng xa từ mọi miền đất nước như Quảng Trị, Huế, Bình Định, Đồng Tháp, Hội Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam Bến Tre ... Tại Thành phố Hồ Chí Minh, chùa thường xuyên giúp đỡ bệnh nhân nghèo ở Bệnh viện Ung bướu, Hội Khiếm thị, Trung tâm Người tàn tật Bình Triệu, Trại Tâm thần ...

Đối với địa phương huyện Bình Chánh và xã Tân Kiên, chùa Từ Quang rất gần bó, đã bảo trợ cho hầu hết các trường trên địa bàn. Hàng năm, vào dịp lễ tết, nhất là rằm Trung thu, chùa trao tặng từ 300-500 phần quà cho các em học sinh nghèo hiếu học.

Không những vận động làm từ thiện, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ trong nước, Thầy còn vươn đến nước bạn Campuchia. Vào trước Tết Quý Tỵ 2013, Thầy tổ chức một Đoàn khoảng hơn 40 người sang trao quà giúp dân nghèo Campuchia vùng ngoại ô Phnôm Pênh và tỉnh Siem Riệp với trên 2.000 phần gồm gạo, mì, nước tương, dầu ăn ... và 5

USD/mỗi phần, tổng trị giá lên đến gần một tỷ đồng. Đến đây, Thầy và Đoàn cũng được chính quyền sở tại và nhân dân đón tiếp chân tình, trọng thị. Thầy nói, đi đến đây mới thấy dân Campuchia còn nghèo quá và cả dân Việt kiều sống tại Campuchia gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống. Thầy sẽ tiếp tục giúp đỡ họ khi có điều kiện.

Tất cả những hoạt động từ thiện ở đây, chùa Từ Quang đều kiên trì và âm thầm vận động, dựa vào sức mình là chính, không phô trương ồn ào.

Trao đổi với chúng tôi, Thầy cho biết, hàng năm, tổng giá trị công tác từ thiện của chùa đạt gần 10 tỷ đồng, Thầy vẫn muốn đẩy mạnh hoạt động xã hội nhân đạo cứu trợ dân nghèo ở các nơi. “Mỗi chúng ta phải tạo phước để chuyển nghiệp”, thầy chia sẻ mục đích thực hiện công tác xã hội từ thiện. Và hiện nay, Thầy bắt đầu triển khai việc mở mắt miễn phí giúp cho người nghèo ở khắp nơi. Thầy kêu gọi mọi người ủng hộ và thông tin ai có nhu cầu thì đăng ký để chùa sắp xếp, tổ chức đưa người bệnh đi mổ mắt theo từng khu vực tỉnh, thành nơi họ cư trú.

Một vị sư chuyên tâm phục vụ Phật sự chủ trì nhiều lễ cầu siêu hàng năm, lại có lòng thương xót cứu độ các sinh linh hài nhi bé bỏng bị bỏ rơi và làm công tác xã hội từ thiện với tấm lòng từ bi hỷ xả chân thành hiếm có. Thật là một tấm lòng thi ân quảng đại vô biên. Chúng tôi tin rằng, Đại đức Thích Giác Thiện sẽ tiếp tục con đường vạn dặm của mình với thành quả tốt đẹp ngày càng rực rỡ. Mong rằng Thầy có nhiều sức khỏe, nghị lực để phụng sự đạo pháp và dân tộc, đặc biệt là dân nghèo.



➤ TRIỆU BÓN



Tổ Đình Kim Cang

CÓ TRUYỀN THỐNG ĐÀO TẠO TĂNG TÀI VÀ GẮN LIỀN VỚI TÂM LINH PHẬT GIÁO

» HOA HƯƠNG

Tổ đình Kim Cang (ấp Bình Cang 1, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An) là ngôi cổ tự đã được Hòa Thượng Thích Tác Ngộ trùng tu ngôi bảo điện trang nghiêm với kiến trúc tinh hoa văn hóa đặc thù miền Tây Nam Bộ. Với họa tiết, hoành phi, câu đối, bao lam, bảo cái và Đông - Tây, cặp giao long trên mái ngói đều được thể hiện tinh xảo và kiên cố. Nơi đây không chỉ là điểm dừng chân cho du khách tâm linh trong nước, ngoài nước mà còn là điểm trú xứ An cư Kiết hạ cho Chư Tăng hàng chục năm qua, chốn già lam thanh tịnh - nơi đã đào tạo nguồn Tăng tài phụng sự Phật pháp. Tổ đình Kim Cang đã được giới thiệu vào danh sách điểm tham quan du lịch và xét cấp chứng nhận Di tích Văn hóa tỉnh Long An.

Thần Kim Cang báo mộng và Tổ đình có tên Kim Cang:

Năm 1920, Tổ đình Kim Cang có tên là Phước Long Tự do cố Hòa thượng Thích Đại Bồ hứy Thiện Đế thuộc dòng Lâm Tế Chánh Tông đời 37 thiết lập ngôi Tam Bảo và sau đó viên tịch. Đến năm 1865, Hòa thượng Chánh Tâm về hoàng thừa Chánh pháp lúc bấy giờ nhận thấy chùa rêu phong do thời gian dài vắng bóng chư Tăng, không người chăm sóc nên lập nguyện trùng hưng tu bổ. Một hôm, sau giờ thiền tọa, Ngài nằm mộng thấy Thần Kim Cang tay cầm bảo sử uy nghiêm

đến bảo rằng: “Nơi đây địa thế không lành nên dời chùa vào phía cạnh bờ sông thì ngôi Già Lam sẽ được hưng vượng”. Sáng hôm sau, trong khi đang chấp tác quanh chùa, bỗng nhiên có một con rắn to xuất hiện phùng mang đuổi Ngài đến bờ sông thì nó liền biến mất. Ngài quán chiếu lại giấc mộng và nghĩ thầm: “Đây có lẽ Thần Kim Cang hóa thân rắn để chỉ chỗ cho ta xây dựng ngôi Tam Bảo chăng?”. Duyên lành hội đủ, Phật tử Bùi Bá Kim phát tâm hỷ cúng 12,8 mẫu đất (cách chùa cũ khoảng 500 m), Ngài quyết định dời chùa về đây và đổi hiệu là Kim Cang. Từ đây, uy đức của Ngài càng tỏa sáng, đạo tràng càng hưng thịnh.

Tổ đình Kim Cang - nơi đào tạo tăng tài đầu tiên ở miền Nam

Ngay vào những năm 1878 cho đến khoảng năm 1906, Tổ đình Kim Cang được xem là Trung tâm văn hóa Phật giáo và Phật học miền Tây Nam Bộ. Hòa thượng Chánh Tâm đã khai mở Pháp Hội đào tạo Tăng tài đầu tiên ở miền Tây lúc bấy giờ. Chư Tăng khắp nơi câu hội về cầu pháp tu học với Tổ rất đông. Nhiều vị sau này là trở thành những bậc cao Tăng thực đức chấn hưng và làm xương minh Phật pháp miền Tây Nam Bộ nói riêng và miền Nam nói chung, như Hòa thượng Khánh Hòa, Hòa thượng Khánh Huy, Hòa thượng Khánh Đức, Hòa



thượng Khánh Thông, Hòa thượng Khánh Hưng, Hòa thượng Khánh Long, Hòa thượng Khánh Dư, Hòa thượng Khánh Tường, Hòa thượng Khánh Thoại... Song song với việc giáo dục, đào tạo Tăng tài, nơi đây còn là Pháp hội in ấn kinh sách Phật học. Hòa thượng chủ trì khắc bản và in ấn kinh luật để trùng hưng Pháp bảo. Một số bản khắc gỗ hiện còn lưu giữ tại chùa như Kinh Pháp Hoa, Kim Cang Chư Gia, Bồ Tát Giới Kinh, Tứ Phần Luật... nghệ thuật khắc bản rất cao, đường nét tinh xảo khuôn chữ vuông vắn.

Tổ đình Kim Cang nét son phát triển mới

Trải qua nhiều đời trụ trì, Hòa thượng Thích Tắc Ngộ kế tục truyền về và phát huy tổ nghiệp vào năm 1993. Ngôi đại cổ tự được trùng tu tái hiện kiến trúc đặc thù miền Tây Nam Bộ. Thể hiện nét văn hóa nghệ thuật theo kiến trúc truyền thống tái hiện toàn mỹ, những pho tượng Tây phương Tam Thánh, 18 vị La Hán và nhiều pho tượng Bồ tát, Thánh hiền như Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thập điện Diêm Vương, Thánh mẫu... Nhiều công trình như đại điện trang nghiêm, giảng đường hoan hỷ thoáng mát, tầng xá an lành, cảnh Phật chuyển Pháp luân, vườn Lâm Tỳ Ni trang nghiêm mỹ lệ... tạo nên điểm du lịch tâm linh quê hương Long An nói riêng và miền Tây nói

chung, ít nơi nào có được.

Tùy duyên vui đạo, Hòa thượng vẫn thủy chung giữ hạnh thanh bản, khiêm cung với các bậc thầy trưởng lão, hòa đồng thân thiện với đồng môn, cởi mở cùng môn đệ, Phật tử gần xa. Ban Trị sự tỉnh Long An đã chọn đây là trú xứ An Cư Kiết hạ và khóa Bồi dưỡng Trụ trì cho Chư Tăng Ni hàng năm. Nhiều lễ hội long trọng được tổ chức như Phật Đản, Vu Lan rất đông và Tổ đình đã quy y cho gần 10.000 Phật tử. Và Tổ đình đã đào tạo nhiều vị Tăng tài đảm nhiệm nhiều trọng trách Phật sự góp phần hưng thịnh Phật pháp. Cảm niệm ân đức sâu dày của Hòa thượng Thích Tắc Ngộ, Đại đức Thích Lệ Tấn, Thành viên Ban Trị sự tỉnh Long An có dòng thơ kính dâng Hòa thượng trong mùa An cư Kiết hạ:

An cư Kiết hạ tại Kim Cang
Thiên kỷ mới này thật vẻ vang
Tôn Đức, hạ về luôn phấn khởi
Xương minh Phật pháp rất huy hoàng
Huy hoàng Phật pháp ở Kim Cang,
Đàn tín bốn phương thật sẵn sàng,
Hòa thượng trụ trì tâm rộng lớn.
Cho nên chốn Tổ mới trùng quang!

Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang

GIÚP TĂNG NI, PHẬT TỬ, DOANH NHÂN NÂNG CAO TRÍ TUỆ XỬ LÝ CÔNG VIỆC HẠNH THÔNG

Gần 400 liêu, cốc, phòng, ốc dành cho các Thiền sinh là Tăng Ni, Phật tử đến Thiền viện Phước Sơn tại Đồi Lá Giang gần khu Du lịch Vườn Xoài, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia khóa thiền ngắn ngày và dài ngày với sự hướng dẫn của các Thiền sư trong nước và nước ngoài như: Thiền sư Kim PaAuk, Zasila, Kim Triệu, Trí Dũng, Khánh Hỷ và một số cư sĩ có kinh nghiệm được mời hướng dẫn.

Đôi nét về Thiền Vipassanā

Thiền Vipassanā còn gọi là thiền Tứ Niệm Xứ, thiền Minh Sát hay thiền Tuệ Quán là một pháp tu đã bị ngăn che, khuất lấp từ đời các Cổ Phật và được Đức Phật Gotama khai sáng trở lại và khai thị cho chúng ta biết toàn bộ giáo lý.

Khóa tu thiền được tổ chức thường xuyên ngắn hạn (7-10 ngày), dài hạn (2-3 tháng), mỗi đợt tham dự có khoảng 200-300 Tăng Ni và Phật tử tham dự ghi danh đăng ký trực tiếp trước đó khi đến chùa hoặc qua mạng. Trung tâm Thiền Vipassanā được tổ chức từ năm 1993 đến nay tại Thiền viện Phước Sơn do Thượng tọa Tiến sĩ Thích Bửu Chánh để xướng để thanh lọc thân tâm, mở mang tuệ giác, để có sự thường vui trong cuộc sống. Được biết, Thiền Viện Phước Sơn do Ngài Cố Hòa thượng Thiền Sư Giới Nghiêm sáng lập từ năm 1970.

Đức Phật dạy:

“ Ai sống một trăm năm
Ác giới không thiền định
Không bằng sống một ngày
Có giới, có thiền định”
“Có thiền trí tuệ sanh
Không thiền trí tuệ diệt
Người có thiền có tuệ
Nhất định gần Niết-bàn ”*

(Trích Trong Kinh Pháp Cú 282-372,

*Ghi chú: “Nibbānam paramam Sukham”

Niết Bàn là hạnh tối thượng).

Và trong cuộc sống hằng ngày, thiền lại rất cần thiết cho doanh nhân nâng cao trí tuệ, sức khỏe và hiệu quả trong công việc.

Và vì sao thiền Vipassanā giúp doanh nhân thật sự hạnh phúc?

Thiền Vipassanā giúp doanh nhân sẽ bình tĩnh, để kiểm soát mọi công việc, mở mang trí tuệ hơn nên doanh nhân sẽ có quyết định làm ăn sáng suốt hơn. Sáng suốt ở đây là giúp lợi mình và lợi người. Thiền liên quan đến tâm vì thiền thuộc tâm, muốn tâm thiện thì doanh nhân phải kiểm soát tâm mình, người xưa có nói: Tham thì thâm, doanh nhân không được tham, vì gieo nhân nào gặt quả ấy, khi doanh nhân sống biết phục vụ cho người, cho chúng sanh, giúp con người hạnh thông, tiến triển “mình vì mọi người thì mọi người sẽ vì mình”, “nếu mình vì mình thì mọi người sẽ quay lưng với mình”.

Theo Thượng tọa Tiến sĩ Thích Bửu Chánh thì doanh nhân nằm trong tâm chớ không phải nằm trong doanh thu, muốn cho tâm tốt thì phải có thiền. Ở nước Nhật Bản có nhiều xí nghiệp - công ty trước giờ làm việc, Giám đốc Công ty và công nhân viên chức đó phải ngồi thiền 15 phút để tịnh tâm, nhờ vậy sẽ giúp xử lý công việc có khoa học và trí tuệ hơn; do đó các doanh nhân Việt Nam nên học tập, mục đích của doanh nghiệp là muốn tạo ra nhiều của cải, tài sản để được hạnh phúc nhưng nếu tạo nhiều tài sản, tâm không hạnh phúc thì tài sản đó không có giá trị, hạnh phúc hay đau khổ nằm trong tâm, chớ không nằm trong tài sản (trạng thái tâm lý chớ không phải vật lý). Doanh nhân có thiền sẽ giúp hạnh phúc thật sự, cho nên tài sản (doanh



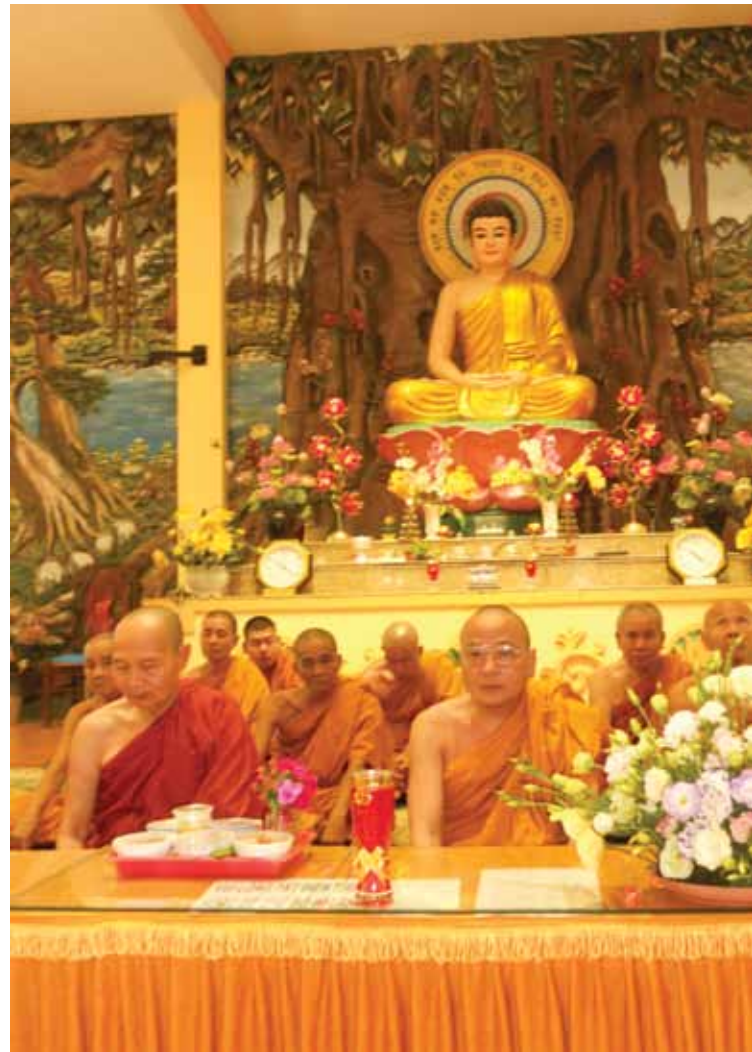
thu) tỉ lệ với hạnh phúc thì tài sản làm ra mới có giá trị, tài sản tỉ lệ nghịch với đau khổ thì tài sản làm ra không có giá trị, thiên giúp chúng ta kiểm soát tâm nên làm gì và không nên làm gì.

Nhấn nại để thành lập Trung tâm Thiền Vipassanā:

Năm 1984, nhân duyên đưa đẩy Sư Bửu Chánh đến Đồi Lá Giang “cắm dùi”. Lúc đó nơi đây chỉ là đồi hoang “không điện, không đường, không trường, không trạm”. Đối diện với những khó khăn về nhiều mặt, Sư cố gắng vượt qua và nghĩ về những ngày trước đó gian khổ cũng chẳng kém. Đồi lúc Sư thâm cảm ơn những khó khăn cũ để chấp nhận khó khăn mới. Nhờ vậy, Sư mới kiên trì 30 năm qua gian khổ và hình thành Trung tâm Thiền 20 năm để giúp Chư Tăng và Phật tử tu học. Trải qua muôn trùng thách thức, Sư Bửu Chánh cho biết thêm khi đối diện trước khó khăn chúng ta cần: “Nhấn nại đến đâu thành công đến đó” hoặc câu “nhấn nại là mẹ đẻ thành công”. Sự nhấn nại giúp ta vượt qua tất cả. Sư từng nằm lòng bài thơ Giã Gạo của Bác Hồ trong “Nhật Ký Trong Tủ” và lấy đó làm phương châm trong đời tu hành của mình:

“Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông,
Sống ở trên đời người cũng vậy,
Gian nan rèn luyện ắt thành công”.

Khi còn đi học phổ thông, lời thơ đã luôn đùn đúc Sư kiên trì, nhấn nại để đạt thành công, vì nhấn nại cũng là pháp tu trong Phật giáo Nguyên Thủy, nhấn nại Ba la mật; tuy nhiên, muốn nhấn nại lâu dài phải có chánh niệm (thiền) và trí tuệ.



Đôi nét về Thượng tọa Tiến sĩ Thích Bửu Chánh, trụ trì Thiền Viện Phước Sơn:

- Thượng tọa Thích Bửu Chánh thế danh Lê Hà, sinh năm 1961 tại Xã Tam Quan, Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định. Thượng tọa thọ Sa-di giới năm 1974 tại Chùa Phổ Minh, Quận Gò Vấp, Sài Gòn. Sư tế độ Sa-di là Cổ Hòa Thượng Bửu Chơn, Thầy tiếp dẫn là Hòa Thượng Thiện Tâm. Thọ Tỳ Kheo giới tại chùa Trúc Lâm quận 6 Tp.HCM năm 1981 với Thầy tế độ là Cổ HT.Tịnh Sự và Thầy Yết-ma là Cổ HT.Siêu Việt, HT Kim Cang

- Thượng tọa tốt nghiệp Tú tài Phổ thông năm 1980. Thượng tọa đã tốt nghiệp cử nhân văn chương và cử nhân

sử học tại Trường Đại học Tổng hợp Tp.HCM. Tốt nghiệp cử nhân Phật học tại Học viện PGVN Tp.HCM. Tốt nghiệp Cao học sử tại Viện Khoa học Xã hội Tp.HCM. Tốt nghiệp Thạc sĩ Phật học, phó tiến sĩ Phật học và Tiến sĩ Phật học tại đại học Delhi, Ấn Độ, tốt nghiệp văn bằng văn học và cổ ngữ Pali tại đại học Delhi.

- Hiện Thượng tọa là UV Thường trực HĐTS GHPGVN, Phó ban Hoàng Pháp TW GHPGVN, phó viện trưởng, kiêm Trưởng Khoa Pali Học viện PGVN tại Tp.HCM, phó Trưởng BTS Phật giáo tỉnh Đồng Nai, Viện chủ Thiền viện Phước Sơn, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, Trụ trì Chùa Quang Minh, xã Long An, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Thiền viện Phước Sơn

Địa chỉ: 368 Suối Tân Cang - Phước Tân - Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai (gần Khu Du Lịch Vườn Xoài)

Điện thoại: 061.3967237 - 0913.940.683

Website: www.thienvienphuocson.net

Email: subuuchanh@gmail.com hoặc doilagiang@gmail.com



Chùa Huyền Trang

Với tâm từ mừng Đại lễ Phật Đản

Đại lễ Phật Đản là ngày lễ trọng đại nhất đối với người con Phật. Trên toàn thế giới, để tưởng niệm lễ Đản Sinh của Đức Từ phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài là Thiên nhân chi Đạo Sư, đã dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi sông mê biển khổ, là cha lành trong bốn loài. Ngài có lòng từ bi bình đẳng, nên đã làm cuộc đại cách mạng xóa tan bốn giai cấp ở Ấn Độ. Là vị tiên phong trong bình đẳng giới giúp cho phụ nữ được nâng cao quyền cùng nam giới, là một nhà siêu khoa học. Nên đã đi trước mọi thời đại như ăn chay, không sát sanh, không cho chặt bỏ cây cối, đốt phá núi rừng để bảo vệ môi trường.

Nên chúng tôi làm theo lời Phật dạy: “Đệ tử Như Lai thực hành phước huệ song tu. Thân bồi phúc, tâm thì tu huệ. Muốn tu thành Phật phải tu Bồ tát đạo, hành Bồ tát hạnh. Thay thế chúng sanh chịu khổ”. Đức Thế Tôn thường dạy: “Phục vụ chúng sanh là cúng dường Chư Phật”. Chư Tổ cũng dạy: “Dù xây chín kiếng phủ đờ, không bằng làm phúc cứu cho mạng người”. Hoặc Cổ Đức có dạy “Cứu một mạng

người, phúc đặng hà sa... Nên chúng tôi thấy lời dạy của Đức Phật, Chúa GiêSu, Bác Hồ kính yêu, nên noi gương tốt về đạo đức của chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời làm nhiều việc thiện dâng lên kính mừng Đại lễ Phật Đản vừa tu vừa hướng dẫn Phật tử tu hành làm người chơn chánh và làm nhiều việc thiện. Như nuôi 40 trẻ mồ côi, tàn tật, chất độc da cam, 20 người già neo đơn không nơi nương tựa. Hàng ngày, chữa bệnh đau lưng, đau nhức xương khớp. Hàng tháng tổ chức bữa cơm dinh dưỡng cho người già, phát quà cho gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, người mù tàn tật chất độc da cam do hậu quả chiến tranh để lại, phát 90 phần quà tại địa phương. Thường xuyên tổ chức đoàn y bác sĩ khám bệnh, phát thuốc, phát quà, xây nhà tình thương cho gia đình chính sách, thương binh, gia đình chất độc da cam, vùng kháng chiến cũ. Ứng hộ: làm cầu làm đường, bệnh nhân nghèo mổ tim, mổ bứu, mổ mắt, cấp phát xe lăn, xe lắc cho người tàn tật. Ứng hộ học bổng, phát quà, xe đạp, máy vi tính cho học sinh nghèo, người ốm





đau bệnh hoạn tai nạn chết không hòm chôn...

Trong năm qua, dù kinh tế hết sức khó khăn mà chùa Huyền Trang cũng cố gắng vận động cứu trợ được 51 chuyến khám bệnh phát thuốc tặng quà. Xây được 11 căn nhà tình thương, ủng hộ mổ tim được 8 ca... tổng kết của năm 2012 là 7.137.000.000đ (Bảy tỷ một trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Trong dịp Tết đầu xuân Quý Tỵ chùa Huyền Trang đã vận động phát 3.050 phần quà cho dân nghèo ăn Tết, xây 1 căn nhà tình thương cho hộ nghèo. Trong 4 tháng đầu năm 2013, được 2.461.600.000đ (Hai tỷ bốn trăm sáu mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Hàng năm, chùa Huyền Trang làm nhiều việc thiện kính mừng Đại lễ Phật Đản. Năm nay chọn ngày 19/5/2013 (10/4 ÂL) làm nhiều việc thiện dâng lên mừng sinh nhật Bác Hồ kính yêu. Nên đã mời đoàn y bác sĩ thiện nguyện của T.W Hội Chữ Thập đỏ cơ quan phía Nam về khám và phát thuốc cho 300 lượt người, chùa Huyền Trang phát 400 phần quà cho học sinh và dân nghèo tại phương. Tiếp tục làm theo đạo đức của chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng là đền ơn đáp nghĩa đối với các anh hùng liệt sĩ, gia đình chính sách, thương binh, gia đình có công với cách mạng.

Kế hoạch sắp tới như sau:

1/6 Khám bệnh phát thuốc phát quà tại Long An.

7/6 Kết hợp với Tạp chí Tài nguyên - Môi trường, Hội

Chữ Thập Đỏ Tp. Hồ Chí Minh khám bệnh phát thuốc cho dân nghèo, phát học bổng phát quà cho học sinh nghèo tại huyện Côn Đảo, tưởng niệm cầu siêu tại Nghĩa trang Hàng Dương, viếng thăm nhà tù Côn Đảo.

15/6 Tham gia Chương trình thấp sang ước mơ của học bổng Vũ A Dĩnh do bà Trương Mỹ Hoa - Nguyễn Phó Chủ tịch nước làm Chủ tịch. Tại Đài truyền hình Tp Hồ Chí Minh.

21 - 23/6 Kết hợp với T.W Hội Chữ Thập Đỏ cơ quan phía Nam khám bệnh phát thuốc phát quà cho đồng bào dân tộc tại Đắk Lắk.

6 - 7/7 Khám bệnh phát thuốc phát quà cho đồng bào và học sinh nghèo tại Tp Cà Mau trong chương trình hiến máu tình nguyện "Hành trình Đò" năm 2013.

19 - 21/7 Phối hợp với TW Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam cơ quan phía Nam, khám bệnh phát thuốc phát quà cho đồng bào dân tộc huyện Khánh Sơn - tỉnh Khánh Hòa.

Cứ trung bình mỗi tháng Chùa tổ chức khoảng 3 - 4 chuyến. Trong tháng đem niềm vui yêu thương đến khắp các vùng miền của đất nước, nhằm xoa dịu nỗi đau của người bất hạnh. Đó là làm theo lời dạy của Đức Phật từ bi trí tuệ, cứu khổ ban vui. Vì đạo Phật là đạo hòa bình, nên Đức Phật dạy: "Thắng vạn muôn binh không bằng thắng chính mình", thắng chính mình là một chiến công oanh liệt nhất.

Nên chúng tôi ước mong được sự quan tâm giúp sức của cộng đồng vì "Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao" mỗi người một ít góp lại. Để Chúng tôi có điều kiện phục vụ tốt hơn. Xin xin chân thành cảm ơn!

Kính chúc quý vị cùng toàn thể gia quyến thân tâm an lạc, vạn sự an lành, cát tường như ý.



Đc: chùa Huyền Trang 456/39 Huỳnh Tấn Phát, TT.Nhà Bè, Tp HCM.

ĐT: (08) 38739039 - 0918 666 239.

Email: thichtruyentuhuyentrang@gmail.com.

Wed: trungtamhuyentrang.com.

Chùa Đại Tòng Lâm

Phật giáo đã song song và phát triển với đất nước ta đã qua nhiều thế kỷ. Cùng trải qua bao nhiêu thăng trầm theo thời đại. Nhiều Tuệ Tĩnh đường đã, đang và sẽ mọc lên để góp phần xoa dịu nỗi đau thân xác cho các tầng lớp nhân dân và Tăng Ni, Phật tử. Tuệ Tĩnh đường tuy kịp thời chung tay cùng với từ thiện xã hội, tuy nhiên về các mặt kỹ thuật, tiện nghi vẫn còn thiếu thốn và chưa được hiện đại hóa trong thời đại công nghệ này.

Thiết nghĩ, một người con Phật phải tu sửa toàn diện cả thân lẫn tâm. Tấm thân được khỏe mạnh thì mới dễ dàng tiến tu Tam vô lậu học, đạt đến an vui giải thoát. Bên cạnh đó, lòng hiếu thuận với mẹ già và tình thương bao la của một tu sĩ đã thấm nuôi trong tâm Hòa thượng Thích Quảng Hiến một ước mơ, một nguyện ước lớn. Tâm nguyện đó thúc giục Hòa thượng, ngày đêm trăn trở và rồi nhân duyên hội đủ, Hòa thượng tiến hành lễ đặt đá xây dựng bệnh viện Phật giáo đa khoa Đại Tòng Lâm, trong màu huỳnh y rực rỡ của chư Tăng Ni và màu lam hiền hòa của số đông Phật tử.

Buổi lễ đã tiến hành vào ngày 22/12/2010 (17/11/Canh Dần) trong mùi hương trầm nghi ngút và với lời kinh, nhịp mõ trầm hùng tha thiết để cầu nguyện cho bệnh viện Phật giáo sớm được hoàn thành.

Đây là bệnh viện đầu tiên của Phật giáo Việt Nam, mang tầm cỡ hiện đại trong khu vực Đông Nam Á. Với dự án 4 ngàn tỉ đồng Việt Nam, được xây dựng trong khuôn viên quản lý của BQT. Đại Tòng Lâm với diện tích 7ha và 10 tầng lầu. Bệnh viện sẽ phục vụ 500 giường bệnh đa khoa với đầy đủ tiện nghi và trang thiết bị hiện đại. Đội ngũ y bác sĩ là 850 người, trong đó có 21 khoa khối điều trị ngoại trú, 14 khoa khối kỹ thuật nghiệp vụ.

Là một bệnh viện của Phật giáo nên tài sản bệnh viện được hoạt động dưới sự quản lý của BQT. Đại Tòng Lâm và một Ban giám đốc điều hành về chuyên môn.

Bệnh viện được xây dựng với 10 tầng lầu, khoảng 100-120 phòng bệnh, trong mỗi phòng bệnh có từ 4-5 giường, được trang bị đầy đủ âm thanh, ánh sáng, các tiện nghi và điều kiện chăm nuôi bệnh. Đặc biệt trong phòng tiếng niệm





Phật không dứt, đây là liều thuốc tinh thần tuyệt vời nhất. Hẳn có lẽ, bệnh nhân sẽ không bình thản trước bệnh tình của mình và nhiều nỗi lo sợ, ưu tư tìm đến; lúc đó nhờ tiếng niệm Phật để nương và trụ hồn mình vào đó thời sẽ có những phút giây an lạc hiện tiền. Hay những lúc hồi hộp trong lúc giải phẫu, Bác sĩ và bệnh nhân cùng một lòng niệm A Di Đà Phật lấy lại bình tĩnh, tự tin cũng như nhờ Phật A Di Đà tiếp thêm sức mạnh vào sự thành công của ca phẫu thuật.

Thời thời nghe niệm Phật và tự mình phát tâm niệm Phật cầu vãng sanh thì đường về cực lạc sẽ không xa, đó là trợ duyên cho Phật tử; còn với bệnh nhân không có đạo, niệm Phật sẽ giúp gieo nhân duyên với Phật pháp. Bên cạnh máy niệm Phật, bệnh viện cũng sẽ phát những bộ kinh, những bài thuyết giảng qua hệ thống âm thanh nhằm gieo nhân duyên tri ngộ với Phật pháp và giúp con người hiểu sâu hơn về chân lý của Phật giáo để xây dựng cuộc sống hạnh phúc, bình an khi xuất viện.

Bên cạnh cơ sở hạ tầng chính, bệnh viện còn có các cơ sở hạ tầng phụ. Bao gồm một căn-tin chay dành cho Tăng Ni và Phật tử trường trai hay những ai muốn ăn chay để góp phần đảm bảo sức khỏe và thay đổi khẩu vị. Tuy bệnh viện Phật giáo nhưng bệnh viện vẫn tôn trọng thói quen và khẩu phần ăn của mọi người đối với căn-tin mặn. Cũng như các dịch vụ khác.

Để sự tu hành của Tăng Ni Phật tử không gián đoạn, bệnh viện dành cho một khu Niệm Phật đường gồm hai lầu, lầu trên dành cho Tăng Ni, lầu dưới dành cho Phật tử. Thật là ấm cúng trong tinh đạo của những hàng đệ tử Phật với lời kinh, nhịp mõ, tiếng chuông cùng tiếng niệm Phật ngân dài để cầu nguyện cho quốc thái dân an. Rồi bệnh viện còn ưu tiên cho những bệnh nhân không còn cơ may sống thì có những phòng hộ niệm với Ban hộ niệm là Tăng Ni Phật

tử thuần thành đầy nhiệt tâm. Kế đó có Vãng Sanh Đường, đây sẽ là nơi tiếp dẫn và tổ chức đám tang cho những bệnh nhân lúc lâm chung; dưới sự hướng dẫn của Ban hộ niệm theo tinh thần Phật giáo của trường phái Tịnh độ tông.

Khi tuổi già sức yếu, cô đơn, chư Tăng Ni, Phật tử có thể tìm về khu an dưỡng để những giây phút cuối đời được thanh thoi, một hướng chuyên tâm niệm Phật cầu vãng sanh cực lạc. Khu an dưỡng này sẽ được xây bên cạnh bệnh viện.

Đời sống của CBCNV cũng được bệnh viện rất quan tâm. Bệnh viện cho xây dựng dãy phòng dành cho bác sĩ, mỗi người một phòng, tương đương với 1 căn hộ ở khu chung cư cao cấp, đầy đủ tiện nghi, điều kiện ăn ở, tiếp khách gia đình và người thân. Với y tá và nhân viên, mỗi người cũng có một phòng, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt cho những ai ở lại. Những vị nào sáng đi chiều về thì có xe đưa rước, có khu ở tập thể. Đặc biệt, CBCNV là Tăng Ni thì có một dãy nhà riêng, trong đó mỗi vị một phòng, trong mỗi phòng có bàn thờ Phật đảm bảo cho sự tu khóa riêng; với những ai muốn tụng kinh trong tha lực của đại chúng thì tới Niệm Phật đường. Tất cả CBCNV của bệnh viện sẽ được trả lương đầy đủ, về hưu bệnh viện cũng trích lương hưu cho CBCNV để đảm bảo ổn định cuộc sống.

Thời gian đầu hoạt động, bệnh viện sẽ miễn phí 100 giường bệnh cho Tăng Ni và những người không có khả năng chi trả, miễn phí hoàn toàn về thuốc men, phòng ở. Sau này tùy theo điều kiện, bệnh viện sẽ giảm kinh phí và miễn phí sẽ được tăng lên.

Bệnh viện Phật giáo chúng tôi hứa sẽ là một cánh tay đắc lực trong ngành Y tế Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Bệnh viện sẽ kịp thời đem niềm vui đến tất cả mọi người và góp phần ươm mầm tử bi trong mỗi con người.

Quý Phật tử muốn tạo công đức xin liên hệ với Hòa thượng Thích Quảng Hiến, Số phone: 0903337538

CHỦ TÀI KHOẢN: MAI VĂN HẬU (Hòa thượng Thích Quảng Hiến)

SỐ TÀI KHOẢN: 600621100004056 (VNĐ)

600620506959 (USD)

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
KHU CÔNG NGHIỆP TÂN THÀNH, BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

“Nhà thương” Linh Quang Tịnh Xá

Chỗ Dựa Cho Bệnh Nhân Nghèo



“Nhà thương” Linh Quang Tịnh Xá (quận 4, Tp.HCM) do Hòa thượng Thích Từ Giang làm trụ trì, thành lập trên 19 năm qua là chỗ dựa tinh thần không chỉ của người dân nghèo tại Tp.HCM mà cả các tỉnh khác như Vĩnh Long, Đồng Tháp, Bình Dương, Đồng Nai, Vũng Tàu...

Thời niên thiếu của Hòa thượng là những ngày cơ cực và Thầy đã chứng kiến biết bao cảnh tang thương, bệnh tật, loạn ly, thảm thiết do chiến tranh gây ra. Vì thế, tâm nguyện của Hòa thượng muốn cứu độ chúng sanh chữa bệnh về thân tâm. Do đó sau khi tốt nghiệp tú tài, Thầy tiếp tục học trường y với nhiều mong muốn phụng sự chúng sanh.

Hòa thượng tâm sự với mọi người: “Vào năm 1963, trong một lần đi thăm khám ở bệnh viện, tôi đã nhìn thấy những đau đớn của người bệnh có nguyên nhân sâu xa từ cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ, tôi đã xuất gia với mong muốn lấy tấm lòng, cầu phước cho mọi người được tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ, an lành hạnh phúc, sớm giác ngộ giải thoát”.

Chính vì tâm nguyện muốn cứu độ chúng sanh bằng việc chữa cho họ hết bệnh về thân, chữa lành bệnh về tâm. Hòa thượng thành lập “nhà thương”

ngay giữa Tịnh Xá để nhiều bệnh nhân nghèo mắc bệnh không có tiền chữa đến đây được cấp thuốc, khám bệnh và ăn cơm miễn phí... Đây là điểm dừng chân của bao người nghèo, bệnh tật, bất hạnh kể cả những người bị bệnh trầm cảm, tress, chán đời, mâu thuẫn gia đình... đều được Hòa thượng hóa giải. Sau đó họ sống có niềm tin, phụng sự cho Phật pháp ngày tốt hơn.

Trước đó, Hòa thượng đề xuất chính quyền quận 4 mở cơ sở nuôi dạy trẻ khuyết tật miễn phí. Từ một nhà trẻ cũ với sự đề xuất của Hòa thượng, mọi người đã chung tay chung sức đóng góp công sức sau vài ngày Trung tâm Giáo dục Trẻ Khuyết tật ra đời. Trung tâm Giáo dục trẻ Khuyết tật thành lập vào tháng 10/1989 với mô hình hoạt động bán trú từ 7 giờ đến 17 giờ cho hơn 90 em nhỏ. Các em được tập thể dục dưỡng sinh, ăn uống, học chữ, học nghề... Đây là những em đang mắc phải những bệnh khác nhau như Down, câm điếc, liệt chi, tâm thần... Nhờ tổ chức có bài bản và nhiệt tâm nên của quý Thầy, Trung tâm nên nhiều em câm điếc nhờ tập dưỡng sinh nhiều đã nói chuyện được.



Mặc dù, tuổi đã cao nhưng Hòa thượng vẫn đi khắp mọi miền đất nước, gieo hạt giống bồ đề, trải rộng tâm từ với bao người bất hạnh như xây cầu, phát quà, bánh, khám chữa bệnh cho đồng bào nghèo hay những vùng đất bị ảnh hưởng lũ lụt.

Tuy bận rộn với việc phục vụ chúng sanh nhưng Ngài vẫn không xao lãng công tác phụng sự đạo pháp, trang nghiêm Tam Bảo, đào tạo Tăng tài. Ngôi Tam Bảo Linh Quang Tịnh Xá tại xã Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo lối kiến trúc đương đại là nơi tổ chức nhiều khóa tu thiền, tu Bát Quan Trai, dạy giáo lý cho thanh thiếu niên góp phần duy trì, phát triển Phật pháp.

Tất cả những ước nguyện trong đời của Hòa thượng gần như đã hoàn mãn, giờ đây, tuổi cũng đã cao, ước nguyện cuối cuộc đời Ngài là các nhà hảo tâm, mạnh thường quân, Phật tử sẽ tiếp tục trợ duyên để Hòa thượng lập ra một Viện dưỡng lão, chăm sóc cho người già, người nghèo neo đơn, không nơi nương tựa.

» MINH HIẾN



Mọi sự đóng góp vui lòng liên hệ về Linh Quang Tịnh Xá, đường Nguyễn Khoái, quận 4, Tp.HCM.

ĐT: 08. 8253003 - 08. 8261248

Trụ trì - Hòa thượng Thích Từ Giang



Phút giây chạnh lòng...!

» DIỆU NGUYỄN

Một lần nữa, chúng tôi có dịp trở lại Mái ấm Thiện Duyên, chúng tôi thấy lòng ấm lại khi thấy các em tươi tắn hơn, khỏe mạnh hơn, và rạng rỡ hơn trước. Các em đưa chúng tôi vào thăm Má Trần Thị Cẩm Giang - người phụ nữ nhân hậu 74 tuổi được mọi người quen gọi với cái tên triu mến “Má Mười”. Má gầy hẳn đi sau 1 tháng nằm viện. Dù vẫn còn yếu nhưng Má vẫn xin được điều trị ngoại trú vì Má nhớ tụi nhỏ quá, ngày nào tụi nó cũng vào viện thăm Má. Nhìn những đứa trẻ hồn nhiên quấn quýt bên Má như chính con cháu ruột của Má, chúng tôi không khỏi xúc động trước tình người ấm áp nơi đây.

Chúng tôi đến khu sinh hoạt của các em khuyết tật với nhiều cung bậc cảm xúc như lần đến thăm đầu tiên. Căn phòng vẫn sạch sẽ, thoáng mát, nhìn các em nằm yên với những hơi thở thoi thóp mà nhói lòng. Các em nằm đó cười, nói vu vơ, ánh mắt ngơ ngác, một vài đôi mắt sáng lên khi được chúng tôi hỏi han, đỡ các em dậy để uống sữa. Có em tự cầm hộp sữa để uống nhưng vẫn nắm lấy tay chúng tôi đặt vào tay mình, như để cảm nhận hơi ấm của tình thương. Đa số các em ở đây bị bỏ rơi khi mới chào đời, mang trong mình nhiều bệnh tật như: thần kinh bất ổn, bại não, tật nguyền, di chứng chất độc màu da cam... nhiều em bé sau khi được ẵm bồng nựng nịu chợt òa khóc nức nở khi chúng tôi đặt các em trở lại giường.

Có lẽ niềm ai ủi lớn nhất của các em đó chính là tình thương của cá cô bảo mẫu, của Má và bao tấm lòng nhân ái gần xa.

Không khí trầm lắng hơn khi chúng tôi đến thăm khu sinh hoạt của các cụ già. Tuổi xế chiều như ngọn đèn trước gió với đủ thứ loại bệnh tật, vậy mà Má và các cô điều dưỡng vẫn hết lòng chăm sóc, chạy chữa thuốc men chu đáo cho các cụ. Có tận mắt chứng kiến thì chúng ta mới cảm thấu được một phần nào đó trong vô vàn nỗi vất vả, nhọc nhằn mà Má Mười và các cô đã hết lòng chăm chút, yêu thương cho những mảnh đời trắc trở éo le.

Rời Mái ấm Thiện Duyên, trong chúng tôi đọng lại nơi lòng những xúc cảm không sao tả hết, và đâu đó tiếng hát vọng về giữa trưa hè nơi xóm làng hoang vắng trên vùng đất thép Củ Chi:

*“...Con không mẹ thầy như đàn không dây
Mỗi đêm em đếm sao trời
Cầu Mẹ Thấy sống muôn đời
Tuy nhọc nhằn rau cháo mà vui”*

Một cảm giác lưu luyến, day dứt chúng tôi, thậm chí sẽ trở lại đây vào một ngày không xa. Cuộc sống này tuy còn nhiều vất vả nhưng vẫn đẹp lắm vì có những con người như Má Mười, những tấm lòng nhân ái.



Cơ sở Bảo Dưỡng & Hướng Nghiệp Trẻ Cô Nhi Khuyết Tật Thiện Duyên
ĐC: 73 Nguyễn Thị Nê - Ấp Phú Hòa Đông, Củ Chi, TP. HCM
ĐT: 08. 37974522 - Fax: 08. 35845055 - Email: thienduyencuchi@yahoo.com.vn

Đại Đức Thích Thiện Hòa

Với ý nguyện và hoài bão phục vụ chúng sanh là thiết thực cúng dường chư Phật



Chùa Thien Phuc được Hòa thượng Thích Thiện Thành khai sơn vào năm 1940, với chất liệu thô sơ thời Pháp thuộc. Mảnh đất này trước đây là bãi rác, Thầy Thiện Thành luôn dày công ngày đêm vun đắp thành ngôi chùa hoàn chỉnh nhằm tiếp Tăng Ni độ chúng và Phật tử tu hành. Đến năm 2005, Hòa Thượng viên tịch, Đại Đức Thích Thiện Hòa được Thành Hội Phật Giáo Tp.HCM bổ nhiệm về kế thừa nhiệm vụ trụ trì từ đó cho đến nay.

Lúc bấy giờ, ngôi chùa đã xuống cấp trầm trọng, thủy triều dâng lên ngập toàn bộ ngôi chùa, trời mưa lớn không còn chỗ sinh hoạt tâm linh cho Phật tử. Nhưng với sự động viên của Chư tôn Hòa thượng, Tăng Ni, Phật tử gần xa ủng hộ tịnh tài, tịnh vật và chùa được khởi công đại trùng tu ngày 25/02/2011. Đến nay, ngôi chùa đã hoàn thành ngôi giảng đường, vì kinh phí có hạn, nên Thầy trụ trì lấy giảng đường làm chánh điện tạm để có nơi tụng kinh và sinh hoạt Phật sự cho Phật tử. Nhìn ngôi chùa cột kèo còn xây dang dở, chúng con ngồi trò chuyện cùng Thầy thì được biết: “Chùa Thien Phuc đang được trùng tu từng bước, có kinh phí đến đâu Thầy làm đến đó, có những lúc chùa không còn kinh phí Thầy đành phải để công trình dở dang. Nay lại bắt tay tiếp tục trùng tu nhưng thời hạn hoàn thành thì không dự kiến được”.

Dù chùa đang trong giai đoạn trùng tu nhưng Đại Đức Thích Thiện Hòa luôn hướng về từ thiện “nuông cơm sẻ áo” cho những nơi có hoàn cảnh khó khăn với ý nguyện hoài bão: “Phục vụ chúng sanh tức cúng dường chư Phật”. Thấy đã cùng với Phật tử, các nhà hảo tâm cùng chung chí nguyện đã thực hành tâm từ bi cứu khổ đi đến mọi miền đất nước. Bình quân, mỗi năm, Thầy cùng với Phật tử và các mạnh thường quân của chùa tổ chức từ 7-8 chuyến từ thiện, tặng quà giúp người nghèo ở các tỉnh, vùng sâu, vùng xa với hàng ngàn phần quà trị giá hàng trăm triệu đồng.

Ngoài ra, chùa cũng đang thành lập một phòng thuốc từ thiện để phục vụ chúng sanh, phục vụ bà con nghèo tại địa phương. Tất cả những việc làm ấy đều xuất phát từ tấm lòng của một sứ giả Như Lai suốt đời tận tụy với hạnh nguyện ban vui cứu khổ không từ lao nhọc...trong công tác Phật sự, Đại Đức Thích Thiện Hòa hướng dẫn Phật tử tu tập theo giáo pháp Đức Như Lai, xây dựng đạo tràng niệm Phật, tổ chức khóa tu niệm Phật một ngày với hàng trăm Phật tử tham dự và ai cũng cảm nhận được sự hoan hỷ, an lạc trọn vẹn.

Trải qua bao năm tháng thăng trầm của lịch sử cũng như mưa nắng xói mòn của thời gian, đến nay Chùa Thien Phuc đã xuống cấp trầm trọng, không

còn an toàn cho việc sinh hoạt, tu học và tín ngưỡng của Tăng Ni và bà con Phật tử. Nay đánh lễ chư Phật chứng minh sự hoan tâm của các Doanh Nhân, các mạnh thường quân phát Bồ Đề Tam Bảo gieo hạnh làm công đức để ngôi Thien Phuc sớm được hoàn thành, là nơi sinh hoạt tâm linh hóa giải tất cả mọi nỗi phiền cho những ai đang gặp phải những nghịch cảnh trái lòng và lo toan trong trần thế, là nơi thức tỉnh cho những ai muốn quay về với Phật pháp, hướng về tu hành.

Với tâm nguyện và hoài bão trên, chúng tôi tha thiết kêu gọi sự đóng góp và ủng hộ của quý vị cho chương trình xây dựng ngôi Phật điện sớm được thành tựu viên mãn.

DIỆU NGUYỆN



Mọi sự trợ duyên, giúp đỡ xin vui lòng gặt
Đại đức Thích Thiện Hòa - Trụ trì Chùa Thien Phuc.
Địa chỉ: E6/167 Quốc lộ 50, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp.HCM. ĐT: 0918.24.24.21

Lặng lẽ giúp đời bằng cái tâm nhà Phật

➤ HỒNG HẠNH

“Sống trong đời sống...cần có một tấm lòng

Để làm gì? Em biết không?

Để gió cuốn đi...để gió cuốn đi”

Vâng, tính đến nay đã gần 60 năm gắn bó với cửa chùa. Suốt cuộc đời Thầy sống và cống hiến để làm tròn lời tâm nguyện trước cửa Phật, đó chính là sự chia sẻ với bớt khó khăn, vất vả cho những người nghèo, những người có mảnh đời kém may mắn. Với tấm lòng từ bi của người con Phật, mỗi khi nghe thấy hay bắt gặp những hoàn cảnh tai ương khốn khó, bệnh tật...thì Thầy sẵn sàng dang tay cứu giúp. Nghĩa cử cao đẹp ấy của Thượng tọa Thích Minh Quang-Trụ trì Tịnh xá Minh Quang tọa lạc tại số 1686/14/7 Tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân đã được các đơn vị tổ chức tại Tp.HCM và Trung ương trao tặng thấy nhiều bằng khen, kỷ niệm chương sống “tốt đời đẹp đạo”.

Đã rất nhiều bài báo viết về Thượng tọa, từ báo chí địa phương đến trung ương..., mỗi bài báo là những trang viết về nghĩa cử cao cả của Thầy ở nhiều hoàn cảnh, thời gian khác nhau. Tuy nhiên, tất cả đều muốn nhấn mạnh lòng từ bi bác ái trong con người Thầy trên suốt hành trình làm sứ giả Như Lai, tất cả đều xoay quanh việc Thượng tọa luôn lặng lẽ giúp đời, giúp người như: bố thí quan tài, mở phòng mạch từ thiện, tặng nhu yếu phẩm cho bà con nghèo, nuôi em bé bị bỏ rơi trước cổng chùa...Đôi chân của Thượng tọa đã rong ruổi trên khắp mọi miền của tổ quốc, thậm chí vết chân của Thượng tọa lại càng thân quen với bà con nghèo trên đất nước bạn như: Biển Hồ - Campuchia, Lào, vì với Thầy nơi nào cần thì Thầy luôn bố thí, giúp đỡ, dù có khác màu da chủng tộc, hay bất đồng ngôn ngữ, dù đường xá có xa xôi cách trở thượng tọa luôn tâm niệm giúp người nghèo, người bệnh tật, neo đơn.

Thượng tọa luôn nghĩ và sống cho người. Với bộ quần áo nhà tu đã quá cũ, thậm chí ống quần rách một đường dài, chùa lại xuống cấp trầm trọng, Thượng tọa vẫn hàng ngày tự trộn hồ xây cột làm kèo, lợp tole, lát gạch...cứ như vậy mà từng bước ngôi chùa dần dần có mái cong, có vườn Lâm Tỳ Ni. Từ một thửa đất đầy cỏ rác bỗng hóa thành một ngôi chùa giữa nơi xóm làng yên vắng bên dòng kênh Tân Tạo, nhằm giúp cho Phật tử có nơi tín ngưỡng tu hành.

Những nghĩa cử cao đẹp trong đạo, ngoài đời của Thượng Tọa cứ âm thầm lặng lẽ và cứ như một dòng thác chảy hoài không dứt. Đáng quý thay cuộc đời này còn có những bông hoa vẫn âm thầm tỏa hương khoe sắc.



Thượng tọa Thích Minh Quang với những công việc thường nhật tại chùa.



Chùa Liên Hoa

Nơi Thanh Tịnh và An Lành Của Đồng Bào Phật Tử

Nằm sâu hút trên con đường làng hoang vắng thuộc Ấp 2, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp.HCM. Chùa Liên Hoa nằm nép mình bên một dòng sông xanh mát, trước cổng chùa là một con đường làng vắng vẻ, thênh thang mới có người chạy xe qua lại, không gian bốn bề đều yên bình thanh tịnh. Tuy nhiên, điều chúng tôi cảm nhận giữa không gian trầm lắng đó chính là sức sống, là niềm tin Chánh pháp được vun bồi sâu đậm dù trải qua bao thăng trầm đổi thay của thời gian.

Với diện tích khuôn viên rộng cả ngàn mét vuông, chùa Liên Hoa với lối kiến trúc được mô phỏng theo kiểu chùa Nam Bộ xen lẫn với nhà vườn, vẫn tạo nên khung cảnh thanh tịnh và an lành của đồng bào Phật Tử quy về nương náu.

Qua buổi chuyện trò với Sư cô Trụ Trì Thích Nữ Bửu Nhựt, được biết: “Trước đây ngôi chùa xuống cấp rất trầm trọng, dột

nát, ngập nước... với vai trò sứ giả của Như Lai, Sư cô Thích nữ Bửu Nhựt không quản ngại khó, Sư cô nuôi dấm bán, tận dụng đất trong khuôn viên chùa để trồng rau ăn... từng bước Sư cô đã chỉnh trang xây dựng lại ngôi Tam Bảo, đồng thời tổ chức các thời khóa tu học cho hàng Phật tử gần xa. Tiếng chuông, tiếng mõ, sớm tối công phu... bên cạnh lo phụng sự Đạo Pháp, Sư cô còn hết lòng với các hoạt động từ thiện xã hội nhân đạo tại địa phương và ở những vùng sâu, vùng xa”.

Giờ đây, chùa Liên Hoa trở thành hình ảnh biểu trưng cho sự nương tựa tinh thần là chốn tâm linh để Phật Tử ngưỡng vọng, thờ phụng Đức Phật với bao ước mơ về chiến lược mở rộng các đạo tràng tu học và nhiều dự tính khác của vị Sư Cô giàu lòng nhiệt quyết và sự dẫn thân.

» HỒNG HẠNH



Sư cô Thích Nữ Bửu Nhựt bên chánh điện chùa.

Những trái tim “sống tốt đời - đẹp đạo”

Chú Trần Văn Hòa, cô Trần Ngọc Yến và gia đình (quận Tân Bình, Tp.HCM) luôn chia sẻ với cộng đồng bằng tình thương và cả tấm lòng “một miếng khi đói bằng một gói khi no”.

Trong lúc kinh tế thị trường lắm khó khăn, gia đình lại càng cố gắng lao động nhiều hơn để có điều kiện đến với nhiều hoàn cảnh lắm khó khăn như: Người mù, người nghèo neo đơn bệnh tật, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ...Chú Hòa trầm nghĩ: “Sống nên biết chia sẻ, cho nhiều hơn nhận bởi vì mình thật hạnh phúc còn vẹn toàn đủ sáu căn để lao động kiếm ra tiền nuôi gia đình”. Vì thế, chú là cán bộ công chức Nhà nước tuy thời gian khá eo hẹp nhưng những ngày nghỉ cuối tuần đều dành khoản thời gian cùng vợ và các con đi làm từ thiện.

Việc dẫn thân vào công tác từ thiện xã hội được gia đình chú Hòa và Cô Yến thực hiện gần 5 năm nay. Từ ngày gia đình có duyên lành gặp Hòa thượng Thích Thanh Ngọc, trụ trì chùa Khuông Việt (quận Tân Bình, Tp.HCM), tâm hoan hỷ cúng dường Tam Bảo, cùng chùa Khuông Việt đi từ thiện cho cộng đồng được trải rộng hơn. Các thành viên trong gia đình, bạn bè cùng tham gia.

Làm việc tại Công Ty TNHH Thiên Phúc (số 299/12, đường Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, Tp.HCM) chuyên kinh doanh ngành gạch men, cô cũng vận động các nhân viên tham gia từ thiện. Đó là những suy nghĩ và việc làm hay thể hiện tinh thần dân tộc của người Việt Nam “lá lành đùm lá rách” sống biết chia sẻ với mọi người; một đạo tâm của người Phật tử

Cũng như cả đời tu, Hòa thượng Thích Thanh Ngọc vẫn bố thí với lòng từ bi, không nghĩ tưởng, không mong đợi ai



nhớ đến mình mà Ngài vẫn hạnh thanh bản, trong sáng bởi tấm lòng, đức hạnh thanh cao, luôn luôn muốn cứu mình và độ tận chúng sanh thoát ra khỏi sáu nẻo luân hồi. Đạo tâm vững vàng ấy vẫn vững chãi và là hành trang để hàng hậu học nương theo mà hành trì.

Được tiếp cận và học những đức hạnh của thầy Thích Thanh Ngọc khả kính nên gia đình chú Hòa và cô Yến luôn cùng thầy Thích Thanh Ngọc đi từ thiện và vận động mọi người cùng làm để mọi người cùng được an vui, an lạc. Đó là niềm vui không mong cầu, không mục đích đáp đền và không vì danh lợi. Việc làm từ thiện này là một định hướng tốt đẹp “Ươm hạt giống từ tâm” trong tâm hồn hai cô con gái là Trần Ngọc Yến Như (7 tuổi) và Trần Ngọc Khánh Linh (5 tuổi).

» MINH HIỂN



Lễ Lạc Thành và Lễ giỗ Quốc Tổ Hùng Vương

Tỉnh Xá Liên Hoa hân hạnh được đón tiếp và tri ân Hòa Thượng Thích Giác Tường HƢCMTW. GHPGVN, HT. Thích Giác Toàn - Phó Chủ Tịch HƢTSTW. GHPGVN, HT. Thích Nhuận Thanh - HƢTSTW. GHPGVN, HT. Thích Minh Hùng TX Ngọc Sơn Dinh, HT. Thích Giác Thông Chùa Thắng Liên Hoa, HT. Thích Giác Thông - TX Ngọc Nhãn. Trong tỉnh có: Thượng Tọa Thích Huệ Thông, UVTT. HƢTSTW. GHPGVN. Trưởng Ban Trị Sự Phật Giáo tỉnh Bình Dương. HT. Thích Thiện Duyên, UVHƢTSTW. GHPGVN, Phó Ban Thường Trực Tỉnh Hội, HT. Thích Hồng Long, HT. Thích Thiện Tài, HT. Thích Nhuận Châu, HT. Thích Giác Nguyên, Thượng Tọa Thích Minh Nghĩa, Thượng tọa Thích Thiện Châu, TT. Thích Thiện Đạo. Ni trưởng TN Như Quy, NT TN Tập Liên, NS TN Diệu Thường, Chư Tôn Đức Tăng Ni trong tỉnh và ngoài tỉnh v.v...

Về phía đại diện Đảng Chính quyền Tỉnh có: Ông Thuận Phó Giám Đốc Sở Văn Hóa Du Lịch, ông Trần Đức Thịnh Phó Giám Đốc Sở Nội Vụ, Trưởng Ban Tôn Giáo, ông Nguyễn Minh Nghĩa phó Trưởng Ban Dân Vận, ông Cảnh chuyên viên PA.88, Bà Nguyễn Thị Liên - Chủ Tịch Hội Chữ Thập Đỏ. Về phía cấp huyện: Ông Huỳnh Thành Long Bí thư Huyện ủy, Ông Nguyễn Thành Phương - Chủ Tịch UBND, Ông Võ Tuấn Thành, Phó Chủ Tịch UB MTTQ, Bà Nguyễn Thị Sương - Chủ Tịch Hội Chữ Thập đỏ, ông Huỳnh Văn Thanh

Phòng CA Huyện, ông Nguyễn Văn Sam, Hội Chữ Thập đỏ v.v... Xã Bạch Đằng hiện diện có: Ông Nguyễn Thanh Âm Bí Thư, ông Nguyễn Văn Hoàng Chủ Tịch, ông Huỳnh Thành Chủ Tịch UBMTTQ v.v...

• Chư Tôn Đức và hàng ngàn Phật tử các Huyện thị trong tỉnh và ngoài tỉnh đồng về tham dự lễ Lạc Thành Tỉnh Xá Liên Hoa và ngày giỗ thường niên Quốc Tổ Hùng Vương nhằm ngày mùng 09 và 10 tháng 3 năm Quý Tỵ (18 và 19 năm 2013).

Đêm văn nghệ Đoàn Văn nghệ Tài tử xã Bạch Đằng biểu diễn cùng các em học sinh diễn xuất với chủ đề: “Cội nguồn Dân Tộc”, nói lên ý nghĩa dày công dựng nước của Quốc Tổ Hùng Vương, đấng Thánh Quân của con dân Hồng Lạc như nhắc nhở mọi người nên nhớ về nguồn cội, giữ gìn bảo vệ cội nguồn của chính mình, đừng vì một lý do nào ngoài khác mà quên đi sự khổ công nhọc sức, của cha ông đã hy sinh xương máu tài sản, công sức, tài lực vật lực, tâm lực, trí lực, xây dựng và bảo vệ quê cha đất tổ từ ngàn xưa nhần lại đến ngày hôm nay và mãi mãi về sau.

Và đi rước kiệu Quốc Tổ từ Tỉnh xá đến ngã ba đầu cầu Bạch Đằng trở về an vị, một điệu kỳ diệu khi đến ngã ba đầu cầu, có đoàn chim én và bồ câu bay lượn trên không trung xem rất đẹp mắt, như đón mừng Quốc Tổ Hùng Vương.

Đặc biệt là thả đèn hoa đăng dưới lòng sông Đồng Nai, tại ngã ba đầu



côn Bạch Đằng, soi sáng tiếp rước cho các hương linh anh hùng chiến sĩ liệt sĩ, đồng bào, trong thời kỳ chiến tranh tử nạn, thể xác bị chết chìm dưới đáy nước, nương đây được trở lại đất liền, đoàn tụ gia đình thân nhân.

Đồng thời đêm mùng 09 trình diễn văn nghệ kịch bản: Tác giả: Hòa Thượng Thiền Sư An Lạc Hạnh chuyển thể Giáo Sư Nguyễn Minh Nhựt, đạo diễn Đỗ Cao Danh. Đoàn tài tử Văn Nghệ cùng các em học sinh địa phương xã Bạch Đằng thực hiện: “Cội nguồn dân tộc”. Nội dung: Nhắc về Vua Kinh Dương Vương, và Lạc Long Quân, Mẹ Âu Cơ, nguyên thủy của Giống dân thời Hồng Bàng, khai sinh ra đất nước Việt Nam của chúng ta. Thêm trích đoạn cải lương Thái tử Sĩ Đạt Ta xuất gia hành đạo, do nghệ sĩ Đồng Nai trình diễn, lời ca cổ do nghệ sĩ Tuấn Anh TP.HCM, Vĩnh Cửu thực hiện, nhạc công Ưt Hoi, Trịnh Văn Hiến và các vị trong đoàn.

• Riêng Giác Sự nguyện đem thân tâm này phụng sự cho đạo pháp và dân tộc suốt cuộc đời, vì nghĩ rằng dù ban da xẻ thịt thành trăm mảnh cúng dường Quốc Tổ hồn thiêng sông núi, cũng không đến được ân sâu.

• Nguyên hồi hướng công đức phước báu của ngày Đại Lễ Lạc Thành và Đại Lễ Quốc Tổ Hùng Vương này, hướng về Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2557. Nguyên thế giới Hòa Bình, bá tánh vạn dân bốn biển năm châu đều an cư lạc nghiệp, tất cả đều vui sống trong ánh từ quang của mười phương ba đời Chư Phật.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát!



Tỉnh Xá Liên Hoa - Ấp 1, xã Bạch Đằng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Tâm từ của một vị Tu sĩ

Thấm nhuần lời dạy - phụng sự chúng sanh là thượng diệu cúng dường chư Phật, noi theo gương Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về cách sống tốt đạo đẹp đời, Thượng Toạ Thích Thiện Trang Viện chủ Chùa Quan Âm, Ủy viên Ban từ thiện Trung Ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ủy viên ban chấp hành Hội Chử Thập Đò Việt Nam, Phó ban từ thiện Phật giáo tỉnh Bình Dương, Phó ban hướng dẫn nam nữ Phật tử tỉnh Bình Dương...

Hơn 50 tuổi đời, qua 40 tuổi đạo, gần hết một đời chuyên tu, không chỉ lo cho Phật Pháp xương mình Đạo mầu tỏ rạng, xây dựng và phát triển Tam Bảo, ủng hộ xây dựng Chùa nơi nào Thấy có duyên biết đến, cúng dường đức chuông, trống bát nhã, cúng dường chư Tăng, Ni tu học. Mà cũng từng ấy năm Thấy còn luôn canh cánh trong lòng sao quá nhiều những mảnh đời bất hạnh, kém may mắn,.....

Thấy luôn trăn trở phải làm sao giúp đỡ chúng sanh được an vui thì Thấy mới tròn bổn phận với Đức Từ Phụ Bổn Sư, vì Thấy nghĩ rằng mình may mắn được gặp Minh Sư hướng dẫn đi đâu đi đúng con đường chánh pháp, nên thân tâm luôn được an lạc.

Vì thế, Thấy đã rất tích cực tham gia nhiều hoạt động từ thiện xã hội tại địa phương và khắp các tỉnh thành, ủng hộ quỹ từ thiện Trung Ương. Ngoài những chuyến đi từ thiện giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong lúc khẩn cấp như: Thực hiện những chuyến cứu trợ bão lụt nhanh nhất ngay sau cơn bão đến, Thấy còn kết hợp những đoàn từ thiện và đoàn y bác sĩ tình nguyện để khám và chữa bệnh miễn phí cho người nghèo; giúp trẻ em nghèo hiếu học tại các tỉnh vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số; tặng xe đạp cho học sinh nghèo học giỏi, tặng quà cho nạn nhân chất độc màu da cam, tham gia trong việc xây nhà tình thương, tình nghĩa tại địa phương và các tỉnh miền núi, cao nguyên nơi có nhiều bà con nghèo, xây cầu nông



thôn, đỡ đầu cho sinh viên nghèo, Thấy cũng quan tâm đến việc hỗ trợ vốn làm ăn để người nghèo có cơ hội khá lên nhờ sức lao động của chính mình.

Hằng năm, vào các dịp lễ lớn như Đại lễ Phật Đản, Đại lễ Vu Lan, Tết nguyên đán, Thấy đều tổ chức phát quà cho bà con nghèo, người già, tàn tật, hội người mù. Ngày tựu trường Thấy cấp sách vở, học bổng cho học sinh nghèo vượt khó học giỏi, mỗi năm trung thu Thấy phát 1000 phần quà bánh trung thu lồng đèn cho trẻ em tại Chùa.

Lo người sống, Thấy còn kết hợp với Hội Chử Thập Đò tỉnh Bình Dương, huyện Bến Cát giúp đỡ những trường hợp an táng cho người nghèo, cô đơn xa xứ.

Đã hơn 10 năm, Thấy tổ chức nấu cháo tình thương ở BVĐK huyện Tân Uyên, hơn 6 năm Thấy tổ chức bếp ăn tình thương ở BVĐK huyện Bến Cát.

Nếu ai có hỏi: “Thưa Thấy mỗi năm Thấy làm từ thiện bao nhiêu?” Thấy chỉ biết nở nụ cười hiền hòa vốn có và nói rằng: Thấy cũng không biết hết, vì hễ có hoàn cảnh, hay thiên tai, đối tượng, tổ chức nào cần thì Thấy sẵn sàng giúp đỡ mà không tính toán, cân phân, và điều hoan hỷ nhất là có rất nhiều Phật tử, mạnh thường quân luôn ủng hộ và đóng góp với Thấy trên con đường hoàng pháp lợi sanh.

Bằng những hành động thiết thực, Thấy đã thấp sáng biết bao niềm tin và ước mơ.

Thấy được Trung ương Chử Thập Đò Việt Nam tặng huy chương, nhiều bằng khen giấy khen, được Nhà nước tôn vinh Tấm lòng vàng. Trong tháng 05-2013 Thấy được ban tuyên giáo Trung ương trao bằng khen thưởng Nhân tố mới thời đại Hồ Chí Minh, chương trình học tập và Làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tại nhà hát lớn Hà Nội.

Thấy luôn tâm niệm sẽ thực hành tốt đời, đẹp đạo để làm đúng với câu nói Phụng sự chúng sanh là thượng diệu cúng dường Chư Phật.

Ôi cao quý thay tấm lòng của Vị Sứ giả Như Lai.

Chúng con kính nguyện cầu Thấy mãi mãi an lành trong ánh hào quang của mười phương Chư Phật.

Nam mô hoan hỷ tạng Bồ Tát, Ma Ha Tát.

» HỒNG NGỌC

VIÊN GIÁC THIÊN TỰ

Rực rỡ dưới ánh hào quang Đức Phật
trong ngày Đại lễ Phật Đản

» MINH THANH



Với ước nguyện “Thiết lập đạo tràng, hoàng pháp hóa lợi sanh” mà trong suốt 15 năm qua, Đại đức Thích Giác Hiếu đã dày công xây dựng Viên Giác Thiên Tự (xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) từ một thiền thất nhỏ trở thành một đại già lam, nơi đồng đức Phật tử về tu tập và tham dự các kỳ lễ lớn như Đại lễ Phật Đản.

Viên Giác Thiên Tự - Chốn an dưỡng tâm linh lý tưởng:

Dù mới tạo dựng từ năm 1996 nhưng kiến trúc Viên Giác Thiên Tự mang vẻ cổ kính theo phong cách những ngôi thiền tự thời Lý- Trần. Quý vị sẽ khám phá nét hài hòa kết hợp giữa vẻ đẹp thiên tạo và nhân tạo. Chùa nằm dưới bóng những tán dương cao vút, cạnh bờ sông Buông gần Khu Du Lịch Thác Giang Điền, quý vị đắm chìm trong không khí bình yên của hoa cỏ và chiêm bái những tôn tượng Phật nghiêm tịnh.

Thu hút đông đức Phật tử tham dự Đại lễ Phật Đản:

Việc tổ chức lễ hội chỉ có ý nghĩa tăng thêm giá trị tinh thần hoặc như là một cơ hội để con người mang một ý nghĩa truyền đấng rất lớn. Pháp hội đã thắp sáng những ngọn đèn mà theo truyền thống của Phật giáo đó là ánh sáng của trí tuệ, là tuệ giác không giới hạn.

Phật tử từ phương xa khắp mọi miền đất nước, kể cả nước ngoài về tham dự Phật Đản cùng quý Thầy và trang trí thêm hình ảnh, cờ, hoa...Ngôi chùa vốn đẹp nay càng đẹp hơn với bàn tay và trí tuệ của Phật tử, cùng với lòng nhiệt tâm độ chúng sanh của chư Tăng.

Mong muốn của Đại đức Thích Giác Hiếu là ngôi chùa mãi chốn an dưỡng tâm linh và điểm đến để mọi người hưởng vẻ chân thiện mỹ, giúp mọi người bỏ cái ta, hòa nhã quý mến nhau trong tình đồng đạo và quan trọng nhất là phải sống chân thật, chung lo cho Đạo Pháp.



Địa chỉ liên hệ Đại đức Thích Giác Hiếu, Trụ trì Viên Giác Thiên Tự, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 061.8604.158 - 061.2686.837 - 061.2686.827 - 061.2218.956

Website: www.viengiacthientu.com.vn

LỢI ÍCH CỦA LIỀU XÔNG HƠI NGOÀI TRỜI VÀ GHẾ XÔNG HƠI

» TÂM MINH

Kính thưa quý Chư Tăng, Phật tử và bạn đọc gần xa, trong số báo vừa qua, Ban Biên tập Tạp chí Phật giáo và Doanh nhân đã giới thiệu vai trò giá trị liệu xông hơi không chỉ góp phần chữa bệnh thân mà còn nâng cao chất lượng tu tập qua bài viết “Tâm nguyện muốn cứu độ chúng sanh, góp phần chữa bệnh thân tâm” tác giả Tâm Minh. Đó là tâm nguyện của cư sĩ Nguyễn Văn Tú (Giám đốc Công ty TNHH AMM Thiên Tạo) muốn hỗ trợ giúp quý vị nâng cao sức khỏe, giảm bớt chi phí do bệnh tật gây ra. Chú lấy thân mình ra trải nghiệm phương pháp này thấy hiệu quả và chính giá trị đích thực của liệu xông hơi giúp chú đạt giải cao trong Hội thi sáng tạo Khoa học Kỹ Thuật tỉnh Đồng Nai. Và chính tâm nguyện phụng sự chúng sanh là thiết thực cúng dường Chư Phật đã được quý Tăng Ni ở các tự, viện, giới doanh nhân, công nhân, học sinh...v.v...trải nghiệm có hiệu quả. Và chú Tú đã không ngừng cải tiến ra nhiều cách thức chữa trị gắn liền khoa học và tâm linh để mỗi chúng ta đều là bác sĩ của chính mình qua phương pháp liệu xông hơi đặt ở ngoài trời và sử dụng ghế xông hơi tại nhà mà chú vừa mới cải tiến, sáng kiến thêm.

1. Phương pháp xông hơi ngoài trời (như trong hình minh họa tại chùa Phước Viên):

Phương pháp này, quý vị ngồi trong lều như ngồi thiền và có những bài tập thể dục để tăng cường sự dẻo dai trước khi vào trong lều. Mục đích xông hơi ngoài trời giúp tiết kiệm điện lại không tốn thuốc mà chính yếu sử dụng năng lượng mặt trời để tăng cường sức khỏe và các chất độc dễ bài tiết và thải ra ngoài qua lỗ chân lông. Mặt khác làm cho các tế bào trong cơ thể khỏe mạnh, xương được cứng cáp. Vì vậy cho nên đối với các bệnh thông thường như cảm sốt, đau nhức mình sẽ giảm và những bệnh nặng khác như bệnh phụ khoa, đường ruột, suy nhược cơ thể hay

ung thư...sẽ có những chuyển biến tích cực, bệnh giảm dần do sự tịnh tâm của quý vị khi ngồi thiền hoặc nhiếp tâm niệm Phật trong lều.

2. Phương pháp sử dụng ghế xông hơi:

Đây là cải tiến mới để giúp cho quý vị tự làm bác sĩ chính mình, giúp chữa bệnh hoặc tự chăm sóc sức khỏe tại nhà an toàn và hiệu quả.

- Chuẩn bị dụng cụ để xông: Ghế đẩu, nồi cơm hoặc nồi lẩu điện, áo bạt phủ ngoài, nón trùm đầu.

Cách sử dụng:

- Đặt ghế cân bằng trên nền nơi vị trí kín đáo, hạn chế tiếp xúc với gió.

- Bỏ thuốc vào nồi nấu cho sôi (các loại thân, lá cây có tinh dầu - ví dụ: Lá chanh, xả, bồ bồ, hương nhu, ổi, khế, tre...v.v.có được thuốc xông của người dân tộc Dao Đỏ thì quý nhất).

- Ngồi lên ghế

- Choàng áo bạt vào người và đội nón.

Lưu ý: Để nâng cao chất lượng khi xông hơi dù ngồi trong lều ngoài trời, trong nhà hay trên ghế quý vị phải thực hiện 5 bước cơ bản:

1. Tập 8 động tác thể dục trước khi xông để làm giãn gân cốt và lưu thông khí huyết.

2. Uống 1 ly nước ấm (nóng) để tăng nhiệt độ trong nội tạng và kích thích mồ hôi ra nhanh.

3. Tinh tâm Thiền và xông hơi cùng lúc

4. Nằm ủ 20 phút với lần xông đầu và tăng thời gian dần lên với những lần xông sau.

5. Kết thúc xông và nằm ủ, uống thêm 1 ly nước ấm để bù lại lượng nước bị tiêu hao

Đặc biệt, chú Nguyễn Văn Tú (Giám đốc Công ty TNHH AMM Thiên Tạo) sẵn sàng tư vấn và tạo điều kiện cho các bệnh nhân xông hơi và ăn uống, nghỉ ngơi miễn phí theo số nhà 197/34A, đường Lưu Văn Việt, khu phố 1, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai. ĐT: 0166.782.9993 - 0613.940.860 Website: thienxonghoi.vn



THÔNG BẠCH

Trùng Tu Tổ Đình Pháp Viện Minh Đăng Quang

Kính bạch Chư Tôn đức Tăng Ni,
Kính thưa quý Nam nữ Phật tử,

Ngày xưa, Đức Phật thị hiện vào đời, xuất gia giải thoát, chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoàng pháp độ sanh, thị nhập Niết Bàn, tịnh xá Kỳ Viên, tịnh xá Trúc Lâm...là những đạo tràng Tam Bảo lưu lại dấu ấn muôn thuở trong đời. Sau đó, 33 vị Tổ sư Thiên tông Ân-Hoa nối tiếp dòng thiền Chánh pháp, chu du hoằng hóa làm cho ánh đạo vàng Chư Phật lan tỏa khắp quốc độ mười phương.

Trên dưới 2.000 năm qua, vùng đất tổ tiên thiêng liêng Việt Nam đã thọ hưởng ân đức của Chư Phật. Giáo pháp chẳng những được truyền bá mà ngày thêm tươi sáng. Các dòng thiền: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường...rời dòng thiền “Trúc Lâm Yên Tử” hợp nhất tinh nhất quán của Đạo Phật Việt làm cho Phật pháp quang huy, hưng thịnh, Tổ ấn trùng quang, từng địa dựng xuất; hàng ngàn vạn ngôi chùa Việt lần lượt nổi lên, hương thơm đạo đức bát ngát bầu trời thân yêu quê mẹ.

Đến thập niên 20 (1923), Tổ sư Minh Đăng Quang sinh trưởng vào đời. Năm 1944, hiện tượng đạo sư. Mười năm sau, hơn 20 ngôi tịnh xá, đạo tràng, hàng trăm Tăng Ni xuất gia tu học và hàng chục vạn tín đồ quy ngưỡng tín tâm.

Đầu năm Giáp Ngọ (1954), mùng 1 tháng 2...Tổ sư Hội nhập, đi vào cõi tịnh ẩn mặc thiên thu....đến nay (2009) tròn 55 năm. Hàng trưởng tử Tăng Ni, nối chí Tổ sư vân du hóa đạo, lập các giáo đoàn Tăng Ni làm cho tươi mát dòng thiền Chánh pháp:

Một cảnh mà nở trăm hoa
Bóng y bát đẹp quê ta tự rày
Chơn truyền Khất sĩ là đây
Bóng xưa với lại hình này đậm không.

Đến hậu bán thập niên sáu mươi (1968), HT. Pháp sư Giác Nhiên, một trong Thập đại đệ tử của Tổ sư, Tổng Trì sự Trường GHTGKSVN và Chư Tăng Ni Giáo đoàn 4 (nay là Hệ phái Khất sĩ) đã phát Đại Bồ đề tâm tạo dựng ngôi “Pháp Viện Đăng Quang” tọa lạc tại số 505, Xa lộ Hà Nội, phường An Phú, quận 2, Tp.HCM để làm Trung tâm hoằng pháp của Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam thời hiện đại.



Nhân duyên Phật pháp hội tụ, được sự đồng thuận cho phép của GHPGVN, Ban Trị sự Thành hội PG và UBND TP.HCM, lễ đặt đá Đại Trùng tu được tổ chức trang nghiêm trọng thể vào mùa Đại lễ Phật Đản PL.2550 (2006). Với sự quang lâm chứng minh và tham dự của hàng ngàn vị Tôn đức lãnh đạo các cấp Giáo hội, giáo phẩm hệ phái, đại chúng Tăng Ni và nam nữ Phật tử gần xa

Một lần nữa pháp duyên tươi nụ, sau ngày tưởng niệm 55 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng (30 tháng Giêng, mùng 1 tháng 2 ÂL, Kỷ Sửu); ngày mùng 4 tháng 2 ÂL năm 2009, lễ khởi công xây dựng Tổ đình Pháp viện Minh Đăng Quang được mười phương Chư Phật, chư vị lịch Đại Tổ sư tiền hiền quang giáng chứng minh; chư Thiên long thần hộ pháp hộ trì...thông qua Giấy phép xây dựng số 239/GPXD ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Nay Ban Tổ chức Đại trùng tu có thông bạch này xin thông báo đến toàn thể Chư tôn đức Giáo phẩm, đại chúng Tăng Ni và Phật tử gần xa...liễu tri, tùy hỷ công đức hộ trì để Phật sự đại trùng tu được sớm hoàn thành, đến ơn chư Phật, phụng thờ Tam Bảo.

Tùy hỷ Công đức hùn phước Phật sự Đại Trùng tu tại Pháp Viện Minh Đăng Quang, số 505, Xa lộ Hà Nội, phường An Phú, quận 2, Tp.HCM. ĐT: (08).37444205-35231025. HT. Giác Lai, trụ trì (38875568), TT.Minh Hóa, thư ký (22106288)-0913.710268. TK: 0331003804619 VND tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát Tác Đại Chứng Minh!

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
CHÙA QUAN ÂM

Trụ trì: Thượng tọa Thích Thiện Trang
ĐC: KP. Tân Mỹ, TT. Thái Hoà, H. Tân Uyên, T. Bình Dương
ĐT: (0650) 350 4452 - ĐD: 0913 950 909
Email: thichthientrang@gmail.com

Nhân dịp Đại lễ Phật đản PL 2557 (DL 2013),
Kính chúc Chư tôn đức giáo phẩm Tăng Ni và Phật tử
Thiền tâm, thương lạc - Vạn sự Diệt trừ, vô ý



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
CHÙA QUẢNG ĐỨC



- Kính Mừng Phật Đản - PL2557
- Kính chúc chư tôn giáo phẩm chư tôn thiền đức Tăng Ni;
- Quý cơ quan, đoàn thể, chính quyền các cấp;
- Quý ân nhân và Phật tử

An lạc - Thịnh Vượng

Trụ trì: Thượng tọa Thích Thiện Tâm
ĐC: Số B6, Lã Xuân Oai, P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP.HCM
Email: thientam1955@yahoo.com.vn

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
CHÙA LONG THẠNH

ĐC: 1C Khu phố 4, Phường Thạnh Xuân, Quận 12 - ĐT: (08) 3712 4056



Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản (PL 2557)

Kính chúc Chư Tôn Đức Tăng Ni
Các cấp Chính Quyền, quý Doanh Nhân, Nam Nữ gần xa
Vạn sự hanh thông, sở cầu như nguyện!

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

CHÙA PHÁP HOA

ĐC: Số 67/7 Đặng Nhữ Lâm, T5, Khu phố 6, Thị trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè, Tp.HCM



Thượng tọa Thích Huệ Thành bên chánh điện chùa



Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản (PL 2557)

Kính chúc Chư Tôn Đức Giáo Phẩm Tăng Ni và Phật tử
Thân tâm thường lạc - Vạn sự kiết tường như ý



Phương danh quý Phật tử, thiện tín ấn tống Phật Giáo và Doanh Nhân chuyên đề Phật Đản 2013

STT	Họ Và Tên	Công Ty	Tĩnh Tài
1	Bà Lê Mỹ Ngọc	Công ty Kim Cương Kim Lý	6.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Huệ	Công ty Bao Bì Kim Hà	2.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Hiến	Công ty Phân Bón Thiên Phú Nông	1.000.000
4	Bà Ngọc Thị Yến	Công ty Ý Ngọc Design	1.000.000
5	Bà Hoàng Lệ Chi	Công ty Phúc Kim Long	1.000.000
6	Bà Trần Thị Xuân	Công ty Kim Cương Xuân	1.000.000
7	Bà Nguyễn Thị Huệ	Công ty Nhôm Kim Hằng	3.000.000
8	Bà Nguyễn Thị Kim Hương	Công ty CP Kiểm Nghĩa	2.000.000
9	Bà Ngô Thị Nhiên	Công ty Mắt Kính An Trần	2.000.000
10	Bà Trần Ngọc Lan	DNTN Yến Sào Ngọc Lan	1.000.000
11	Ông Thái Vũ Hoà	Công ty BĐS Phước Lộc Thành	1.000.000

*Đức Hạnh
Hương các loại hoa thơm
Không thể bay ngược gió
Hương của người Đức Hạnh
Ngược gió bay muôn phương*



Bia 4